NĂM THỨ MƯỜI BẢY • # 194 • JUNE 2005

THẾ KỶ 21

14775 MORAN STREET WESTMINSTER CA 92683 -USA
EMAIL: theky21@mail.nguoi-viet.com
ĐIỆN THOẠI TRỊ SỰ: (714) 657-8051
TOÀ SOẠN: (714) 839-8746

Đại Hội Điện Ảnh Việt Nam Quốc Tế Năm 2005 (Lần II)

Cảnh từ phim Mùa Len Trâu

SAIGON CITY
MARKETPLACE

SAIGON CITY MARKETPLACE

首都超級市場

15471 Brookhurst St.,Westminster, CA 92683

Tel: 714.531.9800 ▪ Fax: 714.531.9700

LÚC NÀO CŨNG CÓ NHIỀU MẶT HÀNG SALE ĐỂ PHỤC VỤ QUÝ KHÁCH

NHIỀU QUÀ TẶNG

MUA NHIỀU TẶNG NHIỀU
THỊT, CÁ, RAU TƯƠI NGON
ĐỦ LOẠI HÀNG KHÔ.
HÀNG TUYỂN, GIÁ RẺ.
PHỤC VỤ CHU ĐÁO
CHỖ ĐẬU XE RỘNG RÃI

MỞ CỬA TỪ 7 GIỜ SÁNG ĐẾN 11 GIỜ KHUYA MỖI NGÀY

BAN GIÁM ĐỐC

SAIGON CITY MARKETPLACE

首都超級市場

TRÂN TRỌNG KÍNH MỜI

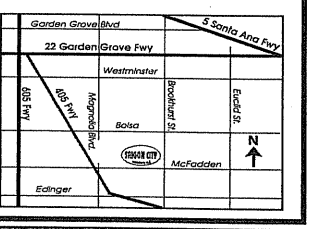

Nhà sách TỰ LỰC hân hạnh giới thiệu:

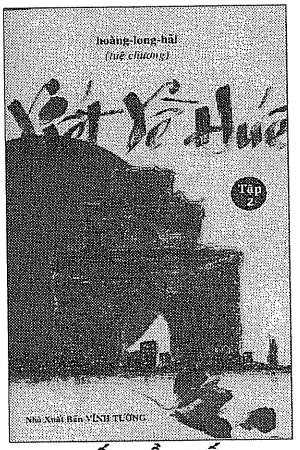

VIẾT VỀ HUẾ
HOÀNG LONG HẢI (Tuệ Chương)
Một quyển sách tập họp những bài viết về Huế, thuộc nhiều thể loại khác nhau: tùy bút, truyện ngắn, phê bình văn học, lại có cả hai bài dịch tác phẩm của một tác giả nước ngoài. Văn viết rất tự nhiên, thiết tha, đọc thấy gần gũi với thực tế. Các bài viết vừa mang tính cách biên khảo, kết hợp với tâm tình, phần trích dẫn tài liệu rất phong phú. Đây là những bài viết mà thế hệ trẻ của Việt Nam đang cần. Giá 15 Mỹ kim.

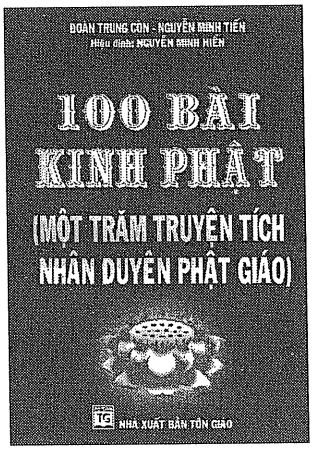

100 BÀI KINH PHẬT
ĐOÀN TRUNG CÒN, NGUYỄN MINH TIẾN
Cuốn sách này, nguyên bản tiếng Phạn, nằm trong Đại Tạng Kinh, đã được dịch ra nhiều thứ tiếng như Tây Tạng, Pali, Hán, Pháp... Bản tiếng Việt đầu tiên do cư sĩ Đoàn Trung Còn dịch từ bản tiếng Pháp "Avanada-Cataka ou Cent légendes bouddhiques" do Léon Feer chuyển ngữ. Thời gian gần đây, một số học giả so sánh bản dịch này với bản chữ Hán và hiệu đính lại nhiều chỗ trong sách của Đoàn Trung Còn, làm ra quyển sách này.
Giá 22 Mỹ kim.

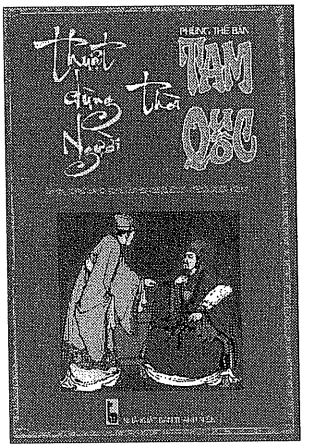

THUẬT DÙNG NGƯỜI THỜI TRUNG QUỐC
PHÙNG THẾ BẢN. Người dịch: PHONG ĐẢO
Người Trung Hoa rất quý trọng những kinh nghiệm lịch sử của thời đại Tam Quốc. Tác giả Phùng Thế Bản là một học giả nghiên cứu về nghệ thuật dùng người của thời đại này, đã khai thác sử liệu một cách chuyên môn và có hệ thống, và đúc kết kinh nghiệm dùng người của các lãnh tụ chính trị thời Tam Quốc như Tào Tháo, Khổng Minh, Lưu Bị, Tôn Quyền, tạo thành những bài học cho cả thời đại ngày nay. Giá 14 Mỹ kim.

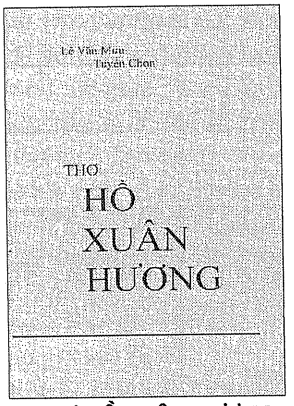

THƠ HỒ XUÂN HƯƠNG
LÊ VĂN MƯU tuyển chọn
Hồ Xuân Hương là một nữ sĩ độc đáo của thi ca Việt Nam, thơ bà được truyền tụng đời này qua đời khác trong dân gian. Nhiều người trong chúng ta có nhu cầu có một tuyển tập thơ của bà để tra cứu hoặc giở ra thưởng thức khi cần, vì truyền tụng chỉ là truyền miệng, khi cần không biết tìm đâu. Tập này ngoài các bài thơ của bà được tập họp lại, còn có một bài biên khảo nhỏ về bà, và cũng có phần trình bày về cuốn Lưu Hương Ký, một tác phẩm của bà được tìm thấy trong thế kỷ 20. Giá 10 Mỹ kim.

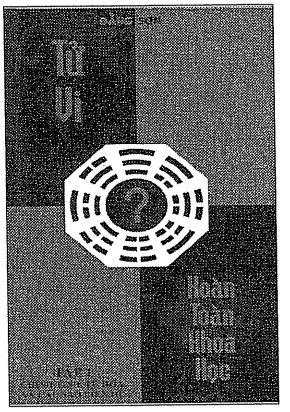

TỬ VI HOÀN TOÀN KHOA HỌC
ĐẶNG SƠN
Tác giả là một nhà khoa học, ông đã đậu Tiến sĩ Hóa học năm 1981 tại Đại học Minnesota. Thế nhưng từ năm 15 tuổi khi còn ở Việt Nam ông đã say mê môn Tử Vi. Duyên may run rủi từ năm 1995 ông sang làm việc tại Đài Loan được coi là thánh địa của khoa Tử Vi trong thời đại ngày nay, và ông đã học được nhiều điều mới lạ. Với căn bản khoa học sẵn có, ông tin đã tìm ra chìa khóa của khoa Tử Vi, để viết nên bộ sách này, và còn nhiều bộ khác nữa. Giá 15 Mỹ kim.

Bình giải sấm ký
TRẠNG TRÌNH NGUYỄN BỈNH KHIÊM
KIỀU NGUYÊN TÁ
Trạng Trình Nguyễn Bỉnh Khiêm là một nhân vật lịch sử đặc biệt của Việt Nam, suốt năm thế kỷ qua ông nổi tiếng là một nhà tiên tri, và trong thời của mình, ông đã đưa ra lời khuyên nổi tiếng "Hoành sơn nhất đái vạn đại dung thân" để sau đó Nguyễn Hoàng đi khai phá mở rộng bờ cõi nước ta về phía Nam. Tập sách này gồm những câu chuyện, thân thế và giai thoại của Trạng Trình Nguyễn Bỉnh Khiêm. Giá 15 Mỹ kim.

Nơi tập trung tất cả những loại sách cần có trong tủ sách gia đình của bạn: Văn, Thơ, Nhạc, Chính trị, Kinh tế, Xã hội, Tôn giáo, nghiên cứu phê bình Văn học, Lịch sử, Y học, Khoa học Kỹ thuật... cùng nhiều thể loại khác.

Nhà sách TỰ LỰC, 14318 Brookhurst St.
Garden Grove CA 92843 - USA. Tel: (714) 531-5290
E-mail: BuyBooks@TuLuc.com * www.tuluc.com

Tạp chí THẾ KỶ 21

14775 Moran Street, Westminster, CA 92683 - USA
Tel: (714) 657-8051
Email:Theky21@mail.nguoi-viet.com

PHIẾU ĐẶT MUA / GIA HẠN / TẶNG BÁO

SUBSCRIPTION FORM

Họ và tên người nhận / Full name: _____

Địa chỉ / Address: _____

_____

Phone / Fax / E-mail: _____

Kèm theo chi, ngân phiếu số / Check, Money Order #: _____

Số tiền / Amount: _____

Thời hạn mua: Từ số _____ đến số _____

	1 năm / 1 year	2 năm / 2 years	Ghi chú / Notes
Media Mail (Book)	**US $50.00**	**US $90.00**	
Hạng nhất / First Class	**US $64.00**	**US $120.00**	
Canada	**US $68.00**	**US $130.00**	
Châu Âu / Europe (Air Mail)	**US $88.00**	**US $170.00**	
Châu Á, Châu Úc / Asia, Australia (Air Mail)	**US $98.00**	**US $185.00**	

***Ghi chú:** Giá mới có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2005 (Effective January 1, 2005)*

Tìm đọc

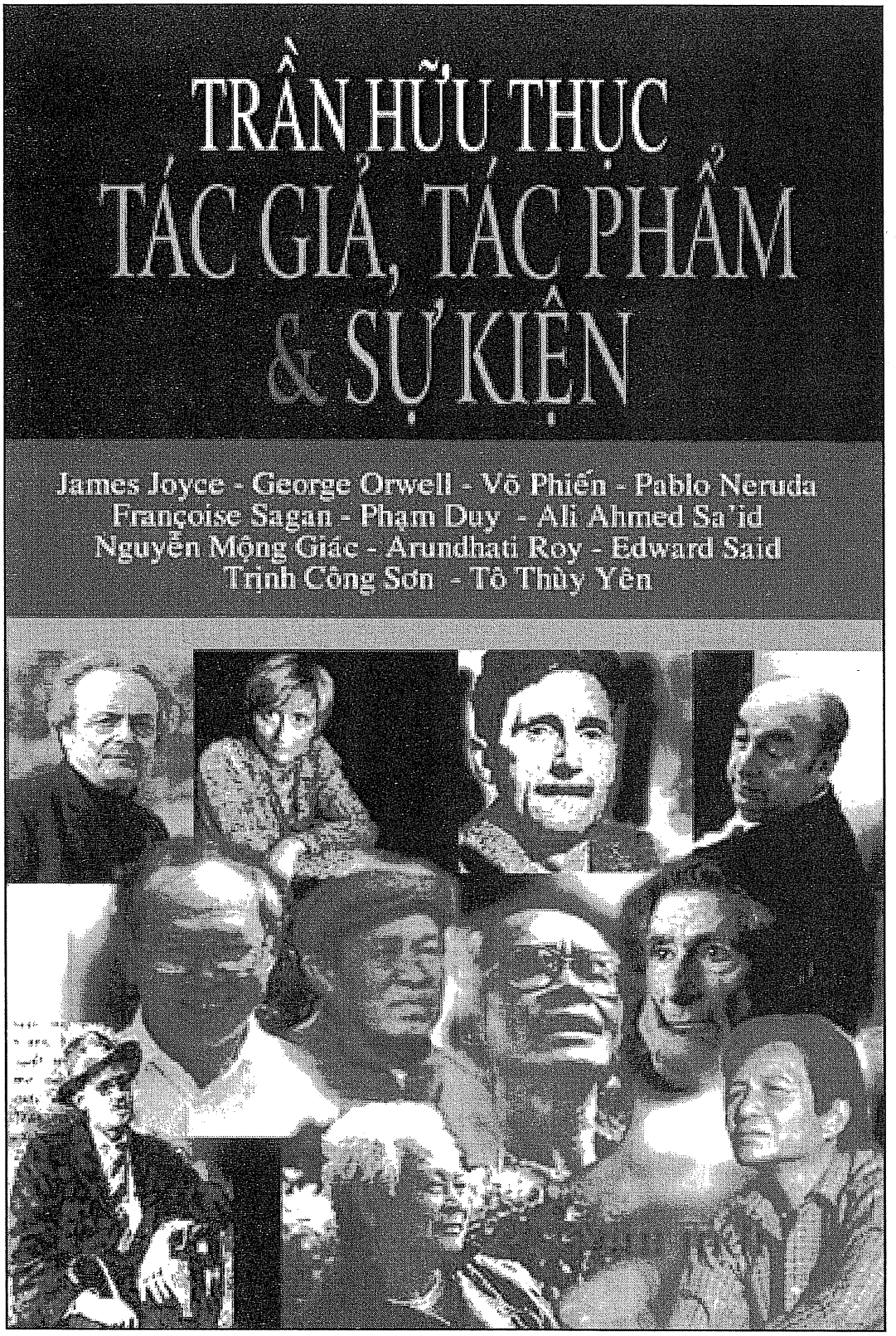

Nhà xuất bản Văn Mới - P.O. Box 287 Gardena, CA 90248
Tel: (714) 366-6867 * Kimanquan@yahoo.com

TẠP CHÍ
THẾ KỶ 21
CHÍNH TRỊ • VĂN HỌC • LỊCH SỬ

Tạp chí ra hàng tháng
Cty Người Việt sáng lập (1989)
Hội VAALA bảo trợ

14771 Moran Street
Westminster, CA 92683 USA
Tel: Tòa Soạn: (714) 839-8746
Trị sự: (714) 657-8051
E-mail: **theky21@mail.nguoi-viet.com**

Hội Đồng Quản Trị:
Đỗ Quý Toàn, Đỗ Ngọc Yến,
Đỗ Việt Anh, Hoàng Ngọc Tuệ,
Phạm Phú Minh, Phan Huy Đạt
Phạm Phú Thiện Giao,
Trần Văn Ngô.

Chủ nhiệm:
Đỗ Ngọc Yến (1989-91)
Lê Đình Điểu (1991-96)
Phạm Phú Minh (1997-2001)
Hoàng Ngọc Tuệ (2001-2004)
Đỗ Việt Anh (2005-)

Chủ bút:
Vương Hữu Bột (1989-2001)
Phạm Phú Minh (2001-)

Bài cho Thế Kỷ 21, xin gửi bằng e-mail, bằng đĩa (có kèm bản in), hoặc bài viết trên một mặt giấy. Bài gửi cho nhiều báo xin ghi rõ để tòa soạn tùy nghi giải quyết. Bài không đăng, không trả lại bản thảo. Tòa soạn nhuận sắc, nếu cần. Bài đăng trên Thế Kỷ 21 không nhất thiết phản ảnh quan điểm của nhóm Chủ trương. Trích đăng bài của Thế Kỷ 21 phải có sự đồng ý của tòa soạn, và ghi rõ ở đầu hoặc cuối bài: Trích Thế Kỷ 21.

Trị sự:
Phan Mỹ Sương
(714) 891-8142
Ngân phiếu đề: THE KY 21

Đại diện phát hành:
Bắc Cali: *Bùi Duy Thuyết*
(408) 225-2199
Đông HK: *Nguyễn Văn Khanh*
(703) 489-7839
Pháp: *Lê Tất Luyện:* 01 45 83 19 12
Ph. Thu Hương: 01 39 84 00 84
Hòa Lan: *Nguyễn Quyết Thắng*
0229 231 666
Đức: *Nguyễn Phi Hùng*
02371 43 9238
Canada: *Hoàng Chiều Nhân*
(450) 466-0895

ISSN 1056-4640

BAN BIÊN TẬP
Bùi Bích Hà, Hoàng Chiều Nhân, Hoàng Khởi Phong, Lan Hương, Ngô Nhân Dụng, Nguyễn Ái Nhân, Nguyễn Chí Kham, Nguyễn Đức Tường, Nguyễn Hùng Vũ, Phạm Phú Minh, Thanh Thảo, Trần Doãn Nho, Trần Mộng Tú, Trần Ngọc Tuấn, Trần Quán Niệm.

Bìa: Hình ảnh nước nổi trong phim **Mùa Len Trâu**
Trình bày bìa: **Nguyễn Đồng** và **Nguyễn Thị Hợp**
Minh họa: **Nguyễn Thị Hợp, Thái Tuấn, Vũ Thái Hòa, Đinh Cường**
Hí họa: **Babui**
Kỹ thuật: **Võ Thành Điểm**
Ảnh: Tư liệu, **Ban Tổ chức Đại Hội Điện Ảnh Việt Nam Quốc Tế**

MỤC LỤC

Số 194 – Tháng Sáu 2005

THỜI SỰ – CHÍNH TRỊ – KINH TẾ
7. Trận đấu "Filibuster" tại Thượng viện và thử thách của nền tư pháp Mỹ – **Ngô Nhân Dụng**
13. George F. Kennan, chiến tranh lạnh và Việt Nam – **Cổ Lũy**
18. Một nền ngoại giao lúng túng – **Từ Trì**

ĐẠI HỘI ĐIỆN ẢNH VIỆT NAM QUỐC TẾ
21. Đại Hội Điện Ảnh Việt Nam Quốc Tế – **Lê Đình Y-Sa**
27. "Mùa Len Trâu" của Nguyễn Võ Nghiêm Minh - **Cát Nguyên**
30. Long Nguyễn, đôi mắt cửa sổ tâm hồn – **Vũ Quí Hạo Nhiên**
32. Nhìn lại một hành trình đau thương... - **Y-Sa**
37. Văn học và Điện ảnh: Từ Chùa Đàn đến Mê Thảo – **Đặng Tiến**
44. "Journey from the Fall"/"Vượt Sóng" tại Quận Cam – **Kế Quang**

LỊCH SỬ – VĂN HÓA
67. Không có ai "rước voi về giày mồ" cả... – **Tôn Thất Thiện**
80. Những ngộ nhận về học thuyết Marx – **Nguyễn Hoài Vân**
87. Chữ nặng – **Lê Minh Hà**
99. Vượt qua, vượt qua bờ kia – **Lê Anh Dũng**
106. Từ điển Văn học – **Đặng Tiến**

VĂN
75. Chén rượu bên mồ – **Xuân Đỗ**
89. Khu vườn riêng của mỗi người – **Lê Tất Điều**
102. Quê mẹ – **Tôn Nữ Thu Nga**
110. Một mảnh đời – **Hòa Đa**
118. Mật mã gia đình – **Jan Kraus, Nguyễn Ái Nhân** dịch

THƠ
78. Trời đêm sau cơn mưa – **Lê Đình Nhất Lang**. 88. Cùng tôi đi dạo – **Nguyễn Thị Kim**. 91. Lá hoa – **Chu Vương Miện**. 95. Làn khói, Mồi và bóng, Mỹ thuật – **Lưu Văn Vịnh**. 100. Vinh qui – **Nguyễn Đức Hòa**. 104. Tình ca du tử – **Hoàng Huy Khánh**. 115. Lục bát tháng Tư – **Lưu Hy Lạc**.

MỤC THƯỜNG LỆ
6. Bạn đọc viết
7. Thư trị sự
46. Sổ tay – **Ngô Nhân Dụng**
53. Đời sống quanh ta – **Trần Quán Niệm, Từ Nguyên, Lê Mạnh Hùng**
60. Trang chuyện phiếm – **Song Thao**

Về "chấm dứt sự sống"

Đọc bức thư bàn về việc "chấm dứt sự sống" trong mục Bạn Đọc Viết số báo tháng Năm vừa rồi tôi thấy hoang mang. Chuyện chết và sống từ hồi nào tới giờ ai cũng cho là chuyện ngoài tầm tay của người, là chuyện của trời. Sinh ra là số, chết đi cũng do số. "Số ông ấy thọ quá nhỉ" hoặc "Bà ấy vẫn số quá!" người ta vẫn nghe những câu như vậy hằng ngày. Đời người như là một chương trình đã được thảo sẵn trong máy computer, cứ thế mà chạy cho đến hết thì thôi.

Tôi cũng cảm nhận chuyện sinh tử ở đời là một cái gì bí nhiệm, là do số, là do Chúa định, Trời đặt. Nhưng dần dần với sự tiến bộ của Y khoa thì cũng khó biết đâu là ranh giới giữa trời và người, vì thế tôi đâm hoang mang. Nhưng ngẫm lại thì người lúc nào mà chẳng muốn cưỡng số trời, từ thời hồng hoang đã mày mò tìm ra thực phẩm ngày một dồi dào hơn để sống còn, những lá cây, đất đá... để tự chữa bệnh cho mình, để đẩy lùi thần chết... Vậy thì "số trời" nằm ở đâu? Chắc tự hỏi mãi thì cũng đành phải trả lời rằng nó nằm trong bàn tay con người, với tư cách là giống có trí khôn và tạo được sự tiến bộ, khác với muôn loài khác. Ví dụ cách đây một ngàn năm tuổi thọ trung bình của con người là 40 tuổi, đến bây giờ là 80 tuổi, nếu nói đó là ý trời thì chính ông trời dời đổi con số đó hay sao? Hay là đó là kết quả của sự tiến bộ của con người?

Nhưng nói chung, sống với tín ngưỡng thì cứ sống với tín ngưỡng, còn những phúc lợi của tiến bộ thì cứ hưởng. Cái nào cũng nằm trong nhu cầu của con người cả, miễn là cái này đừng gây trở ngại cho cái kia thì thôi!

Trần Văn Tí *(Oklahoma)*

Hẹn nhau trong Khai Trí

Ôi những buổi chiều đi bát phố Sài Gòn, *nhắc chi ngày xưa đó, đến se buồn lòng ta!* Thú thật trong ký ức của một người tuổi ngoài 60 như tôi, hình ảnh những buổi bát phố Sài Gòn còn đọng lại như một cái gì vui tươi thích thú nhất trong đời. Sao viết về ông Khai Trí mà tác giả lại gợi giấc mơ xưa làm chi, làm ruột gan của tôi bồi hồi nhớ ngày xưa quá, lớn tuổi rồi xúc động nhiều không tốt, nhưng tôi vẫn say sưa với những đoạn đường ngang dọc của "downtown Sàigòn" mà tác giả đã vẽ ra rất chính xác trong bài. Bát phố Sài Gòn là kỷ niệm thú vị nhất, trong đó cô đọng nào là tuổi trẻ, nào là tình yêu, nào là cuộc sống vui và an lành. Ôi lại còn ông Nguyễn Tường Thiết trong bức thư mục Bạn Đọc Viết số tháng Năm vừa rồi lại đi guốc vào bụng tôi, cái chuyện hẹn đào trong hiệu sách Khai Trí đó mà, bà lão nhà tôi đọc đoạn đó bỗng tái mặt: "Chết cha! Vậy hồi đó ông Khai Trí 'thấy' tụi mình hết trơn hả anh?!" làm tôi vừa cảm động vừa tức cười. Ừ thì hồi đó tụi mình hẹn nhau tại nhà sách Khai Trí, cả rừng người chắc ăn quá mà, đứng cạnh nhau vờ xem sách nhưng tim đứa nào cũng đánh đùng đùng như trống làng đâu có thấy sách vở gì, lâu lâu tìm cách chạm tay nhau một cái trên kệ sách là trái tim như muốn nhảy ra ngoài. Người đông như kiến có ai để ý đến ai, một cái chạm tay, dù gây ra cả một vụ nổ bom nguyên tử trong lòng tôi với bà, nhưng giữa cái cõi nhân gian vô tình vô tâm ấy trong tiệm sách thì nào có ăn thua gì, nào ngờ vẫn có một cái ca-mê-ra kín đáo thu hình, là cặp mắt ông Khai Trí! Cái ông "quỷ" thiệt!

Dù sao thì chúng tôi cũng cám ơn bài vở thư từ của quý ông, gợi lại tâm tình xưa một cách sôi nổi chân thành như thế thật không dễ gì. Bản thân tôi với vợ tôi cũng hầu như quên, chẳng bao giờ nhắc tới chuyện đi phố Sài Gòn ngày ấy cả, nay bỗng mọi chuyện sống dậy hết trơn, mấy ông nhà văn nhà báo quả thiệt là...

Võ Văn Toàn - và vợ
(Santa Ana)

Hiến pháp 1946

Bài "Giá trị pháp lý và tính chính thống của Hiến pháp hiện nay" của Luật sư Nguyễn Xuân Phước trong số báo 193 tháng Năm, 2005 đã đưa ra một ý lạ và rất tích cực. Ông trình bày cơ sở pháp lý của Hiến pháp năm 1946, Hiến pháp đầu tiên của Việt Nam sau khi thoát khỏi ách đô hộ tám mươi năm của thực dân Pháp, như là một căn bản để nước Việt Nam có thể "trở về" sau khi đi lạc quá lâu và quá dài vào cái mê lộ cộng sản, và riêng người Việt tị nạn cũng có thể cùng "trở về" dựa trên văn kiện căn bản ấy. Trên từng bước dân chủ hóa cho Việt Nam, Hiến pháp 1946 có thể đóng vai trò mẫu số chung cho mọi người Việt Nam, bên nào cũng có thể chấp nhận nó mà không cảm thấy bị mất mặt, nhất là bên phía cộng sản, vì họ đã khởi đi từ căn bản ấy. Càng ngày càng dấn sâu vào việc thực hiện chủ nghĩa cộng sản đã khiến cộng sản VN phải mấy lần sửa đổi Hiến pháp để việc áp dụng chủ nghĩa ấy được thuận chiều, nhưng càng làm việc ấy thì lại càng xa cái bước căn bản lúc đầu là Hiến pháp 1946, càng xa dân chủ, càng độc tài đảng trị, và do đó, đất nước càng tụt hậu. Ai cũng thấy giải pháp duy nhất cho một Việt Nam tiến bộ ngày nay là từ bỏ chính thể độc tài cộng sản. Đối với một chính quyền đang cai trị mà bắt họ từ bỏ chính mình thì

không ai người ta đồng ý. Nhưng nếu yêu cầu họ trở lui về bước khởi đầu trong sáng của chính họ thì có thể được. Đó chính là điểm tích cực của Hiến pháp 1946 vậy.

Manh Hung (Internet)

Người vẽ thơ Hồ Xuân Hương

Trong bài "Hồ Xuân Hương và Đoạn Trường Tân Thanh" của tác giả Trần Ngọc Ninh đăng trên Thế Kỷ 21 số 193, tháng Năm 2005, tôi thấy có hai bức minh họa rất là độc đáo, có thể nói là những bức họa vẽ thơ Hồ Xuân Hương. Kể ra cái hồn thơ thì khó vẽ ra được, nhưng nếu bài thơ nói về một sự vật cụ thể, như bánh trôi nước, cái khung cửi dệt vải... thì hoàn toàn có thể tái hiện bằng hội họa. Vấn đề khó là bức minh họa phải diễn tả cho được cái không khí thời đại khi bài thơ được sáng tác.

Rõ ràng bức vẽ ở trang 33 là cảm hứng từ bài thơ Bánh Trôi Nước của Hồ Xuân Hương: những cái bánh "vừa trắng lại vừa tròn" để trên dĩa, và người phụ nữ rất khả ái trong bộ y phục cổ truyền đang làm cái việc "rắn nát mặc dù tay kẻ nặn." Cảnh của bức tranh là một hiên nhà ở thôn quê, nhìn ra có giàn bầu bí, có lu nước, một khung cảnh yên ắn, thanh bình, người phụ nữ đang ngồi thong thả làm bánh trôi nước như đang ở trong một niềm hạnh phúc thanh thản.

Bức thứ hai ở trang 35 dĩ nhiên bắt nguồn từ bài thơ Dệt Vải:

Thắp ngọn đèn lên thấy trắng phau

Con cò mấp máy suốt canh thâu

...

Quả nhiên trên khung cửi ta thấy một tấm vải trắng phau, trên cái chõng tre bên cạnh có một ngọn đèn, ngoài cửa sổ là khung trời đêm với một mặt trăng tròn... Nhưng "con cò" đâu? Cái khung cửi mà tác giả vẽ không có con cò (có nơi kêu là con ác) mà lẽ ra phải có, là một dụng cụ đẽo theo hình một con chim đặt phía bên trên khung cửi để làm nhiệm vụ một cái trục ngẩng lên gục xuống được để vận hành những sợi chỉ theo chiều dọc của khung cửi trong thao tác dệt. Cái khung cửi vẽ trong hình có lẽ đã được giản lược, nên không theo đúng sự mô tả của Hồ Xuân Hương. Thêm một điểm nữa là cây đèn, trong tranh vẽ một cây đèn "hoa kỳ" khá tân tiến mãi đến tiền bán thế kỷ 20 mới được du nhập vào nước ta, trong khi nếu tả cảnh dệt vải đêm của thời Hồ Xuân Hương thì đèn chỉ là một dĩa dầu có đặt một sợi bấc. (*Vầng trăng khuyết, đĩa dầu hao* – Kiều).

Nhưng cả hai bức tranh đều rất đẹp, nét bút tinh vi điêu luyện, diễn tả các công việc của phụ nữ thời xưa một cách thật thanh thoát. Chủ đề chính là bánh trôi và dệt vải, nhưng tất cả đều tập trung vào hình ảnh người phụ nữ đang làm các việc đó. Đó là những phụ nữ rất đẹp, thanh nhã trong bộ y phục xưa, làm việc trong khung cảnh đơn sơ và thanh bình. Vẽ một bài thơ như thế thì thật là tuyệt, rất thơ.

Nhưng khổ nỗi đây là thơ Hồ Xuân Hương, luôn luôn phải hiểu hai ý, và phải hiểu hai ý thì mới là Hồ Xuân Hương. Dĩ nhiên họa sĩ không thể hiện nổi cái ý thứ nhì, mà nữ sĩ cũng đã nói huych toẹt ra: *thân em vừa trắng lại vừa tròn* với lại *thắp ngọn đèn lên thấy trắng phau, con cò mấp máy*... Muốn thể hiện ý đó thì phải vẽ phụ nữ khỏa thân, với lại gì gì nữa, làm sao có thể như thế được? Mà thực ra ý thứ hai là để hiểu ngầm, đi theo với ý chính thứ nhất, thú vị là ở chỗ đó, nếu mà đem thực hiện cụ thể thì còn gì là tính chất "ngầm" của nó nữa. Mà không còn ngầm thì tất cả ý vị lại mất đi!

Cho nên cứ vẽ những người phụ nữ thật đẹp như thế là đủ, còn ai muốn hiểu gì thêm thì cứ tha hồ mà... tưởng tượng.

Nguyễn Trạch (Australia)

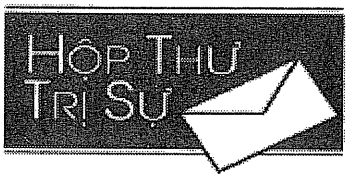

Độc Giả Gia Hạn

Tina&David Doan – CA; Hoàng Hương Cúc – CA; Phan Đức Lợi – France; Darebin Library – Australia, Hương Trần – MA; Nguyễn An- CA; Lưu Hữu Phúc – TX; Nguyễn Tăng Cát – France; Nguyễn Công Thanh – OR; Nguyễn Thùy Vân – CA; Bửu Đoàn – CA; Đinh Hoàng Anh – CA; Ngô Da Hùng – CA; Phạm Công Hiến – CA; Phan Thuong V – CA; Nguyễn Thu Giao – CA; Nguyễn Xuân Phước – TX; Ngô Thanh Tùng – VA; Vũ Gia Ân – VA; Nguyễn Xuân Dũng – WA; Đàm Trung Pháp – TX; Vo Nguyen – WA; Phan Dinh Cong – OR; Trương Minh Cường – CA; Vu T Nghia – CA; Lê Chí Toại – CT; Thanh Truong Van – CA; Lê Thanh Phong – CA; Nguyễn Đức Ban – CA; Trần Đức Ái – CA; Vũ Trọng Tiến – CA; Phạm Quốc Phú – OK; Vu T Giao – IA; Lộc Vũ – CA; SBS Radio Melbourne – Australia; Westminster Br Libr – CA; Nguyễn Ngọc Anh – CA; Thúy Armstrong – Belgium; Triệu Ngọc Quách - VA

Độc Giả Mới

Đinh Cường – VA; Hoàng Duy Khánh – MA; Thuận Đức Ninh – CA; Bửu Sao - FL

Độc Giả Thay Đổi Địa Chỉ

Hương Trần – MA; Trần Lai Biên – CA; Lê Duy Chánh - CA

Trận đấu "filibuster" tại Thượng Viện
VÀ THỬ THÁCH CỦA NGÀNH TƯ PHÁP MỸ

NGÔ NHÂN DỤNG

Trong tháng Năm 2005 Thượng viện Mỹ suýt lâm vào cơn khủng hoảng, vì cái gọi là thủ tục "filibuster." Đảng Cộng Hòa muốn bãi bỏ thủ tục này, đảng Dân Chủ chống lại. Nhưng thực ra họ không cãi nhau về vấn đề thủ tục thảo luận và biểu quyết. Đằng sau cuộc tranh cãi đó là một vài cái ghế trong Tối Cao Pháp Viện sắp trống, Tổng thống George W. Bush sẽ đề nghị những người thay thế. Ông Bush sẽ có dịp làm cán cân trong Tối Cao Pháp Viện nghiêng về khuynh hướng bảo thủ, đó là điều mà đảng Dân Chủ muốn ngăn cản.

"filibuster" LÀ CÁI GÌ

trận đấu bắt đầu với việc phê chuẩn 2 ứng viên có thành tích rất bảo thủ được ông Bush đề nghị bổ làm thẩm phán các tòa án phúc thẩm, nhưng bị các nghị sĩ Dân Chủ ngăn cản từ 4 năm qua. Thông thường tổng thống đề cử một danh sách của những ứng viên, sau đó được gửi lên Thượng Viện và viện này giao cho Ủy Ban Tư Pháp để cứu xét. Nếu người đề cử được đa số thành viên của ủy ban tán thành thì sẽ được đưa ra trước Thượng Viện bỏ phiếu.

Tuy rằng những người được đề cử chỉ cần nhận được đa số đơn giản (51 phiếu của Thượng Viện gồm 100 nghị sĩ) để được phê chuẩn, nhưng các nghị sĩ chống đối có thể "filibuster" đề câu giờ và kéo dài cuộc tranh luận. Khi đó Thượng Viện phải bỏ phiếu để chấm dứt cuộc tranh luận. Từ năm 1975, cần phải có ít nhất 60 nghị sĩ bỏ phiếu chấp thuận thì mới có thể chấm dứt một cuộc tranh luận ở Thượng viện. Hiện phe Cộng Hòa chiếm 55 ghế trong Thượng Viện. Vì vậy, trừ phi đảng của Tổng Thống Bush có thể thuyết phục thêm 5 nghị sĩ Dân Chủ bỏ phiếu chấm dứt cuộc tranh luận, vụ bổ nhiệm coi như thất bại vì không được đem ra bỏ phiếu.

Trong 4 năm qua, các thẩm phán được tổng thống đề cử vào những tòa án khu vực (district court) trong hệ thống tư pháp liên bang đã không bị ngăn cản. Trong hơn 4 năm qua Tổng thống Bush đề nghị 218 thẩm phán và có 208 người đã được Thượng viện thông qua, tỷ số 95 phần trăm cao hơn cả ba vị tổng thống tiền nhiệm. Xung đột nằm trong cấp cao hơn, ở cấp phúc thẩm (appeal court). Tổng Thống Bush đã đề cử 57 thẩm phán cho các Tòa Phúc Thẩm Hoa Kỳ. Trong số này 5 người chưa bao giờ được Ủy Ban Tư Pháp mời điều trần. Trong số 52 người còn lại, 42 người đã được qua, 10 người bị các nghị sĩ Dân Chủ dùng thủ tục "filibuster" để ngăn cản trong 4 năm trước. Trong số 10 người đã có 3 người rút tên ra, nhưng 7 người kia đã được tổng thống đưa ra lại, vì nhiệm kỳ này phe Cộng Hòa đã có thêm 5 nghị sĩ mới. Các nghị sĩ Dân Chủ cho rằng bẩy người này không những thuộc thành phần bảo thủ mà còn có những quan điểm cực đoan về những vấn đề như quyền phá thai, sự bảo vệ dành cho giới công nhân và bảo vệ môi sinh. Phe Dân Chủ lo ngại rằng ngành tư pháp liên bang sẽ bị chế ngự bởi những người bảo thủ và họ sẵn sàng vô hiệu hóa những luật lệ mà họ không đồng ý, đảo ngược các phán quyết của tòa dưới liên quan tới những quyền này.

"Chữ 'filibuster' (phát xuất từ một từ ngữ của Hòa Lan dùng để gọi một loại hải tặc) đã trở thành phổ biến trong thập niên 1850, khi nó được áp dụng để gây trì hoãn những cuộc tranh luận. Vào thời Quốc Hội Mỹ mới thành lập, các dân biểu và nghị sĩ đều có quyền nói không dứt. Nhưng khi Hạ Viện gia tăng số dân biểu, họ đã bãi bỏ thủ tục đó. Lúc đó muốn chấm dứt một cuộc thảo luận ở Thượng viện thì phải được tất cả các nghị sĩ đồng ý. Quyền tranh luận vô giới hạn tại Thượng Viện bắt đầu phải thay đổi từ năm 1917, theo đề nghị của Tổng Thống Woodrow Wilson, Thượng Viện thông qua một qui luật (Qui Luật 22) cho phép chấm dứt một cuộc tranh luận nếu hai phần

ba nghị sĩ tán thành.

"Qui luật mới của Thượng Viện được đem ra thử thách trong năm 1919 khi viện này muốn chấm dứt một vụ 'filibuster' của những người chống 'Hòa Ước Versailles.' Hòa ước không bao giờ được phê chuẩn vì không đủ đa số hai phần ba nghị sĩ tán thành chấm dứt tranh luận. Sau đó filibuster vẫn tiếp tục là một phương tiện hữu hiệu để ngăn cản những dự luật, phần lớn là vì ở Thượng Viện khó kiếm được đa số hai phần ba. Trong thập niên 1930, Nghị Sĩ Huey P. Long của tiểu bang Louisiana đã thành công khi ông dùng thủ tục filibuster để ngăn cản những dự luật mà ông nói rằng thiên vị cho giới nhà giầu. Ông đã gây cản trở bằng cách đọc cho các quan sát viên nghe những vở kịch của Shakespeare và dậy họ cách nấu những món ăn ngon..." Năm 1975, Thượng Viện đã giảm đa số cần thiết từ 2 phần 3 nghị sĩ (67) xuống còn 3 phần 5 nghị sĩ (60). Một nghị sĩ đã chiếm kỷ lục filibuster là ông Strom Thurmond, South Carolina, ông đã nói suốt 24 giờ 19 phút trong cố gắng ngăn cản không cho Thượng viện bỏ phiếu một đạo luật về dân quyền, vào ngày 29 tháng Tám năm 1957. Ông Thurmond chủ trương không công nhận quyền bình đẳng của người Mỹ da đen (ông mới qua đời hai năm gần đây và ông có một người con riêng lai da đen vẫn được ông săn sóc tử tế.) Sau cùng thì Thượng viện Mỹ vẫn biểu quyết đạo luật Dân quyền năm đó, và những đạo luật kế tiếp. Nhưng mỗi khi một đảng trong Thượng viện dọa rằng họ sẽ dùng thủ tục "filibuster" về một vấn đề nào đó thì các người lãnh đạo Thượng viện biết là không nên đem vấn đề ra thảo luận. Tất nhiên, họ chỉ dọa dùng "filibuster" khi biết rằng nếu đem ra bỏ phiếu họ sẽ thua vì không đủ 51 phiếu để chống. Nhưng chỉ cần 41 phiếu là một nhóm nghị sĩ có thể dọa dùng thủ tục này rồi.

Đề nghị "hạch tâm"

Nghị sĩ Frist, chủ tịch phe đa số Cộng Hòa tại Thượng viện muốn chấm dứt quyền filibuster trong những vụ thảo luận về bổ nhiệm các thẩm phán liên bang. Tuy đề tài chỉ là một thủ tục bỏ phiếu và thảo luận của Thượng viện, nhưng cuộc tranh luận có ý nghĩa sâu xa hơn nhiều. Vì tự căn bản chế độ dân chủ thực ra chỉ bao gồm những thể thức quyết định của tập thể. Các thủ tục quyết định chung đó được mọi người thỏa thuận để bảo vệ các lý tưởng như quyền tự do, bình đẳng giữa mọi công dân. Những chế độ lớn tiếng hô hào lý tưởng dân chủ mà không tạo ra được những thể thức để thực hiện lý tưởng đó thì cuối cùng ai cũng biết chỉ là ba xạo mà thôi!

Cả hai đảng Cộng Hòa và Dân Chủ đều đã dùng thủ tục này khi họ không chiếm được đa số. Người ta định dùng thủ tục này để ngăn cản những đề nghị bổ nhiệm thẩm phán liên bang của các vị tổng thống, vì các thẩm phán sẽ được phong nhậm suốt đời, triết lý, thái độ của họ có ảnh hưởng rất lâu dài. Mặt khác, ngành Tư pháp phải được coi là độc lập giữa Hành pháp và Lập pháp, cho nên Thượng viện muốn giành quyền tham gia việc quyết định. Năm 1968 các nghị sĩ Cộng Hòa đã filibuster để ngăn cản không cho một ứng viên của Tổng thống Lyndon Johnson làm chánh án Tối Cao Pháp Viện. Năm đó, Nghị sĩ Robert Griifin, Cộng Hòa, đã biện hộ cho chiến thuật này; ông cho biết đó là chuyện bình thường, đã có 21 vị quan tòa bị bác bỏ mà trong đó chỉ có 9 vị được đưa ra trước toàn thể Thượng viện bỏ phiếu. Trong 8 năm ông Bill Clinton làm tổng thống Mỹ, có 60 ứng viên thẩm phán của ông không được đưa ra Thượng viện bỏ phiếu.

Nhưng tại sao vấn đề lại gây sôi nổi, đến nỗi ban lãnh đạo Cộng Hòa ở Thượng viện tính đem xóa bỏ thủ tục filibuster? Đó là hậu quả của cuộc bầu cử tổng thống và quốc hội năm ngoái. Ông Bush và đảng các ứng cử viên Cộng Hòa đã thắng nhờ dựa vào sự ủng hộ của các giáo phái bảo thủ. Một đề tài gây sôi nổi và thu hút nhiều lá phiếu cho đảng Cộng Hòa là vấn đề giáo lý, trong đó có lập trường chống hôn nhân đồng tính và chống phá thai. Nhiều người khi ứng cử đã hứa sẽ ủng hộ các thẩm phán có lập trường cương quyết chống phá thai và chống hôn nhân đồng tính.

Vụ bà rút ống trợ sinh của Terri Schiavo ở Florida làm cho cuộc tranh chấp càng nóng bỏng. Những vị quan tòa ở Florida cũng như của liên bang đã quyết định cho phép ông chồng bà rút ống trợ sinh. Tổng thống Bush và quốc hội đã làm luật với mục đích duy nhất là ngăn cản ông chồng bà, nhưng sau cùng tòa án vẫn thắng. Vụ này đã động viên các chính trị gia đảng Cộng Hòa tham gia cuộc chiến bổ nhiệm thẩm phán liên bang, mặc dù đa số dân Mỹ không ủng hộ việc Hành pháp và Lập pháp can thiệp vào phán quyết của tòa án trong phạm vi đời tư của người dân. Các nghị sĩ Cộng Hòa coi đây là một cơ hội để thúc đẩy việc bổ nhiệm các thẩm phán với quan niệm bảo thủ về đạo lý và xã hội. Các nghị

sĩ Dân Chủ thì báo động tình trạng phe đa số áp đặt quan niệm tôn giáo và chính trị của họ trên ngành tư pháp. Đảng Dân Chủ đã mất quyền kiểm soát hai ngành Hành pháp và Lập pháp, họ đang lo ngành Tư pháp cũng nghiêng về phía bảo thủ.

Đề nghị sửa đổi thủ tục chấm dứt thảo luận ở Thượng viện được gọi tên là "hạch tâm, nuclear," vì nếu được thông qua nó sẽ gây ra nhiều hậu quả lan rộng, không khác gì ảnh hưởng phóng xạ sau khi bom nguyên tử nổ. Nghị sĩ Bill Frist có một lý do khi dọa đưa ra đề nghị này là vì ông có tham vọng sẽ là ứng cử viên tổng thống Mỹ trong năm 2008. Ông cần thu hút sự ủng hộ của những khối tôn giáo bảo thủ đã từng ủng hộ Tổng thống Bush năm ngoái.

Nhưng có nhiều nghị sĩ Cộng Hòa, đặc biệt là những người đã ở Thượng viện lâu năm, tỏ ra ngần ngại không muốn thay đổi một thủ tục làm việc đã áp dụng từ hơn 200 năm. Nghị sĩ John McCain phản đối đề nghị hạch tâm, vì ông nói, "Chúng ta không chiếm đa số mãi mãi." Từ năm 1955 đến 1981, đảng Dân Chủ kiểm soát đa số cả hai viện quốc hội Mỹ. Từ năm 1990 quyền kiểm soát đa số ở Thượng viện đã đổi tay giữa hai đảng 3 lần tất cả. Những nghị sĩ lâu năm có kinh nghiệm việc sử dụng filibuster có thể thấy đó là một khí cụ hữu ích để bảo vệ quy tắc "kiểm soát và cân bằng" trong chính quyền Mỹ.

Nghị sĩ John Warner, sau 27 năm ở Thượng viện, cũng tuyên bố rằng ngay từ khi thành lập, quyền thảo luận không giới hạn (tức filibuster) vẫn là một truyền thống tốt đẹp của Thượng viện. Các nghị sĩ Cộng Hòa khác với khuynh hướng ôn hòa vì đại diện các tiểu bang đa số dân chúng ôn hòa, cũng không đồng ý việc thay đổi thủ tục filibuster.

TÔN GIÁO VÀ CHÍNH TRỊ

Vấn đề chính gây ra sôi nổi không phải là một thủ tục ở Thượng viện mà là mấy cái ghế sắp bỏ trống ở Tối Cao Pháp Viện.

Năm 2001, trưởng khối đa số Cộng Hòa ở Thượng viện là Nghị sĩ Trent Lott đã chuẩn bị các đồng viện của ông tìm cách đối phó với khối nghị sĩ Dân Chủ nếu Tổng thống Bush có dịp đưa ra một ứng viên vào chức thẩm phán Tối Cao Pháp Viện. Nhưng trong 4 năm sau đó không vị nào trong tòa án tối cao xin nghỉ cả

Đến năm nay, vấn đề trở nên sôi động hơn vì Chánh án Tối Cao Pháp Viện William Rehnquist, 80 tuổi, đang chữa trị bịnh ung thư trầm trọng, thế nào ông cũng phải nghỉ hoặc qua đời trong thời gian ngắn. Ngoài ra, ba vị thẩm phán tối cao khác cũng trên 70 tuổi có thể xin về hưu. Cuộc đấu tranh về việc bổ nhiệm thẩm phán Tối Cao Pháp Viện trở nên gay gắt hơn. Một người đóng vai trò then chốt trong việc động viên các khối tôn giáo bảo thủ để làm áp lực trên các nghị sĩ là Luật sư Jay Sekulow, với 30 luật sư vào 100 nhân viên khác làm việc cho ông ta trong tổ chức Trung tâm Luật pháp và Công lý Hoa kỳ (ACLJ), với ngân sách 35 triệu mỹ kim một năm. Ngay sau khi Tổng thống Bush tái đắc cử, ông Sekulow đã họp cùng ba chiến lược gia Cộng Hòa khác chuyên trách vấn đề bổ nhiệm các thẩm phán liên bang, để bàn về cách làm sao không bị thủ tục filibuster gây trở ngại trong các cuộc thảo luận về bổ nhiệm thẩm phán liên bang.

Ông Jay Sekulow là một người gốc Do Thái đã cải đạo theo Thiên Chúa giáo vào lúc ông 20 tuổi, và trở thành một luật sư chuyên bênh vực quyền truyền đạo ở nơi công cộng cho các giáo hội tin lành gọi chung là "Evangelical," chúng tôi tạm gọi tên là "Các giáo hội Truyền giảng". Họ có khuynh hướng khác hẳn những giáo hội Tin lành truyền thống cũng như giáo hội Công giáo. Họ không thuộc vào một tổ chức duy nhất, không có một thẩm quyền tối thượng về giáo lý, mà gồm hàng ngàn giáo hội khác nhau, với niềm tin vào từng chữ trong Kinh Thánh nhưng được áp dụng một cách linh động, và với phương pháp giảng đạo tân tiến theo lối tiếp thị (marketing) rất tinh vi của nghề kinh doanh ở Mỹ. Hiện các giáo hội Truyền giảng da trắng chiếm 26 phần trăm dân số Hoa Kỳ, với 10 phần trăm là các giáo hội người da đen. Họ đang gia tăng ảnh hưởng, trong khi các giáo hội Tin lành cổ truyền (32%) và giáo hội Công giáo (22%) đang giảm tỷ lệ trong dân số.

Trong số những ứng viên thẩm phán bị phe Dân Chủ chống đối có những vị được các giáo hội Truyền giảng Evangelical ủng hộ nhiệt thành. Nghị sĩ Frist sẽ đặt các nghị sĩ Dân Chủ vào một hoàn cảnh khó nói khi ông đưa ra hai ứng viên đầu tiên là hai phụ nữ, trong đó bà Janice R. Brown, 56 tuổi, thẩm phán tối cao tiểu bang California là một người là gốc Phi châu, con một tá điền da đen ở tiểu bang Alabama. Xưa nay đảng Dân Chủ vẫn tự coi là đảng bảo vệ quyền lợi của người yếu kém, như phụ nữ và người thiểu số.

Bà Brown tuy là người da đen nhưng đã ra những phán quyết bác bỏ việc áp dụng các quyền

ưu tiên cho người thiểu số. Bà cũng khó khăn trong việc cho phép quyền phá thai mà Tối Cao Pháp Viện Mỹ đã đạt tiền lệ, và không tán thành cuộc cách mạng thời Tổng thống Roosevelt thập niên 1930 mà bà coi là "xã hội chủ nghĩa" vì dùng chính phủ để san sẻ lợi tức! Bà bị những người phê bình cho là "dùng tòa án để thi hành quan niệm chính trị của mình" (judicial activist.)

Bà Priscilla Owen, 50 tuổi, thẩm phán tối cao tiểu bang Texas thì bị tố là có khuynh hướng nghiêng về giới kinh doanh, chống lao động, và từng bị một bạn đồng viện tại Tối Cao Pháp Viện tiểu bang Texas chê là "judicial activist một cách vô thức." Người bạn đồng viện đó lại chính là ông Alberto Gonzales, mới được Tổng thống Bush bổ nhiệm làm bộ trưởng công tố.

Sau cùng, khi 14 nghị sĩ hai đảng quyết định thỏa hiệp thì cả hai bà được đưa ra biểu quyết và chấp thuận. Đối với các giáo hội Truyền giảng thì điều khiến họ muốn ủng hộ hai vị nữ thẩm phán trên là cả hai cùng có quan điểm chống phá thai.

CÁC GIÁO HỘI EVANGELICAL

Đây là một hiện tượng mới trong đời sống tín ngưỡng và chính trị ở Mỹ. Vai trò của các giáo hội Truyền giảng Evangelical nổi bật trong hai cuộc bầu cử tổng thống Mỹ từ 2000 đến 2004 và các cuộc bầu cử quốc hội vừa qua. Họ bỏ những lá phiếu quyết định giúp Tổng thống Bush đắc cử và giúp đảng Cộng Hòa chiếm đa số ở hai viện quốc hội. Trước đây các nhà lãnh đạo chính trị ở Mỹ thường theo các giáo hội Tin lành cổ truyền. Bây giờ Tổng thống Bush và Chủ tịch Hạ viện Dennis Hastert đều thuộc các giáo hội Truyền giảng Evangelical, cũng như nhiều đại biểu quốc hội khác. Các nhóm giáo hội Truyền giảng đã gia nhập đảng Cộng Hòa và gây ảnh hưởng lớn trên mặt trận tranh đấu cho các giá trị đạo đức phù hợp với giáo lý của họ, thí dụ như vụ không cho rút ống dưỡng sinh của bà Terri Schiavo trong tháng Ba vừa qua.

Vụ bà Schiavo đã động viên và thúc đẩy họ tấn công trên mặt trận tư pháp. Vì họ thấy là chính các thẩm phán Florida và thẩm phán liên bang đã cho phép ông chồng bà Schiavo rút ống trợ sinh sau hơn 10 năm nhìn bà vợ sống như thảo mộc. Các tín đồ giáo hội Truyền giảng lúc đầu đã thúc đẩy các đại biểu quốc hội "trừng phạt" những thẩm phán bằng cách cắt giảm ngân sách, hoặc gọi các thẩm phán ra điều trần, hay biện pháp nặng hơn là đàn hạch (impeachment.) Nhưng sau cùng họ thấy tốt nhất là phải bổ nhiệm thêm nhiều thẩm phán bảo thủ trong các tòa án liên bang cho phù hợp với quan điểm của họ về đạo lý.

Các giáo hội Truyền giảng đã trở nên tích cực hơn trong mấy năm qua sau khi thấy rằng họ đã bị thua trong nhyều phán quyết của tòa án. Thí dụ khi các quan tòa ra lệnh không được treo Mười điều răn trong lớp học các trường công, vì quan niệm phân biệt chính quyền và giáo quyền, không muốn chính phủ cổ động cho riêng một tôn giáo nào. Vụ Tối Cao Pháp Viện tiểu bang Massachusetts công nhận quyền kết hôn của những người đồng tính cũng là một "giọt nước làm tràn ly" khiến nhiều giáo hội, không cứ những giáo hội Truyền giảng, cùng nổi dậy chống đối. Trong cuộc tranh cử năm 2004, Tổng thống Bush đã hứa sẽ ủng hộ việc sửa hiến pháp Mỹ để cấm hôn nhân đồng tính, nhờ thế thu hút được nhiều phiếu của tín đồ các tôn giáo. Trong mùa tranh cử đó, nhiều ứng cử viên quốc hội cũng hứa sẽ ủng hộ việc bổ nhyệm các thẩm phán có khuynh hướng bảo thủ về đạo lý, phù hợp với các tôn giáo.

Cho nên đây là lúc các chính trị gia đảng Cộng Hòa tìm cách củng cố địa bàn của họ trong giới bảo thủ, đặc biệt là các giáo hội Truyền giảng. Vì các giáo hội này có khả năng vận động rất cao và họ lại đang bành trướng mạnh. Những mục sư giáo hội Truyền giảng thường có khả năng hùng biện, biết sử dụng các phương tiện truyền thông mới, từ radio đến ti vi, internet, thu hút tín đồ của các giáo hội cổ truyền. Họ dùng phương pháp tiếp thị tấn công từng "thị trường nhỏ," lập ra những nhà thờ dành cho từng lớp người. Trong năm nay, Giáo hội Baptist Miền Nam với 16 triệu tín đồ đang dự trù thành lập 1,800 giáo đường, "Chúng tôi có những giáo đường 'cao bồi' cho người làm nông trại; những giáo đường chơi nhạc country, giáo đường cho những người chơi xe máy, vân vân." Họ có những tạp chí giảng Kinh Thánh dành riêng cho các thiếu nữ, có các ban nhạc rock, để thu hút những người mà bình thường không hay đi nhà thờ nào cả. Các giáo hội Tin lành cổ truyền đã mất hàng triệu tín đồ trong mươi năm qua, trong khi các giáo hội Truyền giảng gia tăng. Họ xây những nhà thờ vĩ đại chứa trên 2000 người, con số những nhà thờ vĩ đại này tăng từ 50 lên 880 trong 25 năm qua. Một mục sư 42 tuổi ở Houston đã thành công tăng số tín đồ lên gấp 4 lần trong 5 năm qua, ông Gioel Osteen đang tính xây

một giáo đường chứa được 16,000 tín đồ với sân khấu tân tiến vĩ đại. Ông cũng có những chương trình ti vi truyền khắp nước, và những lớp học Thánh Kinh ngày Chủ Nhật cho 5,000 trẻ em. Giáo hội của ông năm ngoái thu được 55 triệu tiền đóng góp, chưa kể tiền thu nhờ bán hàng, bán sách. Một mục sư khác, ông Credo Dollar, 43 tuổi ở gần Atlanta đã giảng rằng Thượng Đế muốn mọi người làm giầu; chính ông đi hai chiếc xe Rolls Royce và một máy bay phản lực riêng.

Các giáo hội Truyền giảng nghiên cứu "nhu cầu của người tiêu thụ" không khác gì các cơ sở kinh doanh, và tìm cách "bán hàng" theo phương pháp khoa học. Bình thường một nhà thờ Tin Lành có khoảng 200 tín đồ, với ngân sách chừng 100,000 mỹ kim. Các giáo hội Truyền giảng với nhà thờ vĩ đại thường thu gần 5 triệu mỹ kim. Gần đây họ đã can thiệp vào các công ty kinh doanh, như làm áp lực để công ty Microsoft ngưng ủng hộ một dự luật của tiểu bang Washington cấm kỳ thị người đồng tính ái. Microsoft đã nhượng bộ, sau đó bị chính các nhân viên phản đối nên đổi ý kiến. Các giáo hội Truyền giảng cũng làm áp lực với các công ty như Procter and Gamble, Kraft, vân vân, buộc họ rút quảng cáo ở các tờ báo của những người đồng tính ái hoặc không được giúp tiền cho một cuộc tranh tài thể thao của giới này.

Bây giờ, các giáo hội Truyền giảng đang tạo áp lực trên Thượng viện Mỹ để bổ nhiệm các thẩm phán hợp với niềm tin của họ. Họ đã giúp đưa các nhà chính trị đồng minh vào nắm hai ngành Hành pháp và Lập pháp ở Mỹ, nhưng còn chưa tấn công được vào ngành Tư pháp. Như Luật sư Sekulow nhận xét, "Những người chống lại các giá trị, các niềm tin, các tín điều của chúng ta, họ biết rằng niềm hy vọng cuối cùng của họ là trong việc bổ nhiệm các thẩm phán liên bang." Và ông tuyên bố, "Chúng ta phải có được những thẩm phán 'đúng' bổ nhiệm vào các tòa án."

Nếu một giáo sĩ Hồi Giáo ở Iraq nói câu đó thì chắc sẽ làm nhiều người giật mình vì lo tôn giáo có thể can thiệp vào chính trị và tư pháp. Một người ở Mỹ nói câu đó sẽ bị nghi ngờ là tính dùng chính quyền để thực hiện lý tưởng tôn giáo của mình. Người dân Mỹ nói chung chống việc trộn lẫn tôn giáo với chính trị. Sau vụ bà Schiavo vừa qua, có ba phần tư dân Mỹ nghĩ là Tổng thống Bush và quốc hội đã sai lầm khi can thiệp để tính thay đổi quyết định của tòa án. Điều đó cũng không khiến cho hai khuynh hướng bảo thủ và cấp tiến tìm cách đưa những người cùng thái độ vào Tối Cao Pháp Viện Mỹ cũng như các tòa án liên bang cấp dưới. Các vị thẩm phán liên bang đều có nhiệm kỳ mãn đời, cho nên ảnh hưởng của họ trên đời sống dân Mỹ rất mạnh, họ có thể thay đổi cách giải thích hiến pháp và luật lệ nước Mỹ theo quan điểm đạo lý của họ mà họ tin rằng đó là quan điểm chung của đa số người dân Mỹ. Những vấn đề như phá thai, hôn nhân đồng tính cho đến bảo vệ quyền tư hữu thuộc loại mà cách giải thích luật lệ dễ bị thay đổi theo quan niệm sống của mỗi người.

NGÀNH TƯ PHÁP BỊ THỬ THÁCH

Hiện nay đa số các thẩm phán của Tối Cao Pháp Viện do các vị tổng thống Cộng Hòa bổ nhiệm, nhưng phần lớn các cuộc bỏ phiếu quan trọng đều theo tỷ số 5-4 chứng tỏ có hai khuynh hướng bảo thủ và cấp tiến trong các quyết định

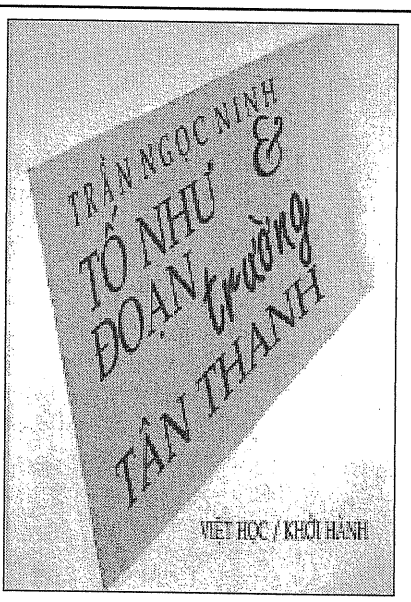

TỐ NHƯ &
ĐOẠN TRƯỜNG TÂN THANH

trần ngọc ninh

Một cuốn sách quý cần phải có trong mọi tủ sách của người Việt Nam

lớn. Nhiều người được các vị tổng thống Cộng Hòa đưa vào tòa án tối cao nhưng khi bỏ phiếu lại nghiêng về phía cấp tiến. Bà Sandra Day O'Connor (75 tuổi) và ông John Paul Stevens (85), cả hai do Tổng thống Reagan bổ nhiệm, được coi là bảo thủ khi họ đề cử. Nhưng hiện nay ông Stevenslà một thẩm phán bỏ những lá phiếu cấp tiến nhiều nhất và bà O'Connor thường bỏ lá phiếu thứ năm quyết định, không nhất thiết là bảo thủ.

Các phán quyết của Tối Cao Pháp Viện có thể thay đổi phong tục, tập quán, trong những vấn đề liên can đến đạo lý và xã hội. Năm 2000, Tối Cao Pháp Viện bác bỏ một đạo luật cấm phá thai của tiểu bang Nebraska vì không miễn trừ cho trường hợp mạng sống của người mẹ bị đe dọa, bà O'Connor bỏ lá phiếu quyết định, khiến giới chống phá thai ở Mỹ rất giận. Một phán quyết năm 2003 của Tối Cao Pháp Viện cũng bác bỏ một đạo luật của tiểu bang Texas cấm hành động tính dục đồng tính, với tỷ số 6 – 3, cho thấy các thẩm phán bảo thủ cũng có lúc nghiêng về phía tả. Năm 2001, phe bảo thủ thắng thế khi Tối Cao Pháp Viện phán rằng các trường công lập không được cấm học sinh tổ chức các sinh hoạt tôn giáo trong trường, hoạt động đó không vi phạm quy tắc phân biệt chính trị và tôn giáo. Năm sau, Tối Cao Pháp Viện chấp nhận một chương trình của thành phố Cleveland cấp phiếu học phí cho các học sinh quyết định không học trường công, để họ có thể đóng học phí ở trường tư kể cả các trường do các giáo hội chủ trương, đó cũng là một thắng lợi của phe bảo thủ.

Điều đó chứng tỏ các vị thẩm phán với nhiệm kỳ suốt đời không dễ gì quyết định theo khuynh hướng của các chính trị gia bổ nhiệm họ. Tuy nhiên, thái độ và triết lý sống của các thẩm phán thế nào cũng ảnh hưởng tới cách quyết định của họ.

Cả hai đảng chính trị lớn ở Mỹ đều than phiền có những "thẩm phán tranh đấu" đoạt lấy vai trò của ngành lập pháp (judicial activism) khi họ phán quyết theo khuynh hướng đạo lý và xã hội của họ để bác bỏ những đạo luật của các tiểu bang. Tất nhiên, mỗi bên chỉ than phiền khi các thẩm phán quyết định khác với lập trường của phe họ. Nước Mỹ đang đứng trước nhiều vấn đề có thể gây chia rẽ vì quan điểm đạo lý và xã hội bất đồng mà các chính trị gia thường lảng tránh vì không muốn làm mất lòng một số cử tri, cho nên người ta càng thấy vai trò của các thẩm phán là quan trọng. Vấn đề phá thai là một. Hiện bản án thường được nêu lên trong vấn đề này là phán quyết Roe v. Wade năm 1973, theo đó quyền phá thai được bảo vệ trên căn bản. Nhưng các phán quyết có tính cách quan trọng như vậy thường dựa trên Tu chính án XIV, đưa vào hiến pháp Mỹ năm 1868 trong đó có một điều khoản bảo vệ các quyền tự do và bình đẳng trước pháp luật giữa các công dân Mỹ, không phân biệt nam nữ, tôn giáo, chủng tộc, vân vân, và cấm các tiểu bang làm những đạo luật vi phạm quyền bình đẳng đó. Tu chính án số 14 này nhắm vào việc bảo vệ người Mỹ da đen, nhưng sau đó đã được các thẩm phán tối cao áp dụng cho các trường hợp khác. Cho nên các vị thẩm phán có quyền hạn rộng rãi giải thích pháp luật theo khuynh hướng của họ, giống như đổ thứ rượu của họ vào trong một cái bình trống. Chính vì vậy cho nên ai cũng có thể công kích các thẩm phán là "chiếm quyền lập pháp." Và cũng vì vậy mà cả hai khuynh hướng chính trị Mỹ bảo thủ cũng như cấp tiến đều cố gắng đẩy thêm các thẩm phán cùng phe vào ngành tư pháp.

Tuy nhiên có một điều người ta biết là các thẩm phán đều phải tuân theo các án lệ có trước họ, nhất là các án lệ do Tối Cao Pháp Viện phán quyết. Tại Tối Cao Pháp Viện, các thẩm phán thường tránh các vấn đề có tính cách gây cảnh bất đồng xung đột trong xã hội. Nếu nay mai Tối Cao Pháp Viện có một vị thẩm phán mới thì dù người đó có quan điểm bảo thủ cũng không chắc đã lật ngược được phán quyết Roe v. Wade về quyền phá thai, vì hiện 6 trong 9 vị thẩm phán tối cao không muốn xóa bỏ phán quyết đó.

Tuy nhiên trận đấu về ngành tu pháp Mỹ sẽ còn tiếp diễn trong vài chục năm tới. Vì những vấn đề xã hội với các quan điểm xung khắc sẽ còn tiếp tục chia rẽ dân chúng Mỹ. Những vấn đề đó gồm có hệ thống liên bang và các tiểu bang, phân biệt tôn giáo với chính quyền, phiếu đóng học phí, quyền của những người đồng tính ái, chương trình hành động xác quyết bảo vệ các người thiểu số, quyền tư hữu, quyền của người lao động, và quyền của các bị can.

Vụ tranh cãi ở Thượng viện đã tránh được sau khi 7 nghị sĩ Dân Chủ và 7 nghị sĩ Cộng Hòa thỏa thuận với nhau ngăn cản một cuộc xung đột nặng. Bên Dân Chủ nhượng bộ đồng ý để Thượng viện biểu quyết về những ứng viên thẩm phán mà không dùng filibuster, nếu không có "vấn đề nghiêm trọng." Bên Cộng Hòa chịu bỏ ý định thay đổi thủ tục cấm filibster. Nhưng đây chỉ là một cuộc hưu chiến. Vì đến lúc cần thông qua một thẩm phán Tối Cao Pháp Viện thì một trận đấu mới sẽ mở màn.

THẾ-GIỚI THẾ-KỶ 21 ĐI VỀ ĐÂU

GEORGE F. KENNAN,

CHIẾN-TRANH LẠNH VÀ VIỆT-NAM

CỔ LŨY

Trong mấy tháng nửa đầu năm có những thay-đổi khá lớn-lao trên thế giới viết lách và tư tưởng, đáng chú y là việc qua đời của những nhân-vật Mỹ tiếng-tăm như sử-gia gốc Trung-Hoa trẻ tuổi Iris Chang, tác-giả tranh đấu bình-quyền phái nữ (feminist) Susan Sontag, kịch- tác-gia Arthur Miller, nhà văn đoạt giải Nobel, Saul Bellow khá xa-lạ với độc-giả Việt-Nam, vân vân.

Cái chết của ông George F. Kennan ở tuổi 101 (1904-2005) khoảng giữa tháng Ba vừa qua hầu như được ít người chú ý đến. Những viết-lách về ông trên các sách báo Mỹ khá sơ-sài so với tầm quan-trọng lớn-lao của ông về mặt lịch-sử và ngoại-giao: tác-giả hai-mươi-sáu tác-phẩm với hai lần nhận giải Pulitzer cao-quí (1956 và 1967) và một giải Sách Toàn-Quốc National Book Award (1967) danh-dự không kém. Và hơn hết, ông Kennan chính là kiến-trúc-sư của chính-sách "phong-tỏa/bủa-vây" ("containment") hay nôm-na là "ngăn-chặn/be-bờ," phần nòng-cốt nhằm ngăn-chặn sự bành-trướng của cộng-sản trong hơn bốn-mươi năm Chiến-tranh Lạnh (từ đầu1947 đến cuối thập-niên 1980, bao gồm giai-đoạn bi-hùng trong lịch-sử Việt-Nam gần đây) ngay sau Thế-chiến II (World War II, 1939-1945). Năm 1946 Thủ-tướng Anh Winston Churchill làm cuộc Mỹ-du và đọc diễn-văn nổi tiếng cảnh-cáo người Mỹ và thế-giới về "bức màn sắt" ("iron curtain") chạy từ biển Baltic bắc Âu đến biển Adriatic nam Âu chia đại-lục này thành hai phần với Đông-Âu nằm trong vòng ảnh-hưởng của Nga-Xô và Tây-Âu thuộc "thế-giới tự-do." Cũng trong thời-gian này thông-điệp ngăn-chặn cộng-sản "containment" của ông Kennan về thẳng Hoa-Thịnh-Đốn từ tòa Đại-sứ Mỹ ở Mạc-Tư-Khoa. Không lâu sau đó, ngày 12 tháng Ba, năm 1947 khi Anh, tuy thắng trận nhưng không đủ sức giữ quyền-hành ảnh-hưởng tại Hy-Lạp (Greece) và Thổ-Nhĩ-Kỳ (Turkey) đành phải nhường lại cho Hoa-Kỳ, Tổng-thống Mỹ Harry Truman khi viện-trợ hai nước này chống đe-dọa tả phái, tuyên-bố mở đầu Chiến-tranh Lạnh, "Theo tôi, Hoa-Kỳ có bổn-phận ủng-hộ dân-chúng tự-do khắp nơi chống lại những nỗ-lực khống-chế bằng vũ-lực hoặc áp-lực từ bên ngoài tới... Dân-chúng tự-do trên thế-giới trông-cậy vào sự hỗ-trợ của chúng ta để duy-trì tự-do của họ."

Trong bối-cảnh "chống cộng tới cùng" của các "Chiến-sĩ Chiến-tranh Lạnh" (Cold Warriors) cuối thập-niên 1940, qua thập-niên 1950, 1960, 1970, 1980 và có lẽ cả bây giờ nữa (với "khủng-bố" thay thế cho "cộng-sản") George F. Kennan được xem là người đưa ra chiến-lược phong-tỏa cộng-sản trong những vùng đã bị lũng-đoạn và để cộng-sản tự tiêu-hủy lần mòn. Tuy được ngưỡng-mộ chính vì lý-thuyết "containment" ông Kennan rất khó chịu và hối-hận vì di-sản chính-trị này trong thực-tế - một phần cũng vì những tàn-hại, đổ-vỡ chính-sách này gây ra ở khắp nơi suốt nửa thế-kỷ vừa qua.

Bài sau đây được viết dựa theo tài-liệu của nhật-báo Los Angeles Times *và luận-án về Chiến-tranh Lạnh (1976), cùng người viết.*

CỔ-LŨY

Nhà ngoại giao kỳ cựu, học-giả, và có lẽ chiến lược gia quan trọng nhất trong Chiến-tranh Lạnh đã ra đi giữa tháng Ba vừa qua. Với tuổi thọ 101 ông từng sống trải nguyên thế kỷ vừa qua - thế kỷ đầy tương tranh ý thức hệ- và cái bóng dài của ông bao trùm lên hậu bán thế kỷ không ai có thể phủ nhận được.

Một học giả thẩm quyền về đế quốc Nga Xô-viết và cha đẻ của chiến lược "ngăn chặn, be bờ" từ mở đầu cho đến kết thúc Chiến-tranh Lạnh, ông cũng chính là người vận động hăng say cho

"Đi tìm sự thật thay vì dấy lên sợ hãi": Tân Đại-sứ George F. Kennan (bên phải) cùng với Nikolai Shvernik (giữa), Chủ-tịch, và A.F. Gorkin (bên trái), Thư-ký, Tối-cao Xô-viết, ở Mạc-Tư -Khoa năm 1952. Không đầy một năm, ông Kennan bị trục xuất khỏi Nga-Xô.

nỗ lực kiểm soát và bãi bỏ vũ khí hạch nhân và nhiệt thành chống đối chiến tranh Mỹ ở Iraq. Nhà sử học và ngoại giao lỗi lạc, cũng là kiến trúc sư của chiến lược "containment" nòng cốt qua nhiều chính quyền cả Cộng-hòa lẫn Dân-chủ hơn bốn thập niên bão tố, đã yên ả ra đi tại nhà riêng ở Princeton, tiểu bang New Jersey, nơi ông là học giả uyên bác về Nga-Xô và giáo sư danh dự thuộc viện Nghiên-cứu Cao-cấp, viện đại học Princeton, ngang hàng với viện đại học Harvard.

THÂN-THẾ GEORGE F. KENNAN

George Frost Kennan sinh ở tiểu bang Milwaukee, ngày 15 tháng Hai năm 1904. Ông là con của ông Kossuth Kent Kennan, một luật sư về thuế khóa và bà Florence James Kennan. Thân mẫu ông mất khi ông mới sinh ra.

Ông theo học trường quân sự nội trú tư như những con cái thuộc gia đình giới khá giả

và sau này mô tả về mình như một cậu bé cô đơn "khá khác người nhưng không đến độ kỳ cục, bị mọi người chế giễu hay ghét bỏ, cũng không gương mẫu hoàn hảo." Bù vào đây ông vùi đầu vào văn chương và lịch sử, đặc biệt là lịch sử nước Nga. Sở dĩ ông chú ý đến Nga vì ảnh hưởng một anh họ xa cũng tên là George Kennan, một chuyên viên về Nga dưới thời các Nga hoàng và tác giả tập sách có ảnh hưởng rộng lớn *Siberia and the Exile System* (tạm dịch Hệ-Thống Lưu-Đầy Ở Siberia) năm 1891 (rút gọn và in lại năm 1957 với lời giới thiệu của George F. Kennan).

Ông học đại học tại viện đại học Princeton, tốt nghiệp năm 1925 và một năm sau vào làm tại bộ Ngoại giao Mỹ, trong trường chuyên viên ngoại giao mới mở —ông là một trong những nhà ngoại giao trẻ đầu tiên chuyên về Nga trước khi Hoa-Kỳ công nhận Nga-Xô. Nhiệm sở ngoại giao đầu tiên của ông là tòa lãnh sự thuộc ba quốc gia Bắc Âu trên biển Baltic: Latvia, Lithuania và Estonia, nơi Hoa-Kỳ có thể thu thập tin tức sát nách Nga-Xô, trước khi Nga ký hiệp định thân hữu với Đức (dưới quyền Adolf Hitler) rồi tiến chiếm luôn ba nước này cùng với hơn một nửa Ba-Lan (Poland). Trong thời gian này ông cũng ráo riết theo học tiếng Nga tại viện đại học Bá-Linh (Berlin, Đức).

Khi tổng thống Franklin D. Roosevelt công nhận Nga-Xô năm 1933, ông Kennan đã thuần thạo Nga ngữ và được chọn làm phụ tá cho đại sứ Mỹ thiết lập tòa đại sứ tại thủ đô Mạc-Tư-Khoa (Moskova).

Nhưng khi Thế-chiến II bùng nổ ở châu Âu năm 1939, ông Kennab được chuyển qua Bá-Linh, nơi ông nhậm chức đệ nhất bí thư trong vòng một năm. Khi Hoa-Kỳ chính thức tham chiến năm 1941 ông cùng 125 người Mỹ khác bị Đức Quốc-xã cầm giữ bẩy tháng không liên lạc được với bộ Ngoại-giao; sau cùng được chuyển qua Lisbone

(thủ đô Bồ-Đào-Nha, Portugal) và trao đổi tự do với nhân viên ngoại giao Đức. Ông than phiền rằng bộ Ngoại-giao không nỗ lực giúp đỡ nhân viên bị cầm giữ và từ chối không chịu trả lương hồi tố thời gian bị giữ.

Ông trở lại Moskova ba lần nữa, với chức vụ đệ nhị bí thư những năm 1935 và 1936, và phó đại sứ năm 1944 cho đại sứ Averell Harriman, sau là ngoại trưởng. Năm 1952 ông chính thức là đại sứ Mỹ tại Moskova. Nhưng chưa đầy một năm ông bị xem là người không được chấp nhận tại Nga (*persona non grata)* vì, chính ông nhận sau này, trong một lúc bất cẩn ông đã so sánh sống trong cái không khí chống Mỹ ở Moskova không khác mấy thời gian bị cầm giữ ở Đức thời chiến tranh. Nhục nhã vì bị đuổi ra khỏi Nga ông trở lại Hoa-Kỳ, và cũng bị buộc phải từ chức ra khỏi ngoại giao đoàn bởi tân ngoại trưởng chống cộng tới cùng John Foster Dulles (có em là Alan Dulles, giám đốc CIA cùng dưới thời tổng thống Dwight Eisenhower).

Đầu thập niên 1960 ông trở lại làm đại sứ tại Nam-Tư (Yugoslavia) dưới thời tổng thống John Kennedy. Nhưng thời gian làm việc cũng ngắn ngủi và khó khăn vì những nhà làm chính sách bảo thủ Mỹ không chấp nhận Nam-Tư làm tối-huệ-quốc (most- favored nation) dù nước theo xã hội chủ nghĩa này, dưới quyền lãnh đạo của thống chế Jossip Tito (một lãnh tụ kháng chiến được ủng hộ mạnh mẽ của dân chúng), có đủ sứcvà ý hướng hoàn toàn độc lập với Moskova.

Về già sau này ông hăng say chống chiến tranh Mỹ ở Việt-Nam và, ở tuổi 98, sáu tháng trước khi chính quyền Bush xâm lăng Iraq ông chỉ trích kế hoạch xâm chiếm Iraq như "có cái lực tự nó đẩy người ta đi khỏi những suy nghĩ chín chắn một khi người ta bị cuốn vào nó. Hôm nay, nếu chúng ta đi vào Iraq như tổng thống nước chúng ta làm, ta có thể biết điểm bắt đầu. Nhưng ta không biết đâu sẽ là điểm chấm dứt," như ở Việt-Nam trước đây.

"BỨC ĐIỆN-TÍN DÀI" VÀ "ÔNG X"

Những suy nghĩ của ông Kennan về Nga-Xô được chú ý nhiều nhất trong bức điện tín

dài tám ngàn chữ gửi từ tòa đại sứ Mỹ ở Moskova về bộ Ngoại-giao Mỹ tháng Hai năm 1946. "Bức Điện-Tín Dài," tên đi vào lịch sử sau này, được chia làm năm phần rõ rệt, gồm những nhận định căn bản về cái nhìn phóng ngoại của Nga-Xô sau chiến tranh, bối cảnh của cái nhìn này và những hệ quả trên chính sách ngoại giao chính thức lẫn không chính thức của Nga-Xô, và phần kết luận về những ảnh hưởng toàn bộ trên chính sách ngoại giao của Hoa-Kỳ.

Ông Kennan lý luận rằng Nga-Xô loại bỏ qua một bên những suy nghĩ xem các thỏa thuận quốc tế phải được tôn trọng hoặc xem như luật lệ quốc tế. Ông nghĩ rằng Joseph Stalin và giới ngoại giao Nga tìm mọi cách lợi dụng những hiệp định, thỏa thuận và sẽ không tôn trọng những gì đã thỏa thuận nếu họ nghĩ Nga không được lợi tối đa. Theo ông Nga-Xô có vẻ tráo trở trong đường lối ngoại giao. Nhưng đây lý do không phải là vì họ là cộng sản; đây phản ánh những lo sợ an ninh lâu đời và vai trò lịch sử của Nga trong chính trị hiểm độc gắt gao châu Âu.

Bức điện tín cũng cảnh cáo về tham vọng bành trướng của điện Cẩm-Linh (Kremlin, cũng như Bạch-Ốc ở Mỹ) dưới thời Stalin, và nhấn mạnh rằng quyền lực của Nga-Xô "không đi theo luận cứ hợp lý nào mà hoàn toàn bén nhậy với luận cứ sử dụng thế lực vũ trang tàn bạo," rằng điện Cẩm-Linh "chỉ chịu lép xuống một khi bị phản ứng mạnh mẽ ở khắp mọi mặt." Ông kết luận rằng chính sách ngoại giao Mỹ phải tỏ ra mạnh mẽ trên chính trường quốc tế và phải đúng với vị trí và kích thước "Đại Cường," cả về mặt ngoại giao lẫn quân sự để đương đầu với chính sách bành trướng an ninh của Nga. Sau này, khi giải thích đường lối ngoại giao cứng rắn với Nga-Xô ông nói ông vẫn thường khó chịu từ khi ở tòa đại sứ Moskova thời Thế-chiến khi một số người Mỹ "quá mơ màng say đắm với hợp tác vui vẻ thân thiện với Moskova." Ông nói mục đích của ông khi đánh bức điện tín là dập tắt "những lạc quan ngây thơ" ở một số thành phần Hoa-Thịnh-Đốn tin rằng liên minh Nga-Mỹ (trong chiến tranh chống kẻ thù chung Đức quốc xã) sẽ bảo đảm hòa bình hậu chiến.

Thông điệp này về đến Hoa-Thịnh-Đốn đúng lúc cả nơi này và Tây Âu sẵn sàng tin vào mối đe dọa Nga-Xô và "Bức màn sắt" khép kín Đông-Âu trong vòng ảnh hưởng Nga-Xô của Thủ tướng Anh Churchill. Chi tiết từ điện tín được chính quyền mớm cho báo chí và gây ảnh hưởng lớn lao đến dư luận dân chúng Mỹ. Ông Kennan được mang từ Moskova về Hoa-Kỳ làm chuyên viên Chiến-tranh Lạnh tại Học-viện Chiến-tranh Quốc-gia. Từ vị trí này ông lên chức vụ giám đốc kế hoạch bộ Ngoại-giao. Trong vai trò giám đốc kế hoạch, danh tiếng chuyên viên về Nga-Xô của

ông gia tăng lừng lẫy với biên khảo *Nguồn-Cội Cách Hành-Sử Của Nga-Xô (The Sources of Soviet Conduct)* đăng trên chuyên san *Foreign Affairs* tháng Bẩy 1947, giải thích rõ rệt hơn cái nhìn của ông về "containment." Tuy nhiên, với tư cách giám đốc nghiên cứu kế hoạch bộ Ngoại-giao ông không thể ký tên thật mà để bút danh là "Ông X."

Mục tiêu chính của chiến lược là duy trì một thế giới hòa bình và ổn định bằng cách đương đầu với "phản lực trực tiếp, trước sau như một, chống lại mọi dấu hiệu gây hấn của Nga-Xô." Trong khí thế chống cộng hăng say từ trong chính quyền ra đến khắp dân chúng qua các chiến dịch tuyên truyền hữu hiệu kiểu các "tay tổ" khuyến mãi (advertising, marketing) trên Đại-lộ Madison thuộc thành phố Nữu-Ước, "containment" khi áp dụng quá độ vào thực tế tức khắc gây khó chịu cho chính người đưa ra chiến lược. Ông Kennan nghĩ rằng chính quyền đã quên mất thực tế khi chú tâm quá nặng về ngăn chặn quân sự đến độ coi nhẹ ngăn chặn chính trị, và đã đi đến mức ngăn chặn quá độ. Trong cái kiêu căng trí thức của Kennan và cái "ngụy tín" ("mauvaise foi") từ trong đến ngoài chính quyền, như một số học giả Chiến-tranh Lạnh sau này cho thấy, nhiều người đã đánh giá sai lầm cái ý hướng và khả năng bành trướng của Nga-Xô hậu chiến.

Với quyết tâm tốc chiến tốc thắng ở "Mặt-trận miền Đông" (Nga-xô nằm trực đông của Đức) bằng vũ khí cơ giới nặng và đông đảo binh sĩ trang bị tối tân ("blitzkrieg") năm 1941 Hitler xua ba triệu lính Đức tinh nhuệ vào Nga, với Hitler quyết tâm không lập lại thảm bại của Đại-đế Pháp Napoléon Bonaparte ở Nga năm 1812, với quân đội Nga chậm tiến vũ trang sơ sài và dân chúng thực thi tiêu thổ kháng chiến, với giúp đỡ nhỏ giọt từ "đồng minh" Hoa-Kỳ, Nga là nước chịu mũi dùi nặng nề nhất và thiệt hại nhiều nhất trong Thế-chiến II. Thống kê sau chiến tranh cho thấy Nga, tuy đuổi được quân Đức ra khỏi nước, đã mất gần 23 triệu người, cả quân lẫn dân sự và hơn 14 triệu thương binh. Khi "Mặt-trận miền Tây" (giao tranh với liên quân Pháp, Anh, Mỹ) đã yên ả, ở mặt trận phía đông Nga còn phải đương đầu với 250 sư đoàn Đức. Nga thuộc loại nước lớn nhưng chậm tiến nhất châu Âu bấy giờ bị triệt tiêu tất cả hạ tầng kiến trúc lẫn thượng tầng cơ sở, sau gần hai-mươi năm phát triển kinh tế kiểu xã hội chủ nghĩa không mấy hiệu quả từ Cách-mạng tháng Mười 1917.

Sau chiến tranh, những cường quốc châu Âu như Anh, Pháp, Đức, Ba-Lan, Ý và Nga-xô đã triệt hạ lẫn nhau, không một nước nào còn có thể đứng vững một mình. Bên châu Á văn minh Trung-Hoa đã bại hoại và đưa Nhật-Bản, con đẻ của văn minh thương mại kỹ thuật Tây phương, lên hàng cường quốc độc nhất — nhưng rồi cũng bị triệt hạ bởi Hoa-Kỳ năm 1945. Trong khi đó giai đoạn hậu chiến cho thấy Hoa-Kỳ là siêu cường độc nhất thế giới (gần như hiện nay), một người khổng lồ về mặt quân sự với không lực, hải lực, binh đội lớn mạnh tối tân nhất thế giới, với độc quyền vũ khí hạch nhân và căn cứ khắp mọi nơi, với chi tiêu quốc phòng chiếm đến một-phần-ba ngân sách quốc gia. Như siêu cường kinh tế Hoa-Kỳ là nước sản xuất và tiêu thụ than đá và thép lớn nhất, nắm trọn gần sáu-mươi phần trăm số dầu hỏa dự trữ toàn thế giới, một-phần-ba thương đội trên biển cả, gần một nửa công suất điện và hơn bốn-mươi phần trăm tổng sản lượng hàng hóa và dịch vụ trên thế giới. Là siêu cường chính trị Hoa-Kỳ chiếm đóng và kiểm soát Nhật, Ý, nửa nước Đại-Hàn, trực tiếp nửa nước Đức và gián tiếp toàn bộ Mỹ-châu La-tinh (bằng quân sự, chính trị và kinh tế qua Chủ-thuyết của tổng thống Monroe, "America is for Americans"), Liên-Hiệp-Quốc (do

tổng thống Truman lập ra tại Hội-nghị San Francisco, đặt trụ sở ở Nữu-Ước —và Hoa-Kỳ luôn luôn có phiếu đa số từ các nước "đàn em" Mỹ-châu La-tinh, cùng ảnh hưởng của tiền bạc tài trợ cho LHQ) (1).

Như thế khó lý luận như chính quyền Truman rằng Nga-Xô là mối đe dọa cho Tây Âu và Hoa-Kỳ, hay cộng sản là mối đe dọa toàn cầu (ông Mao Trạch Đông còn trong thời chạy trốn tướng Tưởng Giới Thạch có viện trợ Mỹ ở Trung-Hoa; ông Hồ Chí Minh cũng còn chạy trốn Tây với những "cơ-hội lỡ" cầu cạnh hợp tác với Mỹ nhưng bị từ chối). Tham vọng lớn và lâu dài của Nga là thành lập khu trái độn an toàn (buffer zone) ở Đông-Âu giữa Nga với Đức (được Nga sợ không kém gì Hoa-Kỳ) và có lẽ khả năng Nga cũng ở mức này thôi.

Từ kinh nghiệm Nga-Xô ông Kennan phản kháng "ngăn chặn" tuyệt đối; ông không muốn ngăn chặn bất cứ nơi nào mà chỉ dồn vào những "vùng quan trọng" —định nghĩa theo quyền lợi Mỹ: Anh, Nhật và vùng kỹ nghệ, thương mại chiến lược dọc sông Rhine (thuộc nước Đức lúc còn chia đôi). Nhưng ở thời điểm và vị thế siêu cường độc nhất sau chiến tranh và nhiều năm sau đó giới lãnh đạo chính trị, quân sự, kinh tế và truyền thông Mỹ thúc đẩy cả nước tin tưởng quyền lợi Mỹ nằm ở khắp mọi nơi và ngăn chặn cộng sản thành chính sách toàn cầu. Như Nga-xô và mọi đế quốc khác trong lịch sử, Hoa-Kỳ định nghĩa "quyền lợi sinh tử" của mình ở khỏi mức biên cương quốc gia, đến tận những nơi chốn hóc heo hẻo lánh. Chủ thuyết "Domino" được phát minh và phát triển rộng lớn làm con "ngáo ộp" (bogey man) đe dọa dân chúng Mỹ và "thế giới tự do": cộng sản một ngày nào sẽ chiếm hết Đông-Nam-Á, châu Á và Phi —chưa kể châu Mỹ La-tinh— sẽ bò lổn nhổn lên Hạ-Uy-Di (Hawaii) và bờ tây Thái-Bình-Dương thuộc Hoa-Kỳ!

Giới quyền lực ngoại giao bảo thủ bắt đầu lên tiếng chỉ trích ông Kennan. Tổng trưởng ngoại giao thời Truman, ông Dean Acheson (cũng là "xếp" của ông Kennan) tuyên bố, "Theo phán xét của tôi ông Kennan không bao giờ hiểu thấu thực tế của tương quan quyền lực; cái nhìn của ông khá huyền bí." Ông Edward Luttward, một học giả thuộc viện nghiên cứu Chiến-lược và Ngoại-giao ở Hoa-Thịnh-Đốn nói: "Ông Acheson ngưỡng mộ cái trí thức của ông Kennan, nhưng... cũng không tin vào khả năng phán đoán của ông Kennan." Thứ trưởng ngoại giao Eugene Rostow thời chính quyền Lyndon Johnson xác nhận: "Ông Kennan là người dựa vào cảm ứng, một thi sĩ, như một người đi trên mây."

Mặt khác, người hâm mộ ông Kennan không phải là ít. Ngoài giới giáo sư học giả đại học, giới ngoại giao có nhiều người như tôn thờ ông về mặt chính sách ngoại giao và nhất là về mặt kiểm soát vũ trang nguyên tử. Ông Kennan nói bất cứ chiến lược quân sự nào dựa trên việc sử dụng vũ khí nguyên tử đều là sai lầm. Ông ủng hộ "không ra tay trước" (first strike, gần giống như đánh phủ đầu, preemptive strike, của tổng thống George W. Bush hiện nay) về phía Hoa-Kỳ và chống đối việc khối Minh-ước Bắc Đại-Tây-Dương (NATO, phong tỏa Nga ở châu Âu) sử dụng phi đạn nguyên tử ở châu Âu. Nghị sĩ California Alan Cranston tuyên bố: "Ông Kennan là một trong những người tiên phong trong việc dậy dỗ người Mỹ về những hứa hẹn cũng như nguy cơ trong việc điều đình với Nga-Xô. Ông muốn đi tìm sự thật thay vì dấy lên lo sợ, và hành động thực tế thay vì chỉ biết có phản ứng mù quáng, và ông đem lại hy vọng cho những ai tin rằng với khôn ngoan hiểu biết ta có thể ngăn ngừa Hoa-Kỳ và Nga-xô đi đến hỏa ngục hạch nhân."

Ông Henry Kissinger, một học giả với tham vọng đưa chính trị thực tế "real politik" gắt gao vào chính sách ngoại giao Mỹ khi làm cố vấn an ninh và ngoại trưởng thời chính quyền Richard Nixon, ba thập niên sau nhận xét: "Ông Kennan có thể nói là tác giả chủ thuyết ngoại giao trong thời đại ông."

Trong lời bạt tập *Sketches From a Life*, một trong những viết lách cuối đời, ông Kennan ghi, "Tôi giật mình khi nhận ra cái trống vắng trong đất nước của chính mình... Nước Hoa-Kỳ trong những năm chót của Thế kỷ 20 là một nước bi thảm, dồi dào với những tài nguyên thiên nhiên mà chúng ta vội vàng phí phạm và tiêu triệt, với một giới trí thức và văn nghệ sĩ đầy tài năng và sáng tạo mà các thế lực chính trị lớn trong nước không chấp nhận và coi thường. Tiếng vang của giới này thường bị ém nhẹm hoặc thui chột bởi giới truyền thông thương mại. Có lẽ giới này, giống như giới trí thức Nga Thế kỷ 19, sẽ bị đẩy đến vị trí khách bàng quan mãi mãi đứng ngoài nhìn đất nước đi xuống ngõ hẹp." Một tiếng nói cô đơn được xem là sáng suốt và can đảm đã vụt tắt.

(1) Thomas G. Patterson, Soviet-American Confrontation (Baltimore: Johns Hopkins University Press, 1973), trang 11.

MỘT NỀN NGOẠI GIAO LÚNG TÚNG

TỪ TRÌ

LTS. *Tòa soạn Thế Kỷ 21 nhận được bài viết "1975 – 2005: 30 năm chuyên chính xã hội chủ nghĩa" của tác giả Từ Trì, nhìn lại nước Việt Nam trên các mặt ý thức hệ của chế độ, chính trị, kinh tế, xã hội và cuối cùng là ngoại giao.*

Xin mời bạn đọc theo dõi sau đây phần viết về Ngoại giao của nước Việt Nam trong ba mươi năm qua.

*

Ngăn chặn sức bành trướng của Trung quốc và hợp tác chặt chẽ với các nước bên ngoài để phát triển kinh tế bên trong là hai định luật bất biến hướng dẫn chính sách đối ngoại của bất cứ chính thể nào ở Việt Nam. Tuy nhiên cho tới thập niên 1990, khi Nga Xô sụp đổ, Nhà nước cộng sản Việt Nam tỏ ra rất lúng túng trong quan hệ với hai nước đàn anh vĩ đại là Nga và Trung quốc.

Họ muốn đẩy mạnh hợp tác với các nước dân chủ Tây phương để tạo đối trọng cho sức mạnh của Trung quốc nhưng lại lo sợ ảnh hưởng của các nước này sẽ đưa tới "diễn biến hòa bình," khuyến khích các phong trào chống đối trong nước.

Do đó chính sách đối ngoại của Hà Nội trở nên ngập ngừng.

Được nuôi dưỡng trong chủ nghĩa Mac-Lê lẽ dĩ nhiên là các lãnh tụ cộng sản Việt Nam có chính sách thân hữu với các nước cộng sản. Nhưng khi hai nước cộng sản đàn anh ra mặt chống đối nhau trong thập niên 1960 các người cộng sản Việt Nam tỏ ra hết sức khổ tâm. Nhất là họ đang cần đến viện trợ của cả hai để thôn tính miền Nam Việt Nam. Tháng 8-1960 chính Hồ Chí Minh đã sang Mạc Tư Khoa để thuyết phục Kroutchev duy trì quan hệ hữu nghị với Trung quốc.

Trong cuộc chiến tranh xâm lăng miền Nam, Hà Nội đã được cả Nga Xô lẫn Trung quốc tích cực ủng hộ. Nhưng vì biết hậu ý của Trung quốc là không từ bỏ tham vọng thống trị vùng Đông Nam Á nên ngay sau khi chiếm được toàn thể lãnh thổ quốc gia chính quyền Hà Nội ngả hẳn về Nga để có chỗ nương tựa. Cùng một lúc, tại Lào, một chính thể thân Nga cũng được thành lập. Từ đó bang giao giữa Hà Nội và Bắc Kinh càng ngày càng căng thẳng.

Trong các năm 1977, 1978 Hà Nội có nhiều cử chỉ thân Nga. Họ ký hiệp định "quan hệ đặc biệt" với Lào buộc Lào phải dành dễ dãi cho không quân Nga vào cánh đồng Chum. Họ chuẩn bị nhường cảng Cam Ranh cho Nga. Họ gia nhập khối Comecon. Và cuối cùng họ ký hiệp định "Hữu nghị và hợp tác" với Nga vào tháng 8-1978.

Ngược lại, trong cùng khoảng thời gian này, họ tỏ ra bất thân thiện với Trung quốc. Họ đoạn giao với Cao Mên của Pol Pot thân Trung quốc. Họ quốc hữu hóa các thương nghiệp của người Hoa ở miền Nam Việt Nam khiến 200,000 người Hoa phải ra khỏi Việt Nam. Tháng 12-1978 họ đưa quân đánh chiếm Cao Mên, đuổi Pol Pot, đưa Heng Samrin lên lập một chính thể thân cả Việt Nam lẫn Nga.

Trước sự hình thành của "trục Mạc Tư Khoa-Hà Nội-Vạn Tượng" và trước giấc mơ xây dựng một "Liên bang các Nhà nước cộng sản Đông Dương" của Hà Nội, Trung quốc cảm thấy bị đe dọa ở ngay ngưỡng cửa của họ. Chính đài phát thanh Hà Nội trong một mục bình luận vào tháng 1-1979 mang tựa đề là "Từ Nam Vang tới Kaboul" đã nhấn mạnh rằng vụ Nga Xô xâm lăng Afghanistan và Việt Nam chiếm đóng Cao Mên là "hai hành động song song của phe cộng sản."

Phản ứng của Trung quốc đã rất mau lẹ. Đầu tháng 2-1979, họ đem quân tấn công "cho Việt Nam một bài học." Nhưng quân Trung quốc bị tổn thất nặng nề, phải rút về và từ đó hai bên đả kích nhau từ bên này qua bên kia biên giới bằng máy phóng thanh.

Không khống chế được Việt Nam bằng võ lực, Trung quốc mở mặt trận ngoại giao và kinh tế để "bóp nghẹt" Việt Nam. Họ thỏa hiệp với các nước Âu châu, với các nước thành viên ASEAN và với Mỹ để gây áp lực buộc Việt nam phải rút khỏi Cao Miên. Hàng năm Liên Hiệp Quốc biểu quyết đòi Việt Nam triệt thoái quân đội.

Trong 10 năm trời Việt Nam bị sa lầy ở Cao

Mên, Hà Nội phải huy động 30,000 quân và chi phí khổng lồ để đóng giữ nước này khiến kinh tế trong nước bị kiệt quệ.

Trên trường quốc tế Việt Nam bị cô lập chỉ còn có người bạn duy nhất là Nga Xô. Tướng Trần Công Mẫn, nguyên chủ biên tờ "Quân đội nhân dân" và chủ tịch Hội ký giả Việt Nam đã công nhận rằng: "Chúng tôi đã phạm phải một lỗi lầm là chỉ có một người bạn duy nhất và đã đương đầu với Trung quốc."

Bắt đầu từ năm 1989 tình hình chính trị quốc tế thay đổi hẳn. Liên Bang Xô Viết bắt đầu rạn nứt. Họ rút quân khỏi Afghanistan và đồng thời cũng ngưng viện trợ cho Việt Nam.

Mất điểm tựa duy nhất, Hà Nội lúng túng tìm cách hòa giải với Trung quốc tuy nước này vẫn không bỏ tham vọng bành trướng. Tháng 2-1989 Bắc kinh đem quân chiếm đảo Trường Sa. Tuy vậy tháng 4-1989 Việt Nam vẫn loan báo quyết định rút quân khỏi Cao Mên.

Năm 1991, quan hệ Việt-Trung bước sang giai đoạn mới. Ngoại trưởng Nguyễn Cơ Thạch bị Trung quốc tẩy chay phải ra đi nhường chỗ cho Nguyễn Mạnh Cầm. Ngày 23-10-1991, một hiệp ước quốc tế được ký kết tại Paris đặt Cao Mên dưới sự bảo trợ của Liên Hiệp Quốc.

Tuy hai nước nối lại bang giao nhưng vấn đề biên giới vẫn chưa được giải quyết. Tháng 2-1992, Quốc Hội Trung quốc biểu quyết một đạo luật khẳng định chủ quyền của Trung quốc trên các đảo Hoàng Sa và Trường Sa. Các lãnh tụ cộng sản Hà Nội vẫn tiếp tục chịu thần phục Trung quốc. Ngay trong chính sách đối nội họ cũng dập theo chính sách "Tứ đại canh tân" của Trung quốc mà họ gọi là "khuôn mẫu Trung quốc."

Để giải quyết vấn đề tranh chấp lãnh thổ, Lê Khả Phiêu sang Trung quốc đã phải ký dưới áp lực của Bắc Kinh các hiệp ước phân định lãnh thổ giữa hai nước, nhường cho Trung quốc 11,000 kilomet vuông, vào cuối năm1999.

Ngoài ra hiệp định về lãnh hải ký vào tháng 12-2000 thay thế hiệp định Pháp ký với Triều đình nhà Thanh năm 1887. So với hiệp định 1887 Việt Nam chỉ còn 53% diện tích vịnh Bắc Việt thay vì là 62% trong khi Trung quốc có 47% thay vì là 38% tức là có thêm được 9%, nơi có nhiều khoáng sản và dầu khí thềm lục địa.

Kể từ năm 1990, Hà Nội đã thay đổi đường hướng ngoại giao. Thay vì chỉ thân thiết với những nước cộng sản, thù nghịch với thế giới tự do, hận thù Trung quốc, như ngày trước, họ tìm cách đa phương hóa quan hệ với các nước ngoài: hợp tác với Tây phương, hội nhập vào vùng, thần phục Trung quốc.

Ngay từ khi chiếm trọn được toàn thể lãnh thổ

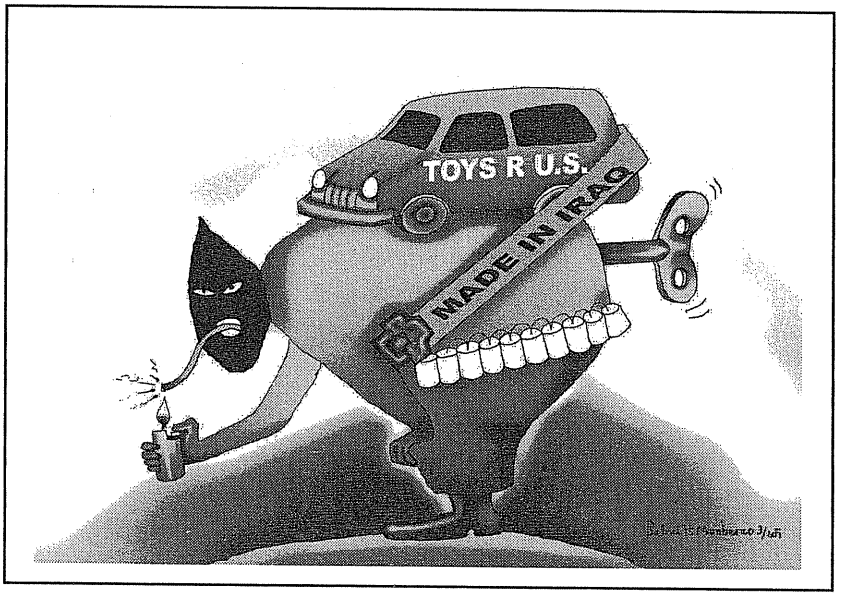

Việt Nam nhà cầm quyền Hà Nội đã muốn quan hệ với các nước tư bản Tây phương nhất là với Mỹ để phát triển kinh tế trong nước. Nhưng vì họ cứ một mực đòi Mỹ bồi thường chiến tranh nên Mỹ tiếp tục cấm vận và ngăn chặn không cho các cơ quan tài chánh quốc tế cấp tín dụng cho Việt Nam.

Không bắt được liên lạc với Mỹ, Hà Nội hợp tác với Pháp để dùng nước này như một cửa sổ mở về phía Tây phương. Pháp đáp ứng ngay với ước muốn này vì Pháp, bị loại khỏi Việt Nam vào thập niên 1950, vẫn mong muốn được trở về đóng vai trò quan trọng ở Á châu. Ngoài ra, nhờ Pháp, Việt Nam được hưởng viện trợ của Liên Hiệp Âu châu. Hiện thời Pháp đầu tư tại Việt Nam khoảng 3 tỷ Mỹ kim và là nước thứ nhì viện trợ cho Việt Nam sau Nhật.

Trong bang giao với Pháp người ta thấy có một điều kỳ lạ là, nếu cần, chính quyền Hà Nội không

ngần ngại tiếp tay với một nước cựu thực dân Âu châu trong chính sách tân thuộc địa của nước này. Tháng 7-2003, Trung tướng Nguyễn Hữu Hiệu, Thứ trưởng Quốc phòng của Hà Nội, đã tới thủ đô Brazzaville nước Congo ký hiệp định hợp tác quân sự với chế độ độc tài của Tổng Thống N'Guesso, tay sai của Pháp. Làm như vậy Hà Nội chủ yếu giúp Pháp bảo vệ quyền lợi về dầu khí mà công ty Pháp Total độc quyền khai thác tại Congo. Đổi lại Việt Nam nhận được trợ giúp của Pháp.

Năm 1994, Tổng Thống Mỹ Bill Clinton bỏ cấm vận. Năm sau Mỹ bình thường hóa quan hệ với Việt Nam và hai bên trao đổi đại sứ năm 1997.

Đối với Mỹ, hợp tác với Việt Nam có thể là một cách tạo đối trọng trước sức mạnh đang lên của Trung quốc. Hiện nay tại Á châu chỉ có hai nước có lực lượng quân sự ngăn chặn được Trung quốc là Ấn Độ và Việt Nam. Trong những năm qua người ta thấy có một vài dấu hiệu hợp tác quân sự Việt-Mỹ. Năm 2003, tướng Phạm Văn Trà, Bộ trưởng Quốc Phòng của Hà Nội đã đáp lời mời của Bộ trưởng Quốc Phòng Mỹ Donald Rumsfeld sang viếng thăm Hoa Thịnh Đốn. Đồng thời chiến hạm Mỹ USS Vandegrift do Đô đốc Thomas Largos cầm đầu đã đến cập bến Sài gòn. Năm 2004, lại đến phiên chiến hạm USS Curtis Wilbur tới thăm Đà Nẵng. Tháng 3 năm nay (2005) chiến hạm nguyên tử USS Gary cũng tới Sài Gòn kỷ niệm 10 năm bang giao giữa hai nước.

Khi quan hệ với Việt Nam Mỹ nhắm một lúc hai mục tiêu. Mục tiêu thứ nhất là để có ưu thế khi nói chuyện với Trung quốc. Mục tiêu thứ hai là tìm cách dân chủ hóaViệt Nam bằng phương tiện hòa hoãn. Vì vậy mà Mỹ không ngớt đòi Hà Nội phải tôn trọng tự do, dân chủ và nhân quyền.

Nhưng khi cần phải chọn giữa Việt Nam và Trung quốc thì Hoa Thịnh Đốn sẽ không ngần ngại chọn Trung quốc. Vì Mỹ cần một thị trường khổng lồ với trên một tỷ người hơn là một thị trường nhỏ bé với 80 triệu dân. Hơn nữa, về phương diện tài chánh Mỹ cần Trung quốc nhiều vì với số tiền thặng dư của cán cân thương mại Trung quốc đang mua công khố phiếu của Mỹ để giúp cho ngân sách Mỹ bớt thâm thủng.

Mỹ cũng còn cần Trung quốc giúp để ngăn chặn Bắc Cao chế tạo võ khí hạt nhân.

Để trấn an Trung quốc, Đại sứ Mỹ tại Hà Nội, Michael Marine, đã vừa lên tiếng bác bỏ dư luận cho rằng Mỹ muốn dùng căn cứ ở Việt Nam để ngăn chận sự bành trướng của Trung quốc ở Đông Nam Á.

Từ năm 1990, khi thay đổi đường hướng ngoại giao, Hà Nội đã tìm cách sát lại gần các quốc gia trong vùng. Năm 1975, còn say men chiến thắng, Hà Nội tự cho mình vai trò "tiền phong" trong công cuộc xích hoá Á châu. Phạm Văn Đồng kiêu ngạo bác bỏ lời mời gia nhập ASEAN. Mười sáu năm sau Võ Văn Kiệt đã phải sang thăm ba nước thành viên của ASEAN là Nam Dương, Thái Lan và Singapore để xin gia nhập tổ chức này.

Trong những năm vừa qua Hà Nội cố gắng hội nhập vào đời sống trong vùng. Nhiều hội nghị quốc tế đã nhóm tại Việt Nam như Hội nghị thượng đỉnh Á Âu, ASEAN...

Tuy nhiên kinh tế của các quốc gia trong vùng cạnh tranh nhiều hơn là bổ túc cho kinh tế Việt Nam. Ngoài ra vấn đề chủ quyền trên các đảo Hoàng Sa và Trường Sa vẫn còn luôn luôn tạo ra tình trạng căng thẳng giữa Trung quốc, Việt Nam và vài quốc gia thành viên ASEAN như Phi Luật Tân, Mã Lai...

Riêng đối với Nhật thì Việt Nam được trợ giúp rất nhiều vì các nhà ngoại giao Nhật đã tiết lộ rằng trong chính sách của Nhật "Việt Nam đóng vai trò làm thế thăng bằng trong quan hệ chính trị quân sự giữa Nhật Bản và Trung quốc hiện nay." Nhưng Nhật vẫn luôn luôn nhắc nhở Hà Nội tới vấn đề tôn trọng dân chủ và nhân quyền.

Tuy cộng tác chặt chẽ với các nước dân chủ Tây phương trên bình diện kinh tế nhưng trên bình diện chính trị tập đoàn cộng sản Hà Nội vẫn tỏ ra dè dặt vì các nước Tây phương luôn đặt vấn đề dân chủ, nhân quyền. Hà Nội lúc nào cũng sợ rằng quan hệ quá mật thiết với Tây phương sẽ đưa tới "diễn biến hòa bình" làm tan vỡ độc quyền của Đảng Cộng Sản ở Việt Nam.

*

Từ 30 năm nay Việt Nam đã sống dưới chế độ độc tài đảng trị. Vào cuối thế kỷ thứ XX, đầu thế kỷ XXI chủ thuyết Mac Lê đã trở nên hoàn toàn lỗi thời. XHCN mà họ đề cao giờ chỉ còn là một chiêu bài vô nghĩa họ nấp đằng sau để cho một nhóm người tham vọng duy trì quyền hành, loại trừ mọi lực lượng chống đối ở bên trong. Trên thực tế chính thể Hà Nội không còn xây dựng trên một lý thuyết chính trị nào đứng đắn mà chỉ là một chính thể độc tài, công an trị. Vì vậy mà các nhà cầm quyền hiện thời ở Hà Nội khó có thể tạo dựng nên một nước Việt Nam trù phú ở bên trong, được kính nể ở bên ngoài.

Đại Hội Điện Ảnh Việt Nam Quốc Tế (ViFF)

www.VietFilmFest.com

LÊ ĐÌNH Y-SA

Sự hình thành của Đại Hội Điện Ảnh Việt Nam Quốc Tế (ViFF)

"I just want to show the humanity of the Vietnamese because for the longest time we are not charaters in films," đạo diễn Victor Vũ ("First Morning", "Oan Hồn"), 29 tuổi, đã nói trong một cuộc phỏng vấn. (tạm dịch: "Tôi chỉ muốn trình bày về tính nhân bản của con người Việt Nam vì đã từ lâu rồi chúng ta không phải là những nhân vật trong phim.")

Sự thiếu vắng nhân vật (gốc) Việt đa dạng, câu chuyện nhìn từ lăng kính của người (gốc) Việt trên màn ảnh rộng, quả là một trong những động lực thôi thúc Hội Văn Học Nghệ Thuật Việt Mỹ (VAALA) đề xướng dự án Đại Hội Điện Ảnh Việt Nam Quốc Tế (Vietnamese International Film Festival – ViFF). Sau thời kỳ "đổi mới" ở Việt Nam, hai tác phẩm điện ảnh của đạo diễn gốc Việt hải ngoại được phép quay ở trong nước đã gây được tiếng vang rất lớn trên màn bạc quốc tế: phim Cyclo của đạo diễn Trần Anh Hùng (giải Sư Tử Vàng tại Venice Film Festival 1995) và phim Ba Mùa (Three Seasons) của đạo diễn Tony Bùi (đoạt ba giải của Sundance Film Festival – giải của ban giám khảo, giải khán giả bình chọn, và giải Cinematography năm 1999). Tuy nhiên, số lượng tác phẩm điện ảnh của những nhà làm phim gốc Việt được phát hành rộng rãi chỉ đếm trên đầu ngón tay. Lãnh vực điện ảnh đòi hỏi nhiều điều kiện mà một cộng đồng non trẻ 30 tuổi chưa đáp ứng ngay được. Tài chánh, khả năng chuyên môn của nhiều ngành nghề trong một đoàn làm phim là những thử thách không dễ vượt qua. Thêm vào đó, sự thờ ơ của khán giả Việt đối với phim của các đạo diễn gốc Việt cũng là một trong những nguyên nhân làm trì trệ khả năng tiến của các nhà làm phim gốc Việt, tạo thành một vòng tròn không lối thoát. Sự lấn át của "phim bộ" Hong Kong cũng là một điều không may cho phim Việt Nam. Trong khi đó "guồng máy" Hollywood vẫn tiếp tục sản xuất đều đặn những hình ảnh "stereotype" người Á Châu nói chung.

Từ đó, việc xây dựng một điễn đàn cho những người làm phim trao đổi với khán giả, với đồng nghiệp, tạo sự chú ý của cộng đồng đến với những người làm phim, tạo một môi trường thuận lợi cho những người làm phim, là một điều cần thiết mà một tổ chức văn hóa cần chú ý đến. Thành lập vào năm 1991, Hội Văn Học Nghệ Thuật Việt Mỹ (VAALA) là một tổ chức văn hóa bất vụ lợi. VAALA đã thực hiện nhiều buổi triển lãm tranh, nhiếp ảnh, trình tấu nhạc, ra mắt sách, tuy nhiên mãi đến năm 2002 Hội mới có một sinh hoạt thuộc lãnh vực điện ảnh: Hội Luận Điện Ảnh (Cinema Symposium) tại Đại học UCLA, mời chín tham luận viên gồm các đạo điễn và tài tử Kiều Chinh, Timothy Linh Bùi, Charlie Nguyễn, Nguyễn Võ Nghiêm Minh, Victor Vũ, Katie Lương, Thanh Trúc, Billinjer Trần, và Lâm Nguyễn. Các tham luận viên đã nói về những kinh nghiệm làm phim

và diễn xuất. Sau Hội Luận Điện Ảnh, một số thành viên trong VAALA đã nghĩ đến việc thực hiện một đại hội điện ảnh, nhưng chưa thực hiện được vì vấn đề nhân lực. Cho đến sau cuộc triển lãm F.O.B: A Multi-Art Show với sự tham gia của 40 nghệ sĩ thuộc nhiều lãnh vực khác nhau như hội họa, điều khắc, installation art, nhiếp ảnh, điện ảnh (chiếu tám phim ngắn và một phim feature), kịch, âm nhạc, đọc thơ, VAALA mới tụ họp được thêm nhân lực và công bố dự án Đại Hội Điện Ảnh Việt Nam Quốc Tế (ViFF) vào đêm bế mạc của cuộc triển lãm F.O.B. tháng 9, 2002. Đồng tổ chức ViFF với VAALA là Hội Văn Hóa & Ngôn Ngữ Việt Nam (VietNamese Language & Culture – VNLC), một tổ chức của sinh viên

Một cảnh trong phim Buổi Chiều của Kim Spurlock. Phim đoạt giải Trống Đồng do ban tổ chức trao tặng.

UCLA. VNLC, với nhiều thành viên trẻ năng động và tích cực trong các công tác văn hóa, cũng đã tổ chức Cinema Symposium cùng VAALA.

VAALA và VNLC mất gần một năm ráo riết chuẩn bị. Đại Hội Điện Ảnh Việt Nam Quốc Tế lần thứ nhất ra đời, kéo dài hai cuối tuần từ 23 – 26 tháng 10 và 30 tháng 10 đến 2 tháng 11, 2003.

Và... action!

Nhân sự nòng cốt của ban tổ chức ViFF khoảng 15 người, gồm những người đứng đầu các ban như Ban Tuyển Phim, Ban Duyệt Phim, Ban Gây Quỹ, Ban Báo Chí, v.v. Tất cả đều làm việc thiện nguyện. Một vị cố vấn của VAALA, bà Anne Frank, Quản thủ của Văn Khố Đông Nam Á ở đại học University of Califirnia (UCI) đã giới thiệu ban tổ chức với Khoa Nhân Văn (School of Humanities) của UCI. Chúng tôi sau đó quyết định chọn UCI làm địa điểm chính của Đại Hội. Đại Học UCI cách Little Saigon chỉ khoảng 20 phút lái xe, nhưng cũng có điểm bất lợi: địa điểm chiếu phim trong khuôn viên đại học rộng lớn nên nhiều khán giả cũng ngại vì sợ đi lạc. Do đó, ban tổ chức đã thực hiện một số suất chiếu tại địa điểm ngay khu Little Saigon như phòng hội của nhật báo Người Việt và Viễn Đông.

Trước khi bắt tay vào công việc tổ chức, chúng tôi đã đến gặp và tham khảo ý kiến, học hỏi kinh nghiệm từ các tổ chức khác như NAATA – một tổ chức văn hóa bất vụ lợi thực hiện San Francisco Asian American Film Festival và Visual Communications Film Festival ở Los Angels, một đại hội điện ảnh dành cho phim Á Châu. San Francisco Asian American Film Festival đã có mặt từ năm 1982 , và Visual Communications Film Festival hiện diện từ năm 1970. Khi mới bắt đầu tổ chức, NAATA chỉ có khoảng 20 phim; hiện nay mỗi năm, NAATA trình làng hơn 100 tác phẩm điện ảnh của những nhà làm phim (gốc) Á Châu tại Hoa Kỳ cũng như từ các nước Á Châu.

Điều kiện duy nhất để gửi phim cho ViFF là đạo diễn gốc Việt sống ở hải ngoại. Phim phải có phụ đề Anh ngữ nếu phim không nói tiếng Anh. Năm đầu tiên, chúng tôi tuyển phim bằng cách gửi thông cáo cho các cơ sở truyền thông Việt ngữ ở Hoa Kỳ, Pháp, Canada, Đức, Úc. Chúng tôi cũng gửi thông cáo đến các nhóm trên internet và chuyền email cho bạn bè.... Ban tổ chức còn gửi thông cáo đến rất nhiều trường điện ảnh tại Hoa Kỳ và các nước đông người Việt cư ngụ. Chúng tôi đoán có lẽ nhiều lắm sẽ nhận được khoảng 20, 30 tác phẩm điện ảnh. Nhưng thật không ngờ, chúng tôi nhận được 71 phim (kể cả một số phim mời tham dự như Mùa Hè Chiều Thẳng Đứng (Trần Anh Hùng), Surname Viet, Given Name Nam (Trịnh Thị Minh Hà), Ba Mùa (Tony Bùi), Green Dragon (Timothy Linh Bùi), và Người Tình Không Chân Dung (Hoàng Vĩnh Lộc), Saigon, USA (Robert Winn & Lindsey Jang), và The Boy Monk (Teri Sforza). Ban Duyệt Phim gồm tám người chọn phim qua việc xét về mặt nghệ thuật, kỹ thuật, nội dung và tầm quan trọng của phim đối với khán giả tại ViFF. Ban Duyệt Phim chọn trình chiếu 45 phim. Chiếm đa số là phim đến từ Hoa Kỳ, ba phim từ Pháp, hai phim từ Úc, một phim từ Canada, và một phim từ Đức. Phim ngắn nhất là Entropy của David Lưu và Dear Diary của Nguyễn Kiên Tuấn (hai phút).

Đạo diễn trẻ nhất là Anthony H. Nguyễn (Hoa Kỳ), 17 tuổi, học sinh lớp 11; đạo diễn Nguyễn Tường Hùng (Pháp) cao tuổi nhất, 72 tuổi. Đạo diễn tuổi từ 24 đến 30 chiếm đa số. Sáu nữ đạo

diễn tham dự, trên tổng số 43 đạo diễn (14%). Một số đạo diễn ở xa đến tham dự như đạo diễn Nguyễn Tường Hùng và Nguyễn Đình Nhân đến từ Pháp, Kim Nguyễn từ Canada, đạo diễn Nguyễn Kiên Tuấn từ Maryland, Nguyễn Trần Minh Chiêu và Huy Trương từ New York.

Giải thưởng phim ngắn hay nhất do khán giả bình chọn thuộc về "Ngày Giỗ" ("The Anniversary") của đạo diễn Hàm Trần (Hoa Kỳ) và "Đường Trần" ("Passage of Life") của đạo diễn Lưu Huỳnh (Hoa Kỳ). ViFF cũng đã trao tặng giải thưởng *Lifetime Achievement Award* cho nữ tài tử Kiều Chinh để ghi nhận những cống hiến của bà trong nghệ thuật điện ảnh.

Ngoài những suất chiếu phim, ViFF 2003 còn có những buổi hội luận hay workshop dạy cách quay phim bằng máy camcorder đơn giản. Hai buổi tiệc gala sau đêm khai mạc và bế mạc thu hút khá đông khán giả. Ban tổ chức ước lượng hơn 3000 người đã tham dự ViFF 2003. Khán giả tuổi từ 25 – 35 chiếm đa số. Sau mỗi buổi chiếu phim, ban tổ chức phát phiếu thăm dò (survey). Khán giả cho điểm suất phim họ xem lên phiếu.

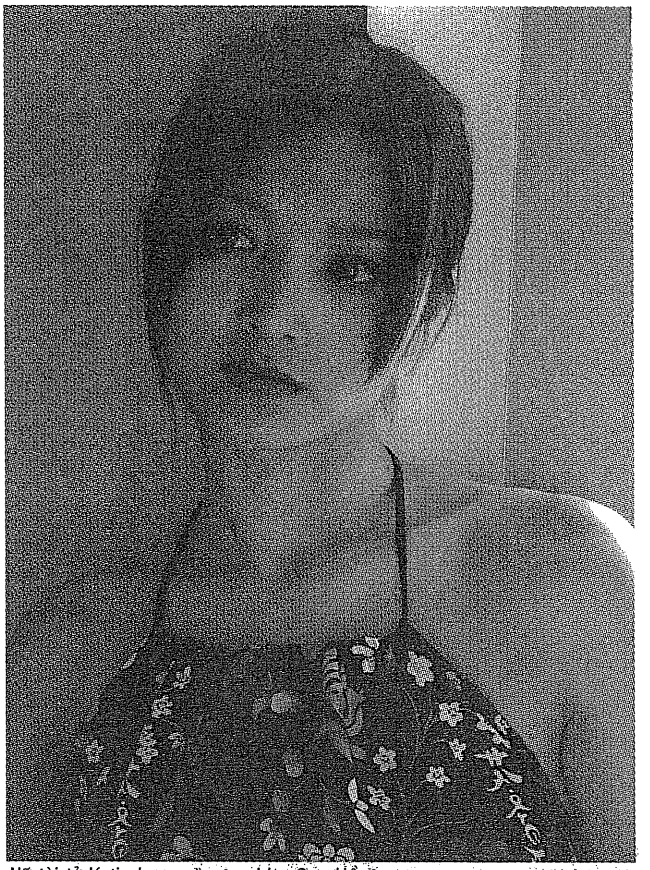
Nữ tài tử Katie Lương trong phim Oan Hồn.

Đa số phần tiếp xúc với khán giả sau mỗi suất chiếu phim đều có sự hiện diện của các đạo diễn hoặc tài tử. Ban tổ chức thực hiện phần tiếp xúc khán giảbằng song ngữ Việt – Anh. Khán giả tỏ ra rất thích thú với phần tiếp xúc sau buổi chiếu phim. Ban tổ chức ghi nhận điều này và luôn khuyến khích khán giả đặt câu hỏi hoặc góp ý kiến. Trong số các sinh hoạt văn hóa do VAALA tổ chức, có lẽ ViFF thu hút được nhiều lứa tuổi khác nhau nhất. Thường những buổi ra mắt sách của các nhà văn thế hệ thứ nhất thu hút các độc giả cùng lứa tuổi; chương trình kịch nếu biểu diễn bằng tiếng Anh chỉ thu hút giới sinh viên; triển lãm tranh cũng chỉ thu hút được một số khách thưởng ngoạn v.v. Chỉ có ViFF mới thu hút được nhiều thành phần khán giả đa dạng. Giá vé $5 mua trước hoặc dành cho sinh viên, quí vị cao niên trên 60 tuổi, và $7 mua tại cửa đều dưới giá xem phim ngoài rạp. Ngoài ra, để khuyến khích hai giới ít đi xem phim, ban tổ chức dành một ngày hoàn toàn miễn phí cho quý vị cao niên (Senior Citizen Day) và ngày miễn phí cho học sinh trung học (High School Day).

ViFF 2003 kết thúc với nhiều dư âm tốt đẹp, nhưng ban tổ chức hoàn toàn không dám hứa hẹn sẽ có ViFF thứ hai. Tuy nhiên, sau ViFF 2003, một số khán giả liên tục hỏi thăm khi nào sẽ có Đại Hội Điện Ảnh lần thứ hai. Một số đạo diễn cho biết họ có phim mới và rất muốn tham dự ViFF lần thứ hai. Các thiện nguyện viên sau một thời gian nghỉ ngơi, "nhớ" không khí sinh hoạt, muốn thực hiện ViFF một lần nữa. VAALA và VNLC sau đó đồng tổ chức Cinema Symposium 2, cũng tại UCLA vào tháng 11, 2004. Lần này ngoài nói chuyện về phim, ban tổ chức còn chiếu bốn phim ngắn. Trong buổi hội luận, ban tổ chức tuyên bố tổ chức ViFF lần thứ hai, từ ngày 7 – 10 và 14 – 17 tháng 4, 2005. Thông cáo tuyển phim được tung ra ngay sau đó.

Thay vì thực hiện vào tháng Mười, ban tổ chức quyết định dời ViFF lên tháng Tư để tiện cho mùa thi cử của anh em sinh viên VNLC. Ban tổ chức đã tạo một mối quan hệ tốt với Đại học UCI, giữ liên lạc với các thiện nguyện viên, bảo trợ viên cũ, nhiều đạo diễn biết đến ViFF hơn, do đó việc tổ chức nhiều phần dễ dàng hơn lần đầu. Lần này ViFF mở rộng cho tất cả đạo diễn ngườiViệt

hoặc gốc Việt trên toàn thế giới.

ViFF 2005 nhận được 43 phim và trình chiếu 37 phim, gồm 31 phim ngắn (dưới 60 phút) và sáu phim features. Tuy số lượng không nhiều bằng ViFF 2003 nhưng nếu tính tỷ lệ phần trăm, ViFF 2005 nhiều tác phẩm mới hơn, được thực hiện trong vòng một, hai năm nay; trong khi ViFF 2003 có nhiều tác phẩm đã làm từ lâu (ViFF không đặt nặng vấn đề thời gian tính). Đặc biệt lần này, ViFF mở rộng đón nhận tất cả tác phẩm của đạo diễn người Việt hoặc gốc Việt trên khắp thế giới, kể cả từ Việt Nam. Đa số tác phẩm đến từ các đạo diễn sống ở Hoa Kỳ. Cũng như ViFF 2003, ViFF 2005 nhận được tác phẩm từ những đạo diễn gốc Việt ở Canada, Pháp và Úc, và lần này có hai tác phẩm của hai đạo diễn ở Việt Nam gửi đến tham dự, đó là phim Thung Lũng Hoang Vắng của đạo diễn Phạm Nhuệ Giang và phim ngắn Tôi Là Ai của đạo diễn Lê Thanh Sơn.

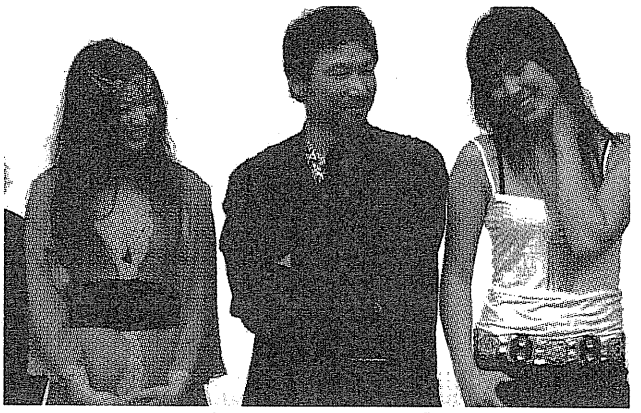

Từ trái: Katie Lương, Tuấn Cường, và Kathy Nguyễn: 3 tài tử chính trong phim Oan Hồn của đạo diễn Victor Vũ. (Hình: Anne Anh Thư Hoàng)

Nhiều đạo diễn của ViFF 2003 đã trở lại với ViFF 2005 qua tác phẩm mới như Hàm Trần, Victor Vũ, Nguyễn Kiên Tuấn, Nguyễn Đình Nhân, v.v. Đạo diễn trẻ nhất của ViFF là Andy Nguyễn, 18 tuổi, học sinh trung học. Đạo diễn trẻ Anthony H. Nguyễn, nay là sinh viên ngành điện ảnh năm thứ nhất, cũng trở lại ViFF qua cuốn phim mới Walking Distance. Cũng như ViFF 2003, hầu hết các đạo diễn ở vào lứa tuổi dưới 30; phái nữ chiếm 20% — bảy người. Khách ở xa đến gồm có các đạo diễn Phạm Nhuệ Giang từ Việt Nam, Siu Tạ từ Canada, Kim Spurlock từ New York, Trần Quốc Bảo từ Seattle, Nguyễn Kiên Tuấn từ Maryland.

Năm nay ban tổ chức quyết định lập giải thưởng Trống Đồng, trao cho phim ngắn hay nhất do Executive Committee và Ban Duyệt Phim trao. Giải Trống Đồng về tay nữ đạo diễn Kim Spurlock với phim Buổi Chiều, và Giải Khán Giả Bình Chọn cũng lọt vào tay một nữ đạo diễn: M. Trinh Nguyễn với phim tài liệu Tiger's Apprentice. Số lượng phim features tham dự còn quá ít để có thể lập một cuộc thi. Ban tổ chức trao giảo lưu niệm cho tất cả đạo diễn đã gửi phim feature tham dự Đại Hội.

Năm nay ban tổ chức mời một số hội đoàn trong cộng đồng "co-present" (cùng giới thiệu) một số suất chiếu phim. Thí dụ, East Meets West Foundation, một tổ chức bất vụ lợi thực hiện nhiều dự án giúp trẻ em Việt Nam, co-present suất chiếu phim Each Grain of Rice nói về trẻ em mồ côi ở chùa Diệu Giác. Khi nhận lời "co-present," các hội đoàn sẽ kêu gọi thành viên của họ đến xem phim của ViFF. Sự hiện diện của một số hội đoàn tại ViFF như Hội Ung Thư Việt Mỹ (VACF), Chance Theatre, East Meets West Foundation, SAP-VN... đã cho ban tổ chức thêm nhiều hy vọng sẽ giữ vững và tiếp tục truyền thống "cách mỗi năm một lần" của ViFF.

ViFF 2005 kết thúc bằng cuốn phim thực sự mang tính "Việt Nam quốc tế": Mùa Len Trâu của đạo diễn Nguyễn Võ Nghiêm Minh do ba quốc gia Pháp, Bỉ và Việt Nam sản xuất. Tìm tài trợ từ nhiều quốc gia khác nhau, mời các tài tử hoặc chuyên viên trong đoàn làm phim từ nhiều cộng đồng sắc dân khác nhau có lẽ sẽ là một hướng đi của nhiều đạo diễn trẻ trong tương lai.

Số khán giả tham dự ViFF 2005 cũng tương tự như ViFF 2003. Riêng đêm bế mạc, phim Mùa Len Trâu lập kỷ lục về số khán giả tham dự. Phòng chiếu phim hơn 350 chỗ ngồi của Film and Video Center (FVC) của đại học UCI đông nghẹt. Ban tổ chức phải kê thêm ghế phía sau, và một số khán giả phải ra về vì không còn chỗ đứng.

"Feel like home!"

"Thấy giống như ở nhà!" Đạo diễn Hàm Trần và producer Lâm Nguyễn cho biết khi khi được hỏi các anh gì về ViFF. Hàm Trần và Lâm Nguyễn từng tham dự rất nhiều đại hội điện ảnh, nhưng chỉ có ViFF mới cho Hàm và Lâm cảm giác gần gũi như "về nhà." Đạo diễn Nguyễn Võ Nghiêm Minh cho biết phim Mùa Len Trâu, vốn được gợi hứng từ tác phẩm Hương Rừng Cà Mau của nhà văn Sơn Nam, khi trình chiếu tại ViFF cũng mang một ý nghĩa đặc biệt đối với anh. Cô Jenni Trang

Lê, phó giám đốc ViFF, nói với phóng viên báo Người Việt, "Tôi rất vui vì đại hội ViFF kỳ này quy tụ được nhiều tài năng trong giới trẻ Việt hải ngoại. Có nhiều người sinh ra và lớn lên ở Mỹ, họ trở về nguồn và đến với ViFF. Có những người, như đạo diễn John Nguyễn phim "What's for Dinner, Dear?" đã từng tham gia dự án VAX-TV và sau khi đụng phản ứng, đã định từ bỏ và quay lưng lại với cộng đồng, nhưng nay qua ViFF, anh ấy lại về với người Việt Nam. Như vậy chúng tôi đã làm được nhiệm vụ cầu nối giữa cộng đồng và tài năng trẻ, và do đó tôi rất vui." Jenni Trang Lê sinh ở Texas. Cô là một thành viên trong ban tổ chức từ những ngày đầu mới thành lập ViFF. Sau hai kỳ tổ chức ViFF, Jenni dự định theo học... ngành đạo diễn điện ảnh.

Đề tài của phim

Khi ra thông cáo tuyển phim, ban tổ chức tiên đoán sẽ nhận được nhiều phim mang đề tài chiến tranh Việt Nam, nhưng thật ra đề tài của các tác phẩm trong hai kỳ đại hội rất đa dạng. Từ đề tài kinh nghiệm di dân như Từ Đó Đến Đây (Vũ Trần), Waltz (Rob Shaw), First Year (Trác Vũ), Dear Diary (Nguyễn Kiên Tuấn), Green Dragon (Timothy Linh Bùi), đề tài về sự va chạm văn hóa, tìm về bản sắc cội nguồn như Mẹ Việt Nam (Cường Simon Phan), Tiger's Apprentice (M. Trinh Nguyễn), Fish Sauce Breath (Thảo Nguyễn), 0.5+ 0.5= 0.5 (Mỹ Lê Thi), xung đột và hàn gắn trong gia đình (Tuesdays After), First Morning (Victor Vũ), những vấn đề của đời sống, xã hội hàng ngày như Walking Distance (Anthony H. Nguyễn), Birds & Bees (Edward T. Tran), Wonderful Tonight (Tuấn Trần), You Got Beef (Paul Nguyễn), Tây Nước Mắm (Nguyễn Đình Nhân), hậu quả cuộc chiến Việt Nam (The Anniversary (Hàm Trần), Journey from the Fall (Hàm Trần), Green Dragon (Timothy Linh Bùi), Tiếng Mẹ Trên Đất Cha (Cường Simon Phan), Chạy Trong Cỏ Cao (Howard Duy Vũ)...

Một khán giả nói với chúng tôi trước khi tham dự Đại Hội: "Đạo diễn (gốc) Việt Nam chỉ làm phim về đề tài liên quan đến Việt Nam." Vị khán giả này đưa ra thí dụ như những phim đã được phát hành rộng rãi như các phim Mùi Đu Đủ Xanh, Cyclo, Mùa Hè Chiều Thẳng Đứng của Trần Anh Hùng, Ba Mùa của Tony Bùi và Green Dragon của Timothy Linh Bùi. Không thể phủ nhận được việc các nhà làm phim gốc Việt vẫn chú trọng đến vấn đề của cuộc chiến Việt Nam hay hậu quả của cuộc chiến. Đơn giản là phần lớn họ thuộc vào thế hệ sau chiến tranh, chịu hậu quả của cuộc chiến lâu dài. Khi chiếu ra mắt phim Green Dragon, đạo diễn Timothy Linh Bùi cho biết anh chọn đề tài về kinh nghiệm di dân của những người Việt sang Hoa Kỳ vào năm 1975 vì những kinh nghiệm sống này rất quan trọng đối với gia đình và đối với chính bản thân anh, cần phải "nói lên ngay bây giờ," trước khi chọn một đề tài không liên hệ đến Việt Nam.

Đạo diễn Hàm Trần kể anh được xem một cuốn phim tài liệu nói về các phim thuộc thể loại phim chiến tranh Việt Nam. Đương nhiên phim đã điểm qua các tác phẩm điện ảnh của Stone, Coppola, Schumacher, và sau cùng, phim tài liệu đó kết luận "Chỉ còn thiếu một tiếng nói trong thể loại này, đó là tiếng nói của... người Mỹ gốc Phi Châu." "Trời ơi," Hàm nói, "Còn tiếng nói của chính những người trong cuộc, những con người của đất nước nơi mà cuộc chiến đã xảy ra thì sao? Tiếng nói của người Việt Nam thì sao?" Đó là động lực thôi thúc Hàm Trần thực hiện cuốn phim ngắn Ngày Giỗ (The Anniversary) – đoạt hơn 30 giải thưởng – và tiếp theo Ngày Giỗ là phim feature đầu tay Journey from the Fall mà anh vừa trình chiếu đặc biệt tưởng niệm 30 tháng 4 tại các thành phố lớn đông dân Việt cư ngụ như Garden Grove (quận Cam), Washington D.C., và San José.

Nhìn vào tương lai

ViFF hiện nay không phải là đại hội điện ảnh duy nhất trình chiếu phim của đạo diễn gốc Việt. Sau ViFF 2003, đạo diễn Nguyễn Kiên Tuấn ở Maryland, rất yêu mến không khí của đại hội và muốn thực hiện một đại hội điện ảnh tương tự như ViFF. Anh về lại Maryland, cùng Hội Văn Hóa và Khoa Học Việt Nam và với sự hỗ trợ của chương trình Vietnamese American TV (VATV), tổ chức Cinefest, kéo dài trong hai ngày, chiếu một số phim ngắn và features của đạo diễn gốc Việt hải ngoại. Cinefest đã được thực hiện liên tục hai năm, 2004 và 2005. Hiện nay, Hội Chuyên Gia Việt Nam (Vietnamese Professional Society – VPS) tại Dallas cũng đang chuẩn bị tổ chức một đại hội điện ảnh Việt Nam tại Dallas vào tháng Chín năm nay. VPS đã cử hai thành viên sang tham dự ViFF 2005 để "học hỏi kinh nghiệm." Càng nhiều nơi tổ chức đại hội điện ảnh hoặc những buổi chiếu phim đặc biệt và mời các đạo diễn, tài tử đến nói chuyện, những người trong ngành điện ảnh sẽ càng có cơ hội phát triển tài năng, tìm thêm sự yểm trợ cho những dự án. Việc đạo diễn Hàm Trần tìm được tài trợ cho cuốn

phim Journey from the Fall từ những nhà đầu tư trong cộng đồng Việt Nam cho thấy bộ môn điện ảnh bắt đầu được quan tâm nhiều hơn. Chính tại ViFF 2003, một nhà đầu tư đã xem The Anniversary của Hàm Trần và rất thích phong cách đạo diễn của Hàm Trần. Nhà đầu tư này sau đó đã giúp trở thành Executive Producer của Journey from the Fall. Chúng tôi hy vọng ViFF còn là một nơi cho các đạo diễn tìm được nguồn tài trợ cho dự án của mình.

Sau ViFF 2003, cô Trâm Lê, Giám Đốc Đại Hội năm 2003, đã được Center for International Studies tại City University - New York, College of Staten Island mời nói chuyện và trình chiếu một chương trình gồm một số phim ngắn đã được chiếu tại ViFF 2003. City Univeristy cũng mời các đạo diễn đến tiếp xúc với khán giả. Đại Hội của Hội Chuyên Gia Việt Nam tổ chức tại quận Cam tháng 10, 2004 đã tổ chức hẳn một workshop cho điện ảnh. Hội Dược Sĩ Việt Nam kỷ niệm 25 năm thành lập vào tháng Bảy năm nay sẽ cho các thành viên thưởng thức một chương trình khoảng 60 phút gồm một số phim ngắn chọn lọc từ hai kỳ của ViFF. Khóa Tu Nghiệp của các Trung Tâm Việt Ngữ Nam Cali sẽ dành thì giờ cho một workshop về đề tài "Nét văn hóa Việt trong phim của đạo diễn gốc Việt hải ngoại" và một "suất" chiếu phim ngắn ngay trong buổi khai mạc khóa Tu nghiệp. Càng nhiều người quan tâm đến ViFF, ViFF càng có cơ hội để trở thành một một truyền thống "cách mỗi năm một lần," hay biết đâu sau này sẽ trở thành "mỗi năm một lần" (dĩ nhiên nếu tốc độ làm phim của các đạo diễn cho phép!).

Các thiện nguyện viên của ViF F chào tạm biệt khán giả. Hẹn gặp ở ViFF 2007! (Hình: Tim Trần)

Tuy nhiên, chúng tôi không muốn sự chú tâm đến điện ảnh chỉ "nở rộ" trong khoảng thời gian sau một, hai kỳ đại hội, mà chúng tôi hy vọng sự chú tâm về sinh hoạt điện ảnh sẽ lâu dài và bền bỉ, tạo thành một "thói quen" thưởng thức và yểm trợ cho những người làm phim gốc Việt. Muốn có thêm nhiều tác phẩm điện ảnh, chúng ta phải cung cấp môi trường nuôi dưỡng những tài năng qua các sinh hoạt như đại hội điện ảnh, nói chuyện về phim, tổ chức những buổi ra mắt, chiếu phim đặc biệt trong cộng đồng, v.v. Nhìn vào tương lai, chúng tôi mong ViFF có thể thành lập một Foundation, giúp những người làm phim trẻ thực hiện tác phẩm đầu tay của họ và thành lập một mạng lưới (network), giúp các đạo diễn tìm nguồn tài trợ để thực hiện phim, như tìm ngân khoản tài trợ, tuyển tài tử hoặc các vai trò chuyên viên trong đoàn làm phim, v.v. Số tuổi trung bình của các đạo diễn gửi phim cho hai kỳ ViFF cho thấy phần lớn vẫn còn đang trong giai đoạn tìm tòi, khai phá, và sung mãn về sáng tác. Chúng ta có thể mong chờ ở họ những hướng đi mới về kỹ thuật cũng như tư tưởng. ViFF tiếp tục là một chỗ dựa, một "bàn đạp" cho các nhà làm phim khi xâm nhập vào "dòng chính."

Về phương diện tổ chức, chúng tôi hy vọng ViFF tiếp tục thu hút nhiều thiện nguyện viên và trở thành một nơi cho nhiều thiện nguyện viên trẻ có thể học hỏi thêm về văn hóa Việt. (ViFF 2005 đã thu hút khoảng 50 thiện nguyện viên lo các công việc như bán vé, hướng dẫn khán giả, bán sản phẩm của ViFF, v.v.) Vì ViFF cần ít nhất một năm để chuẩn bị, nhiều thiện nguyện viên chỉ có thể đến với ViFF trong vài tháng cuối hoặc lúc ban đầu. Chúng tôi mong với sự quan tâm của nhiều người trong cộng đồng, ViFF sẽ thu hút đông khán giả hơn, mở ra nhiều cơ hội cho ViFF tìm tài trợ; và như vậy, ViFF sẽ có khả năng "trả lương" cho một số nhân sự theo đuổi dự án lâu dài. Sự bảo trợ của một số cơ sở thương mại lớn như Wells Fargo, Cathay Bank năm nay cho thấy những dấu hiệu khả quan cho những năm tới trong việc tìm nguồn tài trợ cho ViFF. Những người Việt trẻ thành công trong sự nghiệp nếu muốn "give back" cho cộng đồng thì những sinh hoạt văn hóa như ViFF rất xứng đáng được hỗ trợ.

Từng bước một, chúng tôi hy vọng những câu chuyện, những khuôn mặt, tiếng nói, nét văn hóa đặc thù của chúng ta sẽ được xuất hiện thường xuyên trên màn ảnh rộng, qua nhiều đề tài và vai diễn đa dạng.

1. Cô Lê Đình Y-Sa là đồng sáng lập viên Đại Hội Điện Ảnh Việt Nam Quốc Tế (ViFF), Director of Public Relations của ViFF 2003 và Đồng Giám Đốc Đại Hội (Festival Co-Director) 2005. Cô hiện là Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị Hội Văn Học Nghệ Thuật Việt Mỹ (VAALA).

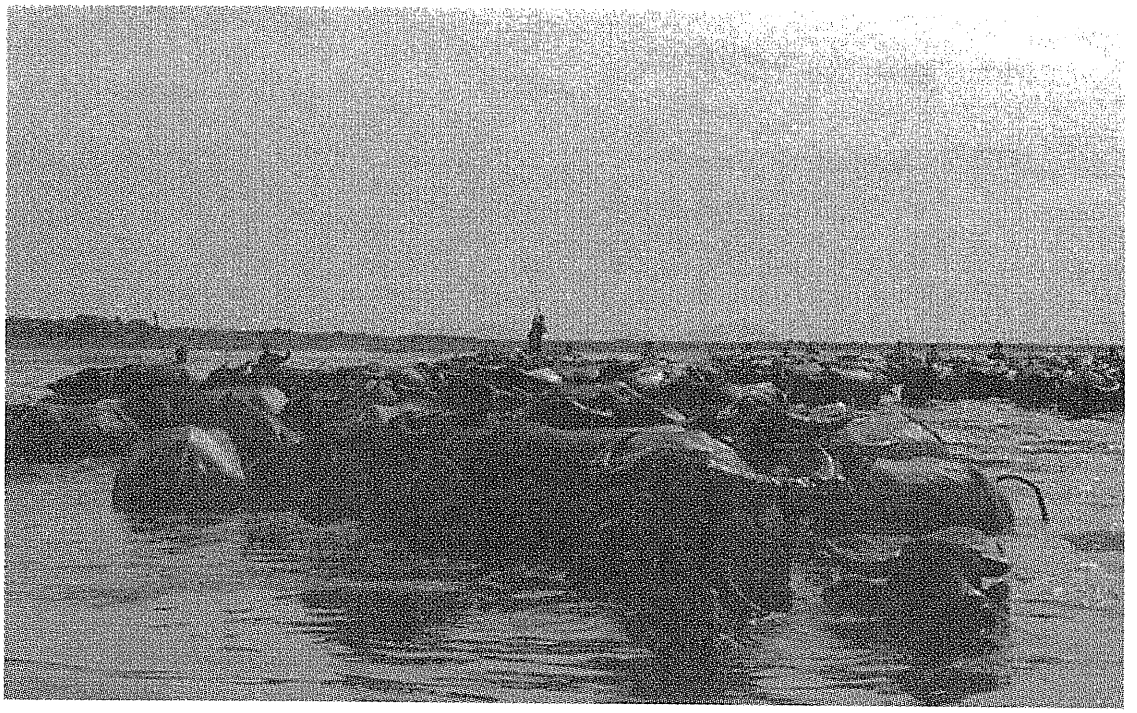

"Mùa Len Trâu"

của Nguyễn Võ Nghiêm Minh Khép Lại ViFF 2005

CÁT NGUYÊN

(Bản Anh ngữ đăng ở catalogue của ViFF 2005)

"Nước tràn bờ sông Hậu chảy qua. Nước trên trời tuôn xuống. Gió biển triền miên thổi lộng về. Từ sáng đến chiều, mặt trời biến dạng sau lớp mưa: ánh nắng pha loãng đều đều không làm chóa mắt kẻ ưu tư đang ngồi hút thuốc mà ngắm mấy lượn sóng chạy dài tiếp lưng trời. Núi Ba-thê bên nầy, núi Cấm trước mặt, hòn Sóc, hòn Đất bên kia bình thường xem hùng vĩ, thơ mộng thì nay trở thành lè tè, bé bỏng trong cảnh bao la trời nước...."

(trích truyện ngắn "Mùa 'Len' Trâu" trong Tuyển Tập Hương Rừng Cà Mau của Sơn Nam)

"Tôi đọc *Hương Rừng Cà Mau* của Sơn Nam từ hồi trung học. Hai truyện ngắn Mùa 'Len' Trâu và Một Cuộc Biển Dâu, đã tạo một cảm hứng sâu xa cho kịch bản của tôi. Tuy kịch bản 'Mùa Len Trâu' không phải là chuyển thể từ truyện của Sơn Nam, nhưng nếu không có *Hương Rừng Cà Mau* thì không có kịch bản 'Mùa Len Trâu'," đạo diễn Nguyễn Võ Nghiêm Minh nói.

Phim "Mùa Len Trâu" lấy bối cảnh của thập niên 1940 , vùng đất thấp Cà Mau, dưới thời Pháp thuộc. Cốt chuyện xoay quanh cậu bé chăn trâu 15 tuổi tên Kìm phải "len" hai con trâu của gia đình lên vùng đất cao để tránh lũ lụt. Qua một mùa lũ, Kìm đã phải vật lộn với sóng gió của cuộc đời để trưởng thành. Phim "Mùa Len Trâu" được quay hoàn toàn tại vùng tứ giác Long Xuyên, Cà Mau, Châu Đốc và Hà Tiên vào tháng 8 năm 2003.

Năm 2002, Nghiêm Minh cùng nhà sản xuất về Việt Nam. Thoạt đầu, anh dự trù quay ở những

vùng quê gần Sài Gòn để tiện di chuyển, giảm chi phí. Tuy nhiên, anh không hài lòng với bất cứ một nơi nào, cho đến khi xuống vùng tứ giác Long Xuyên, Cà Mau, Châu Đốc, Hà Tiên, khung cảnh thật của *Hương Rừng Cà Mau*. "Lần đầu tiên thấy cảnh mùa nước nổi, thật ngoài sức tưởng tượng của tôi!" Nghiêm Minh nhớ lại. "Chính nhờ những hình ảnh thiên nhiên gây xúc động mạnh, nên khi trở lại Âu Châu, chúng tôi tìm thêm được tài chánh để thực hiện cuốn phim." "Mùa Len Trâu" do nhà sản xuất từ các nước Pháp, Bỉ, và Việt Nam (Hãng Phim Giải Phóng) thực hiện.

"Đối với tôi, nước là một nhân vật," Nghiêm Minh trình bày. "Nước còn là biểu tượng của sự sống – có nước dân mới cày cấy được. Nhưng nước cũng là biểu tượng của sự chết với sức tàn phá về sinh mạng cũng như vật chất." Khi có người chết vào mùa lũ, không có đất để chôn, người ta lấy đá cột vào xác, thả xuống nước. Sau khi nước rút đi, người nhà nhặt lấy xương và mai táng. Cây cỏ cũng mục rữa trong nước trở thành phù sa bồi đắp. Chính từ sự chết này mà nảy sinh sự sống.

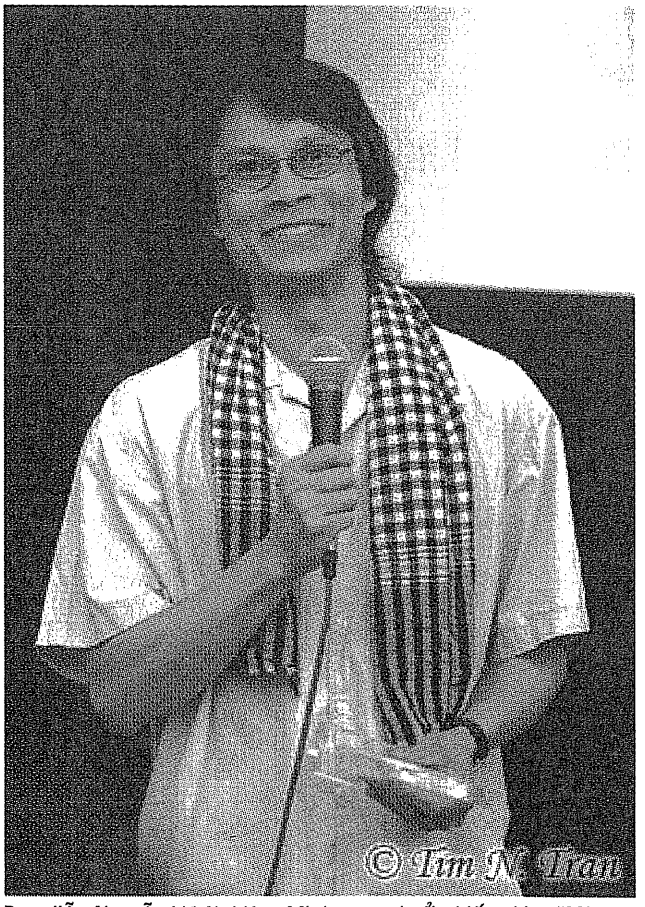

Đạo diễn Nguyễn Võ Nghiêm Minh trong buổi chiếu phim "Mùa Len Trâu," bế mạc Đại Hội Điện Ảnh Việt Nam Quốc Tế 2005

Điều này đã được Sơn Nam miêu tả trong "Một Cuộc Biển Dâu." "Không thể tách rời sự sống và sự chết, hai điều luôn gắn bó với nhau," Nghiêm Minh nói.

Hình ảnh của sự sống và sự chết, do đó, phản ảnh qua mùa khô và mùa lũ, tạo nên tiết tấu cho phim. Sự khác biệt về hình ảnh, màu sắc, cảnh vật, và đường nét của hai mùa rất rõ rệt. "Vào mùa lũ, chúng ta thấy rất nhiều những đường nét ngang, song song với chân trời. Nước bao phủ tất cả. Thành ra đường nét ngang là đường nét quan trọng nhất trong hình ảnh." Nghiêm Minh đã thảo luận kỹ với Yves Cape, cinematographer của anh, để tô đậm nét đặc biệt này. Vào mùa khô, màu sắc tươi hơn. Màu xanh của cỏ, của đồng lúa, của hy vọng, tương phản với màu nâu của nước lụt, màu đen của bùn vào mùa lũ... Yves Cape vốn là cinematographer cho "L'Humanité," phim Pháp đã từng đoạt giải thưởng Grand Jury Award tại Cannes năm 1999. Đây là lần đầu tiên Yves quay phim tại Việt Nam.

Điều khó khăn nhất của Nghiêm Minh khi gặp trong lúc quay "Mùa Len Trâu" cũng rất khác thường. Một cảnh trong phim cần hơn 300 con trâu! "Mỗi nhà thường chỉ có vài con trâu, thành ra việc tập hợp hơn 300 con trâu hết sức vất vả, phải nhờ các chủ trâu đi theo điều khiển để tránh xung đột giữa những con trâu," Nghiêm Minh kể.

Giờ giấc quay rất thất thường. Nếu quay cảnh ban đêm sẽ phải bắt đầu từ 4, 5 giờ chiều và xếp dọn đồ đạc lúc 5, 6 giờ sáng. Một ngày làm việc 12, 13 tiếng. Ngân khoản thực hiện phim khiêm tốn, thành ra mỗi một lần di chuyển ngoài dự định là tổn thất nặng. "Có lần đang quay thì nước 'giựt', tiếng địa phương có nghĩa là nước rút," Nghiêm Minh kể. "Lại phải từ Châu Đốc chạy qua Hà Tiên rồi trở về Châu Đốc."

Một điều đọng lại trong tâm trí của Nghiêm Minh là hình ảnh của các em thiếu nhi 6, 7 tuổi trong vai em bé chăn trâu. "Các diễn viên 'người lớn' hay bị rơi vào tình trạng 'phải diễn'. Làm việc với các em thiếu nhi khiến tôi học hỏi được nhiều điều về diễn xuất cũng như công việc đạo diễn." Các tài tử trong phim đa số không chuyên nghiệp, trừ tài tử Trương Ánh Hoa ("Mùi Đu Đủ Xanh").

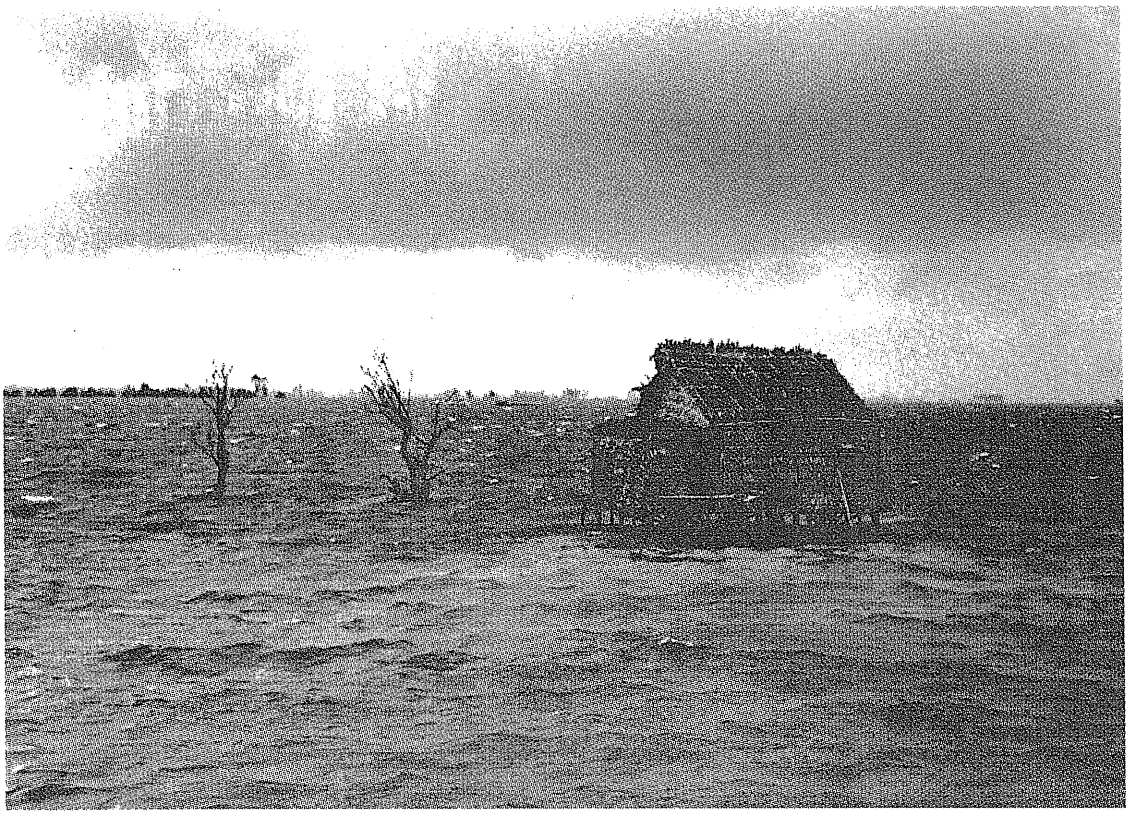

Nhà Hai Tích trong cơn bão

Tài tử chính, Lê Thế Lữ, khoảng ngoài 20 tuổi, lần đầu tiên đóng phim. "Khả năng cỡi trâu và chèo thuyền cũng rất cần thiết trong phim," Nghiêm Minh cười, nói. "Thành ra cũng tốn khá nhiều thì giờ để các diễn viên quen việc."

Nghiêm Minh du học tại Pháp năm 1974, khi anh 18 tuổi. Năm 1978, anh sang Mỹ và theo học ngành Vật Lý tại UCLA. Anh tốt nghiệp tiến sĩ Vật Lý năm 1984. Sau nhiều năm làm việc trong ngành quang học, anh đã chuyển hướng và dành toàn thì giờ cho điện ảnh. Mộng làm phim, thật ra được anh nuôi từ thời niên thiếu, khi anh được xem ít nhất là một phim mỗi tuần tại rạp do ông ngoại anh làm chủ ở Vũng Tàu. Nghiêm Minh hoàn tất chứng chỉ (certificate) của lớp Film, TV, Video and New Media, chú trọng về đạo diễn và viết kịch bản, tại UCLA năm 1998.

Trước "Mùa Len Trâu," Nghiêm Minh đã thực hiện một số phim ngắn. Phim ngắn "Crimson Wings" của anh được trình chiếu tại một số đại hội điện ảnh Âu Châu và Hoa Kỳ. Phim được gợi hứng từ chuyện giấc mộng hồ điệp của Trang Tử. Tài tử Lê Thị Hiệp ("Heaven and Earth", "Green Dragon") giữ vai nữ chính trong phim ngắn này.

Song song với việc thực hiện một số phim ngắn, Nghiêm Minh viết kịch bản phim dài. "Mùa Len Trâu" đã đoạt giải của IFP/West Screenwriters Lab 2000 (Hoa Kỳ) và éQuinoxe (Pháp). Nhờ vào giải thưởng éQuinox, Nghiêm Minh được mời sang Paris tiếp xúc với một số nhà sản xuất, và từ đó dẫn dắt đến việc đưa lên màn ảnh kịch bản "Mùa Len Trâu."

Trong năm qua và đầu năm nay, "Mùa Len Trâu" được trình chiếu ở một số đại hội điện ảnh quốc tế và đã gặt hát được nhiều giải thưởng quan trọng như Special Prize from the Young Jury (Locarno International Film Festival, Thụy Sĩ), New Director Silver Hugo Award (Chicago International Film Festival), Licorne d'or (Golden Unicorn, Grand Prix – Amiens International Film Festival, Pháp), và Premier Special Jury Award (Amazonas International Film Festival, Brazil).

Mang phong cách đậm đặc chất Nam bộ, xoáy vào đề tài chung rộng lớn của nhân loại, ngôn ngữ điện ảnh dung dị mà ấn tượng, "Mùa Len Trâu" chắc chắn sẽ đọng lại rất lâu trong trí nhớ của người xem. Đại Hội Điện Ảnh Việt Nam Quốc Tế 2005 hân hạnh được trình chiếu "Mùa Len Trâu" lần đầu tiên tại California, nơi có số lượng người Việt cư ngụ đông đảo nhất tại hải ngoại.

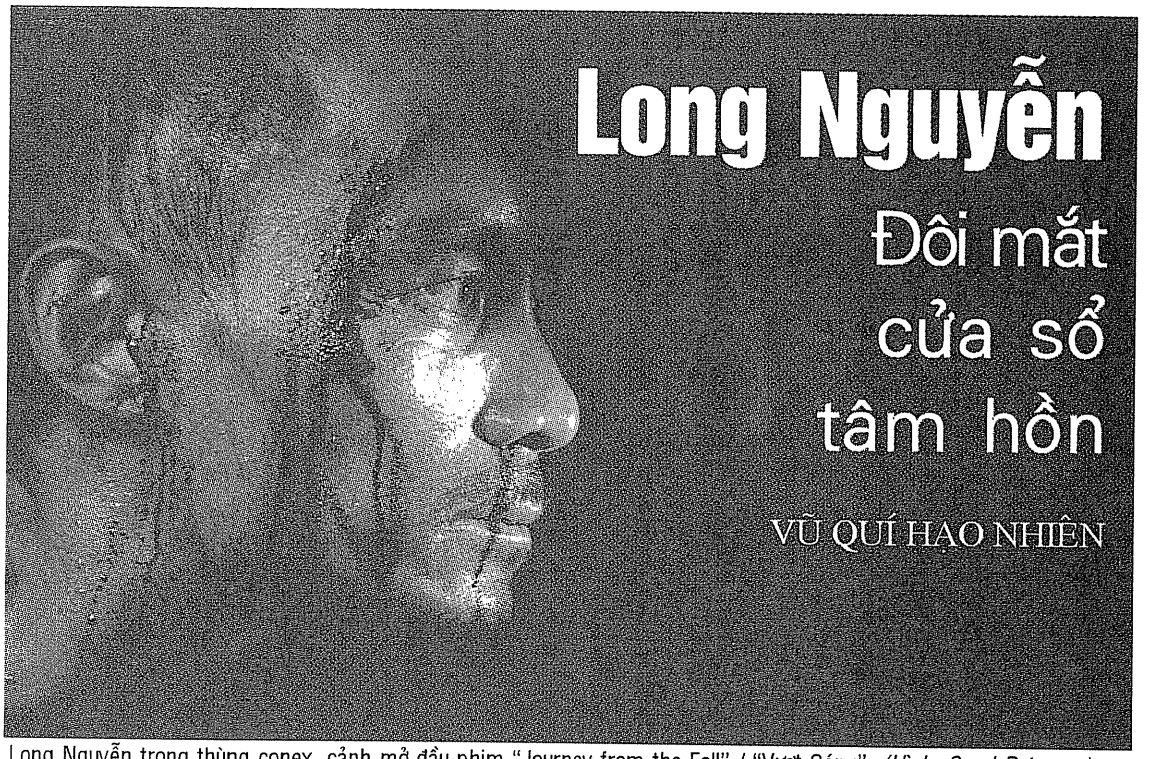

Long Nguyễn
Đôi mắt cửa sổ tâm hồn

VŨ QUÍ HẠO NHIÊN

Long Nguyễn trong thùng conex, cảnh mở đầu phim "Journey from the Fall" / "Vượt Sóng". *(Hình: Carol Petersen)*

Cuốn phim Journey from the Fall (Vượt Sóng) mở đầu với khuôn mặt diễn viên Long Nguyễn đóng vai một người tù cải tạo. Anh đang bị lôi vào trong thùng conex. Ở đó anh khoét một lỗ nhỏ nhìn ra. Ống kính chiếu sát mặt, sát đôi mắt anh. Trong tầm mắt là cả một lịch sử miền Nam.

Không phải tự nhiên mà cuốn phim mở đầu bằng đôi mắt Long Nguyễn. Nữ tài tử Kiều Chinh với gần nửa thế kỷ đóng phim đã phải nói: "Long có biệt tài diễn xuất bằng mắt. Nhìn mắt anh mình biết tâm trạng nhân vật vui, buồn, âu lo, hay mừng rỡ."

Điện ảnh không phải là nghề đầu tay của Long. Tình yêu đầu đời anh dành cho hội họa, nhưng ngay cả hội họa cũng không phải ngành anh học lúc ban đầu. Đến Mỹ từ năm 1975, Long định cư ở Memphis, Tennessee. Tại đây anh học kỹ sư công chánh. Ra trường, đi làm được sáu tháng, máu nghệ sĩ bỗng dưng nổi lên, anh bỏ sở, đi Knoxville học vẽ. "Được mấy tháng, nghe tin ông già từ trại qua Mỹ nên bỏ qua California luôn," Long kể.

Đến San Jose, Long làm đủ thứ nghề, "lúc đầu bán hamburger ở Jack in the Box, có lần còn bị cướp." Sau đó làm hãng rượu. Được đủ một năm, đủ tiêu chuẩn trả tiền học theo người trong tiểu bang, Long đi học vẽ tại San Jose State University, buổi tối làm gác dan. "Gia đình tôi duyên nợ San Jose State dữ lắm, cả nhà sáu, bảy người học trong đó ra," Long nói với Người Việt Trẻ.

Sau khi tốt nghiệp cao học M.F.A. về hội họa, Long vẽ và dạy tại Oakland. Anh bắt đầu vẽ bộ tranh "Tales of Yellow Skin," bộ tranh này đến nay đã lên đến 47 bức, trong đó có một bức được viện bảo tàng San Jose Museum of Art mua.

Từ hội họa chuyển qua điện ảnh, với Long là một bước tình cờ. Một hôm, một người bạn rủ anh qua San Francisco tham gia một cuộc tuyển lựa tài tử điện ảnh. Long đi thử chơi, không ngờ dính thật!

Đó là cuốn phim đầu tiên Long đóng, phim Heaven and Earth (1992) của đạo diễn Oliver Stone, dựa trên sách của Lệ Lý Haislip. Trong phim Heaven and Earth, Long đóng vai ông Anh, là một ông nhà giàu, mướn Lệ làm người ở, ngoại tình với cô này, đến lúc bà chủ khám phá ra thì bà đuổi cô này đi. "Ông Anh vai tôi đóng là người có thiệt, ông này còn sống, tôi có gặp một lần ở Việt Nam," Long cho biết.

Heaven and Earth mở đường cho sự nghiệp đóng phim của Long, mà hơn nữa mở đường cho niềm đam mê đóng phim. Sau phim đó, Long đóng liên tiếp nhiều phim ngắn. Long cũng đóng trong phim Green Dragon (Rồng Xanh) (2002) của Timothy Linh Bùi, trong đó anh đóng vai một sĩ quan

cấp dưới nổi giận với một ông tướng đi di tản, trách ông này làm mất nước vào tay cộng sản.

Trong phim ngắn Aspara (2003) của đạo diễn Colin McGreal, Long đóng vai một người Cambodia bị kết tội sát nhân, anh vượt ngục để tìm lại người con gái lâu nay vẫn tưởng cha mình đã chết. Tại California Independent Film Festival năm 2003, Long đoạt giải Nam Diễn Viên Xuất Sắc Nhất cho vai diễn này. Trong một email gửi cho Đại Hội Điện Ảnh Việt Nam Quốc Tế (Vietnamese International Film Festival — ViFF), đạo diễn McGreal đã nói "tôi bị cám dỗ bởi sự mãnh liệt trong lối diễn xuất của Long"!

Long trở lại với vai Việt Nam trong phim Running In Tall Grasses (Chạy Trong Cỏ Cao) (2004) của đạo diễn Howard Vũ. Trong phim này, lần đầu tiên Long đóng vai một người tù cải tạo. Long hợp vai này một phần vì tướng Long gầy, tuy đã có lần nhà báo Vũ Ánh của báo Người Việt, một người từng ở 13 năm trong trại cải tạo, phê bình: "Long gầy, nhưng lại hơi đô nên vẫn chưa giống lắm!"

Trong Journey from the Fall / Vượt Sóng, Long lại đóng vai tù cải tạo. Nhân vật trong phim cũng tên Long, là vai chính của phim. Vai này lúc đầu đạo diễn Hàm Trần định cử người khác, nhưng sau đó, theo lời Hàm nói với Người Việt Trẻ, "Suy nghĩ lại, tôi thấy Long Nguyễn thích hợp hơn. Lúc đó tôi đã ở Thái Lan, tôi gọi điện thoại về yêu cầu anh Long qua gấp."

Long nhận được điện thoại, bèn... xin phép vợ. Số là lúc đó vợ Long, họa sĩ Vi Lý, sắp sanh con gái thứ nhì. Long kể, "Chỉ còn dưới một tháng nữa là Vi sanh, Vi muốn mình ở nhà trông đứa lớn, giúp việc nhà, mình phải năn nỉ, cuối cùng vì Vi biết mình rất yêu nghề đóng phim nên cũng đồng ý." Một cách rất miễn cưỡng? "Đồng ý một cách rất là cay cú," Long cười.

Qua đến Thái Lan, biết được vợ Long sắp sanh, cả đoàn làm phim ai cũng ngạc nhiên. "Ngạc nhiên nhưng cũng không hoàn toàn bất ngờ, vì tôi biết anh Long là một nghệ sĩ rất yêu nghề, rất đam mê với sự nghiệp điện ảnh," đạo diễn Hàm Trần nói thêm.

Trong trường quay, cách diễn xuất của Long làm bạn đồng nghiệp ngạc nhiên. Jayvee Mai Thế Hiệp, một diễn viên từng đóng trong nhiều kịch, nhiều phim, cũng khen Long là "một người nghệ sĩ rất giản dị nhưng trong sự giản dị đó chứa đựng một chiều sâu rất là, nói sao đây, vô cùng tận! Long rất dễ chịu, nhưng làm việc cũng rất chuyên nghiệp."

Long Nguyễn trong vai Domrey, tên tù người Cambodia, trong phim Apsara của đạo diễn Colin McGreal. Long đoạt giải Nam Diễn Viên Xuất Sắc Nhất tại California Independent Film Festival trong vai diễn này.

Long (phải) và Jayvee Mai Thế Hiệp vượt ngục tù cải tạo trong phim "Journey from the Fall" / "Vượt Sóng". *(Hình: Carol Petersen)*

Long Nguyễn rất tự tin vào khả năng tiếp tục thành công trong ngành điện ảnh tại Mỹ. Long nói, "Đối với tôi, điều quan trọng là chú tâm vào diễn xuất cho cuốn phim được thật hay. Cái gọi là đẹp hay không đều là chủ quan và thay đổi, kể cả trong Hollywood hay tại Việt Nam. Cái đẹp bên trong, khi diễn xuất, sẽ lộ ra làm đẹp cái bên ngoài."

Tài tử Kiều Chinh cũng chia sẻ khái niệm này. Cô nói: "Long có cái nhìn nhạy bén về thế nào là đẹp và bằng cách nào dùng cách diễn xuất để dựng nên nhân vật. Có lẽ vì vậy mà tính cách nhân vật lộ ra trong mắt Long. Người ta nói đôi mắt là cửa sổ tâm hồn, có nhìn mắt Long trong lúc diễn mới hiểu hết nghĩa câu đó."

Phỏng vấn đạo diễn Đức Nguyễn

"Bolinao 52" - Nhìn lại một hành trình đau thương của thuyền nhân Việt

Y-SA

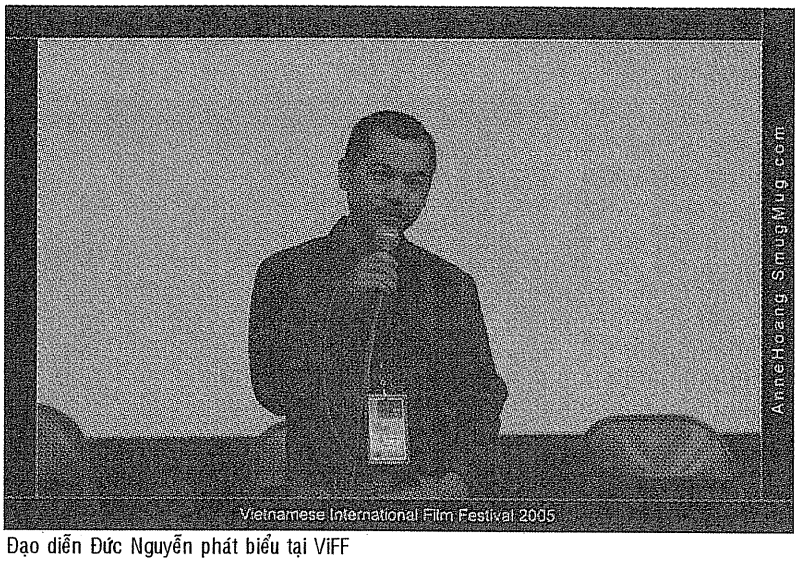

Đạo diễn Đức Nguyễn phát biểu tại ViFF

Vào năm 1988, một con thuyền nhỏ ra đi từ Việt Nam, chở 110 thuyền nhân. Trong những ngày lênh đênh trên biển, con tàu bé nhỏ đã gặp chiến hạm USS Dubuque của Hoa Kỳ. Thuyền trưởng của chiến hạm USS Dubuque, ông Balian Alexander đã ra lệnh không vớt thuyền nhân. Quyết định này dẫn đến một kết quả bi thảm: Trong số 110 người trên tàu, chỉ có 52 người sống sót. Phần lớn chết vì thiếu nước, thiếu thức ăn. Một số thuyền nhân bị giết và ăn thịt! Mười tám ngày sau khi bị tàu Mỹ từ chối vớt, con thuyền với 52 người sống sót được dân chài Phi Luật Tân cứu và đưa vào thị trấn Bolinao. Từ đó con tàu mang tên Bolinao 52.

Hơn mười lăm năm sau sự kiện bi thảm của chiếc tàu Bolinao 52, Đức Nguyễn, một đạo diễn trẻ, lội ngược dòng thời gian, tìm những chứng tích, chứng nhân của thảm kịch này để thực hiện một cuốn phim tài liệu mang tựa đề "Bolinao 52."

Một phần của cuộc phỏng vấn đạo diễn Đức Nguyễn sau đây đã được phát thanh trong chương trình Vòng Chân Trời Văn Học Nghệ Thuật của đài VNCR 106.3 FM vào tháng 7, 2004.

*

Y-Sa: *Trước hết xin anh cho biết đôi chút về mình.*

Đức Nguyễn: Đức sanh ở Saigon. Sau 75, gia đình Đức ở lại Việt Nam. Khoảng hai năm sau, ba Đức đi vượt biên, nhưng bị bắt và ở tù một thời gian ngắn. Gia đình Đức sau đó đi vượt biên nhiều lần, nhưng bị thất bại. Có lần đi ra biển một ngày, tới ngày thứ hai bị bão lớn, máy bị chết, hết nước, hết đồ ăn, phải trở lại Việt Nam. Lúc trở lại Việt Nam, bị bắt và bị tù chừng vài tháng. Trong tù, ba Đức may mắn gặp những người muốn "đi" nữa. Lúc ra khỏi tù, ba Đức tổ chức "đi" lần nữa thì thành công. Lúc đó Đức chừng 13, 14 tuổi.

Gia đình Đức định cư ở Hoa Kỳ từ năm 1980. May mắn gia đình Đức được tàu Mỹ vớt. Gia đình ở trại Leamsing, Thái Lan hai tháng, chuyển lên Bankok rồi được đi định cư ở Mỹ trong vòng một tháng.

Ysa: *Anh đến với ngành phim tài liệu như thế nào?*

Đức Nguyễn: Sau khi xong trung học, Đức chọn ngành Arts, và học ở Art Institute of Houston. Đức thích học nghề vẽ. Sau đó, Đức lại thích

về ngành báo chí nên theo học ngành Mass Communications ở UC Berkeley và tốt nghiệp năm 2002. Ngay sau thời gian học Arts ở Houston, Đức đã bắt đầu làm về pre-productions cho một số phim tài liệu và cảm thấy yêu thích ngành này. Nhờ làm phim tài liệu mà Đức đi đến nhiều nơi, từ Việt nam, Cuba, đến dãy Andes rồi xuống Amazon, Nam Mỹ. Cách đây vài năm Đức thực hiện một cuốn phim tài liệu tên là "Mediated Reality" ở Cuba và Mỹ vào thời gian vụ Elian Gonzalez còn sôi nổi. Năm 2003, Đức làm assistant editor cho phim tài liệu dài nhiều tập nói về gia đình và bản sắc, "The New Americans" và "My Journey Home." Hai phim này đã được chiếu trên đài PBS và tháng 3 và tháng 4 năm 2004.

Y-Sa: *Anh biết đến câu chuyện của con tàu Bolinao 52 vào lúc nào?*

Đức Nguyễn: Lần đầu tiên Đức biết về vụ con tàu Bolinao 52 là khoảng năm 1998. Đức tính làm một study về boat people. Đức tìm thấy một bài báo trên Los Angeles Times về con tàu Bolinao 52, lúc research thì tìm hiểu được thêm về vụ này.

Y-Sa: *Tại sao chuyện con tàu Bolinao 52 lại dành được sự chú ý của anh?*

Đức Nguyễn: Chuyện con tàu Bolinao 52 cũng giống như một số chuyện vượt biên khác, nhưng mà chuyện này đặc biệt ở chỗ con tàu gặp được tàu Mỹ, USS Dubuque, và bị bỏ rơi. Câu chuyện này cũng đã được chiếu trên trên chương trình "60 Minutes" của đài CBS năm 1989 vì ông thuyền trưởng của tàu Mỹ USS Dubuque, Alexander Balian, bị đưa ra tòa án quân sự. Chuyện này có liên quan đến người Mỹ.

Y-Sa: *Và anh bắt đầu làm research từ năm 1998?*

Đức Nguyễn: Đức chọn được câu chuyện này, nhưng không bỏ nhiều thời gian để làm research vì Đức đang trở lại đi học. Lúc đó Đức mới làm phim thôi, nên phải làm những dự án khác, chứ chưa bỏ nhiều thời gian và sức lực để tìm hiểu nhiều. Sau khi ra trường vào năm 2002, Đức mới có nhiều thì giờ hơn để bắt đầu dự án, tìm hiểu nhiều hơn.

Y-Sa: *Anh tìm tài liệu như thế nào?*

Đức Nguyễn: Tài liệu đầu tiên Đức lấy từ báo chí. Báo chí đã in nhiều và archive nhiều nên cũng dễ tìm. Điều quan trọng là Đức muốn tìm những chứng nhân của chuyện này, tìm những người sống sót của Bolinao 52. Điều này rất khó. Đức lên internet tìm. Từ internet, Đức tìm được ông Al Bell, thuyền trưởng của chiếc tàu USS Morton. Ông Al Bell đã vớt được 70 người Việt Nam vào năm 1982. Ổng viết một bài về chuyện này trên internet. Nhờ vậy, Đức kiếm được ổng. Đức điện thoại cho ổng, Ổng rất là vui mừng. Đức xin interview ổng. Ổng mời Đức đến nhà.

Ông Al Bell kể là chuyện vớt người vượt biển cũng lâu quá rồi, ổng đã quên câu chuyện này. Nhưng mười mấy năm sau, một người Việt Nam gửi thư đến ổng. Người này cho biết cổ là một trong những thuyền nhân lúc trước được ổng vớt. Lúc đó cổ còn nhỏ, nhưng bây giờ đã sắp làm đám cưới. Cổ muốn mời ông Al Bell làm "guest of honor" (khách danh dự). Thuyền trưởng Al Bell mới nhớ lại chuyện này và rất lấy làm cảm động. Ngày đám cưới của cô gái này, ổng đến dự và ổng cũng khóc. Ổng nói đây là một chuyện rất quan trọng trong cuộc đời của ổng. Bây giờ ổng hiểu thêm được ý nghĩa của cuộc đời. Ông Al Bell đã giúp Đức rất nhiều trong việc tìm tài liệu về hải quân Mỹ.

Thuyền trưởng Al Bell cho Đức biết là ổng biết một thủy thủ trên tàu Dubuque mà đã chứng kiến sự kiện Bolinao 52. Ông thủy thủ này tên là Bill Cloonan. Ông Bill Cloonan lúc trước có viết email cho thuyền trưởng Al Bell như sau: "Tôi rất được hân hạnh đọc câu chuyện của ông. Tôi nghĩ những gì ông làm là phải, những gì ông thuyền trưởng Balian làm là sai, và từ đó câu chuyện này luôn ám ảnh tôi."

Đức đi tìm ông Bill Cloonan. Nhưng ông Bill Cloonan ở bên Nhật. Chiếc tàu USS Dubuque đóng ở bên Nhật. Ông Bill Cloonan tuy đã giải ngũ nhưng ở lại bên Nhật luôn, lấy vợ Nhật. Khoảng tháng 11 năm 2003, ông Bill Cloonan viết thư cho Đức và cho biết ổng có dịp sang Los Angeles thăm con gái, và có thể gặp Đức. Ông Cloonan cho biết chuyện này là chuyện rất quan trọng trong đời ổng, không thể bỏ qua được, và ổng muốn gặp Đức. Tháng 11 năm ngoái, ổng qua Los Angeles, Đức interview ổng. Ổng rất là cảm động. Ổng nói ổng rất muốn gặp lại những người sống sót trên chiếu tàu Bolinao 52.

Y-Sa: *Lúc đó ông Bill Cloonan đã thuật lại sự kiện như thế nào?*

Đức Nguyễn: Tàu USS Dubuque lúc đó có lệnh đi đến vùng Trung Đông vì những chiếc tàu chở dầu ở vùng Trung Đông bị bắn. USS Dubuque được lệnh đi đến vùng này để cứu giúp. USS Dubuque đi từ Philippines. Ngày hôm đó thì thuyền trưởng USS Dubuque nghi ngờ có chiến

tranh nên ra lệnh các thủy thủ chuẩn bị tinh thần. Tuy nhiên, ngày hôm đó trôi qua cũng bình thường, cho đến buổi trưa thì gặp một chiếc thuyền. Chiếc USS Dubuque ngừng lại. Thuyền trưởng nói chuyện với headquarter để xin lệnh.

Lúc đó ông Cloonan đã nhìn thấy chiếc tàu. Ổng nghĩ là thể nào chiếc tàu này cũng được vớt vì chiếc tàu rất đông người và đã ra hiệu cầu cứu. Lúc đó ông này đang ở phía sau chiến hạm USS Dubuque. Ổng thấy thuyền trưởng đã cho một chiếc tàu nhỏ đến gần chiếc Bolinao 52. Rồi ổng thấy có một xác người Việt Nam trôi ngược lại. Ổng lại càng tin là tàu này sẽ được vớt. Rồi ổng thấy ba người Việt Nam bơi về phía USS Dubuque và dùng dây leo lên chiến hạm. Ông thuyền trưởng Balian ra lệnh cho thủy thủ giật dây để những thuyền nhân Việt Nam rớt xuống. Ổng không muốn những người thuyền nhân leo lên USS Dubuque. Ông Cloonan rất tức tối về chuyện này. Các thủy thủ USS Dubuque sau đó được lệnh đem đồ ăn đến cho các thuyền nhân Việt Nam. Ổng nhớ là hôm đó nhà bếp nấu món beef stew (bò kho) và bỏ vào bao nylon trash bag. Khi đưa bao lên thuyền thì bị rách hết, đồ ăn đổ hết trên thuyền. Ổng nhớ cả những chi tiết đó. Lúc chiếc tàu USS Dubuque bỏ đi thì ông Cloonan rất tức tối. Tại sao USS Dubuque không vớt người? Đến bây giờ ổng cũng còn tức về chuyện này. Ông

Cảnh vượt biên

không tin tưởng và phục thuyền trưởng Balian chút nào về quyết định này.

Y-Sa: *Ông Cloonan có nói với anh nếu ổng gặp lại những thuyền nhân sống sót thì ổng sẽ nói gì không?*

Đức Nguyễn: Ổng nói tuy ổng rất buồn nhưng cũng mừng là có người sống sót. Nếu được gặp lại những thuyền nhân sống sót, ổng chỉ có thể nói "tôi xin lỗi" thôi.

Y-Sa: *Theo như research của anh thì số phận của thuyền trưởng Balian sau vụ này như thế nào?*

Đức Nguyễn: Ổng bị đưa ra tòa án hải quân và bị cho là "guilty" – phạm lỗi, và bị điều về làm việc trong văn phòng, không được làm thuyền trưởng nữa. Ông Balian cho rằng án này rất nặng, ổng cho rằng lỗi không phải do ổng, và ông không vớt người Việt Nam vì theo lệnh của cấp trên. Ông Cloonan thì nghĩ rằng cái án rất là nhẹ cho ông Balian. Ông Cloonan cho rằng lẽ ra ông Balian phải bị đuổi khỏi Hải quân và không được lãnh lương nữa.

Y-Sa: *Vậy anh có tìm được thuyền trưởng Balian chưa?*

Đức Nguyễn: Thuyền trưởng Balian hiện đang ở Los Angeles và có một dịch vụ tàu bè. Đức biết chỗ ở của ổng, nhưng chưa muốn liên lạc với ổng. Đức nghĩ chừng nào Đức tìm được người sống sót, Đức mới tìm đến ổng. Đức nghĩ là qua cuốn phim tài liệu Bolinao 52, Đức muốn tìm hiểu về những kinh nghiệm vượt biển của thuyền nhân Việt Nam chứ không phải Đức muốn đem ông Balian ra hỏi tại sao không vớt người. Chuyện đó đã qua rồi, Đức chỉ muốn kể về kinh nghiệm của thuyền nhân, còn chuyện về ông Balian thì chương trình "60 Minutes" cũng đã nói về ổng rồi.

Y-Sa: *Qua cuốn phim "Bolinao 52," anh mong khán giả cảm nhận được điều gì?*

Đức Nguyễn: Điều Đức mong muốn là nhiều khán giả, nhất là khán giả Mỹ, hiểu về kinh nghiệm đi vượt biên của người Việt Nam ra sao. Lúc Đức mới tới Mỹ, nhiều người Mỹ hỏi Đức đi từ Việt Nam ra sao. Họ không hiểu những chuyện mà thuyền nhân đã trải qua như thiếu nước, thiếu đồ ăn, gặp hải tặc là như thế nào. Nếu không trải qua thì không hiểu được. Đức muốn mọi người hiểu được thuyền nhân Việt Nam đã trải qua những khó khăn, gian khổ như thế nào để tìm tự do.

Đối với đời sống riêng và về mặt tâm lý của

riêng cá nhân Đức, câu chuyện này rất quan trọng. Lúc Đức đi vượt biên, đến ngày thứ ba thì hết đồ ăn; nước thì bị dầu vô, không uống được. Nếu không được vớt, tàu này không thể sống sót được. Má Đức nói Đức cầu nguyện. Nếu tàu của Đức sống sót được, điều đầu tiên là Đức phải kể câu chuyện này cho tất cả những người khác. Đó là điều cá nhân. Còn một lý do nữa. Đức muốn kể câu chuyện này cho thế hệ sau này, sinh ra và lớn lên ở hải ngoại, có thể hiểu được những chuyện này. Nhiều người trải qua kinh nghiệm của thuyền nhân nay đã lớn tuổi. Đức may mắn còn sức khỏe để theo đuổi những chuyện này, giữ gìn lịch sử Việt Nam hải ngoại cho thế hệ tới.

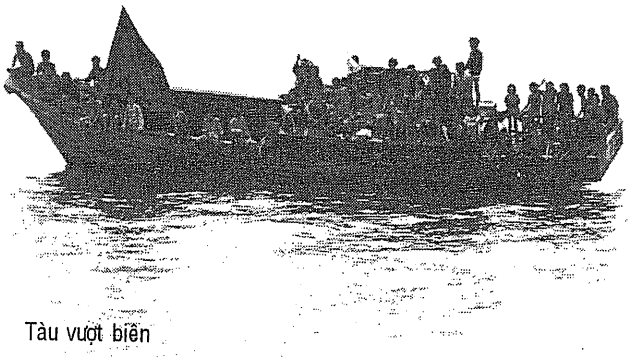

Tàu vượt biển

Y-Sa: *Xin anh cho biết ngân khoản thực hiện cuốn phim này dự tính là bao nhiêu?*

Đức Nguyễn: Tìm được tài trợ là một chuyện rất khó khăn trong việc làm phim. Cuốn phim Bolinao 52 tốn khoảng 370,000 mỹ kim. Đức chỉ mới bỏ ra khoảng 27,000 mỹ kim tính từ năm 2003. Đức bỏ công và tiền của mình để làm. Đức viết proposal, grants để xin ngân khản tài trợ cho phim và bắt đầu làm fundraising outreach, kêu gọi những người quan tâm đến vấn đề này đóng góp tài chánh thực hiện cuốn phim. Đức mong sẽ có người muốn hợp tác thực hiện cuốn phim này.

Y-Sa: *Để mọi người có thể hiểu tại sao làm phim lại có thể tốn kém như vậy, xin anh cho biết một số chi phí cụ thể?*

Đức Nguyễn: Thí dụ, mình cần phải sử dụng một số tài liệu từ đài truyền hình. Đức cần tài liệu từ CBS, Đức phải trả từ 90 đến 100 mỹ kim một giây. Như vậy chỉ dùng 5, 10 phút cũng phải khoảng 30 đến 60 ngàn mỹ kim rồi. Ngoài ra, việc thực hiện có nhiều chi tiết. Đức muốn khán giả biết vượt biển là như thế nào, đường đi chính như thế nào, thành ra phải dựng lại một số cảnh. Rồi phải mướn máy móc, dụng cụ quay phim, bảo hiểm. Nếu ra nước ngoài quay, phải trả thuế. Nhiều chi tiêu lắm. Kể cũng không hết được.

Y-Sa: *Xin anh cho biết những bước kế tới trong việc thực hiện cuốn phim này.*

Đức Nguyễn: Qua internet, Đức tìm được một số tài liệu của người Mỹ như tài liệu về hải quân, tin tức về một số thuyền trưởng, thủy thủ đã vớt thuyền nhân Việt Nam. Nhưng về phía tài liệu của thuyền nhân Việt Nam thì rất khó tìm. Phần nhiều những thuyền nhân không giữ tài liệu được. Đức cũng không quen biết nhiều người trong cộng đồng Việt Nam để có thể tìm những người còn sống sót của chiếc tàu Bolinao 52.

Nhân đây, Đức cũng cũng hy vọng cuộc phỏng vấn này sẽ giúp Đức tìm được những người sống sót của chiếc tàu Bolinao 52. Nếu ai biết được tin tức của những thuyền nhân còn sống sót trên chiếc tàu Bolinao 52, xin liên lạc với Đức. Đức chỉ muốn tìm hiểu xem đời sống sau này của họ ra sao và mong họ sẽ kể lại câu chuyện của họ. Đức hiểu đây là một câu chuyện đau đớn, rất khó cho họ kể lại, nhưng Đức mong là họ sẽ được united với những người Mỹ đó, xoa dịu nỗi đau đớn của họ. Đức chỉ muốn ghi lại một phần của lịch sử. Mình cần phải kể lại những câu chuyện vượt biển cho các em trẻ lớn lên ở đây.

Y-Sa: *Nhiều thuyền nhân sẽ không muốn nhắc lại những kinh nghiệm đau thương mà họ đã trải qua. Anh có thấy đây là một trở ngại khi thực hiện cuốn phim này?*

Đức Nguyễn: Đức hiểu, để mà các thuyền nhân có thể kể lại câu chuyện của họ là một điều khó khăn. Trong gia đình của Đức cũng có bà con đi vượt biển và nhiều người không muốn kể câu chuyện của họ. Họ cũng nói nên bỏ qua, không cần làm cuốn phim này. Nhưng Đức không thể bỏ qua được. Chuyện này không những quan trọng đối với Việt Nam mà cả thế giới nữa. Chúng ta nên xem đây là một bài học lịch sử mà chúng ta không ai muốn tái diễn. Đức hy vọng những thuyền nhân sẽ kể lại kinh nghiệm của họ để thế hệ sau này hiểu một phần lịch sử Việt Nam hải ngoại.

Y-Sa: *Là một người làm phim tài liệu, anh quan niệm thế nào là một phim tài liệu hay?*

Đức Nguyễn: Phim tài liệu có nhiều loại. Thí dụ, phim tài liệu tổng quát, đưa dữ kiện ra để chứng minh một điều gì. Tuy nhiên, phim tài liệu quan trọng đối với Đức là phải về lịch sử cá nhân. Mỗi người trải qua kinh nghiệm lịch sử khác nhau. Quan điểm của mỗi người khác nhau. Có nhiều quan điểm khác nhau thì nội dung sẽ phong phú hơn.

Y-Sa: *Câu hỏi cuối cùng, khi anh gặp thuyền trưởng Balian, anh sẽ nói điều gì với ông ta?*

Đức Nguyễn: Lúc mới bắt đầu làm phim, Đức rất là tức tối về hành động của ông Balian. Nhưng bây giờ Đức nghĩ ổng cũng là con người. Bây giờ Đức chú trọng đến chuyện trong tương lai chứ không muốn xoáy vào những vết thương đau đớn. Đức muốn tìm một closure, một kết thúc tốt đẹp cho câu chuyện này. Đức muốn đưa những thuyền nhân còn sống sót của Bolinao 52 gặp ông Balian. Khi ông Balian bị đưa ra tòa án quân sự thì những thuyền nhân sống sót đã viết thỉnh nguyện thư xin tòa án bỏ qua lỗi lầm của ổng. Đức muốn tiếp nối câu chuyện này, reunite hai bên, cho hai bên gặp nhau.

Y-Sa: *Xin cảm ơn anh đã dành thì giờ cho cuộc phỏng vấn này. Chúc anh nhiều may mắn trong việc thực hiện cuốn phim "Bolinao 52."*

Ghi chú: Sau khi cuộc phỏng vấn đạo diễn Đức Nguyễn được phát trên đài VNCR, chị của một thuyền nhân của chiếc tàu Bolinao 52 đã gọi điện thoại cho đạo diễn Đức Nguyễn. Sau khi Đức Nguyễn liên lạc với vị thuyền nhân thì được ông ta cho biết chính ông là một trong những người đã bơi về phía chiếc tàu USS Dubuque và leo dây lên tàu nhưng bị lắc dây không cho lên tàu và bị đuổi về. Tuy nhiên, vị thuyền nhân này đã từ chối không trả lời phỏng vấn. May thay, người em gái của ông, bà Tùng Trịnh, khi đó cũng ra đi trên chiếc tàu Bolinao 52 cùng với người con trai 5 tuổi của bà, đã chấp nhận cho Đức Nguyễn phỏng vấn. Đạo diễn Đức Nguyễn đã phỏng vấn bà Tùng Trịnh vào tháng 11 năm 2004. Đoàn làm phim "Bolinao 52"hiện đang ra sức tìm tài chánh để hoàn tất cuốn phim. Sau vài lần thất bại, năm nay Đức Nguyễn lại nộp đơn xin grant (tài trợ) của ITVS (Independent Television Service); và lần này, với những đoạn tài liệu quay phần phỏng vấn thuyền nhân Tùnh Trịnh, phim đã được vào vòng chung kết. ITVS là nguồn tài trợ chính của đài truyền hình công cộng (public television) PBS. Không có gì bảo đảm là "Bolinao 52", với ngân khoản cần có là $350,000, sẽ được nhận grant của ITVS. Tuy nhiên Đức Nguyễn và nhóm làm phim Bolinao 52 cần gây quỹ khoảng $15,000 để có thể quay phần cuối của cuốn phim. Càng nhiều thước phim tài liệu sống thực, càng có nhiều triển vọng để được nhận nguồn tài trợ của ITVS.

Để quay phần cuối cuốn phim, Đức Nguyễn dự trù sẽ sang Nhật và Phi Luật Tân vào tháng 8, 2005. anh sẽ quay cảnh cuối tại Nhật khi thuyền nhân Tùng Trịnh sang Nhật thăm người con trai của bà, nay đã trở thành một binh sĩ Thủy Quân Lục Chiến Hoa Kỳ. Và đây cũng là dịp mà Đức Nguyễn sẽ đưa hai mẹ con bà Tùng Trịnh đến gặp ông Bill Cloonan, người thủy thủ năm xưa trên chiến hạm USS Dubuque, hiện sống ở Sasebo, Nhật. Sau đó đoàn làm phim sẽ đưa bà Tùng Trịnh "về" lại thị trấn Bolinao, Phi Luật Tân, nơi bà và những người bạn đồng hành đã được cứu vớt và tạm trú trong hai năm. Tại đây, đoàn làm phim sẽ tổ chức một buổi lễ cầu nguyện cho vong linh của những thuyền nhân đã bỏ mình vì tự do.

Các báo Người Việt, Pasadena Weekly, Tập san Non Sông của Tổng Hội Sinh Viên Việt Nam Nam Cali đã có bài viết về Đức Nguyễn và phim tài liệu "Bolinao 52." Đức Nguyễn cũng đã trình bày dự án này tại conference của Hội Chuyên Gia Việt Nam (Vietnamese Professional Society Conference) vào tháng 10, 2004.

Đoàn làm phim Bolinao 52 sẽ tổ chức một buổi gây quỹ tại Phòng sinh hoạt Người Việt, thành phố Westminster. Buổi gây quỹ dự trù gồm có chiếu một đoạn phim "Bolinao 52" khoảng 25 phút, hội thảo về vấn đề thuyền nhân với đạo diễn Đức Nguyễn và thuyền nhân Tùng Trịnh, triển lãm, văn nghệ, và bán đấu giá các tặng phẩm. Đoàn làm phim hiện đang kêu gọi sự giúp đỡ về tài chánh và tặng phẩm để bán đấu giá. Visual Communications, một tổ chức bất vụ lợi chuyên phổ biến những tác phẩm của những người làm phim và làm truyền thông gốc Á Châu Thái Bình Dương (Asian Pacific Americans) ở Los Angeles đỡ đầu, nhận đóng góp về tài chánh. Đóng góp về tài chánh, do đó, đều được khấu trừ thuế. Mọi đóng góp có thể được thực hiện bằng PAY PAL hoặc credit card qua website www.rhimp.com/bolinao, hoặc đề ngân phiếu cho VISUAL COMMUNICATIONS (xin ghi "Bolinao 52" ở dòng memo trên ngân phiếu) và gửi về địa chỉ: Duc Nguyen, 626 Moulton Avenue, Los Angeles, CA 90031.

E-mail của Đức Nguyễn: *duc@rhimp.com.*

VĂN HỌC VÀ ĐIỆN ẢNH

Từ CHÙA ĐÀN đến MÊ THẢO

ĐẶNG TIẾN

Cảnh trong phim Mê Thảo

Trên các báo Xuân, viết cho ngày Tết Quý Mùi 2003, tôi có nhắc câu hát ru em miền quê kiểng xa xưa :

"*Ru em buồn ngủ buồn nghê*
Con tằm chín đỏ, con dê chín mùi"

và đã cho là '*huyền bí, vô nghĩa, vô lý*', vì mình không hiểu, thậm chí không mường tượng được hình ảnh trong câu hát.

Cho đến ngày '*yên ba tam nguyệt hạ Deauville*' dự liên hoan điện ảnh Á Châu 2003 để xem phim *Mê Thảo* của đạo diễn Việt Linh, phóng tác theo truyện *Chùa Đàn* của cố nhân Nguyễn Tuân. Đúng điệu nghề chơi, phải đọc lại nguyên tác, thì gặp câu: «*Lắm lứa (tằm) đang chín, bụng đỏ ửng và trong suốt như hổ phách*» (TT III, tr. 382), như cởi tấc lòng. Rồi bắt gặp trên màn ảnh những nong tằm, từ những thân tằm óng ả xanh non đến những hình tằm lung linh ửng đỏ. Nao nao một mùi hương cũ. Một điệu hát xưa: *dâu bờ xanh thắm, nong tằm chín lứa tơ.*

Và xưa hơn nữa, một ánh trăng hanh hao trong ca dao:

Anh chê thao, chuộng lụa tơ tằm
Anh xa em, sao không chọn tháng không rằm mà xa

Có tháng nào là tháng không rằm. Chỉ có những tuần trăng dang dở.

Lưu lại niềm hoài cựu.

*

Như vậy, phải cảm ơn Việt Linh, khi làm phim, đã tận độc *Chùa Đàn*. Phim đệm nhạc cổ truyền, khán giả cảm động nghe những tác phẩm Tản Đà. Tiêu biểu cho ca trù thì phải "*hồng hồng tuyết tuyết, quạnh hơi thu*" chứ? Sao lại *Hỏi Gió* và *Tống Biệt*? Ấy vì tấm tình "trần ai tri kỷ" giữa tác giả *Chùa Đàn* với nhà thơ núi Tản sông Đà, mà Nguyễn Tuân gọi là *ẩm giả lưu kỳ danh*. Ngày

Tản Đà quá cố, Nguyễn Tuân đã tống biệt bằng một ký sự lỗi lạc *Chén Rượu Vĩnh Biệt* trên tạp chí Tao Đàn, 1939. Như vậy nhà nữ đạo diễn, sinh năm 1952, và trưởng thành tại Nam Bộ, đã tra cứu chín chắn về lịch sử văn học đây!

Làm nghề văn học lâu năm chầy tháng, tôi đã nhiễm «bệnh văn học,» nên vẫn thắc mắc: chuyện phim xảy ra 1920, vậy lúc ấy, Tản Đà đã sáng tác hai bài thơ nọ chưa? Tra cứu tư liệu, thì biết *Tống Biệt* làm 1917, *Hỏi Gió* làm 1920, khi Tản Đà đi chơi trên đê, dọc Sông Đà, gặp cơn gió lớn, bèn nói chuyện với gió! Ai thuộc văn Nguyễn Tuân đều biết câu *Gió đã lên...* thường xuất hiện. Ai quen ông ấy, đều nhớ giấy viết thư của ông, góc trên thường có cánh buồm và mấy chữ «*gió đã lên...*,» có lẽ dịch từ thơ Valéry: *Le vent se lève, il faut tenter de vivre*, (Gió đã lên, cố lên mà gượng sống) trong bài *Cimetière marin*, (Nghĩa Trang trên Biển) rất hợp với tâm trạng các ông ấy. Ngoài ra, sinh thời Nguyễn Tuân vẫn tự cho rằng mình tả gió là hay nhất trần đời; bạn mình, Nguyên Hồng tả nắng hay nhất. Cần thêm, Tô Hoài, bạn ông, tả mưa hay nhất. Các ngài ấy, cái gì cũng nhất. Cho ca sĩ Thanh Hoài hát «*gió hỡi gió phong trần nay đã chán,*» Việt Linh – Phạm Thùy Nhân, các tác giả kịch bản, đã chọn lựa tinh tế.

Dĩ nhiên là từ truyện đến phim phải có những thay đổi về ngôn ngữ. Trả lời ký giả nước ngoài, Việt Linh giải thích «*Từ một cuốn truyện rất mỏng, muốn làm thành phim truyện dài, kịch bản phải thêm biến cố và nhân vật. Cái khó là biến đổi mà vẫn trung thành với tư tưởng, tinh thần và không khí của nguyên tác văn học. Một trong sáng tạo rõ nét nhất của kịch bản là nhân vật Cam, cô gái câm.*»

Âu cũng là chuyện thường tình, nguyên tác của Nguyễn Tuân chỉ 30 trang, nống thành phim truyện 108 phút, dĩ nhiên là phải thêm thắt, như trường hợp phim Pháp, chiếu đồng thời với Mê Thảo tại Pháp, «*Effroyables Jardins*» (*Vườn Kinh Hoảng*); đạo diễn Jean Becker phóng tác truyện Michel Quint đã tuyên bố «*đi từ một truyện 60 trang đến một phim một giờ rưỡi thì đành không trung thành. Phải nống nhân vật, tạo đối thoại. Nhưng tôn trọng giọng văn của nguyên tác, cợt đùa với thảm họa. Và theo tác giả nguyên tác phim không trung thành nhưng không bội phản.*»1

Trường hợp nổi danh hơn là phim Mỹ «*The Hours*» (*Giờ*), giải Oscar 2003, cũng đang chiếu cùng lúc; tác giả Stephan Daldry phỏng theo tiểu thuyết lừng danh của Michel Cunningham, giải thưởng văn chương Pulitzer năm 1994, dựa theo đời tư của nhà văn Anh Virginia Woolf và tác phẩm «*Bà Dalloway*» (1925). Bộ phim được hoan nghênh nhiệt liệt, diễn xuất tuyệt vời, nhưng vẫn bị nhiều lời chê trách là đã xuyên tạc đời tư nhà văn nữ, thậm chí những «*nụ hôn cũng sai lệch.*»2 Nhưng dù sao cũng là cơ hội đọc lại Virginia Woolf, bị nửa thế kỷ lãng quên – trường hợp *Chùa Đàn* của Nguyễn Tuân.

Trong nhật ký một nhà văn, Virginia Woolf, ngày 30/8/1923, đã thổ lộ: «*Tôi có nhiều điều muốn nói về truyện Giờ (The Hours) và sự khám phá riêng. Cách thức tôi đào xới những hang động đằng sau nhân vật. Tôi nghĩ điều này đã cung cấp những phẩm chất cần thiết: tính nhân đạo, tính hài hước và chiều sâu. Dụng tâm là giao thông giữa các hang động, mỗi hang động sẽ được rọi sáng, khi cần thiết.*»3

Những tư liệu về thời sự điện ảnh này, vô hình chung, đến đúng lúc, rọi chiếu hoàn cảnh Việt Linh khi chị đào bới những hành lang đưa đến ấp Mê Thảo dưới ánh sáng tiền trường, và những dư luận -- gồm có chính kiến lẫn thành kiến -- không phải lúc nào cũng ưu ái.

*

Chùa Đàn xuất bản tại Hà Nội năm 1946, trong một hoàn cảnh đặc biệt căng thẳng, giữa Hiệp Ước Sơ Bộ Việt Pháp, tháng Ba, và ngày toàn quốc kháng chiến, cháng Chạp. Sau này tái bản khó khăn nên ít người biết. Chuyên gia về Nguyễn Tuân là Nguyễn Đăng Mạnh, năm 1981, làm Tuyển Tập, cũng chỉ lướt qua, cho đến 1989 ông mới có bài viết nghiêm túc và chính xác. Hoàng Như Mai khi lý về dụng ý '*tự hủy để tái sinh*' chỉ lặp lại khuôn sáo một thời, và lý luận vớ vẩn «*cái luận đề triết lý của Chùa Đàn đã được giải mã thì giá trị của tác phẩm trở nên minh bạch.*»4 Ối!

Chùa Đàn gồm ba phần. Phần II là chính truyện, khoảng 30 trang, có tên riêng: *Tâm Sự của Nước Độc*. Viết ở ngôi thứ ba, kể chuyện xảy ra hồi đầu thế kỷ, tại ấp Mê Thảo, một địa danh tưởng tượng, chuyên nghề nuôi tằm dệt tơ, miệt trung du. Chủ ấp, Lãnh Út, yêu một cô gái và chuẩn bị đám cưới thì cô dâu tử nạn vì xe lửa bị lật. Từ nỗi tuyệt vọng vì tình, Lãnh Út đâm ra căm thù văn minh cơ khí, chìm đắm vào men rượu, tách mình ra khỏi thực tại, sống trong kỷ niệm, tuyệt vọng và hoang tưởng. Việc trang trại hoàn

toàn giao phó cho quản gia là Bá Nhỡ, nguyên bị án tử hình, dù chỉ tòng phạm trong một án mạng. Bá Nhỡ được chủ ấp bao che, nên tận tụy lo cho sức khỏe của ân nhân và công việc trang trại. Bá Nhỡ là một tay đàn cự phách, đã từng đàn đêm cho Tơ, một đào hát lừng danh; anh muốn mời cô Tơ lên ấp hát, may ra điệu nhạc lời ca giải khuây và đưa Lãnh Út trở về thực tại. Nhưng từ ngày chồng chết, cô Tơ đã giải nghệ, và phát nguyện chỉ hát theo cung bậc của cây đàn người chồng quá cố để lại. Nhưng đây lại là cây đàn thiêng: ai đụng vào là có nguy cơ mất mạng. Bá Nhỡ chấp nhận cơ nguy dùng cây đàn thiêng: một là để cứu mạng ân nhân, hai là để thử thách lòng mình, trong tâm trạng tuyệt vọng: *«ta còn đợi gì nữa ở cuộc đời ta? Ta không chờ mong gì ai. Và tất cả các thứ tàu và chuyến tàu của cuộc đời này không chở một kẻ hành khách cô độc.»* (TT I, tr. 396). Rồi Lãnh Út đánh trống, cô Tơ hát, Bá Nhỡ đàn, cho đến khi *bốn giây rỏ máu năm đầu ngón tay*, xuất huyết và chết trên cây đàn oan nghiệt.

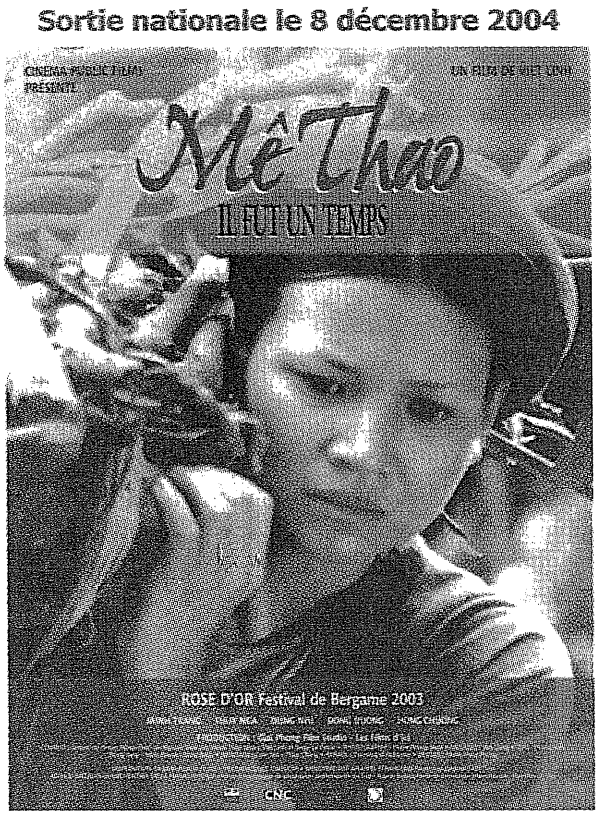

Le nouveau film de **Viet Linh**
avec : **Minh Trang, Thuy Nga, Dung Nhi, Don Duong**
et la voix de **la cantatrice Thanh Hoai, groupe ca tru Thai Ha**

A partir du 8 décembre à Paris
LE REFLET MEDICIS
5-7 rue Champollion, Paris 5e
Tél. 08 92 89 28 92 - 08 92 68 48 24
M° Cluny, Saint Michel

Lãnh Út và đoàn tùy tùng đưa xác Bá Nhỡ về ấp. Rồi đốt cháy hết những vò rượu «vô cố nhân» và xây chùa tưởng niệm bạn xưa, gọi là *Chùa Đàn*. Cô Tơ xuất gia, giữ phần kinh kệ và hương khói.

Cốt chuyện *Tâm Sự Nước Độc* – cốt lõi của *Chùa Đàn* tác phẩm văn học– chấm dứt ở đây.

Sau đó, là sinh mệnh chính trị của nó.

Tác phẩm được sáng tác năm 1945 tại Bần Yên Nhân, ngoại thành Hà Nội, tại nhà bà Chu Thị Năm, chủ nhà hát cô đầu, là nhân tình Nguyễn Tuân lúc đó. Theo lời Tô Hoài kể trong *Cát Bụi Chân Ai*, Nguyễn Tuân đã tâm tình *«Lôi thôi quá, tao định đưa bà Năm về làm bé đấy. Rồi cách mạng, thế là tung hê cả.»5* Vũ Hoàng Chương, thường đi nghe hát với Nguyễn Tuân, cũng xác nhận: *«Nguyễn lúc ấy đang làm bác trai của nhà (hát) này.... Trong chiếc áo dài trắng như biểu lộ hết cái tinh thần của những kẻ đa tình mang lấy nghiệp bác trai.»* 6

Năm 1941, Nguyễn Tuân bị Pháp bắt, còng tay, đưa đi trại tập trung Vụ Bản, Hòa Bình, cũng tại nhà bà Chu Thị Năm, theo lời kể của Tô Hoài.

Tâm Sự của Nước Độc, tức là toàn văn *Chùa Đàn*, viết năm 1945, nhưng Nguyễn Tuân xếp cùng với các truyện huyền ảo mà ông đặt tên chung là *Yêu Ngôn*, như *Xác Ngọc Lam, Lửa nến trong Tranh, Loạn Âm, Bố Ô (Rượu Bệnh)* viết trước đấy, khoảng 1943, cùng với những *trang ghi lại những cảm giác và cảm tưởng hoang mang, kinh loạn của suốt một thời kỳ khủng hoảng* (Tựa Am Sông Tô, trong Tùy Bút II, 1943).

Cũng năm 1945, Nguyễn Tuân xuất bản tập truyện *Nguyễn* với lời đề đầu sách *'Kính tặng Tôi'*, thì xảy ra cuộc cách mạng tháng Tám, với đường lối văn nghệ ghi trong *Đề Cương Văn Hóa* 1943. Những trước tác kiểu *Yêu Ngôn, Chùa Đàn* dĩ nhiên là được xem như lỗi thời, sa đọa, thần bí, ngược lại với ba tiêu chuẩn *dân tộc, khoa học, đại chúng* mà Đề Cương 1943 đã vạch ra.

Thời kỳ này, Nguyễn Tuân hăm hở tham dự những cuộc xuống đường, giữa những *'phố Hàng Cờ,'* nhưng *còn e ngại, ngủng nguẩng với cách mạng, chưa thật sự theo Việt Minh* (TT III, tr. 509),

cho đến khi Tố Hữu yêu cầu gặp, đầu 1946. Nguyễn Tuân trái khoáy, hẹn gặp ở nhà Thủy Tạ, bờ Hồ, một địa điểm '*phức tạp,*' chốn ăn chơi, đi lại của nhiều phe phái. *Không ngờ anh Lành (Tố Hữu) lại nhận lời. Tôi thấy anh Lành có bản lĩnh, chịu chơi, tôi bắt đầu nể anh, từ chỗ có cảm tình với anh Lành, tôi có cảm tình và theo Cách Mạng* (TT III, tr. 510).

Trong bối cảnh chính trị và tâm lý như thế '*mùa xuân một năm tuổi*' tức năm 1946, Bính Tuất - Nguyễn Tuân sinh 1910, Canh Tuất – ông đã thêm một cái đầu Cách Mạng và một cái đuôi Mác Xít vào *Chùa Đàn*.

Phần I- *Dựng*, làm dẫn nhập, viết ở ngôi thứ nhất, biến Lãnh Út thành một cán bộ Cách Mạng cộng sản tên *Lịnh*, gặp trong trại tập trung Vụ Bản. *Lịnh* là một nhân vật gương mẫu dứt khoát không động đến rượu và không nghe hát ả đào, và cuối cùng giải thích lý do khiến mình đoạn tuyệt với hai món đó, trong một nhật ký riêng, *Tâm Sự của Nước Độc* – sau này sẽ là phần II của *Chùa Đàn* – viết 1932, trên con tàu biển, trên đường viễn dương truy tìm Cách Mệnh ở ngoài xứ.

Phần II- *Mưỡu Cuối*, cũng ở ngôi thứ nhất, chủ yếu kêu gọi cô *Tơ* - đã trở thành sư Tuệ Không - bỏ kiếp nâu sồng trở lại với đời sống dân dã, vì tu hành là *một chuyến đánh bạc gian, ăn cắp gạo và vải của cuộc đời*. Trở lại cuộc đời để cao giọng hát vì (câu kết): «*cho tới ngày nay, chưa có cuộc Cách Mệnh nào của Con Người mà bỏ được tiếng hát*» (TT I, tr. 414).

Vá víu như vậy rõ là đầu Ngô mình Sở, không ra cái thống-chế pê-tanh đơ-gôn gì. Nguyễn Đăng Mạnh đã ghi nhận «*sự vá víu khiên cưỡng, chắp đầu chắp đuôi với những lời thuyết lý ồn ào,*» và còn thêm «*Bây giờ đọc lại những trang viết này chúng ta không khỏi bật cười: Nguyễn Tuân sao mà nông nổi đến vậy!*» 7

Hoàn cảnh trớ trêu: năm 1946, khi Nguyễn Tuân thêm phần *I Dựng* và phần *III Mưỡu Cuối*, là để cứu vãn phần II *Tâm Sự của Nước Độc* sáng tác trước đó, bị xem như là suy đồi, sa đọa, lạc hậu, mê tín. Nhưng bản án phần II có phần nhẹ: nó sa đọa trong một xã hội sa đọa, vì chưa được ánh sáng cách mạng rọi chiếu. Phần I và III, sáng tác dưới ánh sáng của '*trời thu tháng Tám*' bị cái án nặng hơn: là xuyên tạc cách mạng, hạ thấp lãnh đạo. Sau đợt chỉnh huấn 1953, vào tháng 7, Nguyễn Tuân phải viết bản kiểm điểm «*nhìn rõ sai lầm*» như sau:

«Tự kiêu và chưa tự giác cách mạng của tôi còn biểu hiện cụ thể trong việc in Chùa Đàn giữa năm 1946. Chuà Đàn nguyên là một chuyện thần bí quái dị, rút ở tập «Yêu Ngôn» phản khoa học, phản tiến bộ. Chuyện ấy là chuyện một địa chủ điên loạn trong hưởng lạc, muốn sống một cách dâm bạo, như cái kiểu của Musset «Máu, khoái cảm, và chết.» Tôi thêm vào truyện ấy một đoạn đầu và một đoạn cuối, đưa tên địa chủ đó vào hoạt động Cách mạng, sau khi nó đã đi tìm phiêu lưu trong mọi hưởng lạc. In «Chùa Đàn» năm 1946, tôi cũng tự cho là mình cũng hiểu Cách mạng, nói được cách mạng và dựng được chuyện những người làm cách mạng. Thực ra tôi ngu dốt, không hiểu Cách mạng là gì nên «Chùa Đàn» đã nói sai về thực chất của cách mạng, đã nói sai về chiến sĩ Cách mạng vô sản. «Chùa Đàn» đã xuyên tạc cách mạng Việt Nam giữa lúc Cách mạng tháng Tám đang có những khó khăn buổi đầu trong việc xây dựng chế độ dân chủ nhân dân, giữa lúc một số địa chủ phản động đang chui vào các tổ chức đảng phái phản động để âm mưu phá hoại Cách mạng tháng Tám. Sáng tác vô chính trị «Chùa Đàn» là một tội lớn đối với Cách mạng tháng Tám.»8

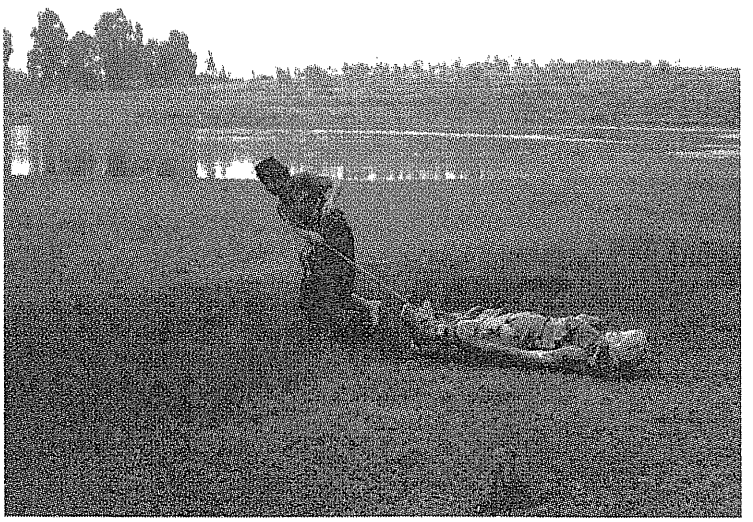
Cảnh phim Mê Thảo

Tô Hoài và Nguyễn Đình Thi là bạn, bạn văn và đồng chí thân thiết với Nguyễn Tuân, có thành tích Cách Mạng dày hơn ông, đã tham gia Mặt Trận Bình Dân, Văn Hóa Cứu Quốc thời bí mật. Nhưng

khi Tô Hoài viết truyện *Mười Năm* (1957), Nguyễn Đình Thi viết *Vỡ Bờ* 1962 và 1970 về thời kỳ chuẩn bị tổng khởi nghĩa 1945, họ đã bị hàng loạt bài phê phán nặng nề, là thiếu hiểu biết và vô hình chung xuyên tạc cách mạng. Huống hồ là Nguyễn Tuân đã dùng ngòi bút làm cây gậy thần, biến một lãnh chúa cuồng si của ấp Mê Thảo thành một lãnh tụ cách mệnh «*bỏ ấp, xuất dương làm bồi tàu sống cuộc đời công nhân và truy tìm Cách Mệnh ngoài xứ*» (TT I, tr. 406). Nguyễn Tuân lại còn tham chiếu vào *cuộc Cách Mệnh Thường Trực của cuộc đời chênh vênh* (tr. 408) theo tên một tác phẩm... Trotsky!

Trong một bài Tự phê «*Nhìn rõ sai lầm*» khác, viết ngày 8/4/1958, ông thừa nhận chịu ảnh hưởng «*một số sách và tiểu thuyết của những tác giả Tờ rốt kýt hoặc có quan điểm Tờ rốt kýt về tư tưởng nghệ thuật (...) có thể nói rằng tôi vẫn còn kéo dài cuộc sống phiêu lưu ngay cả sau thời kỳ cách mạng tháng Tám đã thành công rồi, và sự cải tạo tư tưởng của tôi chỉ mới bắt đầu có từ ngày kháng chiến*» 9 nghĩa là 1947.

Tôi dài dòng để nhấn mạnh ở một điểm: phải dè dặt khi sử dụng chính trị, chính kiến để giải thích một tác phẩm văn học. Khi khẳng định Nguyễn Tuân viết *Tâm Sự Của Nước Độc,* năm 1945, tôi đã phải khảo sát tư liệu và dò hỏi dư luận. Chuyện xảy ra năm 2003, mà tôi vẫn bị khuyến cáo: nói 1945 thì phải xác định trước hay sau cách mạng tháng Tám!!! Làm như là cái ngày 19/8, hay bất cứ một ngày nào khác, có thể «*lột xá* » con người, tựa con bướm, con rắn, cho dù năm 1945, Nguyễn Tuân đã ngông nghênh có viết ra như thế.

Khi làm phim Mê Thảo, tác giả kịch bản loại bỏ phần I và III, chỉ giữ lại *Tâm Sự của Nước Độc,* là đã lấy một quyết định tận tình tận lý. Nhưng người làm phim và người kiểm duyệt phim, nếu biết rõ uẩn khúc của *Chùa Đàn* mà vẫn làm, vẫn duyệt thì quả là dũng cảm.

Những đóa lan rừng có khi nở tình cờ nhờ một sự lãng quên.

Có người không sợ súng đôi khi vì điếc.

*

Tha thiết với Nguyễn Tuân, tôi mừng vui đi xem phim Mê Thảo và tâm đắc với Việt Linh, Phạm Thùy Nhân và Serge Le Péron, khi họ dựng kịch bản trên phần *Tâm Sự của Nước Độc*, 1945 và hoàn toàn gạt bỏ phần *Dựng* và *Mưu Hậu* viết sau, vào năm 1946 – và nói chung họ tạo dựng được không khí *Chùa Đàn,* mà không phải nhất nhất sao chép lại câu chữ. Phim *Bà Bovary*, 1991, đạo diễn Claude Chabrol theo sát chữ nghĩa của Flaubert vẫn bị giới phê bình chê là không tạo được chiều sâu của văn phẩm, mà chỉ làm phim... minh họa!

Nguyễn Tuân là người suốt đời thiết tha với điện ảnh, là nhà văn đầu tiên tham gia nghệ thuật mới mẻ này. Cuối 1937 và đầu 1938, ông đã cùng Đàm Quang Thiện, Nguyễn Doãn Vượng sang Hương Cảng dựng phim *Cánh Đồng Ma* và đóng vai y tá, như ông đã kể lại trong ký sự *Một Chuyến Đi* (đăng báo 1938, xuất bản 1941).

Nguyễn Tuân đóng vai chánh tổng trong phim *Chị Dậu* của Phạm Văn Khoa, phóng tác theo truyện *Tắt Đèn* của Ngô Tất Tố. Tên phim *Chị Dậu* thay cho *Tắt Đèn* là do Nguyễn Tuân đề nghị. Và ông thừa nhận ưu thế của điện ảnh: «*Phải nhận rằng văn Tắt Đèn khi chuyển sang hình và ảnh của Chị Dậu thì nó kích động người xem cả*

Mê Thảo Thời Vang Bóng đã được BB Enterprises mua bản quyền phát hành tại Mỹ và Canada; tuy nhiên, theo hợp đồng ký với nhà nước Việt Nam, phim không được phép tham dự bất kỳ đại hội điện ảnh nào. Việc này có lẽ do nhà nước Việt Nam sợ rằng sự xuất hiện của tài tử Đơn Dương (vốn bị xem như "kẻ phản quốc" sau khi ông đóng các phim We Were Soldiers và Green Dragon) sẽ gây nhiều tiếng vang trong các đại hội điện ảnh quốc tế.

Phim Mê Thảo được khởi chiếu trong cộng đồng Việt tại rạp Camera 12, San José từ cuối tháng 4, và cho đến nay, cuối tháng 5, vẫn còn chiếu 4 đến 5 suất một ngày. Theo bà Suzie Bùi, đại diện BB Enterprises phát hành phim Mê Thảo trong cộng đồng Việt Nam, phim sẽ được lần lượt trình chiếu tại nhiều thành phố đông dân Việt cư ngụ. Phim sẽ được chiếu ở Edwards Westminster 10, Westminster từ 24 tháng 6, 2005 và ở vùng thủ đô Washington D.C., rạp Loehmann Cinema, Falls Church từ ngày 3 tháng 7 sắp tới đây. Sau đó phim sẽ đi đến các thành phố như Houston, Florida... và sự trù sẽ sang Canada.

người đọc nữa, thật là cụ thể đối với cảm quan và tư duy người ta» (TT III, tr. 302).

Khi thân thiết và thấm thiết giới thiệu kịch bản phim *Lũy Hoa* của Nguyễn Huy Tưởng, lấy từ tiểu thuyết dở dang *Sống Mãi với Thủ Đô* của cùng tác giả, Nguyễn Tuân đã ước mơ đóng một vai phụ «*Mình muốn đóng cái ông già Hoa Kiều bán lạc rang đó. Vai này hiện ra vài lần giữa đám đông, và chỉ có một lần là ông ta nói, mà chỉ nói có một câu, mà người xem vẫn còn nhớ được hình ảnh anh, đó mới là chỗ kích thích sự sáng tạo nghệ thuật*» (TT III, tr. 344).

Về tương quan giữa văn học và điện ảnh, Nguyễn Tuân đã có nhiều nhận xét quan trọng chung quanh tác phẩm *Vợ Chồng A Phủ,* truyện vừa của Tô Hoài, viết năm 1953 trong «*Truyện Tây Bắc*» (1954), rồi tự tác giả biến thành kịch bản phim. Đọc kịch bản Tô Hoài, Nguyễn Tuân thích hơn là đọc truyện ngắn Tô Hoài, vì «*nó có những đoạn có chiều sâu hơn ở tiểu thuyết. Ai dám bảo văn chương điện ảnh tả nội tâm thua văn tiểu thuyết*» TT III, tr 312.

(Nhưng khi đi xem phim - do đạo diễn Mai Lộc thực hiện - thì Nguyễn Tuân lại không thích «*Đọc A Phủ thú hơn là đi xem A Phủ. Đọc thì thấy được chất thơ, mà lúc đi xem thì thấy nó hơi quá nôm na. Chất văn xuôi là rất cần cho phim truyện, nhưng văn xuôi không có nghĩa là nôm tạp*» (TT III, tr. 344. Tác giả loay hoay với mấy chữ «văn xuôi, nôm na, nôm tạp,» là ý muốn dịch chữ prosaique trong tiếng Pháp. Ông ấy có khi suy nghĩ bằng tiếng Pháp. Ý nói: prose ne signifie pas prosaique).

Nhưng vấn đề không phải là kịch bản thêm cái này, bớt cái kia, so với nguyên tác. Chính bản thân Tô Hoài đã thêm đã bớt, theo Nguyễn Tuân: «*Anh làm nghệ thuật, có nghĩa là anh làm một thứ tạo hóa trong cái phạm vi nhất định của địa bàn sáng tác đó.*» (TT III, tr. 372).

Và Nguyễn Tuân rất tâm đắc với một hình ảnh Tô Hoài đã thêm vào: ông lái đò người Xá trên Sông Đà.

«*Tôi ngỡ rằng ở đây Tô Hoài định lồng vào phim một cái ý thơ của bài trường ca Tây Bắc. Ở khách quan núi sông Tây Bắc vẫn bàng bạc cái ý thơ ấy. Tôi xúc động với cái ý thơ kia, đang trôi lướt trong phim truyện. Một cái ý thơ đẹp, khỏe, lành, đem lại một sự cân đối nhịp nhàng vào cuộc sống. Cái hình ảnh chở đò ấy còn trả lại sự công bằng chí lý chí tình cho thực tế vĩ đại nhiều dân tộc của Tây Bắc*» (TT III, tr. 373).

Tác dụng cao cả của nghệ thuật là trả lại công bằng cho đời người và người đời. Nguyễn Du đã trả lại cho Đạm Tiên, Thúy Kiều và bao nhiêu kiếp hồng nhan đa truân khác, chút tiết hạnh mà số mệnh đã cướp đi. Nguyễn Tuân đã nói lên chân lý cao xa ấy, qua một chi tiết nhỏ: bác lái đò người Xá trên sông Đà mà Tô Hoài đã thêm vào kịch bản phim *Vợ Chồng A Phủ.*

Chúng ta có thể «đạo văn» Nguyễn Tuân để áp dụng vào trường hợp đạo diễn Đặng Nhật Minh, khi anh thêm hình ảnh cô gái nghèo làm người mẫu vào kịch bản phim *Mùa Ổi,* (2000) không có trong nguyên tác truyện ngắn *Ngôi Nhà Xưa* (1992) của chính mình.

Đối chiếu như vậy để lý giải hình ảnh cô Cam, một nhân vật câm mà Việt Linh đã thêm vào phim *Mê Thảo.*

Cô gái câm là một sáng tạo đẹp. Về kỹ thuật cô là người dẫn chuyện, về biểu tượng là người dân lành không có tiếng nói trong xã hội. Là thân phận mồ côi, được chủ nhà nuôi, mặc nhiên trở thành tôi tớ. Đã câm mà lại tên *Cam.* Câm là không có tiếng nói, *Cam* là không có khả năng lay chuyển được số phận. Không cha mẹ, không gia đình, không nhà cửa, không nghề nghiệp, nhưng cô vẫn có một căn cước, một nhân phẩm, qua trái tim yêu đương và cái nhìn phê phán, cái nhìn của lứa tuổi thanh niên hôm nay, khi đọc lại *Chùa Đàn*; nói là cái nhìn của đạo diễn Việt Linh và đồng tác giả kịch bản Phạm Thùy Nhân và Serge Le Péron cũng được thôi. Xa hơn nữa là cái nhìn của Nguyễn Tuân, không phải của một Nguyễn Tuân thời nọ thời kia, nhưng một Nguyễn Tuân tổng hợp, mực thước, ví dụ một Nguyễn Tuân «*có lần nhìn sông Đà như một cố nhân*» (1960) khác một Nguyễn Tuân những lúc quá đà quá bước.

Hình ảnh cuối phim là đám cháy rừng – biểu tượng mà André Malraux gọi là những đám cháy của lịch sử, là cái nhìn, đôi mắt trẻ đẹp của cô *Cam.*

Đặc điểm thứ hai của *Cam* là tình yêu. Yêu thiết tha, sâu lắng và nhẫn nại một ông chủ nhà và chủ ấp cuồng điên. Yêu là yêu. Không thể luận có lý hay vô lý, mê muội hay sáng suốt; đợi cho có lý mới yêu thì chẳng phải là yêu. Dĩ nhiên là cô *Cam* không thực tế, thậm chí không hiện thực. Nhưng mà thực, trong một địa bàn không thực là nghệ thuật.

Nghệ thuật đền bù nhân loại, tạo cho kiếp người những kích thước mà cuộc đời đã cưỡng

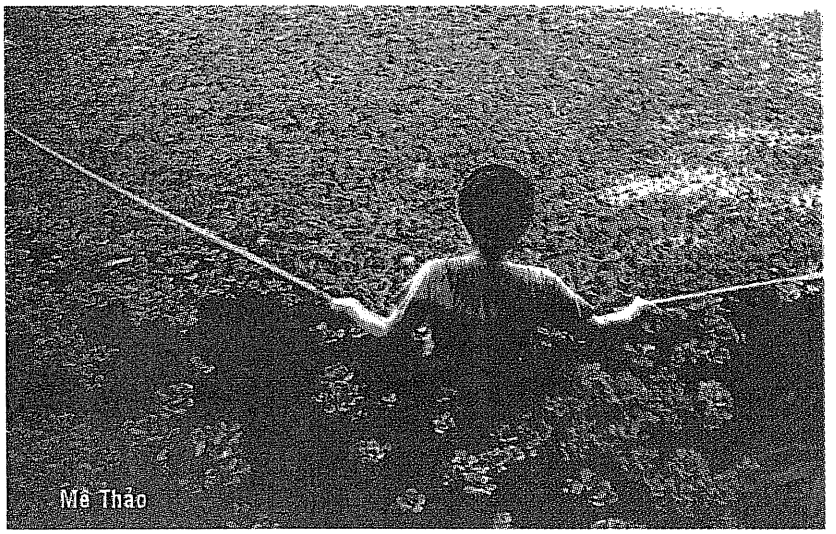

đoạt. Nghệ thuật chuốc cho con người những đắm say mà cuộc sống không ngừng cấm cản. Nghệ thuật giải tỏa nơi con người *«cái tấm tức sinh lý của một giao hoan lưng chừng»* (TT I, tr. 398) như trong *Chùa Đàn*, Nguyễn Tuân đã ví von, và đã lặp lại trong bài viết về Nguyễn Huy Tưởng.

Cô *Cam* trong xã hội Mê Thảo là nhân vật vong căn thất cước, nhưng trong văn chương nghệ thuật cô có gia đình, gia phả hẳn hoi. Hình ảnh người câm trong cổ tích từ Phù Đổng đến truyền thuyết Nguyễn Trãi, đến những nhân vật câm tuyệt đẹp trong truyện ngắn, cô *Thoa* của Thế Lữ, cô *Trâm* của Nhất Linh. Cô gái nghèo yêu hoàng tử vẫn được truyền tụng từ cổ tích.

Giấc mơ tình yêu của *Cam*, trong cảnh dạ vũ đám cưới, nhắc đến giấc mơ của cô *Xoan* trong tiểu thuyết *Vỡ Bờ* (1962) của Nguyễn đình Thi, lúc thoát thân về thăm Mẹ, *«đi như bay,»* thấy mình biết bay, rồi lại mơ thấy được gặp người yêu, hai bàn tay mình nắm vào nhau mà tưởng người yêu nắm tay dắt đi chơi trên cánh đồng quen thuộc...

Cô *Cam* nối dõi cô Tấm trong huyền thoại, đã từng ẩn hiện trong phim *Mùi Đu Đủ Xanh* của Trần Anh Hùng, 1993, và làm chị làm em cùng những cô *Thoa*, cô *Trâm*, cô *Xoan*, trong văn chương hiện đại, đã đến với quần chúng trong một nhan sắc văn học, lạ lẫm như một cố nhân tình cờ gặp lại – thoáng hương thầm sau một cơn mưa bất ngờ - nơi một ngọn dốc, nơi một bến đò.

*

Say sưa viết về kịch bản *Vợ Chồng A Phủ* của Tô Hoài, Nguyễn Tuân giải thích *«sự khấp khởi với tác giả xê-na-ri-ô chỉ là phụ thôi, mà cái chủ yếu là muốn đề cao môn văn học điện ảnh. Nhất là môn này còn rất mới đối với chúng ta»* (T.T. III, tr. 369).

Tôi viết bài này cũng trong thiện chí như vậy.

Trên thế giới ngày nay, điện ảnh là một nghệ thuật hiện đại có đông đảo quần chúng, và dần dần tạo ra một thẩm mỹ riêng, gây ảnh hưởng trên những ngành nghệ thuật khác.

Và nói chung trên thế giới, các nghành nghệ thuật quan hệ với nhau ngày một khắng khít và phát triển đồng bộ, hòa hợp. Nên lý luận cũng dễ.

Ở Việt Nam, do hoàn cảnh kinh tế và xã hội, tác phẩm điện ảnh còn thưa thớt và non trẻ, nên từ đó, chưa có nền *«văn chương điện ảnh, văn học điện ảnh»* thực sự như Nguyễn Tuân đã ao ước và muốn đề cao.

Nhưng trước sau gì rồi nền văn chương, văn học ấy cũng sẽ thành hình và phát triển, song song với nghệ thuật điện ảnh Việt, nhất định sẽ mỗi ngày một phong phú.

Bài viết này là lòng tâm nguyện.

Orléans, 1.5.2003
Điều chỉnh 23.5.2005

Ghi chú : Những trích dẫn trong bài lấy từ "Tuyển Tập Nguyễn Tuân", gồm 3 tập, Lữ Huy Nguyên tuyển chọn, nxb Văn học, 1994, Hà Nội.

1. Ciné Obs. ngày 21/3/2003

2. New York Times, ngày 15/3/2003

3. Le Journal d'un cinéaste, Michael Cunningham trích, Les Heures, Edition Belfond, 1999, tr. 9

4. Hoàng như Mai, trong «Nguyễn Tuân Tác gia và Tác phẩm», tr. 268, nxb Giáo Dục, 2000, Hà Nội

5. Tô Hoài, « Cát Bụi Chân Ai », tr. 170, nxb Hội Nhà Văn, 1992, Hà Nội

6. Vũ Hoàng Chương « Ta Đã Làm Chi Đời Ta » tr. 185-186, nxb Hội Nhà Văn, tái bản 1993, Hà Nội

7. Nguyễn Đăng Mạnh, Tuyển Tập Nguyễn Tuân, tr. 40, nxb Văn Học, 1981, Hà Nội

8. Nguyễn Tuân Toàn Tập, tập 5, tr. 443-444. Nxb Văn học, 2000, Hà Nội.

9. Nguyễn Tuân, Báo Văn Nghệ, tr. 103, số 12, tháng 5 1958, Hà Nội.

"Journey from the Fall" / "Vượt Sóng" tại Quận Cam: Người xem cảm động, vé bán hết hai suất

KẾ QUANG

Bà nội (Kiều Chinh) và Mai (Diễm Liên) trong phim Vượt Sóng

Một cuốn phim chủ đề Việt Nam, diễn viên Việt Nam, đoàn làm phim Việt Nam, với tiền tài trợ đến từ ngay trong lòng cộng đồng Việt Nam, đã được thực hiện chỉ trong vòng một năm để chiếu tưởng niệm 30 năm tỵ nạn tại Quận Cam, gây xúc động cho hàng trăm khán giả. Chật ních người trong rạp Regal Cinema tại Garden Grove, cả hai suất chiếu phim "Journey from the Fall" / "Vượt Sóng" ngày Thứ Bảy 30 tháng 4 đều bán hết vé mà vẫn còn người muốn xem.

"Vượt Sóng"/ "Journey from the Fall" đi theo một gia đình trải qua lịch sử sau 30 tháng 4. Mất nước, không chạy di tản vì muốn ở lại sống chết với quê hương, người cha (tên Long, do Long Nguyễn đóng), chuyên tuyên truyền chống cộng sản, bị bắt vào tù cải tạo. Ở ngoài, không sống được trong hoàn cảnh thiếu tự do, gia đình anh gồm bà mẹ (do Kiều Chinh đóng), cô vợ tên Mai (do Diễm Liên đóng), và đứa con 10 tuổi tên Lai (do Nguyễn Thái Nguyên đóng) lên đường vượt biên. Trong chuyến vượt biên này, họ gặp người bạn tên Phương (do Cát Ly đóng) và thuyền trưởng Nam (do Khánh Đoàn đóng), đồng cam cộng khổ trong cơn sóng gió hiểm nguy. Nhưng tai họa đã đến, chuyến tàu bị hải tặc cướp đánh.

Đến được Mỹ, gia đình gầy dựng lại cuộc sống mới. Khó khăn trong sở làm, trường học, không biết Long còn sống hay chết, mỗi người tự tìm lối thoát cho riêng mình. Bà nội bám vào hy vọng con mình còn sống. Mai gượng gạo xây lại một gia đình mới cho con. Lai thể hiện niềm hy vọng vào hội họa, cặm cụi vẽ những bức hình Lê Lợi, Lê Lai, và thanh kiếm thần theo lời kể của bà nội. Ba người trong một gia đình, sống cùng một nhà, nhưng ngày càng tản mát. Phải cho đến lúc mọi sự đè nén bùng nổ lên, gia đình mới thực sự có dịp lại gần với nhau.

Cuốn phim, như lịch sử chung hàng triệu người dân Việt Nam, những cựu tù chính trị, những cựu thuyền nhân, là chứng tích một vết thương của cả dân tộc mà đến giờ này vẫn chưa hàn gắn được, chưa được ghi lại đầy đủ, thậm chí còn chưa từng được nhà cầm quyền trong nước nhận là có xảy ra.

Nhà sản xuất Lâm Nguyễn nói với phóng viên báo Người Việt: "Sau lần chiếu tưởng niệm 30/4, chúng tôi sẽ không chiếu riêng lẻ như vậy nữa mà sẽ chú trọng vào việc tìm một nhà phát hành Mỹ. Dĩ nhiên vì muốn có lời, nhưng quan trọng

Báo chí tham dự buổi chiếu ra mắt

hơn là vì câu chuyện của người Việt Nam không những cần ghi lại cho các thế hệ Việt Nam tương lai, mà còn phải kể cho cả thế giới nghe nữa. Người ta phải biết những thương xá Việt Nam sầm uất ở Ca-li, ở Texas, phải xây bằng bao nhiêu là đau thương, bao nhiêu là nước mắt."

Nước mắt là chuyện đã xảy ra nhiều lần trong phim với nhiều khán giả, cả Việt Nam lẫn ngoại quốc. Bà Vũ Cẩm Vân, sau buổi chiếu phim, tiết lộ rằng "cuốn phim cảm động quá, ngay cả nhà tôi cũng đi học tập mà tôi đâu được biết nhiều, ông ấy đâu có kể cho tôi nghe hết, ông ấy nói sơ sơ, nhiều khi tránh không nói."

Ông Herair Garboushian vào xem phim với cả gia đình bốn người. Ông cho Người Việt biết, "Phim này quá hay, rất cuốn hút tôi, mà tôi không phải là một người dễ bị cuốn hút. Vợ tôi, cả con gái tôi nữa, xem phim mà cảm động khóc quá chừng."

Sau hai suất chiếu phim, đoàn làm phim đã tổ chức một buổi gặp gỡ khán giả và trả lời câu hỏi tại khách sạn Ramada Plaza Hotel ở Garden Grove. Tại đây, nhiều khán giả đã khen cuốn phim và thành công của nó, và họ cũng góp ý thêm, nhiều người dựa trên kinh nghiệm bản thân. Bác sĩ Hoàng Kim Huy góp ý, "Tôi cũng từng ở tù cải tạo rồi cũng lênh đênh trên biển vượt biên, thì cuốn phim rất hay, nhưng nếu có làm cuốn phim khác về đề tài này thì nên nghiên cứu thêm về cái 'thùng conex' nơi nhốt tù biệt giam." Theo ông, cái thùng conex mà ông biết còn thường để nghiêng, để người tù không thể ngồi được bình thường.

Một khán giả không nêu tên cho biết chính cô cũng đi thăm nuôi người học tập cải tạo, và cũng trải qua cơn vượt biên cam go, và nói "Tôi rất cảm động khi xem cuốn phim này." Một khán giả khác nói với đoàn làm phim, "Tôi là người Mexico, tôi xem phim này mà cảm động quá khóc đến mấy lần. Đời di dân của người Mexico cũng có những nỗi chật vật của riêng mình, mà chính nhờ những cuốn phim như này, các cộng đồng di dân mới hiểu hoàn cảnh của nhau và thông cảm nhau hơn."

Một số khán giả nêu những câu hỏi cụ thể về cuốn phim. Tại sao các quản giáo trong trại cải tạo không nói giọng "Bắc 75," giọng "Việt Cộng?" "Tại chúng tôi không tuyển được một diễn viên có khả năng diễn xuất mà cũng có giọng ấy," Hàm nói. Cảnh ăn dế trong phim là thật hay giả, dế sống hay dế chiên? Ông Hiếu Nguyễn trả lời, "Đạo diễn Hàm Trần ra chợ mua một hộp 10 con dế, bắt ăn dế thiệt, dế sống, mà phải ăn tới ba lần. Ăn một lần, đạo diễn nói chưa được. Ăn lần nữa, lại chưa được, ăn lại. Ăn tới lần thứ ba mới được."

Nữ tài tử Kiều Chinh nói thêm với Người Việt, "Truyện phim 'Vượt Sóng' là một câu chuyện nói lên được cuộc đời của những người di cư từ 1975, câu chuyện mà trong mỗi chúng ta đều có một phần. Tôi rất mừng là cuốn phim hoàn thành kịp để đánh dấu 30 năm tỵ nạn của cộng đồng."

Sau khi chiếu tại Quận Cam và tại Virginia, phim "Vượt Sóng" / "Journey from the Fall" sẽ chiếu tại San José ngày 7 tháng 5. Sau đó, phim sẽ được đưa đi các đại hội điện ảnh quốc tế trong khi tìm một nhà phát hành để chiếu rộng rãi.

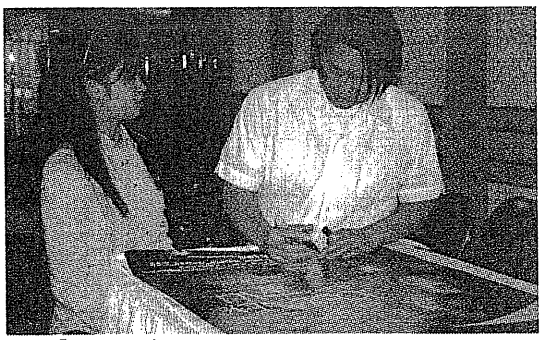

Đạo diễn Hàm Trần đang ký tên kỷ niệm lên bích chương phim

NGÔ NHÂN DỤNG

Xúc phạm Kinh Quran

Một lần tôi đã vào một đền thời Hồi Giáo trong vùng người Cham sinh sống ở Châu Đốc. Kiến trúc Hồi Giáo ở đâu cũng mang vẻ đẹp đơn sơ, tao nhã và gây niềm tôn kính. Người hướng dẫn chỉ cho tôi thấy cuốn kinh Quran ở cuối giáo đường. Tôi vô tình định đưa tay cầm lên coi nhưng anh ngăn lại. Anh giải thích: Người ngoại đạo không được chạm đến cuốn sách thánh này vì họ không sống theo những quy tắc thanh tịnh như các tín đồ. Thí dụ người đã ăn thịt heo chẳng hạn mà chạm vào kinh Quran thì coi như xúc phạm nặng nề. Từ đó mỗi lần tới một đền thờ Hồi Giáo tôi đều biết để tránh không phạm lỗi. Tôi viết chữ Quran theo lối của một cơ quan truyền thông Á rập, al Jazeera, họ viết là Qur'an, mà trên sách báo còn viết là Kuran, Cô Răng, vân vân.

Vụ báo Newsweek loan tin về những hành động của lính Mỹ xúc phạm cuốn kinh Quran làm cho tín đồ Hồi Giáo khắp thế giới phẫn nộ, khiến nhiều người đặt câu hỏi về trách nhiệm của nhà báo khi làm việc thông tin. Đã có 17 người chết và hàng trăm người bị thương vì những cuộc biểu tình chống Mỹ sau khi bài báo trên được dịch và đăng lại ở các nước Afghanistan, Pakistan, Indonesia, vân vân. Người Hồi Giáo biểu tình ở Calcutta, Ấn Độ, ở Mogadishu, thủ đô nước Somalia, ở Nablus trong vùng Tây Ngạn và trước cửa tòa đại sứ Mỹ ở London, Anh quốc.

Nhưng không thể nói chỉ vì một bài báo dài 200 chữ đăng trên tuần báo Newsweek ra ngày 9 tháng Năm 2005 đã gây ra phong trào chống Mỹ ở các nước Hồi Giáo. Trước khi những tấm hình lính Mỹ tra tấn bằng cách làm nhục tù nhân ở Abu Ghraib, Iraq, xuất hiện trên báo chí quốc tế, Hội Hồng Thập Tự quốc tế đã gửi cho bộ quốc phòng Mỹ những báo cáo về các hành động xúc phạm đến kinh Quran ở nhà tù Guantanamo, trong căn cứ quân sự Mỹ ở Cuba, nơi giam giữ các tù binh quốc tế bị bắt sau khi Mỹ tấn công Afghanistan.

Nhiều tờ báo ở Mỹ đã tường thuật các lời tố giác này trong vài năm qua nhưng không gây phản ứng mạnh trong thế giới Hồi Giáo. Vì các lời tố cáo tương tự đã được các tù nhân được phóng thích nói lên từ lâu rồi, cho tới khi có bài báo ngắn ngủi của Newsweek. Báo Newsweek cũng cho biết họ đã đưa bản tin cho hai nhân viên bộ quốc phòng Mỹ đọc để kiểm chứng trước khi in. Và chỉ có một người chỉ ra một điểm sai lầm, nhưng không phải chi tiết được đăng. Một tuần sau, tuần báo Newsweek đã rút lại bản tin trên và xin lỗi gia đình những người đã chết và bị thương. Họ nói rằng nguồn tin của họ nhầm lẫn khi bảo rằng chi tiết ném cuốn kinh vào cầu tiêu được ghi trong một bản báo cáo chính thức của bộ quốc phòng Mỹ. Tờ báo này không cải chính rằng hành động xúc phạm nặng nề tới kinh Quran không hề xẩy ra, họ còn cho thấy là chi tiết đó có thể được tiết lộ trong các văn kiện khác. Khi chính quyền Mỹ lên tiếng chỉ trích tuần báo Newsweek về vụ trên, không ai chính thức phủ nhận là chuyện trên không bao giờ xẩy ra. Và cũng không ai lên án các chính quyền ở Afghanistan hay Pakistan khi họ ra lệnh binh sĩ và cảnh sát bắn vào đám biểu tình chống Mỹ, chính vì thế mới gây ra những vụ chết chóc. Dần dần, độc giả sống ở Mỹ chỉ chú ý tới nhầm lẫn của tờ báo Newsweek về nguồn tin, mà không còn quan tâm đến các yếu tố quan trọng hơn. Đó là chính sách thẩm vấn có tính cách tra tấn thể chất và tinh thần của quân đội Mỹ đối với những người bị bắt vì bị tình nghi dính líu tới tổ chức al Qaeda, sau vụ tấn công Afghanistan. Ông Karzai, tổng thống Afghanistan đã minh oan cho báo Newsweek phần nào khi ông nói rằng vụ biểu tình chống Mỹ ở nước ông không phải do bản tin trên báo này gây ra. Ông biết những người chủ trương biểu tình đã dự tính từ lâu rồi, bản tin đó chỉ là một cái cớ trực tiếp mà thôi. Ông Karzai có phàn nàn với chính phủ Mỹ, nhưng phàn nàn về những vụ lính Mỹ tra tấn tù nhân ở ngay Afghanistan. Sau khi bị tra tấn, hai người đã chết trong đó có một tài xế taxi vô tình đi vào một chỗ vừa bị đánh bom. Sau đó, các nhân viên thẩm vấn đều công nhận là anh tài xế này hoàn toàn vô tội, nhưng thôi, đã lỡ tay rồi!

Ngày Thứ Sáu 20 tháng 5, 2005, trước cửa tòa đại sứ Mỹ ở London một cựu tù binh ở căn cứ Guantanamo đã kể một cách thúc đẩy tù nhân cung khai là ném kinh Quran xuống đất và đạp lên. Anh Martin Mubanga, 32 tuổi, bị bắt ở Zambia, châu Phi và trao cho chính phủ Mỹ. Người ta nghi anh hoạt động cho al Qaeda nhưng anh phủ nhận. Anh nói các tù nhân đã yêu cầu ban quản giáo ở Guantanamo hãy niêm yết những cáo thị nói cho lính Mỹ biết là không được ném kinh Quran xuống đất. Nhưng lính Mỹ đổi phiên luôn luôn và những người lính mới không biết gì về huấn lệnh đó. Và nguyên nhân chính gây nên những vụ xúc phạm tôn giáo chính là vì những người lính coi tù không được huấn luyện để biết bén nhậy về các vấn đề tín ngưỡng. Sự khác biệt về văn hóa đã gây nên những cái chết của các người vô tội, nhưng trách nhiệm là sự thờ ơ của các cấp chỉ huy quân sự và chính trị ở Mỹ. Nhất là khi Tổng thống Bush nói từ đầu rằng các người bị bắt vì bị tình nghi là khủng bố không được Quy ước Genève về tù binh bảo vệ. Quân đội Israel đã từng giam giữ các tù binh Hồi Giáo từ mấy chục năm nay nhưng chưa bao giờ để cho những chuyện tương tự xẩy ra.

Những người biểu tình chống Mỹ ở Calcutta đã ném lá cờ Mỹ xuống đất và dùng chân đạp lên, có người còn gọi một đứa bé tới đi tiểu trên lá cờ Mỹ. Xứ Ấn Độ có hơn 120 triệu tín đồ Hồi Giáo. Chắc họ nghĩ đó là một hành động trả đũa xứng đáng. Họ nghĩ rằng người Mỹ cũng thấy bị xúc phạm khi thấy quốc kỳ của họ bị đạp lên, không khác gì người Hồi Giáo bị nhục khi kinh Quran bị chà đạp. Nhưng những người Ấn Độ theo Hồi Giáo đó đã lầm. Ngay tại nước Mỹ cũng có những người dân Mỹ ném quốc kỳ xuống đất, đốt cờ, hoặc may quần đùi bằng mầu lá cờ. Điều này được coi là một thứ quyền phát biểu tự do.

Nhưng người Hồi Giáo không suy nghĩ kiểu Mỹ. Đối với người Hồi Giáo thì kinh Quran không phải chỉ là những tác phẩm của những người được Thượng đế mạc khải, như các kinh thánh Thiên Chúa giáo. Người Hồi Giáo coi Quran chính là lời Thượng Đế nói, mà nhà tiên tri Muhammad chỉ làm công việc ghi nhớ rồi lập lại mà thôi. Vì vậy đối với họ Quran có tính chất thiêng liêng hơn. Giáo đường Hồi Giáo không có ảnh tượng, không có biểu tượng nào, chỉ có kinh Quran.

Sự sơ xuất của các cấp chỉ huy Ngũ Giác đài phải bị cảnh cáo, phải điều tra và trừng phạt những người đã xúc phạm đến kinh Quran, để thế giới Hồi Giáo khỏi hiểu lầm dân Mỹ. Và các nhà báo Mỹ cũng phải thận trọng hơn khi loan báo những tin gây xúc động, vì tình cảm về tín ngưỡng của người Hồi Giáo rất bén nhậy, ngoài kinh nghiệm, hiểu biết hoặc sự tưởng tượng của người làm báo ở Mỹ. Người làm báo có thể hy sinh những "tin giật gân" dù có thật, nếu việc loan tin có thể gây tổn hại đến sinh mạng hoặc danh dự của những người vô can. Việc loan báo những tin chưa biết chắc chắn còn phải dè dặt hơn nữa.

Tại sao tham nhũng càng chống càng tăng

Báo *Tiền Phong* ở trong nước phỏng vấn ông Lê Khả Phiêu, cựu tổng bí thư đảng Cộng Sản Việt Nam, có câu hỏi là " .. tình hình chống tham nhũng hiện nay, dư luận (nhận định) rằng càng chống càng tăng, (có phải vậy không) thưa ông?" Ông Lê Khả Phiêu trả lời: "Đúng vậy, vì nếu cứ làm như hiện nay thì càng chống càng tăng."

Trong một câu khác, ông Lê Khả Phiêu cũng thú nhận rằng, "Những biểu hiện của tiêu cực, nhũng nhiễu, tham nhũng hiện nay cũng chẳng khác trước đây ..."

Những lời thú nhận trên đáng chú ý. Vì do một lãnh tụ cộng sản nói, và nói để được đăng báo cho công chúng đọc chứ không phải viết riêng, nói riêng trong nội bộ đảng viên cao cấp nghe với nhau. Có hai lí do khiến phải phơi bầy chuyện này ra công khai. Một là cả nước, cả thế giới biết đảng Cộng Sản bất lực trong việc chống tham nhũng từ lâu rồi, che đậy mãi càng thêm nhục, không những bất lực mà còn hèn nhát không dám công nhận sự thật. Lý do thứ hai là ông nào nói ra sự thật này trước thì khiến người ngoài tưởng rằng ông ấy không có tội, tội là ở những lãnh tụ đang cầm quyền. Do đó, ông nói ra để rồi tấn công những người đang có chức có quyền, đòi thay đổi các quân bài cho các quân bài mới của ông được đưa lên.

Chúng ta biết ông Lê Khả Phiêu cũng mới xuống chức bốn năm gần đây thôi. Vậy khi ông nói "cứ làm như hiện nay" thì ông nói đến cách chống tham nhũng "hiện nay" nó bắt đầu từ bao giờ? Từ thời ông Nông Đức Mạnh mới có, hay từ thời Lê Khả Phiêu cầm đầu đảng? Hay từ thời ông Đỗ Mười, ông Nguyễn Văn Linh, ông Lê Duẩn, Trường Chinh hay ông Hồ Chí Minh nó vẫn như thế rồi? "Biểu hiện của tham nhũng hiện nay cũng chẳng khác trước đây" thì hai chữ "trước đây" cũng tính từ thời ông nào? Ông Lê Khả Phiêu chắc không muốn xác định nhưng chúng ta có

thể trả lời câu hỏi này, rằng phương pháp chống tham nhũng của đảng Cộng Sản Việt Nam xưa nay vẫn như vậy. Họ bắt mạch nhầm, chẩn bệnh nhầm, cho thuốc nhầm, không bao giờ khỏi được bệnh tham nhũng.

Đem ví như chuyện chữa bệnh bởi vì chính ông Lê Khả Phiêu cũng dùng thí dụ đó trong một đoạn khác. Ông nói, "... ta uống thuốc chưa đủ liều, mới chỉ đẩy lùi bệnh tật được một bước nhưng sau đó nó lại tái phát." Mà bệnh tham nhũng cũng giống bệnh lao, bệnh si đa; khi tái phát thì nó cũng nặng hơn, vì con vi trùng nó cũng quen thuốc rồi, và nó còn biết vận dụng sáng tạo ra những mánh khóe mới nữa.

Nhưng việc chữa bệnh tham nhũng không thành không phải vì cho thuốc không đúng liều lượng, như ông Phiêu chẩn bệnh.

Vấn đề chính là không gọi đúng tên bệnh, không cho đúng thuốc.

Theo ông Lê Khả Phiêu thì chính sách chống tham nhũng của đảng Cộng Sản "còn che giấu, còn chưa dám nói lên sự thật," không dám nói rõ các chi tiết như các cán bộ tham nhũng đó "là những ai, ở cơ quan nào và trách nhiệm cụ thể của cơ quan đó ra sao."

Nhưng ai sẽ làm công việc vạch mặt chỉ tên đó? Theo như lối trình bầy của ông Phiêu thì mọi chuyện vẫn được trao cho bộ máy của đảng Cộng Sản giải quyết. Ông không hề nhắc đến luật lệ và hệ thống thi hành pháp luật. Có thể là ông không tin tưởng gì vào guồng máy nhà nước, vào hệ thống chính quyền hiện nay; ông không tin ở tòa án, ở công an, cảnh sát mà chỉ tin vào guồng máy đảng thôi. Cơ bản là ông vẫn suy nghĩ theo lối đảng trị.

Ông Lê Khả Phiêu cho là việc chống tham nhũng phải "gắn với (việc) xây dựng, chỉnh đốn đảng, xây dựng bộ máy (đảng)." Đó là các mục tiêu đã nêu lên trong một nghị quyết mà chính ông đã ký khi còn làm tổng bí thư. Nhưng xây dựng và chỉnh đốn đảng nghĩa là gì? Nói một cách cụ thể, mỗi lần đảng cộng sản nào trên thế giới nói đến chuyện "xây dựng chỉnh đốn đảng" là người ta hiểu phe này muốn lật đổ phe kia. Ông Lê Khả Phiêu để lộ điều đó ra khi ông đổ lỗi "hiện tượng tiêu cực, tham nhũng có nguyên nhân là do tổ chức đảng lỏng lẻo." Ông nhắc lại "các tổ chức đảng còn lỏng lẻo" tới hai lần. Đoạn sau ông lại nói, "Tổ chức cán bộ là nội dung có ý nghĩa quyết định." Nghe như vậy thì người ta hiểu rằng ông Lê Khả Phiêu chỉ trích, muốn thay đổi những người đang làm trong Ban Tổ chức của đảng Cộng Sản. Ban Tổ chức xưa nay vẫn nắm quyền quyết định xếp đặt ai ngồi chỗ nào. Thay đổi ban đó cũng giống như đảo chính nội bộ đảng.

Nhưng đó là chuyện nội bộ của đảng Cộng Sản Việt Nam. Ông này lên, ông kia xuống, người dân cũng không biết số phận đất nước ra sao, nếu các chính sách, chủ trương của họ vẫn theo lối đảng trị. Chúng ta quan tâm đến vận mệnh của nước Việt Nam, đến đời sống của dân Việt Nam, vì vậy chỉ bàn đến các chủ trương chung của đảng Cộng Sản chứ không bàn chuyện ai lên ai xuống.

Chẳng hạn, ông Lê Khả Phiêu đưa ra phương thuốc gì để trị bệnh tham nhũng? Ông nói, "Đảng ta là đảng cầm quyền, cầm quyền là phải nắm cán bộ." Rồi ông đề cao "tính tự giác của cán bộ;" đến "động cơ trong sáng" của các cán bộ. Ông phê bình "tính tự giác của các đảng viên chưa cao, sự giác ngộ chưa đến nơi đến chốn." Ông chỉ trích chủ nghĩa cá nhân. Đó là những điều ông Hồ Chí Minh đã nói đi nói lại từ những năm 1947, 1951, đến chết vẫn không nghỉ. Đảng Cộng Sản Việt Nam vẫn coi ông Hồ như ông thánh, tại sao những điều ông ấy hô hào từ hơn nửa thế kỷ nay vẫn không làm cho đảng khá hơn, trái lại tham nhũng càng ngày càng mạnh hơn? Lý do chính là vì tất cả chỉ là những khẩu hiệu nhắm vào thay đổi cá tính của các cán bộ, đảng viên, mà không biết rằng tính tình của con người cần phải được khung cảnh pháp lý ràng buộc mới khiến người ta tránh những việc xấu, làm những việc tốt. Nói theo Phan Châu Trinh đã hô hào từ thế kỷ trước, ông Hồ và các đồ đệ của ông vẫn theo đường mối nhân trị (trị nước bằng cách dùng người) mà không theo đường lối pháp trị (dùng luật lệ.)

Hồ Chí Minh tuy có học chủ nghĩa Mác, Lê Nin nhưng tự bản chất vẫn theo lối các nhà Nho hủ lậu, rất phù hợp với đường lối cộng sản đệ tam. Vì cả hai, chế độ theo Nho giáo và chế độ cộng sản đều độc tài, trên bảo dưới nghe. Cả hai đều chủ trương có một tầng lớp ưu tú quản lý xã hội theo các kinh điển đào tạo ra họ. Cho nên khi thấy cả hệ thống quan chức, cán bộ thành hủ nát thì họ chỉ hô hào các cán bộ phải tự giác, phải có "đạo đức, năng lực." Nói thế thì ai nói cũng được. Nhưng làm sao bảo đảm được các quan chức, cán bộ không sa ngã? Phải có guồng máy luật pháp đứng bên ngoài guồng máy đó, đứng bên ngoài đảng Cộng Sản. Khi còn chủ trương đảng trị thì

không thể tập thói quen tôn trọng luật pháp. Chỉ trong một chế độ dân chủ, tự do thì mới xây dựng được một cơ chế kiểm soát từ bên ngoài như vậy.

Chính vì không thoát khỏi quan niệm đảng trị cho nên ông Lê Khả Phiêu vẫn đề cao đảng như khi ông nói, "Việc phát huy dân chủ trong đảng chưa được khai thông mạnh mẽ thì điều này làm hạn chế dân chủ trong xã hội." Ông vẫn đặt đảng của ông lên trên cả đất nước, cả xã hội.

Thực ra vấn đề phải được đặt ra ngược lại. Phải nói rằng nếu đảng Cộng Sản Việt Nam chưa chịu chấp nhận cho người dân sống theo các quy tắc, các luật lệ, thủ tục dân chủ, thì không thể nào phát huy được tinh thần dân chủ ở trong đảng. Không thể nào có một đảng dân chủ chỉ để cai trị người khác theo lối độc tài! Chấp nhận cho dân chúng được sống dân chủ thì phải thực hiện các quyền tự do ngôn luận, tự do báo chí, tự do lập hội, lập đảng, tự do ứng cử, bầu cử. Đó là những điều mà bao nhiêu người trí thức Việt Nam ở trong nước đã đòi hỏi, kể cả các đảng viên như Tướng Trần Độ đã khuất. Phải thực hiện tam quyền phân lập, phải thi hành bản hiến pháp Việt Nam thời 1946 chứ không phải bản hiến pháp nhằm bảo vệ chế độ đảng trị như bây giờ.

Cuối cùng thì trong toàn bài phỏng vấn ông cựu Tổng Bí thư Lê Khả Phiêu cũng chỉ hô lên những khẩu hiệu, những khẩu hiệu quá cũ đã được hô từ nửa thế kỷ nay mà vô hiệu quả. Động cơ của ông khi trả lời cuộc phỏng vấn này là gì? Là vì đất nước hay vì đảng? Hay vì muốn tranh giành quyền lực cho phe nhóm của ông? Không thể nói được. Như thế càng chứng tỏ cái đề nghị "xét kỹ xem động cơ" của người ta là cái gì đúng là không tưởng. Muốn chống tham nhũng, trước hết phải xóa bỏ chế độ độc tài đảng trị, không còn cách nào khác. Chậm ngày nào làm hại đất nước, hại dân tộc ngày đó, vì đúng như ông Lê Khả Phiêu nhận xét, còn độc tài thì tham nhũng càng chống nó lại càng tăng.

Thắng và bại

Hai tháng trước khi ông Hồ Chí Minh qua đời năm 1969, ông được nhật báo *Nhân Đạo* (L' Humanité) của Đảng Cộng Sản Pháp phỏng vấn. Bài phỏng vấn này được nhật báo *Nhân Dân* ở Hà Nội dịch đăng ngày mùng 5 Tháng Ba năm 1970. Ông Hồ nói đến những "thắng lợi to lớn" của Đảng Cộng Sản Việt Nam, mà ông cho rằng "Chúng tôi giành được những thắng lợi to lớn đó trước hết là nhờ cái vũ khí không gì thay thế được là Chủ Nghĩa Mác Lê." Các đảng viên Cộng Sản Việt Nam có thể coi câu nói trên cũng áp dụng cho cuộc hành quân thắng lợi của họ vào năm 1975 khi họ chiếm được tất cả miền Nam Việt Nam. Năm đó họ cũng tự coi là đang thắng lợi to lớn vì sắp sửa có dịp cải tạo cả nước Việt Nam thành một xã hội cộng sản, theo chủ nghĩa Mác-Lê nin, như đã thực hiện ở Liên Xô và Trung Quốc vĩ đại.Ba mươi năm sau, chúng ta sắp chứng kiến cảnh ông Phan Văn Khải sang Mỹ Quốc mà mục tiêu sau cùng chính là mời gọi chính phủ Mỹ cùng giới tư bản Mỹ đem tiền vốn cùng các kỹ thuật, phương pháp quản lý sang Việt Nam đầu tư để khai thác các tài nguyên, nhân lực nước ta. Nếu trong ba mươi năm nữa kinh tế Việt Nam phát triển được bằng Đài Loan hay Hàn Quốc bây giờ, thì ai cũng biết sẽ là nhờ hệ thống kinh tế thị trường theo lối tư bản. Từ mười lăm năm tới nay Đảng Cộng Sản đã "đổi mới" nhưng họ rất rụt rè, ngần ngại, không dám bước nhanh, không dám thay đổi nhiều. Nếu như từ nay trở đi mà họ quyết tâm thay đổi toàn diện và đồng bộ với sự hỗ trợ của giới đầu tư và kinh doanh quốc tế, thì chắc kinh tế nước ta sẽ phải tiến bộ. Đó cũng là những "thắng lợi to lớn!" Người dân Việt Nam sẽ nhìn thấy các thành quả đó, và sẽ biết rằng các thắng lợi to lớn này, trái với lời ông Hồ nói trước khi ông chết, hoàn toàn không nhờ "cái vũ khí không gì thay thế được" của ông là Chủ Nghĩa Mác Lê.Ngược lại, nếu năm nay mà ông George W. Bush, tổng thống Mỹ, tuyên bố rằng nước Mỹ nhất định giúp Cộng Sản Việt Nam thực hiện tốt chương trình đổi mới kinh tế của họ, thì cái vũ khí người Mỹ đem tới biếu Việt Nam chính là hệ thống kinh tế tư bản. Ông Bush cũng có thể nói rằng đó là thứ vũ khí không thể nào thay thế được! Vì quả thật như vậy, nhìn vào các nước cộng sản cũ như Nga và các nước Đông Âu, họ đã xóa bỏ hết hệ thống chính trị và kinh tế "xã hội chủ nghĩa" để thay thế bằng hệ thống tư bản; nhờ thế ngày nay dân chúng các nước đó đã có một đời sống sung túc hơn và hy vọng tương lai còn giàu mạnh hơn nữa.Câu nói của ông Hồ trong bài phỏng vấn trên mới được nhắc lại trong một bài viết về chủ nghĩa Mác Lê của Lê Công Truyền đăng trên tạp chí KBC Hải Ngoại, số ra vào đầu Tháng Năm năm 2005, nhân 30 năm sau ngày 30 Tháng Tư năm 1975. Khi ông Hồ Chí Minh nói đến "cái vũ khí không gì thay thế được" giúp đảng ông thắng lợi to lớn, ông tin tưởng nhiệt tình vào món vũ khí đó. Điều này không có gì đáng nghi ngờ cả, vì

suốt đời ông Hồ vẫn tin tưởng vào chủ nghĩa Mác-Lê nin. Nhưng ngẫm nghĩ lại những gì đã xảy ra trong 30 năm qua thì thấy rõ những lời khẳng định của ông Hồ vào lúc ông sắp qua đời nghe thấy rất tội nghiệp. Một người tin tưởng một cách lầm lẫn suốt đời, trước khi nhắm mắt vẫn còn cố nói những lời huênh hoang tự phụ hoàn toàn trống rỗng. Mười năm sau khi ông Hồ nói, Trung Quốc đã bắt đầu tháo gỡ các chính sách tập thể hóa nông nghiệp trong quá trình tư bản hóa nước Trung Hoa; năm năm sau nữa, đến lượt Liên Xô bắt đầu cải tổ cơ cấu để thoát ra khỏi cái Chủ Nghĩa Mác theo lối Lê Nin đem thi hành. Ngay tại những "tổ quốc xã hội chủ nghĩa" cái "vũ khí không gì thay thế được" của ông Hồ được người ta nhận ra chính là nguyên nhân các thất bại làm cho dân đói, chết đói hàng chục triệu người. Hệ thống tổ chức theo chủ nghĩa đó còn làm cho xã hội đầy áp bức, bất công; cho nên nó đã bị xóa bỏ ngay tại nơi đã đem ra thử áp dụng làm mẫu, là Liên xô và Trung Quốc.Trước đây bộ máy tuyên truyền của các đảng cộng sản khắp thế giới vẫn hô khẩu hiệu: Ai thắng ai? Chữ "Ai" ở đây không nói về một số người, một dân tộc hay một quốc gia mà nói về các chủ nghĩa trừu tượng. Tất nhiên, họ có sẵn câu trả lời: Chủ Nghĩa Cộng Sản chắc chắn sẽ thắng, hệ thống tư bản phải thua. Tháng Ba năm 1961 ông Hồ nói chuyện với Đoàn Thanh Niên Lao động (bây giờ đã đổi tên) ông nói rằng: "Với lực lượng mạnh mẽ và ngày càng mạnh mẽ của các đảng Mác Lênin và Đoàn Thanh niên Cộng Sản, chắc chắn rằng chủ nghĩa Xã hội sẽ thắng lợi khắp cả thế giới!" Đó là niềm tin tưởng tuyệt đối của các ông Stalin, Kim Nhật Thành, Fidel Castro hay Pol Pot.Chúng ta không suy nghĩ trừu tượng như các lãnh tụ và lý thuyết gia cộng sản, cho nên đặt câu hỏi "ai thắng ai" giản dị hơn, hiểu chữ "Ai" như những con người, những dân tộc.Vậy dân Nga kể từ năm 1917, dân Trung Hoa kể từ năm 1949, họ đã thắng hay đã thất bại? Nếu các dân tộc đều mong muốn được sống no đủ, bình an và tự do, thì phải nói là họ đã thất bại nặng. Trong một, hai thế hệ sau cuộc cách mạng cộng sản, họ không đạt được những tiêu chuẩn này. Đói và chết đói, không thể coi là thắng lợi được. Sống trong sợ hãi, không dám tin ai chung quanh mình, mà cũng không dám than thở với ai; cũng không thể nói là thắng lợi được. Những cuộc thí nghiệm canh tân ở các nước cộng sản đều đã thất bại. Không có gì để khoe khoang là "thắng lợi to lớn" cả.Những dân tộc thí nghiệm chế độ cộng sản nói chung đã thất bại. Nhưng ai thắng? Chẳng có ai thắng hết! Khi còn những con người đói khổ và không được tự do thì tất cả loài người đều thua.Không thể nói rằng các nước cộng sản thua vì các nước tư bản thắng. Phải nói rằng nguyên nhân những thí nghiệm thất bại đó chính vì họ tin tưởng sai lầm vào Chủ Nghĩa Mác-Lê nin. Ông Karl Marx đã vẽ ra "những thiên đường mù" như nhà văn Dương Thu Hương mô tả. Ông Lê nin thiết lập định chế xã hội để mong tiến nhanh tới những ảo tưởng đó. Mà vì đó là ảo tưởng, muốn người dân phải tuân theo dù thực tế hiện ra trái ngược hẳn, thì phải thiết lập các chế độ độc tài đảng trị, bắt người ta phải tin. Mà một chế độ độc tài đảng trị thì không thể nào phát triển kinh tế, ngược lại càng ngày càng phải độc đoán chuyên quyền hơn. Khi người dân Liên xô tự hỏi tại sao họ không được hưởng chút hạnh phúc ít oi nào mà người cầm quyền vẫn hứa hẹn, thì câu trả lời là: Chính vì Chủ Nghĩa Mác-Lê nin. Đó là thứ gông cùm tư tưởng và gông cùm định chế làm cả xã hội không tiến được.Còn hệ thống kinh tế tư bản, nó vốn không phải là một thứ "chủ nghĩa" như chủ nghĩa Mác Lê. Đó chỉ là kết quả của diễn biến bình thường trong xã hội loài người, gồm các sáng kiến tổ chức kinh tế và chính trị được các thế hệ xây dựng từ từ, mỗi đời lại sửa đổi. Lối sống đó không phải là do một chủ nghĩa, do một vĩ nhân nào bày đặt ra. Nó là thành quả, là công trình của tất cả nhân loại. Ai không theo con đường đó, dại dột thí nghiệm những chủ nghĩa vĩ đại, thì cứ lãnh các hậu quả. Khi biết mình đi lầm đường thì cứ thay đổi, sau khi đã hy sinh một, hai thế hệ theo đuổi những thiên đường mù. Nhưng không thể nói có một "chủ nghĩa tư bản" nào đóng vai trò kẻ phất cờ chiến thắng cả!Trước khi ông Phan Văn Khải sang Mỹ, ông nên đọc lại mấy bài trong cuốn "Văn hóa nghệ thuật cũng là một mặt trận," gom góp nhiều bài của Hồ Chí Minh, do Văn Học xuất bản năm 1981. Trong đó có những bài tố cáo ở nước Mỹ sách của Darwin, thơ của Victor Hugo đều bị cấm. Và Hồ Chí Minh còn tố cáo năm 1955 Mỹ viện trợ cho miền Nam Việt Nam bẩy ngàn tấn sách là bẩy ngàn tấn thuốc độc! Và có bài thơ ông Hồ viết như sau: "Lăm le cướp nước người ta / Bọn đế quốc Mỹ thật là dã man!"Tạp chí KBC Hải Ngoại đã làm một việc hữu ích khi phê phán lại về Chủ Nghĩa Mác Lê, nhân đó nhắc lại một câu nói cuối đời của Hồ Chí Minh. Các đảng viên Đảng Cộng Sản và ông Phan Văn Khải nên đọc lại lời nói đó và suy nghĩ.

Thế thì cuối cùng ông Hồ Chí Minh và những đảng viên của ông đã thắng lợi cái gì? Họ đã tạo nên một đất nước, một xã hội Việt Nam như thế nào? Không lẽ lại khoe đã chiến thắng vì có bao nhiêu đảng viên đang nghênh ngang nhà cao cửa rộng, bố mẹ lái ô tô còn con cái đua xe gắn máy bất chấp luật đi đường; và còn được tự do ghiền ma túy? Ba mươi năm sau ngày 30 Tháng Tư, ngẫm nghĩ lại không biết thế nào là thắng và thế nào là thất bại!

Sinh ngày 30 Tháng Tư

Nhiều người Mỹ vẫn không muốn quên ngày 30 Tháng Tư cho nên bay sang tận nơi để hồi tưởng lại thời gian họ đã đến Việt Nam hơn 30 năm trước. Họ đã nhìn thấy những hình ảnh nước Việt Nam bây giờ khác hẳn thời chiến tranh, để xóa bỏ các ám ảnh của dĩ vãng. Họ không còn lo sợ bị phục kích, trái lại, còn có thể gặp anh bộ đội cũ đáng lẽ rình bắn sẻ mình thì bây giờ lái taxi đưa mình đi chơi. Tiếng nói của đô la thay thế tiếng súng, tiếng mìn; thay thế cả các khẩu hiệu tuyên truyền thời xưa.Nhiều người Việt Nam ở trong nước cũng không thể quên ngày 30 Tháng Tư. Ba mươi năm trước ông Lê Duẩn vào Sài Gòn mừng chiến thắng nhưng lại tuyên bố: Không có ai thắng ai bại cả! Nói không ai thắng ai, nhưng người nào nhanh tay chiếm đoạt được những chiến lợi phẩm thì cứ chiếm: Nhà cửa, hàng hóa, dinh thự, xe cộ, cơ xưởng, doanh nghiệp, vân vân. Những người nhanh tay giành lấy trong ngày 30 Tháng Tư, nhưng những kẻ chậm chân có khi lại giành được phần to hơn và giữ được lâu hơn. Phần lớn những người đã có kinh nghiệm về đời sống nghèo nàn, kèn cựa tranh giành nhau từng mảnh tem phiếu ở miền Bắc suốt 20 năm là những người nhanh chân giành lấy chiến lợi phẩm một cách chắc chắn và có bài bản nhất. Nhưng sau đó là những năm phí phạm. Các xưởng máy dần dần không có nguyên liệu, không có chuyên viên, cuối cùng không còn gì để sản xuất. Bao nhiêu động cơ, bao nhiêu bộ máy, bao xe cộ, bị bỏ hoang rỉ, và các công nhân lành nghề lũ lượt vượt biên. Ngay cả những tấn vàng trong hầm Ngân Hàng Quốc Gia cũng được bọn Lê Duẩn chuyển ra ngoài Bắc rồi đem dùng phí hết. Kinh tế quốc gia cạn kiệt. Bây giờ ông Võ Văn Kiệt còn nghĩ lại mà lắc đầu than là hàng chục năm phí phạm đáng tiếc!Đáng tiếc cho cả những bạn trẻ sinh nhằm ngày 30 Tháng Tư năm 1975!Ngày đó đáng lẽ phải báo hiệu bao hy vọng tốt lành. Những đứa trẻ sinh ngày 30 Tháng Tư phải được cha mẹ ăn mừng. Riêng chuyện chiến tranh chấm dứt sau "20 năm nội chiến từng ngày" đã là một điều đáng mừng rồi! Những bạn trẻ dưới 20 tuổi vào năm 1975, ở miền Nam cũng như miền Bắc, phải ăn mừng. Vì biết rằng họ không lo sẽ phải đi lính như cha, anh mình nữa! Và khi hòa bình trở lại thì người nông dân lại được đi cày ruộng, người công nhân trở về xưởng máy, thầy giáo với học trò trở lại trường học. Lo gì không có cơm no, áo ấm. Cả một dân tộc phải chứa chan hy vọng vì hòa bình trở lại.Đáng tiếc. Thật đáng tiếc. Vì những hy vọng đó cuối cùng đều tan biến. Đảng Cộng Sản Việt Nam đã làm tiêu tan hết, chỉ trong vòng sáu tháng, nhiều lắm là một năm. Ở miền Nam là những cảnh gia đình phân ly và cảnh tù đày của hàng nửa triệu người. Và miền Bắc bắt đầu thiếu ăn vì viện trợ kinh tế thời chiến tranh của Trung Cộng bị chấm dứt. Không lẽ một "dân tộc anh hùng" mà cứ ngửa tay ăn xin mãi? Tập thể hóa, đánh tư sản, các chiến dịch đó làm cho dân miền Nam theo kịp dân miền Bắc trong sự nghiệp đói rách.Những trẻ em sinh ngày 30 Tháng Tư năm 1975, hóa ra lại là những em bé không may. Sinh ra thì mẹ không đủ cơm ăn, con thiếu sữa. Ông Võ Văn Kiệt thú nhận đến khi Đảng Cộng Sản bắt đầu đổi mới được mấy năm thì kinh tế mới đỡ kiệt quệ. Nghĩa là khi các cháu lên 15 tuổi mới biết là chắc được ăn đầy bụng. Nhưng còn chuyện học hành của các cháu? Thi sĩ Nguyễn Duy mô tả: "*Một nước thông minh sao lắm trẻ em thất học? Những ngôi trường xơ xác*

đến tang thương!" Kinh tế xã hội chủ nghĩa làm cả nước nghèo, nghèo rồi thì chỉ lo miếng ăn, có ai lo chuyện học hành? Ai lo chuyện đạo đức khi mà, vẫn theo lời Nguyễn Duy: *"Điếm cấp thấp bán trôn nuôi miệng, điếm cấp cao bán miệng nuôi trôn!"* (Nhìn Từ Xa, Tổ Quốc.) Các cháu sinh ngày 30 Tháng Tư lớn lên trong một xã hội như vậy. Nếu các cháu hư hỏng, chúng tôi không dám trách các cháu. Cả thế hệ chúng tôi tự trách mình: Để lại cho các em một nước Việt Nam như vậy hay sao?

Những người "không được xếp hạng"

Nhắc tới các bạn trẻ sinh ngày 30 Tháng Tư năm 1975, lại nhớ đến cuốn tiểu thuyết "Những Đứa Trẻ Sanh Giờ Tí" (The Midnight Children) của S. Rushdie, một cuốn tiểu thuyết in năm 1981 làm cho nhà văn Ấn Độ này nổi tiếng - trước khi ông nổi tiếng hơn vì bị các giáo sĩ Hồi Giáo cực đoan treo giá cái mạng ông một triệu đô la Mỹ. Nhân vật chính trong Những Đứa Trẻ Sanh Nửa Đêm là một cậu bé sinh đúng lúc 12 giờ sáng ngày nước Ấn Độ tuyên bố độc lập, cậu bé nhận được một lá thư chào mừng của Thủ Tướng Jawaharlal Nehru, cũng như gần một ngàn em bé được sinh ra vào giờ Tí canh ba đó! Chú bé Salam tự kể chuyện mình, từ đời ông ngoại đến đời cha, mẹ, cho chúng ta thấy lịch sử bán đảo Ấn Độ ra sao trước ngày lập quốc và 30 năm sau đó. Bán đảo Ấn Độ được chia ra hai nước với hai cuộc chiến tranh tàn khốc, Kashmir trở thành vùng tranh chấp, Pakistan đảo chính liên miên rồi chia làm hai quốc gia Hồi Giáo riêng. Salam kể tới số phận của những đứa trẻ sinh ngày lá cờ Ấn Độ rồi cờ Pakistan được kéo lên, số phận chúng cũng khóc cười theo vận nước trôi nổi. Trong phần chót của cuốn tiểu thuyết, Salam gần đầy 30 tuổi, và có con. Theo lối kể chuyện của nhà văn tai quái này, đứa con đó thực không phải là con anh ta nhưng lại đúng là cháu nội người anh ta gọi là bố! Thằng bé sinh ra vào đúng một ngày lịch sử khác: Bà Thủ Tướng Indira Gandhi tuyên bố tình trạng khẩn cấp, thiết quân luật, và tạm gác bỏ các quyền tự do ghi trong hiến pháp. Đứa trẻ ra đời trong ngày lịch sử thứ hai này lớn lên hơn hai tuổi mà vẫn không nói được. Đọc hết cuốn truyện mới thấy óc hài hước của Rushdie: Sinh ra đúng lúc các quyền tự do bị bóp chết thì phải câm miệng chứ biết làm sao? Dù biết nói thì có được phép nói đâu mà nói?Còn các bạn trẻ sinh ngày 30 Tháng Tư năm 1975 ở Việt Nam thì sao? Sinh ra nếm mùi bố mẹ đói nhưng sau đó các bạn đã được ăn rồi, và năm nay còn được liên hoan ăn bánh sinh nhật nữa, thật là vui quá! Nhưng bây giờ các bạn đã "biết nói" chưa? Điều này thì không chắc lắm.Hôm trước có một người bạn ở trong nước ra chơi, nhân thế có dịp đọc bài ghi những lời phát biểu của ông Lê Đăng Doanh trong một phiên họp nội bộ Đảng Cộng Sản hồi năm ngoái. Ông bạn cười: Những cái này ai cũng biết hết. Tôi biết, anh biết, nó biết, chúng ta biết; ai cũng biết cả! Nhưng chỉ có những đảng viên cỡ ông Doanh mới được phép nói, mà cũng chỉ dám nói trong nội bộ thôi nhé!Tôi giả bộ ngớ ngẩn hỏi: Tại sao vậy? Ai cũng biết thì cứ nói ra chứ sợ gì? Thế còn hiến pháp? Hiến Pháp Việt Nam từ năm 1946 đã cho các anh những quyền tự do ngôn luận đầy đủ kia mà?Ông bạn cười trừ: Anh về sống thử ở Việt Nam mấy năm chơi rồi thì biết!Câu trả lời trên lại làm cho tôi nhớ đến chuyện ở xứ Ấn Độ. Ai cũng biết từ đời xưa Ấn Độ vốn là một xã hội phân chia đẳng cấp nặng nề. Có bốn đẳng cấp chính trong đó lại chia ra hàng ngàn đẳng cấp nhỏ. Ngoài ra còn những hạng người "không được xếp hạng" vào đẳng cấp nào cả, gọi là "Harijan" mà người ta dịch là "không ai dám đụng tới." Một người harijan vô tình giẫm chân lên bóng một người ở cấp khác là phạm tội làm nhơ bẩn người trên. Họ có thể nổi giận giết ngay!Khi thành nước quốc gia Ấn Độ, bản hiến pháp bãi bỏ các hủ tục đó, người harijan được đối xử bình đẳng trước pháp luật, như tất cả mọi người, mọi đẳng cấp khác. Một đạo luật năm 1955 ấn định hình phạt cho những ai đối xử bất công đối với những người harijan.Nhưng trong thực tế, nhiều người thuộc đẳng cấp mà thánh Gandhi gọi là "Những đứa con của Thượng Đế" này vẫn không được bình đẳng. Nhiều người vẫn cắm cúi chỉ đi làm những nghề hạ tiện, nhơ bẩn, như thuộc da, giặt quần áo thuê. Họ không dám vào trường học, và giáo đường vì sợ làm nhơ các đẳng cấp trên. Họ cam chịu số phận hẩm hiu một cách nhẫn nhục thầm lặng, không dám phản đối.Ở Việt Nam bây giờ cũng vậy. Có chừng hai triệu rưỡi đảng viên cộng sản trong 80 triệu dân Việt Nam. Ngoài ra, cũng có những người "Con của Thượng Đế;" có đủ các thứ quyền ghi trong hiến pháp nhưng trong thực tế thì không dám hưởng. Ngó nghóe đòi quyền thì hãy coi gương những Phạm Hồng Sơn, Nguyễn Sĩ Bình.Thế còn các bạn trẻ 30 tuổi? Hơn 60 phần trăm dân số nước ta bây giờ 30 tuổi trở xuống. Chúc các cháu hay ăn chóng lớn và sớm biết nói!

TRẦN QUÁN NIỆM

Trời ngó lại

Tám năm trước, cả thế giới biết về scandale Monica-Clinton đã làm chiếc ghế Tổng Thống muốn lung lay. Tuy nhiên Clinton tai qua nạn khỏi, không bi đàn hạch, giữ lại được chức vị Tổng Thống cho đến ngày hết nhiệm kỳ. Chắc độc giả còn nhớ, vào thời đó một Ủy Ban Đặc Nhiệm đã được thành lập để điều tra về vụ này, ngân quĩ cho Ủy Ban lên đến gần 40 triệu đô. Dư luận lúc đó, hồi hộp theo dõi, nhưng rồi câu chuyện thành đầu voi đuôi chuột. Clinton đã chối bay biến liên hệ tình cảm với Minica, cốt để chạy tội. Ba toà ông lớn tính đàn hạch Clinton, nhưng rồi không ai dám "ném viên đá đầu tiên," vì biết đâu mình không bị tai tiếng gì là vì nội vụ không bị lộ ra mà thôi. *"Ngày thì quan lớn như thần. Đêm về quan lớn tần mần như ma!"*

Clinton không bao giờ công khai nhắc tới những thân mật, riêng tư với Monica, ngay cả trong quyển sách "Đời Tôi" (My Life) mà có kẻ xấu mồm xuyên tạc thành My Lies (Nói Dối). Nhưng đầu năm 2005, Clinton tâm sự: "Tội nghiệp. Cô ta chỉ hơn con gái tôi vài tuổi, thế mà đã bị trở thành một biểu tượng để người đời nhạo báng trên khắp thế giới. Khi nói tới tên Monica là người ta liên tưởng tới hành vi 'thân mật' cô ta làm với tôi."

Sở dĩ Clinton "hồi tâm" vì câu chuyện đã lắng dịu và hơn cả là Clinton đang ở giai đoạn "gần đất xa trời." Qua hai lần giải phẫu tim, phổi, sức khoẻ của "người" sa sút hẳn. Giới thân cận cho biết sáu tháng sau lần giải phẫu thứ nhất, Cliton già đi cỡ 10 tuổi (xem hình). Tin đồn cho hay rất có thể Clinton chỉ sống được chừng sáu tháng nữa thôi.

Gần đây nhất ông đã sửa lại di chúc, cho thêm tên Monica vào. Trước đó Clinton chỉ để lại tài sản cho vợ và con nếu ông ta có mệnh hệ gì.

Không rõ nếu Clinton về chầu Trời, Monica sẽ được hưởng gia tài bao nhiêu, nhưng ít ra làm như vậy, Cliton cũng đã đối xử công bằng với người con gái vì tôn thờ ông là thần tượng, dan díu với ông một giai đoạn ngắn mà "mang tiếng chịu lời" suốt đời.

Ước gì anh hóa chó bông
Để cho em bế em bồng trên tay

Xin mách nước cho các "cụ" trung niên và cao niên không rành về tài tử, minh tinh, ca sĩ đợt sóng mới, hình dưới là giai nhân ca sĩ Britney Spears. Dạo gần đây đi đâu nàng cũng bế theo con chó kiểng nhỏ tí teọ, làm các anh chàng thèm nhỏ rãi. Con vật cưng được người đẹp tưng tiu, bồng bế, vuốt ve, hôn hít, cận kề tấm thân đáng giá ngàn vàng của người đẹp, đêm đêm còn được ngủ chung giường với chủ nữa. Chàng trai nào mà không ao ước diễm phúc đó!

Nhưng than ôi, ngó vậy mà không phải vậy. Làm thân phận chó kiểng khổ lắm, chẳng sung sướng gì đâu.

Cận kề người đẹp thì chó cũng phải đẹp, do đó chó được chủ gửi đi thẩm mỹ viện giải phẫu. Nào cắt tỉa lông, cắt móng chân, cắt tai, kể cả nhổ răng (để khỏi cắn phá đồ đạc sang trọng trong nhà hoặc đớp khách bộ hành) và nhiều khi có con ưa sủa (tự nhiên thôi) thì bác sĩ giải phẫu cắt thanh quản. Thế là câm luôn. Và đau khổ hơn nữa là chó đực, chó cái đều bị thiến. Buồn chưa các vị thanh niên. Chẳng sơ múi gì đâu.

Britney ôm chó kiểng và lác đác vài tài tử điện ảnh, ca sĩ nổi tiếng cũng như không nổi tiếng bắt chước. Dần dần sẽ tới các *fan* (người hâm mộ). E rằng mùa hè này, các cô thiếu nữ đi dạo trong shopping mall sẽ ôm chó lủ khủ.

Hội bảo vệ súc vật tại West Hollywood đang thảo luận dự luật "cấm giải phẫu thẩm mỹ cho súc vật," nhằm vào các loại

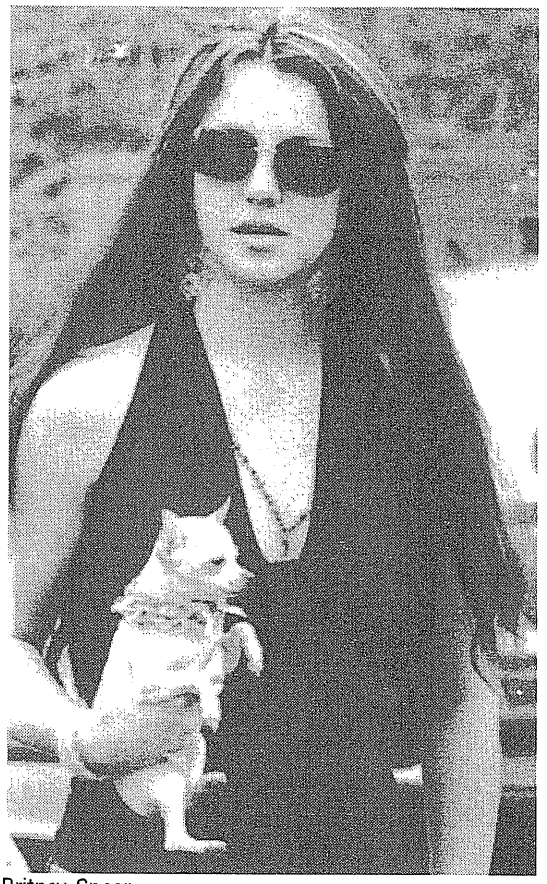
Britney Spear

giải phẫu mà mục đích chính là phục vụ cho tiện nghi của chủ. Thị trưởng John Duran cho rằng, đây là hành vi độc ác với súc vật. Ông cho hay, bên Âu Châu đã có các luật này.

Được biết năm 2003 West Hollywood đã thành công trong việc ban hành luật cấm nhổ móng mèo.

Trong khám tù tử tội

Hai tháng vừa qua, độc giả đã theo dõi phiên toà xử Scott Peterson, bị cáo buộc giết vợ, Laci, đang có thai để rảnh tay du dương với đào nhí.

Tuy không có nhân chứng, không có tang vật, nhưng tòa đã tuyên án tử hình, và Peterson xộ khám chờ ngày đền tội. Cuộc sống hàng ngày của một tội nhân chờ chết ra sao?

Sau ngày 16 tháng 3, 2005, Scott được chuyển đến khám tử hình San Quentin, có an ninh tối đa, dành riêng cho các tử tội. Phòng giam của anh ta rộng 6 ft x 10 ft (2 mét x 3 mét), không có TV (các tù khác có TV) (sướng chưa, so với các tù cải tạo của VC, bị cùm trong connex, phơi nắng), không có telephone và radio. Phòng có giường ngủ và bồn cầu.

Cứ hai ngày một lần, anh có bốn giờ ra khỏi phòng để tập thể dục. Số giờ còn lại, anh có thể đọc sách, báo. Nói chung là không có hoạt động và rất buồn chán. Năm nay anh 32 tuổi, ít nhất phải chờ khoảng 20 năm nữa may ra mới có thể bị gọi ra phòng hơi ngạt và chết một cách êm ả. Nhân viên công lực canh khám cho hay, chính cái buồn chán, không hoạt động năm này qua năm khác sẽ gậm nhấm cuộc đời tử tội, làm tiêu ma ý muốn sống còn. Nhưng muốn chết ngay cũng không được, đành ngồi chờ thời gian trôi qua, từng phút, từng giờ, từng ngày, và biết chắc Tử Thần chờ mình ở cuối đường.

Tuy vậy Scot có thể được người thân vào thăm vào ngày cuối tuần và được chuyện trò trong hai tiếng đồng hồ. Những năm đầu thì không sao, nhưng dần dần người đời sẽ lãng quên anh.

Thức ăn hàng ngày không tệ lắm. Các vị tù VC đói lên đói xuống chỉ mong một bữa sắn no trước khi chết thử tưởng tượng tử tội Mỹ được ăn gì nào?

Sáng có khoai tây, trứng và bánh biscuit cho bữa điểm tâm, trưa ăn nhẹ bằng sandwich trét bơ đậu phụng, tối có bò bit tết hay gà quay.

Tuy thế, cô đơn và buồn chán sẽ giết dần mòn người tử tù, có cho ăn vàng cung chẳng ngon. Một tử tù của khám (trong số 450 tử tội chờ chết bị giam giữ nơi đây), chào đón Scott hôm đầu tiên anh nhập khám: "Scott, rồi mày sẽ không thích nơi này đâu."

Đám cưới tử tù

Tuy nhiên có một điều lạ lùng, ít người có thể tưởng tượng nổi là nhiều bà nhiều cô lại muốn lấy chồng tù đang chờ chết.

Trong ba ngày đầu khi Peterson bị chuyển đến khám tử tội đã có 40 phụ nữ gọi vào nhà tù, xin nhấn với Peterson là họ muốn lấy anh làm chồng. Cô trẻ nhất mới 18 tuổi. Đây không phải là lần đầu. Nhân viên nhà ngục cho hay, hàng năm có trung bình sáu tử tội lấy vợ. Dĩ nhiên nàng ngoài đời, chàng sau song sắt, chỉ có thể gặp nhau nhưng không thể ân ái.

Tại sao đàn bà muốn lấy chồng tù tử hình. Các nhà tâm lý học cho hay, các phụ nữ này tin tưởng họ có thể thuần hóa các tội nhân, biến tội nhân thành người hiền lương. Một lý do khác là họ muốn nổi bằng cách dính liền cuộc đời họ vào những tên giết người khét tiếng, để được dư luận bàn tán và chú ý tới.

Nếu bạn tưởng những người đàn bà trên là những người tâm trí bất thường, ít học, là bạn lầm.

Một tên giết người hàng loạt (12 nạn nhân) là Richard Ramirez vừa lấy vợ là một phụ nữ tên Doreen Lioy, 41, chủ bút một tạp chí, có bằng đại học và chỉ số thông minh (IQ) 152.

Thực tế cho thấy, đủ hạng người trong xã hội, kể cả những phụ nữ khá giả, nghề nghiệp cao như nhà giáo, chuyên viên chẳng hạn.

Nếu Scott chấp thuận lời cầu hôn của các phụ nữ ái mộ, anh sẽ được phép làm lễ cưới vào tháng 6, 2005.

Chuyện Nước Pháp

TỪ NGUYÊN

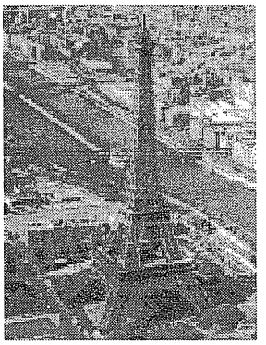

Bảo Vệ Môi Sinh
XÁCH GIỎ ĐI CHỢ

Nếu tới giờ này, các cửa hàng Á Châu tại Paris còn cho bao giấy, bao plastic để khách đem hàng về, chuyện đó chắc không còn lâu vì phần lớn các cửa hiệu người Pháp không còn cho bao bì nữa. Khách hàng của những nơi đó phải mua bao, nếu như... không xách giỏ khi ra đi.

Chuyện không ai ngờ là những bao bì đó là một tai họa cho con người trên thế gian này. 500 tỉ bao bì bằng chất nhựa được sản xuất và phân phát ra mỗi năm trên khắp thế giới. Khi dùng rồi vứt bỏ hay đốt làm hại cho môi trường sinh sống của con người: Khi đốt, những bao này phát ra chất dioxine rất độc còn nếu bỏ lây lất cũng phải từ một trăm năm tới bốn trăm năm sau, bao mới tiêu tan.

Vì vậy mà một dân biểu Pháp thuộc đảng UMP vừa trình một dự luật cấm hẳn việc sản xuất bao plastic này, một chuyện lạ lùng và mới mẻ. Nhưng không thấy ai kêu gọi trở về thời của năm chục năm về trước: đi chợ phải xách giỏ!

Theo thống kê, từ nay cứ 10 người đã có 8 người, để bảo vệ môi sinh, kiếm cách khác hơn là dùng tới bao bì phát ra. 83% bằng lòng với tình cảnh này, chỉ có 15% phản đối. 16% các siêu thị và 24% cửa hàng đã ngưng phát bao plastic này theo cuộc điều tra mới đây của Quỹ thế giới bảo vệ thiên nhiên (WWF).

Cửa hàng nào trên đất Pháp đã giảm việc phân phát bao plastic này ? *Carrefour* (giảm đến 18%), *Champion* 16%, *Casino, Système U* 15%, *Auchan* 11,5%, *Cora* 8%. *Leclerc* ngưng phát bao bì từ 1996.

Những thứ được đề nghị để thay thế cho bao hiện nay:

- Bao có thể dùng lại được (*sac réutilisable*): Đây là loại bao mà tổ chức WWF ủng hộ vì tiết kiệm nguyên liệu, năng lượng chế biến và ít phải thải ra. Đây là giải pháp các cửa hàng đề nghị: bỏ ra vài xu khách hàng có thể có để dùng đi dùng lại nhiều lần, miễn là đừng quên đem theo khi đi mua hàng.

- Bao giấy: Bao giấy thường do giấy biến chế và bao này cũng lại có thể biến chế một lần nữa. Có vấn đề là vì những bao này không bền, có thể bị rách trước khi tới nhà, và dùng một lần rồi bỏ, vậy không phải là giải pháp lâu bền... (Ở Mỹ, một số hiệu hỏi khách hàng muốn dùng tới bao giấy hay bao plastic, miễn phí.)

- Bao tiêu hủy theo thời gian (*sac biodégradable*): Được hoan nghênh nhất là bao chế biến bằng bột bắp đáp ứng với ý muốn của các hội bảo vệ môi sinh. Loại bao này do hãng Valagro chế tạo đang được thí nghiệm tại vùng Poitou-Charentes.

- Giỏ xách tay có bánh xe kéo (*cabas à roulettes*): Dành cho những người không muốn khiêng, vác nặng nay trở thành thứ thông dụng cho những bà nội trợ, những người lớn tuổi.

Hiến Pháp Âu Châu
ÂU CHÂU GIÚP SỨC VẬN ĐỘNG

Trở lại vấn đề thời sự trong tuần: bản hiến pháp Âu châu. Còn chừng hơn một tuần lễ nữa tới ngày trưng cầu dân ý tại Pháp, 29.5, những nhóm ủng hộ (bản văn hiến pháp) đã dốc toàn lực vận động. Theo những cuộc thăm dò dư luận thì nhóm chống đối lại vượt quá đa số (từ 48% đầu tháng 5, nay lên từ 51-53%) trong khi ý kiến chưa dứt khoát vẫn còn cao (25-30%). (Như vậy thì những cuộc vận động của phe ủng hộ "không ảnh hưởng chi mấy" đối với ý kiến những người được hỏi tới !)

Một vài hoạt động chính :

- Thứ tư 18.5, 27 đại diện của các đảng Xã hội, Xã hội dân chủ và Bảo vệ môi sinh (Verts) Âu châu tham dự đại hội do đảng Xã hội Pháp tổ chức tại Cirque d'Hiver ở Paris. Trong số các nhân vật quốc tế nổi bật, Joschka Ficher, ngoại trưởng Đức, Mario Soares, cựu thủ tướng Bồ đào nha,

Poul Nyrup Rasmussen, chủ tịch đảng Xã hội Âu châu và Josep Borreil, chủ tịch quốc hội Âu châu...đã tới vận động mạnh mẽ cho hiến pháp này.

"Chúng tôi cần có một sự đồng ý rõ ràng và dứt khoát của nước Pháp," lời của Martin Schulz, trưởng nhóm Xã hội trong quốc hội Âu châu.

- Tại Nancy, đông bắc nước Pháp, tổng thống Pháp tiếp tổng thống Ba lan và thủ tướng Đức trong một buổi gặp gỡ dự tính từ lâu giữa đại diện ba nước. Jacques Chirac trong dịp này ca ngợi quyết định mở rộng LHÂC và nói rằng nhờ vậy mà hai nước Pháp và Đức hưởng được sự năng động của nền kinh tế Ba Lan.

"Ngày 29 tới đây, chọn lựa của chúng ta là một quyết định có tính cách lịch sử. Chọn lựa sao để làm rạng danh nước Pháp. Chọn lựa sao để cho Âu châu trở nên công chính và hùng mạnh," lời của tổng thống Pháp.

- Trong cuộc vận động, chính phủ vẫn tiếp tục bi thảm hoá vấn đề trường hợp hiến pháp Âu châu bị dân chúng bác bỏ. Trên truyền hình tối 17, thủ tướng Raffarin nhắc lại điều ông đã tuyên bố với báo chí rằng một khi hiến pháp bị bác bỏ Pháp sẽ có thể bị lâm vào tình trạng khủng hoảng kinh tế.

"Thật là quá rõ ràng rằng trả lời "không" với bản hiến pháp, nước Pháp lúc đó phải chống đỡ tất cả các áp lực từ nhiều phía nhất là những chủ trương tự do cực đoan," lời của thủ tướng Raffarin...

SOLEX TÁI XUẤT GIANG HỒ

Một thời, đi xe Solex màu đen là một thời trang. Ngày nay, xe Solex lại xuất hiện tại Pháp vì... nhu cầu thời đại là để bảo vệ môi sinh và di chuyển nhẹ nhàng trong thành phố ngày càng đông đảo xe cộ.

Chiếc xe đầu tiên được chế tạo từ năm 1946, đã ngưng năm 1988. Đầu tháng này, Dominique Chaumont, một kỹ sư vùng bắc Pháp đã cho tái xuất hiện dưới một tên mới : *Blacknroll*. Xe chạy với tốc độ 35 cs/ giờ, đi *Blacknroll* "là một nghệ thuật sống chứ không phải để vận chuyển," lời quảng cáo của chủ nhân xưởng ráp Chaumont.

Một số bộ phận chính của xe: bàn đạp, sườn, yên xe, máy hai thì... được đặt mua từ Trung Hoa, số còn lại từ các xưởng tại Pháp. Xe đặt bán với giá 900 euro. Năm nay công ty Mopex dự tính cho ra 2 000 chiếc, và từ đây đến 5 năm nữa vào khoảng 20 000 chiếc, ít thôi nhưng cũng xuất cảng qua Hoa kỳ, Phi châu và nội địa Âu châu.

Đi Solex vất vả mấy phút đầu khi nổ máy. Vì vậy mà sau Solex có xe Velovap, nổ máy tự động nhẹ nhàng hơn. Không biết *Blacknroll* này, xuất hiện gần nửa thế kỷ sau, có tiến lên mức Velovap không, chuyện đó xin được hạ hồi phân giải.

BỆNH MỚI CỦA GIỚI TRẺ: GHIỀN INTERNET

Những người mắc bệnh ghiền lên mạng lưới internet tại Pháp đông đảo hơn người ta có thể tưởng. Bản nghiên cứu «accroweb» theo dõi từ ba năm nay hoạt động của 1 200 người tình nguyện, lần đầu tiên tại Pháp, cho thấy tình hình đã trở nên nghiêm trọng.

Những người ghiền internet (accros du web) là những người ngồi dán mắt vào máy mỗi tuần 40 giờ hay nhiều hơn để *chat* (hội đàm trên máy) hay, chuyện này thường hơn, chơi *jeux*, theo lời giải thích của tác giả, Jacky Gautier, bác sĩ thần kinh ở Nantes. «Đó là những thanh niên hay thiếu niên, sao lãng chuyện học, gia đình hay việc làm để chỉ có làm một việc là ngồi trước máy.»

Tại Mỹ số người này vào khoảng 5%, tại Pháp con số đó lên tới 16% mặc dầu số người có máy ít hơn nước Mỹ tính theo dân số. Đây là những người dùng máy để nói chuyện với nhau (chatteurs) theo các hội luận (forum) để phát biểu ý kiến và chiếm chừng 62% của những người sử dụng internet (internautes).

Đa số những người này (58%) là những người trẻ (dưới 25 tuổi) mà hơn một nửa tự nhận mình là «bị mắc bệnh.» Một con số quan trọng vì tới nay có 24 triệu người sử dụng máy mà 76% sử dụng để gởi điện thư, 35% để trao đổi tức thì (messages instantanées) và 19% để *chat*.

Chatteurs hay *joueurs*, những người ghiền mạng lưới có một điểm chung: ngồi trước mạng lưới bốn lần nhiều hơn thời gian trung bình của cả nước, nghĩa là có thể tới từ chín đến 10 giờ một ngày. Với hậu quả trầm trọng đối với sức khỏe: xáo trộn trong mối giao tế hằng ngày (23%), mất ngủ (20%) có dấu hiệu lo lắng (18%) và những dấu hiệu khủng hoảng tinh thần (trong 16% có thể lên đến 31% cuả những chatteurs).

Sửa sang nhà cửa
NHÀ BẾP NAY RA TỚI PHÒNG KHÁCH

Tháng tư, tháng năm là lúc người Pháp sửa sang nhà cửa. Nói cho cùng thì cũng chẳng riêng chi dân Pháp mà người nước nào cũng vậy. Hay là vì bị các cửa hàng bách hóa quảng cáo và thúc giục, dân tình mới nghĩ đến chuyện tiêu tốn trong việc sửa sang nhà cửa. Có thể được trừ thuế.

Trong chuyện nhà, nhà bếp ngày càng được chiếu cố hơn. 87% dân Pháp cho biết muốn có một nhà bếp rộng rãi hơn là một phòng tắm rộng, vì nhà bếp là nơi cả gia đình quây quần ăn uống sau một ngày mỗi người chạy theo một hay nhiều việc khác nhau.

80% gia đình ăn trong nhà bếp, hay nói đúng hơn trong phòng được trang bị dụng cụ để nấu ăn. Các dụng cụ ngày các tinh xảo vì nấu nướng ngày nay còn là một nghệ thuật ngoài việc nuôi sống hằng ngày. Người biểu diễn tài nghệ thường là ông chủ hơn là bà chủ nhà. Đa số thích nấu những món có dùng đến rượu, thổ sản của nước Pháp.

72% người Pháp được hỏi cho biết họ đã ở trong phòng này mỗi ngày hơn một tiếng đồng hồ. Phòng này trước đây nhỏ hẹp và khuất sau nhà, nay mở rộng ra tới phòng khách để làm một phòng chung với phòng khách. Người Pháp gọi là «phòng bếp kiểu Mỹ» không biết người Mỹ gọi như thế nào?

Được mở ra và thông với phòng khách nên bếp càng ngày càng đẹp, máy móc ngày càng tân kỳ. Trong lĩnh vực này vậy mà người Pháp có vẻ như không bằng được các nước láng giềng hay với người Mỹ. 63% người Đức và 80% người Ý có phòng bếp rộng rãi và trang bị đầy đủ. Lý do: tại Pháp, giá cả vẫn còn cao so với ngân sách gia đình của đa số người Pháp.

Phòng khách ngày càng trở nên đa dụng và gọi là phòng chung thì đúng hơn. Nơi đây mọi người quây quần ngồi coi TV, đọc báo, đọc sách nghe nhạc hay nói chuyện. 94% gia đình người Pháp có máy TV màu, 86% có thêm máy ghi âm và hình magnétoscope, nhưng chỉ mới có 28% có máy đọc DVD.

Trung bình người Pháp ngồi trước màn ảnh nhỏ 3 giờ 19 phút mỗi ngày. Cũng có thể mỗi người trong gia đình có một góc riêng, người đọc sách, người xem phim, người nghe nhạc - với đường giây nghe riêng, khỏi phiền người khác.

Ca Nhạc Pháp
DALIDA: CUỘC ĐỜI THĂNG TRẦM

Dalida không những là thần tượng của dân Pháp và Âu Châu trong những năm 1960 và là nữ hoàng disco của mười năm sau đó. Dalida là thần tượng của cả lớp trẻ mê thích ca nhạc của thời 60. Những bài do Dalida hát như vẫn còn vang vọng đâu đây.

Cuộc đời Dalida là một cuốn tiểu thuyết lâm ly, một cuộc đời trầm luân đưa đến cuộc tự vận ngày 3.5, cách đây 18 năm. Một cuộc đời vừa được đài truyền hình Pháp làm sống lại trong hai cuốn phim «Dalida» và chiếu đầu tuần này.

Người hâm mộ được dịp nghe lại những bài do Dalida hát nổi tiếng một thời. Cuốn phim còn là một chuyện mới lạ đối với truyền hình Pháp: lần đầu tiên thực hiện một cuốn phim về một tài tử nổi tiếng qua đời trong khi tại Hoa kỳ đây là chuyện được làm nhiều và từ lâu rồi.

Việc thực hiện không phải dễ. Mua bản quyền các bài hát, tìm trang trí, (quây một nửa ở Paris, một nửa ở Bulgarie), 120 bộ y phục và khó khăn hơn hết là các nhân vật trong đời tài tử.

Orlando, em của Dalida và người đang hưởng bản quyền của tất cả những gì của Dalida quyết định người đóng vai Dalida. Sau khi loại bỏ Madonna, Isabelle Boulay và một số đông nữ tài tử khác, ông cùng với đạo diễn Pascale Breugnot đã tìm được người trong mộng: Sabrina Ferilli, tài tử Ý, mắt nhung, tóc dài và dáng dấp đúng y như của Dalida.

Vài mốc trong đời Dalida

1933: Yolanda Gigliotti, sinh ra ngày 17.1, trong gia đình di dân gốc Ý sống ở Ai Cập (El Cairo)

1954: Được bầu Hoa hậu Ai Cập. 24.12, đi Paris với tên mới Dalida

1956: Lucien Morisse, giám đốc nghệ thuật Đài Europe 1 và Eddie Barclay, sản xuất đĩa hát ký khế ước. Bản nhạc nổi tiếng đầu tiên: Bambino.

1961: Sau năm năm đi lại, cưới Lucien Morisse. Sau đó, phải lòng họa sĩ Jean Sobieski. Tháng 12, thành công tại Olympia.

1967: Mê ca sĩ người Ý, Luigi Tenco, người này sau đó, tự vận trước mắt Dalida. Chính Dalida cũng toan tính tự vận.

1970: Đến lượt Lucien Morisse tự vận.

1971: Nổi tiếng với các bài «Darla Dirladada» và «Avec le temps» của Léo Ferré.

1972: Giao du thân mật với Richard Chanfray, bá tước Saint-Germain. « Paroles, paroles» hát chung với Alain Delon.

1973: «Je suis malade, » của Serge Lama. «Il venait d'avoir 18 ans »

1974: «Gigi l'Amoroso »

1975: Bắt đầu với nhạc disco : «J'attendrai».

1977: «Salma ya salama»

1980: Thành công tại Palais des Sports

1982: Richard Chanfray tự vận. Tin đồn Dalida có giao du thân mật với Francois Mitterrand.

1983: «Mourrir sur scène»

1986: Quây phim «Le Sixième jour» của Youssef Chahine

1987: Dalida tự vận, ngày 3.5, lúc 54 tuổi. Để lại câu sau đây: *Pardonnez-moi, la vie m'est insupportable*. (Xin tha lỗi cho tôi, tôi không kham nổi cuộc đời này).

Mấy ngày hôm nay, câu chuyện làm dân Anh bàn tán nhiều nhất không phải là việc chính trị, cuộc cải tổ chính phủ của thủ tướng Tony Blair sau chiến thắng và cũng không phải chuyện kinh tế với việc ngân hàng Anh quốc giữ lãi suất yên như cũ mà là chuyện đá banh, đặc biệt là chuyện nhà tỷ phú người Mỹ, ông Malcolm Glazer chủ đội banh Tampa Buccaneers thuộc National Football League của Mỹ, mua đội banh nổi tiếng Manchester United của Anh.

Ông Malcolm Glazer vốn thèm mua Manchester United từ lâu, nhưng cho đến tuần trước thì vẫn bị mắc kẹt vì hai nhà triệu phú người Ái Nhĩ Lan, các ông John Magnier và J.P McManus vốn giữ đến trên 30% tổng số cổ phiếu của công ty chủ đội banh này không chịu bán. Nhưng đầu tuần qua, đột nhiên ông Glazer loan báo rằng cả hai người này đều đã bán lại cổ phần cho ông, nâng tỷ lệ cổ phần của Manchester United mà ông Glazer làm chủ lên đến 57% tổng số. Và đến cuối tuần thì số cổ phần của Manchester United nằm trong tay ông Glazer lên đến 74.5% chỉ còn thiếu vài ngàn cổ phần nữa là ông được đa số tuyệt đối 75% mà sau đó ông có thể rút công ty ra ngoài không còn phải đăng lý ở thị trường chứng khoán nữa.

Đòn ngoạn mục này của ông Glazer đã làm cho các cổ động viên của Manchester United chưng hửng. Những người này từ xưa vẫn chống lại việc ông Glazer mua đội banh này vì họ cho rằng ông Glazer không thích gì đá banh mà chỉ muốn kiếm lời trong việc đầu tư vào đội banh có tiếng là lời nhiều nhất của Âu châu này. Đặc biệt, họ sợ rằng ông Glazer sẽ làm sao khai thác triệt để đội banh trong khi không bỏ tiền mua những cầu thủ giỏi mới, để trả số tiền mà ông vay ngân hàng dự trù lên đến 790 triệu bảng Anh (tương đương với 1.5 tỷ đô la) để mua đội banh này. Đây cũng là một điều khiến cho những cổ động viên của Manchester United uất ức vì ông Glazer đã dùng tiền ngân hàng để mua lại Manchester United và sau đó sẽ dùng chính Manchester United để trả những món nợ này còn phần ông thì không phải bỏ ra bao nhiêu vốn cả. Theo họ, cách độc nhất mà ông Glazer có thể kiếm đủ lời để trả những món nợ này là phải bán đi những cầu thủ gạo cội nhất của đội banh. Trong mấy ngày qua, ngày nào cũng có hàng trăm người biểu tình trước sân vận động Old Trafford, trụ sở của Manchester United. Các nhóm cổ động viên của Manchester United cũng dự tính tạo ra một chiến dịch quấy phá và họ dự trù sẽ tẩy chay các trận đấu của Manchester cũng như không mua những món hàng kỷ niệm của đội nữa. Theo Sean Bones, phó chủ tịch nhóm cổ động viên Shareholder United, vốn nắm giữ 2% cổ phần của đội banh, thì "một phần ba doanh thu của đội là nhờ bán các món hàng lưu niệm. Chúng tôi cho rằng có thể làm mất đi một phần quan trọng các khoản thu này." Và cũng theo ông Bones thì họ sẽ tuyên truyền để các cổ động viên tẩy chay luôn hàng hóa của những công ty bảo trợ cho Manchester United như Vodaphone, Nike, Budweiser và Audi. Các cổ động viên cũng đe dọa sẽ trả thù hai ông Magnier và McManus về việc bán cổ phần của họ cho ông Glazer bằng cách sẽ đánh thuốc độc các con ngựa đua của hai người, khiến cảnh sát phải phái người bảo vệ.

Vào cuối tuần, gia đình ông Glazer đã lên tiếng tìm cách giải tỏa những chống đối của các cổ động viên Manchester United đối với họ. Con trai ông Glazer, Joel thì tuyên bố rằng chính gia đình Glazer cũng là những cổ động viên trung thành của Manchester United cũng như việc đầu tư của họ có tính cách lâu dài

chứ không phải chỉ nhất thời mà thôi. Joel Glazer cũng hứa là sẽ hợp tác chặt chẽ với "ban giám đốc hiện thời, các cầu thủ và các cổ động viên để bảo đảm rằng Manchester United tiếp tục phát triển và đạt được những thành quả còn tốt đẹp hơn nữa." Nhưng những lời hứa hẹn này có vẻ đã không làm dịu đi được bao nhiêu những chống đối của các cổ động viên Manchester United. Cảnh sát Mỹ tại Palm Beach, Florida đã phải đặt khu nhà của ông Glazer dưới sự bảo vệ 24 trên 24 giờ vì những lời đe dọa ám sát của những người chống đối. Theo cảnh sát Florida, Manchester United có nhiều câu lạc bộ ủng hộ viên tại Mỹ và những câu lạc bộ này vẫn có những liên lạc với các nhóm chống đối tại Anh.

Mặc dầu vậy, cũng có một số lên tiếng kêu gọi là hãy đừng vội kết án ông Glazer một cách vội vã. Nhà điều hành câu lạc bộ Arsenal, đối thủ gay go nhất của câu lạc bộ Manchester United, ông Arsene Wenger đã lên tiếng cho rằng hiện còn quá sớm để có thể kết án ông Glazer là một người chỉ cốt khai thác câu lạc bộ này để kiếm lời mà thôi. "Tôi không đồng ý với việc cho rằng Manchester United sẽ sụp đổ về tay Glazer vì một điều rất đơn giản rằng nếu ta đầu tư 790 triệu bảng Anh vào một cái gì thì liệu ta có muốn phá hủy số vốn đó hay không? Cố nhiên là không! Vậy thì tại sao lại cho rằng Glazer muốn phá hủy Manchester United?" Và Wenger nói thêm rằng "Hiện các cổ động viên của Manchester United đang ngần ngại đối với Glazer vì họ có cảm giác rằng ông ta không yêu thương gì câu lạc bộ này cả. Nhưng trở ngại này có tính chất tâm lý hơn là thực tế. Đây là một công ty công cộng và họ phải chấp nhận điều đó nếu những cổ đông chính đã bán. Đừng có vội kết án người ta khi người ta chưa làm một quyết định gì. Biết đâu ông ta lại làm lợi nhiều cho đội."

Ngoài chuyện về ông Malcolm Glazer và câu lạc bộ Manchester United ra, có lẽ câu chuyện khiến cho báo giới ở Luân Đôn ồn ào lên nhiều nhất là câu chuyện về bát súp đắt nhất thế giới mà tiệm cơm tầu Kai ở Luân Đôn vừa đưa vào thực đơn với giá là 108 bảng Anh (khoảng 200 đô la) một chén. Theo ông chủ tiệm ăn này, ông Bernard Yeoh thì sở dĩ bát súp này đắt giá như vậy là vì nó không những phải dùng vật liệu quý và hiếm như vây cá, trứng cút, măng, nấm hoa của Nhật Bản và quan trọng nhất là bào ngư mà còn phải mất đến năm ngày để hầm và sửa soạn mới xong. Món súp này được tiệm ăn đặt tên là "Phật cũng phải nhẩy tường xuống ăn" vì nó được coi như là thơm ngọt đến nỗi Phật cũng không kềm lòng được mà phải phá giới, nhưng theo phóng viên chuyên về ăn uống của nhật báo *London Times* thì bát súp này mùi vị chẳng khác gì súp gà cả. Và với súp gà giá chưa đầy một bảng Anh một chén, phóng viên tờ *Times* đã tự hỏi làm sao mà tiệm ăn này có thể biện minh một giá như vậy cho một chén súp. Nhưng ông chủ tiệm Bernard Yeoh thì cho biết rằng tiệm ông vẫn có khách đến ăn súp này và nói thêm "Tôi so sánh nó với một chai rượu vang trị giá một ngàn bảng Anh. Nếu ta hỏi một người không biết gì về rượu vang uống thử chai rượu này thì chắc hẳn anh ta sẽ khó mà có thể nói tại sao chai rượu lại đắt như vậy, nhưng một người sành điệu thì biết ngay cái ngon của nó."

Nếu quý vị nào có dư tiền và có dịp qua Luân Đôn thì hãy đến nếm thử chén súp này xem có đáng tiền không. Nhưng cần lưu ý rằng chén súp này rất nhỏ thành ra còn cần phải gọi thêm nhiều món khác nữa.

Tìm đọc

Trang Chuyện Phiếm

SONG THAO

SÁCH

Quý sách nhất chắc là ông... Trần Quý Sách. Là ai vậy? Đó là tên khai sinh của nhà văn Trần Hoài Thư. Quý Sách, Hoài Thư, một bên thuần Nôm, một bên Hán Việt, bên nào cũng... quý sách! Mà Trần Hoài Thư quý sách thật. Chẳng thế mà ông cứ rỉ rả mỗi hai tháng lại ra một tập Thư Quán Bản Thảo, một tập san quy tụ nhiều cây viết cũ cũng như mới. Đó là không kể còn lai rai xuất bản sách của mình cũng như sách của bạn bè. Thư Quán Bản Thảo không có quảng cáo, không bán. Cứ xuất bản khơi khơi, gửi cho bạn bè như một món quà văn nghệ. Món quà này rất quý vì nó là thứ... *homemade*. Trần Hoài Thư sắm sửa máy móc, cặm cụi học hỏi đến mức có thể hoàn tất một cuốn sách ngay tại nhà. *Layout*, in, đóng, cắt một cách hoàn chỉnh. Tay nghề của anh ngày càng cao, cao đến độ anh đã tự hào là sách in chơi đẹp hơn in thật!

Một người quý sách khác là ông Nguyễn Hùng Trương. Chắc nhiều người không biết cái tên Nguyễn Hùng Trương nhưng đã là dân Sài Gòn thì ai cũng phải biết tới cái tên Khai Trí. Biết đã đành, dân Sài Gòn chúng ta chắc chắn đã phải đặt chân vào nhà sách lớn vào bậc nhất này. Từ ngày nhà sách còn là một căn phố trên đường Lê Lợi tới khi nó phình ra hai căn phố rồi leo lên tới nhiều tầng lầu, lúc nào chúng ta cũng bắt gặp cái dáng người cao cao của ông chủ nhà sách Nguyễn Hùng Trương lẫn lộn trong một rừng sách. Ông bán sách nhưng là người có lòng với sách. Từ khi còn là một học sinh. Mỗi sáng được mẹ cho hai xu ăn sáng. Ông dùng hai xu này để điểm tâm bằng... báo! Lớn hơn một chút, ông được lên Saigon theo học trường Petrus Ký. Cứ mỗi cuối tuần ông đạp chiếc xe đạp cũ về thăm nhà ở Thủ Đức, sáng thứ hai trở lại thành phố với món tiền mẹ cho đủ ăn sáng cả tuần. Chỉ ngay chiều thứ hai, toàn thể món tiền đã chui vào túi ông hàng sách. Ông ăn sáng mỗi ngày bằng nước lã! Ngay trong thập niên 1940, ông đã gây dựng được một tủ sách có giá trị gồm cả những sách báo ngoại quốc. Bạn bè đến chơi, thấy ông có nhiều sách thường nhờ ông mua dùm sách xuất bản tại Pháp. Lệ mua sách, nếu đặt mua từ một chục cuốn trở lên thì được bớt 30%. Ông thường mua luôn chục cuốn để lại cho bạn bè, dư ra thì gửi bán tại nhà sách. Ông biết lựa sách nên việc "làm ăn" càng ngày càng khấm khá. Từ hàng chục cuốn, ông nhảy lên hàng trăm, rồi hàng ngàn. Ông tiết kiệm số tiền kiếm được để có vốn mở nhà sách. Vậy là nhà sách Khai Trí ra đời tại số 62 đại lộ Bonard vào năm 1952. Với đà tiến triển của nhà sách, ông mở nhà xuất bản cùng tên, rồi chủ trương tuần san Thiếu Nhi giao cho nhà văn Nhật Tiến trông coi, tập san Sử Địa giao cho Nguyễn Nhã săn sóc, tài trợ cho nhiều báo trong đó có báo Sống của nhà văn Chu Tử. Ông rất quý anh em văn nghệ, gặp dịp là giúp đỡ, nhận in sách trả tác quyền rất hào sảng dù sách có in hay không. Ông thích sưu tầm sách và đã có một bộ sưu tập sách báo rất quý mà chỉ riêng báo Le Monde xuất bản tại Pháp, ông có từ số báo đầu tiên tới số ngày 30/4/1975! Khi Cộng Sản vào Sài Gòn, ông phải đi tù vì sách! Năm 1991, ông qua Mỹ đoàn tụ với vợ con với ý định mở lại nhà in và nhà sách Khai Trí nhưng hoàn cảnh không chiều ông. Năm năm sau ông trở lại Saigon với ý định phát triển hệ thống bán sách tân tiến tại Việt Nam. Ông có lòng say mê nhưng thiếu thực tế. Thực tế nó hành hạ ông ngay từ ngày đầu đặt chân về lại quê hương. Toàn thể số sách quý, công lao sưu tầm gian khổ của ông đã bị tịch thu. Ông lồng lộn chạy vạy mong cứu sách nhưng vô ích. Trong một bài viết sau khi ông Khai Trí qua đời, nhà văn Nguyễn Thụy Long đã cho biết: *"Bao nhiêu lần tôi đi qua đường Lê Lợi, tôi nhìn thấy ông Khai Trí buồn bã đứng ở góc đường, nhìn sang hiệu sách cũ của mình mang tên mới là Phahasa. Một lần khác, trong bữa giỗ ông Chu Tử, tôi hỏi ông Khai Trí về việc xin lại nhà sách tới đâu rồi, ông cười chua chát: 'Phải đến năm 3000 thì may ra'."* Người yêu sách Nguyễn Hùng Trương không đợi được đến năm 3000. Ông đã nhắm mắt xuôi tay vào ngày 11/3/2005. Những ngày cuối cùng trong bệnh viện, trong cơn hôn mê, ông cứ tìm sách. Hỏi tìm cuốn sách này rồi lại hỏi tìm cuốn sách kia, chỉ đến khi đặt được bàn tay mình trên cuốn sách, ông mới yên tâm nhắm mắt!

Sách như một người tình. Ôm vào lòng bao

giờ cũng thấy ấm cúng.

em, sách quý – thư phòng ta để bụng
rằng mai kia mốt nọ chắc em vào
tình như gươm ta chỉ cần chém trúng
thì lần đầu lần cuối khác chi nhau?

(Hoàng Lộc)

Không quý sách có Tần Thủy Hoàng, người đã đi vào lịch sử như một người đốt sách và chôn học trò. Con cháu Tần Thủy Hoàng gần đây cũng mon men vào lịch sử. Năm 1975, sau khi cướp được miền Nam, Cộng Sản miền Bắc cũng đã đầy ải trí thức và cũng đốt sách. Những người bị kẹt lại Việt Nam sau 1975 chắc hẳn còn nhớ những cảnh hãi hùng khi từng đoàn thanh thiếu niên đeo băng tay đỏ đi từng nhà tịch thu từng xe ba gác sách. Những ngọn lửa đỏ cuồng nhiệt liếm sách trước những cặp mắt ngậm ngùi của dân chúng. Người viết sách lại có cái đau khác. Chúng ta hãy đau với nhà văn Nguyễn Thụy Long. *"Tủ sách của tôi bị xô đổ, cơ man nào là sách. Trong đó có cả những tác phẩm tôi viết ngót hai chục năm qua. Những cuốn sách quí hiếm của các bậc tiền bối, bậc thầy, đàn anh cổ kim mà tôi đã mất công sưu tầm cả đời. Nhưng chồng sách quý giá ấy bị đám thanh niên nam nữ đeo băng đỏ, độ tuổi choai choai khiêng từ trong nhà tôi ra chất đống, nổi lửa thiêu hủy. Khói lên cuồn cuộn ngút từng mây, vướng mắc cả vào cây thánh giá mỏng manh trên nóc tháp chuông nhà thờ Tân Định... Tôi nhìn sách báo của tôi bị thiêu hủy mà nhợt nhạt cả người. Tôi nhìn lên những tro tàn bốc lên cao, những mảnh giấy cháy thành than vẫn còn linh hồn vương vấn trong lưỡi lửa bạo tàn. Tôi thấy những trang sách cháy đen bay nhập nhoạng như những bóng ma trơi trong hoàng hôn. Tôi nhìn lũ trẻ tay đeo băng đỏ tượng trưng cho quyền lực vừa vỗ tay vừa ca hát những bài ca cách mạng mới học thuộc, chúng nhảy múa quanh lửa hồng, vô tư và vô tội, vì chúng không biết mình đang làm gì. Chúng biết gì đâu mà cãi cọ với chúng, chúng giống như một đoàn âm binh bị phù thủy phù phép sai khiến. Tôi bước đi trong thống khổ, trong bóng ma trơi tro tàn khói bay và từ đó ném tôi vào cơn ác mộng. Tôi bị xô ngã xuống vực sâu, hình như có đám mây khói đen nào đỡ lấy tôi, êm như đệm bông, đưa tôi xuống đáy vực, không đau, không xây xát. Nhưng ở nơi đó tối đen, lạnh lẽo. Tôi đang ở đâu? Tôi ngơ ngác trong bóng tối mung lung. Mắt tôi còn tốt mà như mù tịt. Hay là tôi bị chôn sống? Không, tôi vẫn còn thở được và còn có thể kêu lên được, nếu tôi dám kêu. Nhưng sao tôi hãi sợ nơi thâm u này quá. Có ai cứu tôi không? Không ai cả!"*

Có ai cứu sách không? Chuyện chi vậy? Sách đang lâm nạn, nạn thờ ơ. Tại Mỹ, trung bình một học sinh mỗi ngày xem TV mất 2 tiếng 15 phút, chơi *game* và chơi thể thao 1 tiếng 27 phút, đọc sách thì chỉ vỏn vẹn có 11 phút! Học sinh Nhật mỗi ngày xem truyền hình 2 tiếng 17 phút, chơi *game* và thể thao 44 phút, đọc sách tới 25 phút lận! Trong cuốn *Đàm Thoại*, nhà văn Võ Phiến

đã có một nhận xét khá lý thú: Những căn nhà ngày xưa thường có phòng đọc sách, ngày nay cái phòng... văn hóa này bỗng dưng biến mất trong khi phòng ngủ, phòng vệ sinh lại cứ phình ra chiếm khá nhiều chỗ! *"Hiện nay ở Mỹ chúng ta mua nhà hay thuê nhà, loàng xoàng thì một vài phòng, khá hơn thì ba bốn phòng. Có phòng nào gọi là phòng sách không? Ông nghĩ coi: Phòng ngủ, có. Phòng ăn, có. Phòng bài tiết, có. Ngoài ra nào là* TV room, family room, living room..v..v.. *Cái phòng sách, nó ở đâu?"* Cũng Võ Phiến trả lời: *"Ở Mỹ bây giờ thỉnh thoảng bên mép bồn tắm có tờ tạp chí đặt úp mặt xuống để làm dấu một*

trang đang đọc lỡ dở, thỉnh thoảng trên nắp thùng nước ở cầu tiêu cũng có cuốn sách bị bẻ gấp một trang đánh dấu đang đọc."

Sách quốc ngữ chữ nước ta cũng vất vả vào ra trên chính đất nước của chúng. Nói vậy là một cách nói cho thuận mồm miệng chứ thực ra sách chỉ tắc tị có một đầu: đầu vào. Còn đầu ra, cứ thoải mái! Mỗi lần rời Việt Nam, tôi khuân từng va li sách đi. Sách rẻ rề. Đó là tính theo giá đô la, chứ đối với người dân trong nước thì cái giá đó cũng không dễ với tới. Tôi có thằng cháu đang học Đại Học, mê sách không kém gì ông bác Việt Kiều. Hai bác cháu cứ rảnh chút thời giờ là lại sà vào tiệm sách. Lần nào như lần nấy, tôi bảo thằng cháu là thích cuốn gì thì cứ chọn tự nhiên, bác mua cho cháu. Vậy mà rất ít khi tôi thấy nó mua sách. Hỏi gặng mãi nó mới nhún vai: đắt quá! Ép thế nào nó cũng không mua. Cái giá trên cuốn sách vẫn làm nó ngại ngùng mặc dù không phải bỏ tiền ra. Tôi thì ôm từng chồng này tới chồng khác mà thấy số tiền móc ra chẳng là bao. Ra đi, hải quan thấy sách là cho mang đi tuốt. Sách mang đi có nhiều thật nhưng đọc được chẳng bao nhiêu. Biết vậy, nhưng lần sau lại lễ mễ với những cuốn sách mang trong mình loại chữ nghĩa lạ lẫm. Đành tự an ủi, thư trung hữu... thực tiễn! Cứ rảnh rỗi mở ra đọc, chẳng được điều bổ ích nhưng cũng ngẫm ra được khối chuyện!

Đầu ra thì trơn tru như vậy, đầu vào thì... ngược chiều. Ai đã từng về Việt Nam chắc đều có kinh nghiệm về chuyện này. Nhà văn trẻ Đinh Linh, một nhà văn di tản thế hệ một... rưỡi, viết văn bằng tiếng Anh, kể lại trên diễn đàn Talawas kinh nghiệm của anh. *"Khi tập truyện* Fake House *của tôi ra mắt năm 2000, tôi đang sống ở Việt Nam. Nhà xuất bản ở New York gửi một quyển về Saigon cho tôi. Tôi hớn hở lại bưu điện để lãnh sách nhưng họ không đưa. Khi họ bảo phải giữ sách để xét nội dung, tôi giải thích cho họ chính tôi là tác giả. Sách không thể lây bệnh cho tôi vì tôi là nguồn bệnh. Hơn nữa, sách được viết bằng tiếng Anh nên khó có thể gây ô nhiễm cho tâm hồn trong trắng muôn thuở (xấp xỉ 4.000 năm) của người Việt. Lắc đầu, họ hẹn tôi hai tuần gặp lại. Sau hai tuần, tôi trở lại bưu điện nhưng chỉ được phát một hóa đơn: "tịch thâu 1 sách vì nội dung đồi trụy và phản động." Quyển* Fake House *gồm 21 truyện. Trong đó có chiến tranh, có hòa bình, có người lương thiện, có lưu manh, có đĩ điếm, có tình yêu ngớ ngẩn, ngô nghê, có dâm đãng, có bệnh hoạn. Tất cả những gì trong* Fake House *bạn có thể tìm ra ngay trong bất cứ cái hẻm nào ở Saigon. Tất cả những gì trong* Fake House *bạn có thể tìm ra ngay trong cái đầu u u của chính bạn. Quyển* Fake House *không thể đồi trụy hơn cái xã hội mà nó diễn tả."*

Ý kiến của nhà văn Đinh Linh ngẫu nhiên trùng hợp với ý kiến của nhà văn Vũ Trọng Phụng trên nửa thế kỷ trước. Cuốn *Lục Xì* của Vũ Trọng Phụng được nhà xuất bản Minh Phượng nhận in. Sách in xong, Vũ trọng Phụng tới nhà xuất bản coi mặt đứa con tinh thần của mình. Nhân dịp này, Minh Phượng mời Nguyễn Vỹ đến ăn cơm và tiện thể giới thiệu Nguyễn Vỹ với Vũ Trọng Phụng vì hai người chưa biết nhau. Nguyễn Vỹ tới trước và Minh Phượng đưa cho nhà văn coi cuốn *Lục Xì* vừa lấy ở nhà in về. Nguyễn Vỹ đọc được vài trang bèn vứt xuống đất, đá cuốn sách vào gầm tủ, lầm bầm: "Cuốn sách của thằng này viết bẩn quá!" Vừa lúc đó, Vũ Trọng Phụng bước vào, Minh Phượng vội giới thiệu: "Đây là nhà văn Nguyễn Vỹ." Vũ Trọng Phụng không đợi được giới thiệu, vội bước tới, chìa tay ra: "Thằng Vũ Trọng Phụng đây!" Minh Phượng vội nói: "Nguyễn Vỹ vừa xem cuốn *Lục Xì* của anh, chê là bẩn quá." Vũ Trọng Phụng hỏi: "Sách đâu rồi?" Minh Phượng chỉ tay: "Nguyễn Vỹ mới đá vào gầm tủ kia kìa!" Vũ Trọng Phụng đi lại gầm tủ, nhặt sách lên, nói: "Đúng đó là quyển sách rất bẩn. Nhưng chưa bẩn bằng ngoài xã hội đâu. Anh Nguyễn Vỹ đã nói thật lòng, còn hơn hàng chục thằng đọc sách rồi nịnh nhau là hay, là thơm, là tuyệt tác!" Nói xong, nhà văn họ Vũ cầm quyển sách lại gần Nguyễn Vỹ và rút viết ghi lên sách: *"Thằng Vũ Trọng Phụng xin tặng cuốn Lục Xì đầu tiên này cho Nguyễn Vỹ."*

Cả Vũ Trọng Phụng lẫn Đinh Linh đều cho rằng sách chưa phản ảnh đúng cái xã hội nó mô tả nhưng sách ngày nay, mặt khác, còn phải chạy theo những diễn biến của xã hội. Đức Hồng Y người Đức Joseph Ratzinger vừa được bầu thành Giáo Hoàng Benedict XVI thì sách của Hồng Y này cũng lên ngôi... *bestseller!* Khi làn khói trắng tỏa ra từ ống khói đền thánh Peter chưa nhạt đi thì sách của Ngài đã được mọi người tranh nhau tìm đọc. Địa chỉ bán sách trên mạng *Amazon.com* bị một cơn lũ đặt mua sách. Bất cứ sách gì của Ratzinger, đâu chỉ có năm đầu sách. *Amazon.com* đã phải xin lỗi độc giả vì không có đủ sách cung cấp. Anthony Ryan, chủ nhà xuất bản *Ignatius Press* cũng phải xin lỗi khách hàng vì đã bị tràn ngập những đơn đặt mua sách!

Nữ tài tử Jane Fonda cũng ti toe ra sách hồi ký, cuốn *"My Life So Far."* Chị phản chiến này đã tỏ ra hối hận khi đã có hành động đâm lưng chiến sĩ khi vào năm 1972, giữa lúc cuộc chiến Việt Nam đang sôi động, chị đã tới Hà Nội ngồi chụp hình chung với bộ đội Việt Cộng trên cỗ súng phòng không bắn máy bay Mỹ. Trong khi đi một vòng các tiểu bang để ra mắt sách, ngày 20 tháng 4 vừa qua, trong khi ngồi ký sách tại Kansas City, chị đã bị một cựu chiến binh trong cuộc chiến Việt Nam, ông Michael Smith, 54 tuổi, nhai thuốc lá và nhổ vào mặt con người phản bội.

Sách như vậy cũng có nhiều loại. Tôi đã bê về loại sách xuất bản trong nước để đọc giữa hai giòng chữ thì độc giả hải ngoại cũng nhiều người mua sách của chúng ta để ủng hộ những nỗ lực duy trì tiếng mẹ đẻ nơi đất khách quê người. Có những độc giả miệt mài với sách đến cảm động. Một vị cao niên ở quận Cam đã chịu khó đón mua tất cả những sách xuất bản mà ông có thể kiếm được. Đọc sao cho hết? Cứ để đó, lúc nào đọc chẳng được, nhưng mục đích chính là góp tay vào việc ủng hộ và giữ gìn sách! Ông khuyến khích nhiệt thành đến như bắt buộc các con cái trưởng thành, cư ngụ tại nhiều nơi khác nhau, phải mua sách và đặt mua dài hạn các tạp chí văn học tại hải ngoại. Người ta vất vả hy sinh để duy trì văn hóa, mình không làm được thì phải tìm mọi cách tiếp tay với họ. Ông thường nhắc nhở con cái như vậy. Ông quý sách này mang họ Phạm. Tên ông không phải là Trần Quý Sách. Nhưng ông xứng đáng với cái tên này. Phải không, ông nhà văn Trần Hoài Thư?

04/2005

HẠC

Hạc là một loại chim lớn, cẳng dài, cổ và mỏ cũng dài, tượng trưng cho sự sống lâu. Lớn và dài dĩ nhiên để chỉ những cái tồn tại lâu dài nên tuổi của những người sống lâu được gọi là tuổi hạc. Thất thập cổ lai hi! Bẩy chục cái xuân xanh coi như đã hiếm lắm rồi. Câu nói này coi bộ đã bị vượt qua cái rụp. Bẩy chục tuổi bây giờ cứ quơ tay xung quanh một cái là đã nắm được vô số. Dễ còn hơn đập muỗi! Chỉ tiêu được tăng lên. Bách niên giai lão! Nhà văn Võ Phiến cũng nghĩ như vậy.

Ra đi tuổi chẵn năm mươi
Năm mươi tuổi nữa nào nơi ta về
Ngàn năm mây trắng lê thê

Đi là tức tưởi bỏ nước ra đi, về là về với mây trắng lê thê. Trăm năm đã vội về sao? Nhiều cụ không chịu về sớm như vậy. Chỉ nguyên tại tỉnh An Giang của chúng ta, số cụ vượt qua cái rào cản trăm năm cũng đã lên tới 89 cụ! Vô địch là cụ bà Nguyễn Thị Thạnh, sơ sơ mới có 115 tuổi, hiện sống với con cháu tại xã Nhơn Mỹ, huyện Chợ Mới. Đầu năm nay, 2005, cụ bị té cầu thang do sơ ý, con cháu cứ tưởng cụ không qua khỏi, nhưng cụ vẫn kiên cường sống, sức khỏe đang hồi phục. Bí quyết sống lâu của cụ Thạnh? Làm việc! Theo lời ông Phạm Văn Phủ, con trai thứ ba của cụ, năm nay cũng đã 74 tuổi, thì khi còn con gái cụ Thạnh phải chăm sóc 10 mẫu đất ruộng vườn của gia đình, ngoài ra cụ còn qua tuốt bên kinh Ông Cò để làm ruộng mướn cho người khác. Chính quyền địa phương đã toan tính vận động để cụ được ghi vào kỷ lục người già nhất trong sách Kỷ Lục Guinness (lại Kỷ lục Guinness, cái thú chơi mới của nhà cầm quyền quốc nội!) nhưng giấy tờ của cụ không ổn. Ngày trước, trong căn cước thời Việt Nam Cộng Hòa có ghi cụ sanh năm 1890, thẻ chứng minh nhân dân của cụ bây giờ cũng ghi như vậy, nhưng vì nhà nghèo, căn nhà chỉ như một cái chòi nhỏ cất tạm trên cù lao, mỗi khi tới mùa nước nổi căn nhà lại chìm lỉm trong nước nên bao nhiêu giấy tờ quan trọng của cụ đều bị ngấm nước, mối mọt tiêu hủy hết. Họ cũng đã nghĩ đến việc đo tuổi xương của cụ nhưng phí tổn cao tới 15 triệu đồng (khoảng 1000 đô Mỹ) nên đành thôi.

Chính quyền tỉnh An Giang chắc không biết là bên Cuba có cụ Benito Martinez, 125 tuổi, hơn cụ Thạnh chẵn chục tuổi. Cụ này thì có giấy tờ đàng hoàng. Cụ chào đời vào ngày 19 tháng 6 năm 1880 tại Haiti. Cụ này cũng là dân nghèo, làm công nhân chặt mía, tính tình vui vẻ, ưa đùa giỡn với láng giềng và tự xưng là rất hấp dẫn đối với phái nữ! Cụ cho biết là ngoài sự làm việc đều đặn, cụ còn ăn nhiều rau và khoai, ít dùng thịt. Đó là bí quyết để cụ trở thành con hạc đầu đàn của thế giới ngày nay.

Cũng vui vẻ, ưa đùa giỡn là cụ Đoàn Văn Chấn, cũng ở An Giang, trẻ hơn cụ Benito sơ sơ có 14 tuổi. Cụ sanh năm 1894 và giấy tờ còn đầy đủ đàng hoàng. Râu tóc cụ bạc phơ nhưng trông cụ còn rất phương phi, tráng kiện. Cụ có thói quen rất tài tử là thỉnh thoảng lại vuốt tóc, chải râu trong khi nói chuyện! Chuyện cụ kể rất chi tiết và hấp dẫn. *"Tui nói cô nghe, hồi đó lục bình trôi cứng sông Tiền, sông Hậu, bên này bờ không cách chi bơi qua được bờ bên kia thì lấy chi mà mò cá*

bắt cua! Chính quyền Pháp thuộc hồi đó cũng có nhiều biện pháp lắm, tỷ như bắt mỗi gia đình phải đóng trước bến sông một chuồng gỗ mỗi bề hai mét. Hàng ngày gia đình nào không vớt đầy một chuồng lục bình sẽ bị phạt còn nặng hơn đóng thuế thân. Còn dưới ruộng chuột nhiều vô kể, nhà tui có năm công ruộng chưa kịp cắt, nó cắn có một đêm là rạp đồng. Mấy ông quan huyện bắt mỗi gia đình một ngày nộp hai gắp, mỗi gắp mười đuôi chuột. Mà cái thứ chuột cống nhum, chuột lang ngoài đồng đuôi nào đuôi nấy bự bằng ngón tay cái, thúi vô phương kể xiết! Mấy ông xã, ông ấp có nhiệm vụ thu gom đuôi chuột thúi chịu không nổi, lại thêm ăn của đút lót hổng chịu kiểm tra gắt gao, rốt cũng chuột vẫn hoàn chuột, lục bình thì cứ trôi đầy đồng vô phương kể xiết."

Lối nói chuyện chi tiết, mạch lạc lại thỉnh thoảng chêm sấm Trạng Trình hoặc ca dao tục ngữ miền Nam thật lý thú chứng tỏ sức khỏe cụ Chấn còn rất tốt, trí óc còn minh mẫn. Ngày Tết cụ thích ăn thịt mỡ và chê ăn thịt nạc cứ như nuốt... bao bố tời! Vì sao cụ lại... ngon như vậy? *"Có gì đâu, chắc tại tui lao động nhiều, ít lo nghĩ. Mà thấy ở trong đồng trong ruộng vậy chớ tôi có thói quen nấu nước chín để uống từ năm 30 tuổi đến giờ. Đến bữa cơm thì ăn rau nhiều lắm."*

Cứ rau dưa quê mùa như thế, trăm tuổi lẻ mười một còn... thanh niên ra phết. Các cụ ở thành thị, nhất là thành thị Mỹ, bèo nhèo hơn nhiều. Trong truyện ngắn *Hoa Táo* của Trần Mộng Tú, cụ bà Mary Ann Harris, mới 76 tuổi, đã liệt hai chân, bầu bạn với chiếc xe lăn, thân thể tàn tạ. *"Cô đi lấy một thau nước nhỏ đem đến gần cụ bà, lau mình cho cụ. Da thịt cụ mềm nhão, cô có cảm tưởng đang cầm trong tay một cái áo vải bông vừa cũ vừa rách nát, cụ đẫy đà nên ngực cụ bây giờ như hai trái dưa đã bị dập nẫu, thịt ở hai cánh tay cụ đong đưa như hai tảng mỡ sa. Nga vừa lau cho cụ vừa nghĩ ngợi miên man đến luật đào thải. Bất giác cô nhìn xuống ngực mình, bộ ngực của một bà mẹ trẻ đang cho con bú sữa con so. Cô bâng khuâng nghĩ đến thân mình một mai tuổi hạc."*

Tuổi hạc, cái tuổi chỉ ước mong được yên ổn nhiều khi cũng chẳng dễ. Bệnh tật chúng đã chẳng tha hạc, cái xã hội văn minh đầy thủ tục nhiêu khê nó cũng hành hạ hạc đến xơ xác. Cụ bà Cui Yu Hu, niên kỷ đã 104, mười năm trước đây, từ Trung Quốc sang Úc thăm con với *visa* du lịch có thời hạn 12 tháng. Hết hạn cụ về nhưng chẳng có hãng máy bay nào chịu đưa cụ về vì cụ quá già và ốm yếu. Thế là cụ phải ở lại Úc một cách bất hợp pháp! Tuy cư trú bất hợp pháp nhưng năm nay cụ vẫn nhận được thư chúc mừng sinh nhật 104 tuổi của Thủ Tướng Úc J. Howard. Chúc mừng nhưng luật vẫn cứ là luật, một phiên tòa diễn ra tại Melbourne, nơi cụ cư trú vào đúng ngày Phụ Nữ 8/3 vừa qua đã bác bỏ đơn thỉnh cầu cuối cùng của cụ xin được cấp *visa* thường trú với lý do là cụ đã ở quá lố thời hạn được phép. Dù Tổng Lãnh Sự Trung Quốc đã can thiệp với lý do cụ không còn thân nhân chăm sóc ở quê nhà nhưng Tòa vẫn bác bỏ. Hiện vẫn chưa rõ giới chức Úc sẽ trục xuất cụ như thế nào! Dễ ợt! Nếu tôi là ông Tòa ở Úc, tôi sẽ cứ bình tĩnh ngồi trên lưng rùa mà chờ. Chẳng cần trục xuất cũng chẳng cần hãng máy bay nào chuyên chở cả. Sớm muộn gì hạc vàng cũng rước cụ về trời!

Các chuẩn... hạc của Mỹ càng ngày càng nhiều. Theo báo cáo của Trung Tâm Thống Kê Y Tế Quốc Gia *(National Center for Health Statistics)* thì trong năm 2002, tuổi thọ trung bình là 77.3. Qua năm 2003 tăng lên 77.6. Hạc bà thọ hơn hạc ông. Tuổi thọ trung bình của các bà là 80.1 so với các ông chỉ có 74.8. Sự tăng thêm tuổi thọ này là kết quả của sự giảm bớt tám trong số 15 nguyên nhân gây tử vong hàng đầu ở Mỹ. Ba căn bệnh thanh toán các cụ hàng đầu là bệnh tim, ung thư và tai biến mạch máu não đã giảm tử suất từ 2.2% đến 4.6%. Nhưng tử suất do những bệnh *Alzheimer* và *Parkinson,* hai căn bệnh thường cặp kè với tuổi già lại gia tăng trong năm 2003.

Hạc Mỹ không ngon bằng hạc các nước khác. Theo ghi nhận của Tổ Chức Y Tế Thế Giới thì tuổi thọ bình quân cao nhất là tại Nhật với tuổi trung bình là 81.9, Monaco với 81.2, San Marino và Thụy Sĩ với 80.6, Úc với 80.4, Andora là 80.3, Iceland với 80.1. Ngoài ra đứng cao hơn Mỹ còn có các nước Áo, Bỉ, Canada, Phần Lan, Pháp, Đức, Hy Lạp, Do Thái, Ý, Lục Xâm Bảo, Tân Tây Lan, Tân Gia Ba, Tây Ban Nha và Anh. Tại Nhật Bản có tới 23 ngàn cụ hạc và trong năm năm qua, số hạc đã tăng gấp đôi khiến cho Liên Hiệp Quốc đã phải dự phóng là tới năm 2050, Nhật sẽ có gần một triệu hạc vui vầy với con cháu một cách mạnh khỏe. Theo cuộc kiểm kê dân số vào năm 2000 thì tại Mỹ có 50.454 cụ trên trăm tuổi. Riêng tại Canada, theo kết quả cuộc kiểm kê dân số năm 2001, thì có cả thảy 3795 cụ trên trăm tuổi. So với cuộc kiểm kê trước vào năm 1996 đã gia tăng 21%.

Hai cái hạc ngày xưa chắc chẳng ai trong chúng ta không biết là Khổng Tử và Tô Đông Pha. Vào thời của Khổng Tử, tuổi thọ trung bình của người Trung Quốc là 30. Vậy mà Khổng Tử chơi một đường hạc tới 73 tuổi mới gẫy cánh. Cứ thử so sánh với tuổi thọ trung bình ngày nay là 80 thì Khổng Tử, nếu sống vào thời của chúng ta bây giờ, sẽ hạc tới... 192 tuổi! Nhờ đâu mà bậc Vạn Thế Sư Biểu... vạn tuế đến như vậy? Trong sách Luận Ngữ, Khổng Tử đã viết như thế này: "*Quân tử có ba chặng đời. Niên thiếu huyết khí chưa định, tránh sắc. Tráng niên huyết khí sung mãn, tránh đấu. Lão niên huyết khí suy nhược, tránh đắc.*" Sắc là... đánh cờ người. Còn nhỏ, cơ thể chưa phát triển đầy đủ chẳng nên gầy cuộc cờ! Đấu là tính hiếu thắng. Máu hăng trong người đang bừng bừng, chẳng nên như gà chọi, bạ đâu đá đấy. Y học ngày nay xếp tính hiếu thắng vào loại hình A. Người có loại hình này thường có tỷ lệ cao huyết áp rất lớn do thường xuyên sống trong tâm trạng căng thẳng. Đắc là... ham hố. Già rồi, các chức năng cơ thể đã suy yếu, cả thể lực lẫn tinh lực đều sắp cạn kiệt, cần tránh chẳng nên tham muốn quá độ có thể dẫn đến lao tâm, lao lực, có hại cho sức khỏe và tuổi thọ.

Thi hào Tô Đông Pha, tác giả bài *Tiền Xích Bích Phú* nổi tiếng, sống vào đời Tống bên Trung Hoa, thọ 75 tuổi, trở thành hạc vì ông đã tự giữ được sinh hoạt điều độ, tiết chế ẩm thực "mỗi bữa không dùng quá một chén rượu, một miếng thịt." Ngoài ra ông sống rất lạc quan, ham vận động. Cuộc đời ông bẩy nổi ba chìm, mấy lần bị hạ ngục. Vậy mà, ngay trong ngục thất ông vẫn tập luyện đều đặn, giữ tâm trí thảnh thơi, tinh thần sáng suốt. Ông không hề buồn chán, phiền muộn, thích ngao du sơn thủy, thưởng ngoạn danh lam thắng cảnh, giữ được cả sức khỏe thể chất và tinh thần. Ông để lại cho người đời sau hai... mẹo vặt. Dùng lược chải trên da thịt để tăng sức khỏe và xoa chân. Xoa chân là điều ông tâm đắc để lại cho hậu thế nhất. Mỗi ngày, trước khi đi ngủ và thức giấc buổi sáng, ông đều ngồi trên giường, nhắm mắt, co từng bàn chân đặt lên đầu gối chân kia, dùng lòng bàn tay xoa mạnh gan bàn chân mỗi bên chừng 200 lần. Y học ngày nay cũng đã hiểu được thâm ý của Tô tiên sinh: xoa gan bàn chân có thể góp phần trị được nhiều bệnh như thiếu máu, tiểu đường, yếu sinh lý, đau lưng...

Bạn nào mặn truyện Tầu như *Càn Long Du Giang Nam* chẳng hạn hẳn phải biết ông vua đời nhà Thanh này. Ngài cũng... hạc đấy. Hạc còn hơn cả Khổng Tử và Tô Đông Pha. Thọ sơ sơ tới 89 tuổi lận! Bí quyết của vua càn Long cũng là xoa vuốt như Tô Đông Pha nhưng vị vua hạc này xoa vuốt bạo hơn. Thuật dưỡng sinh của Ngài là mười điều phải làm thường xuyên: răng thường đánh, bọt thường nuốt, tai thường rung, mũi thường vuốt, mắt thường đảo, mặt thường xát, chân thường vuốt, bụng thường xoa, chi thường duỗi, hậu môn thường động!

Còn Hoa Đà? Ông thầy thuốc của các thầy thuốc sống vào đời Tam Quốc bên Tầu này cũng thọ ra gì. Khi lâm chung, tai ông vẫn thính, mắt vẫn tinh, tóc không một sợi bạc! Học trò của ông là Ngô Phổ cũng hạc đến trăm tuổi. Bí quyết của ông là tập luyện. Ông được hai vị tiên trên núi truyền cho y thuật cao siêu và phép tập luyện phỏng theo tư thế của năm loài muông thú là hổ, hươu, gấu, khỉ và hạc, gọi là "ngũ cầm hý"! Đây là bài luyện khí công cao cấp, kết hợp nhịp nhàng giữa vận động gân cơ với luyện thở, lấy khí công dẫn dắt các cơ quan nội tạng, điều hòa trạng thái hoạt động cho cân bằng, khiến cơ thể tráng kiện, như trẻ lại, kiềm chế quá trình lão hóa.

Trăm năm cuộc sống, ăn thua chi! Con người có thể sống lâu hơn nhiều nữa! Mọi động vật đều sống gấp bảy lần thời gian phát dục. Vậy mà loài người chỉ được từ ba đến bốn lần! Điều này có nghĩa là con người, qua quá trình tiến hóa, đã đánh mất đi một nửa tuổi thọ! Làm sao lấy lại được cái nửa tuổi thọ quý giá đã đánh rơi mất kia? Các nhà khoa học đã tìm ra là trong quá trình chuyển hóa thức ăn, cơ thể sinh ra phần nhiều

oxy tam bội có dạng phân tử, rất bền. Nhưng cũng có một phần nhỏ oxy đơn bội có dạng các gốc tự do, không bền, gọi là gốc tự do nội sinh. Ngoài ra, cơ thể cũng bị các gốc tự do ngoại lai ngoài môi trường xâm nhập vào. Mỗi ngày gốc tự do va chạm vào các tế bào khoảng một ngàn lần, tạo ra các phản ứng oxy hóa dây chuyền, phá hủy cấu trúc màng tế bào, làm tổn thương phân tử ADN, gây lão hóa. Muốn ức chế hay trung hòa các gốc tự do, người ta tìm ra được công dụng của *selen, vitamin E, A, C, polyphenol* và *flavonoid.* Chúng làm chậm quá trình lão hóa. Trong các chất này, quan trọng hơn cả là *selen và vitamin E.*

Nhưng chính con người cũng có thể góp phần vào việc tự chống quá trình lão hóa bằng cách tổ chức hợp lý việc sinh sống và ăn uống. Tạo môi trường sống trong lành để hạn chế sự xâm nhập của các gốc tự do ngoại lai, ngăn ngừa *stress* để tăng sức đề kháng. Về ăn uống, phải hợp lý. Không phải cứ ăn nhiều là tốt đâu! Ăn nhiều, tế bào phải làm việc nhiều và, dĩ nhiên, tạo ra nhiều gốc tự do. Nên chọn những thức ăn gây no nhưng ít năng lượng. Khi ăn vừa đủ năng lượng, gốc tự do sinh ra ít, không gây quá tải cho quá trình tự xử lý của cơ thể. Người ta đã thử làm thí nghiệm cho chuột ăn một khẩu phần bằng 50% năng lượng cần thiết và đã kéo dài được 40% tuổi thọ của chúng.

Tập luyện thể dục thường xuyên cũng là một phương cách tốt. Nó giúp duy trì sự linh hoạt, dẻo dai, tạo sự cân bằng, làm cho đầu óc lanh lợi và làm cho hệ thống tim mạch luôn khỏe mạnh.

Phụ nữ sinh nở vào độ tuổi từ 30 đến 40 thường có khả năng ... hạc hơn những người sinh nở sớm. Một nghiên cứu ở Mỹ cho thấy số người sanh đẻ lần đầu ở tuổi 40 sống được trên trăm tuổi cao gấp bốn lần so với mức bình thường.

Ngủ rất cần thiết. Ai cũng biết vậy. Giấc ngủ giúp phục hồi các tế bào bị tổn thương hàng ngày mà nếu không được phục hồi sẽ làm tê liệt chức năng của các cơ quan. Nhưng ngủ mỗi đêm bao nhiêu giờ thì tốt? Một cuộc điều tra gần đây của Hiệp Hội Ung Thư Hoa Kỳ cho thấy những người ngủ trung bình bảy giờ một ngày là nhóm có tỷ lệ tử vong thấp nhất. Tuy nhiên nếu ngủ quá nhiều lại có hậu quả tệ hại hơn là ngủ ít! Thí dụ ngủ mỗi đêm chín tiếng thì nguy hiểm hơn là ngủ bốn tiếng! Đó là điều chúng ta ít ngờ tới.

Cũng ít ngờ tới là sinh hoạt tình dục cũng là một yếu tố rất quan trọng. Giáo sư Jean Woo thuộc trung tâm lão hóa San Po, Hương Cảng, cho biết là sự kích thích ham muốn cuộc sống lứa đôi ở tuổi già là một yếu tố hỗ trợ quan trọng cho việc tăng tuổi thọ. Một nghiên cứu của Anh cho thấy là những người trong độ tuổi 45 đến 59 tí toáy ít hơn một lần một tháng có nguy cơ tử vong gấp đôi những người cứ phăng phăng hai lần một tuần!

Ông già số dzách một hôm
Chép câu đậu khấu bao hàm mãn khai
Nhớ quên bao nét mày ngài
Rồng bay xuôi ngược tuyệt tài ngữ ngôn.

(Bùi Giáng)

Hạc mà oai phong như rồng như phượng như vậy mới là hạc. Hạc mà củ rủ củ rù như gà nuốt dây thung thì chán mớ đời! Nhưng oai phong được mấy người? Già cả thường cô đơn buồn chán. Con cháu người nào có việc đó, cuộc sống ngày nay như cái roi mây quất vào mông ngựa, cứ phải hộc tốc chạy đua với thời gian mà sống, lấy đâu thời giờ kề cận bên những hạc ông hạc bà đang cần sự an ủi của người khác. Sự gì con cháu không làm được thì đã có... búp bê làm dùm. Hãng sản xuất đồ chơi Nhật Bản Tomy vừa tung ra thị trường 8000 búp bê *Yumel* (tiếng Nhật có nghĩa là Giấc Mơ) để bầu bạn với các cụ già người Nhật. Búp bê này có bộ nhớ gồm 1200 cụm từ để thủ thỉ với các cụ. Cao 37 phân, trông giống như một bé trai đang buồn ngủ, búp bê được trang bị sáu bộ phận cảm biến và một *IC* để kiểm soát giờ ngủ của chủ. Người ta có thể cài đặt sẵn trước giờ ngủ và giờ thức dậy của búp bê phù hợp với giờ giấc của chủ. Buổi sáng thức dậy búp bê líu lo. *"Chào buổi sáng ông/bà!"* Buổi tối, nếu cụ chủ đi ngủ sớm, chưa chơi đủ giờ với búp bê, nó sẽ hỏi. *"Sao ông/bà lại vội vàng đi ngủ thế?"* Khoảng 500 khách hàng đã gửi lời nhận xét về cho hãng sản xuất sau khi đã dùng thử búp bê Yumel. Đa số đều hài lòng và cho biết chú nhỏ này đã thay đổi đời sống của họ đến thế nào. Nhiều người đã rất thương mến Yumel khi em bày tỏ nỗi bực bội bằng những câu hỏi rất dễ thương, ngủ kề bên với em và nghe những câu nói an ủi đúng lúc của em.

Các cụ hạc của chúng ta chưa được hưởng cái thú chơi búp bê này vì các cụ chưa biết tiếng Nhật! Nhưng nếu biết tiếng Anh thì có lẽ một ngày gần đây các cụ có thể nựng nịu trong tay một đứa cháu... bản xứ! Có cháu vui vầy bên cạnh mà chẳng phải tã lót gì! Còn gì sung sướng cho bằng tối tối, tới giờ đi ngủ, cháu búp bê rũ mí mắt xuống, khẽ kề vào tai các cụ thì thầm: *"Chúc ông /bà ngủ ngon!"*

Suỵt! Hãy im lặng cho bầy hạc ngủ yên!

03/2005

Website: www.songthao.com

Các Vua Nhà Nguyễn, giới Văn Thân và sự bại vong của Việt Nam dưới ánh sáng của xét lại:

KHÔNG CÓ AI "RƯỚC VOI VỀ GIÀY MỒ" CẢ, TẤT CẢ ĐỀU LÀ NẠN NHÂN CỦA MỘT VĂN HOÁ THỦ CỰU CỰC ĐOAN *

TÔN THẤT THIỆN

I

Trước 1945, những người ở lứa tuổi thiếu niên, và ngay cả thanh niên, ít biết rõ lịch sử Việt Nam về thế kỷ XIX. Lý do là: giai đoạn đó là giai đoạn Việt Nam "*bị* bảo hộ" — nếu nhìn từ góc độ của người Việt —, và "*được* bảo hộ" — nếu nhìn từ góc độ của người Pháp. Người Việt không muốn nói đến giai đoạn này vì sợ động đến Chính phủ Bảo hộ, hoặc Triều đình Việt Nam: Pháp nắm quyền lực, và Triều đình Nhà Nguyễn vẫn còn, tuy rằng không có quyền lực gì đối với Pháp, nhưng vẫn còn khống chế được người Việt. Những tác phẩm không vừa ý Chính phủ Bảo hộ Pháp hoặc Triều đình Việt Nam tất nhiên bị kiểm duyệt, và tác giả bị làm khó dễ. Phần khác, tâng bốc, tán dương bảo hộ và chế độ thuộc địa là một điều mà chẳng ai muốn làm. Hậu quả là hiểu biết về lịch sử của rất nhiều người về giai đoạn Việt Nam bị mất chủ quyền khá mù mờ.

Sau 1945, tất nhiên những kềm chế trên đây không còn nữa, đặc biệt là ở Miền Bắc, lúc đó không còn bị chính quyền Pháp chế ngự. Rất nhiều tác phẩm về lịch sử giai đoạn Pháp thuộc đua nhau xuất hiện. Những tác phẩm này phản ảnh không khí "cách mạng", đua nhau tố Pháp, tố thực dân, tố "phong kiến," và tất nhiên luôn cả Triều đình Nhà Nguyễn, đặc biệt là các vua Nhà Nguyễn, bị gán cho cái tội đã "rước voi về giày mồ."

Ở Miền Nam, vì Pháp được trở lại và áp đặt quyền bính của họ một thời gian nữa, nên phong trào tố Pháp, tố Triều đình Việt Nam phải đợi đến sau Hội nghị Genève mới phát. Và nó phát mạnh vì phong trào di cư đưa vào Miền Nam rất nhiều trí thức và nhà văn Miền Bắc, và những người này mang theo và được tự do phổ biến quan điểm của họ, nhất là sau 1957. Lúc đó, ông Ngô Đình Diệm đã thâu hồi độc lập thực sự, quyền lực Pháp hoàn toàn chấm dứt, và Cựu Hoàng Bảo Đại bị truất phế, Triều Nguyễn không còn quyền lực, mà cũng không còn thế lực gì nữa để ngăn chận những phê phán không tốt về các vua Nhà Nguyễn nữa.Những phê phán này thiếu vô tư, có khi rất nặng nề, không công bằng, không cân nhắc, không chính xác.

Tình trạng trên đây rất tự nhiên, vì những phán xét thường biểu hiện một lối tiếp cận chính trị, mà chính trị tất nhiên chủ quan, thiếu khoan dung và thiếu công bằng. Nhưng lối tiếp cận này không thể áp dụng khi ta muốn hiểu tường tận, chính xác, một vấn đề. *Hiểu* rõ một vấn đề, để đi đến những kết luận chính xác làm căn bản cho những quyết định đúng, mang lại kết quả tốt, đòi hỏi sự áp dụng một lối tiếp cận gồm hai vế: 1/ phân tách khách quan, vô tư, "không khoan nhượng," như một tác giả tiên phong về lãnh vực này nói, phải gạt bỏ ra ngoài những yêu, ghét riêng, để thấy được vấn đề một cách thông suốt; 2/ rút kiến thức từ nhiều ngành để thấy được tất cả các khía cạnh và hiểu vấn đề được một cách toàn vẹn. Lối tiếp cận này rất cần thiết khi ta tìm hiểu một giai đoạn lịch sử sôi động.

Riêng về giai đoạn các Vua Nhà Nguyễn, trong số những tác phẩm đã rõ ràng tách khỏi trào lưu tiếp cận lối chính trị, và áp dụng những lối tiếp cận khoa học hữu hiệu hơn, có ba tác phẩm đáng chú ý đặc biệt. Đó là những tác phẩm :

Việt Nam Pháp Thuộc Sử (1884-1945), của Giáo sư Phan Khoang, (1961, Sống Mới, P.O.Box 2774, Fort Smith, AR, in lại, năm....?),

L'Empire Vietnamien face à la France et la Chine (1847-1885), của Giáo sư Yoshiharu Tsuboi, (Paris, L'Harmattan, 1987), và

Monarchie et Fait Colonial au Viet-Nam (1875-1925) của Giáo sư Nguyễn Thế Anh, (Paris, L'Harmattan, 1992).

Giáo sư Phan Khoang đã dành toàn vẹn quyển sách dài gần 500 trang của ông cho vấn đề. Nhưng điểm đáng ghi nhất là ông đã viết sách này trong tinh thần rất khách quan, cốt tìm hiểu nguyên do

tại sao Việt Nam đã mất chủ quyền, những lý do của thất bại "của tổ tiên ta," chớ không nhằm lên án, kể tội riêng một cá nhân, hay một đoàn thể nào cả. Phần khác, Giáo sư nhận xét rằng những biến cố liên quan đến sự can thiệp của Pháp vào Việt Nam chỉ ghi chép trong các sách sử, rời rạc, tùy theo các tài liệu lặt vặt, và "chưa có một quyển sử nào chuyên chép [những biến cố ấy] riêng ra và cho đầy đủ." Nhận xét này rất đúng, và tác phẩm của Giáo sư đã bổ sung cho sự thiếu sót này, cung cấp cho ta những chất liệu rất đầy đủ, đích xác, để nhận xét đúng đắn và cân bằng về giai đoạn lịch sử này.

Về phần hai Giáo sư Nguyễn Thế Anh và Yoshiharu Tsuboi, đóng góp của họ là đã áp dụng một lối tiếp cận mới, mở đường cho những khảo sát rộng rãi, đầy đủ hơn, và đương nhiên, chính xác hơn, về một giai đoạn sôi nổi của lịch sử Việt Nam, tránh những phán xét hẹp hòi, thiếu thăng bằng, chỉ căn cứ trên một số dữ kiện giới hạn, và trên nhu cầu chính trị phe phái. Họ đã đưa ánh sáng của xã hội học, nhân chủng học và tâm lý học chiếu vào vấn đề, làm sáng tỏ những yếu tố đã khiến những người đương thời quyết định như họ đã quyết định, về phía những nhân vật Pháp, cũng như về phía những nhân vật Việt Nam, trong sự áp đặt chế độ bảo hộ Pháp lên Việt Nam.

Giáo sư Anh đã cứu xét kỹ những "cơ cấu xã hội-văn hoá" (édifice socio-culturel), "bối cảnh xã hội-văn hoá" (paysage socio-culturel), để thấy rõ những động lực đã thúc đẩy những nhân vật liên quan đến những biến cố dẫn đến sự suy tàn của chế độ quân chủ Việt Nam, và sự Pháp tước đoạt hết quyền hành của Vua Việt Nam, từ 1875 đến 1925. Về phía Pháp: chính phủ Pháp ở Paris, và những viên chức ngoại giao và quân sự hoạt động ở Việt Nam — nhất là thuộc hải quân —; những giáo sĩ công giáo; những tên thương nhân phiêu lưu. Về phía Việt Nam: các Vua, quan chức Triều đình — lớn và nhỏ —, các giới Văn Thân — Nho sĩ, thân hào —, dân chúng làng xã. Trong cuộc cứu xét này, Giáo sư Anh đã phân tách rất tỷ mỷ lý lịch, tư tưởng, tác phong, hành vi, động lực sau những quyết định, của những nhân vật then chốt.

Lối tiếp cận của Giáo sư Yoshiharu Tsuboi cũng tương tự, nhưng ông này giới hạn cuộc cứu xét vào Triều Tự Đức (1847-1885), và đi rất sâu vào việc phân tích mối tương quan giữa Vua Tự Đức với giới Văn Thân. Ông đã cứu xét "không gian xã hội" (l'espace social) Việt Nam để tìm hiểu tiến trình áp đặt chế độ thuộc địa lên Việt Nam, sự suy sụp của xã hội Việt Nam đã diễn tiến ra sao, và giới Văn Thân đã đóng vai trò gì trong tiến trình này. Ông đã làm sáng tỏ tầm quan trọng của "di sản văn hoá" trên các tác nhân Việt, vạch rõ ảnh hưởng những "bẩm chất" văn hoá (prédispositions culturelles) trên hành vi của các tác nhân này, tại sao những chương trình cải tổ xã hội Việt Nam đã bị "ngăn chận" (bloqué). Quan trọng, và mới hơn cả, ông đã làm nổi bật sự hiện hữu và ảnh hưởng của "nhóm xã hội" (groupe social) có uy thế và có ảnh hưởng quyết định trên công luận ở Việt Nam thời đó.

Như Giáo sư George Condominas đã nhấn mạnh trong Lời giới thiệu, Giáo sư Tsuboi đã áp dụng nhân chủng học vào cuộc cứu xét nói trên, và đây là một lối tiếp cận cho phép đi sâu vào sự hiểu thấu chiều văn hoá, và điều chỉnh một số quan niệm sai lầm đã được phổ biến trước đó, ví dụ quan điểm nói rằng các vua Nhà Nguyễn không quan tâm gì đến những biến chuyển quốc tế, đã được một số giáo sĩ đưa ra, và được một số người Việt Nam lặp lại.

Một điểm cần lưu ý là cả hai Giáo sư Anh và Tsuboi đều đặt nặng yếu tố *văn hóa* và *xã hội*. Giáo sư Anh đã thâu tóm vấn đề trong một câu: "Vấn đề là làm sao lật được toàn thể xã hội Việt Nam vào hiện đại" (Le problème est comment faire basculer la société entière dans la modernité). Đặt vấn đề như vậy là đặt vấn đề sửa đổi văn hoá, nhưng việc này liên quan đến toàn thể xã hội. Thế hệ thời Tự Đức đã không thực hiện được điều trên này, và hậu quả là sự bại vong của đất nước đưa đến sự đô hộ của ngoại bang. Ai mang trách nhiệm về thảm trạng này? Ai đã "rước voi về giày mồ"? Đó là câu hỏi mà các tác giả trên giúp ta trả lời được dứt khoát: toàn thể xã hội Việt Nam. Nhưng, thật ra, qua các công trình sưu khảo của hai Giáo sư Anh và Tsuboi, ta thấy rằng tất cả chỉ là nạn nhân của một văn hoá thủ cựu cực đoan — văn hoá Khổng Nho mô hình Trung Quốc. Dưới đây là chi tiết về tiến trình băng hoại đó. Bài này chủ ý cứu xét vấn đề về phía Việt Nam, nên sẽ không đề cập nhiều đến phía Pháp.

Trước hết, cần nhắc lại những biến cố lớn dẫn đến sự áp đặt chế độ bảo hộ Pháp lên Việt Nam:

Năm 1847: tháng 4, ở Đà Nẵng, hạm đội Pháp bắn chìm hết lực lượng thủy quân Việt Nam, trong đó có năm tàu bọc đồng.

Năm 1858: tháng 9, cũng tại Đà Nẵng, quân

Pháp bắn phá và đổ bộ lên Đà Nẵng.

Năm 1859: tháng 2, quân Pháp chiếm Gia Định.

Năm 1859: tháng 4, quân Pháp lại bắn phá Đà Nẵng.

Năm 1860: Quân Pháp chiếm ba tỉnh Miền Đông Nam Kỳ.

Năm 1862: ngày 5 tháng 6, Việt Nam ký hoà ước, nhường ba tỉnh Miền Đông cho Pháp, chấp nhận cho Pháp vào Đà Nẵng tự do buôn bán, đặt sứ thần ở Huế, cho tự do giảng đạo Thiên Chúa, và nếu có cắt đất nhường cho một quốc gia khác phải báo trước cho Pháp biết, hai bên không chứa chấp"giặc" và giao "giặc" cho nhau ("giặc" đây hiểu theo Pháp, là những người chống Pháp). Các sử gia Việt Nam thường gọi hoà ước này là "Hoà Ước Năm Nhâm Tuất."

Năm 1874: ngày 15 tháng 3: Việt Nam ký hoà ước chấp nhận giao quyền quyết định về ngoại giao cho Pháp, nhận chủ quyền Pháp trên toàn thể sáu tỉnh Nam Kỳ và Cao Mên và Lào, cho Pháp tự do di chuyển và buôn bán ở Bắc Kỳ, bắt giao "tội phạm" trốn trên lãnh thổ Việt Nam cho Pháp ("tội phạm" ở đây là những kẻ chống Pháp), cho Pháp đặt trú sứ tại Huế ngang hàng với Thượng thơ, hủy bỏ tất cả các chỉ dụ cấm đạo, cho các giám mục, linh mục, được tự do vào trong nước Việt Nam giảng đạo Gia Tô ở mọi nơi và khi đến, ở, đi, không cần phải khai báo với quan Việt Nam. Sử gia Việt Nam gọi hoà ước này là "Hoà ước Năm Giáp Tuất." Cùng với hoà ước này, hai bên cũng ký một thương ước.

Năm 1883: ngày 25 tháng 8, Việt Nam ký hoà ước chấp nhận trao hết quyền giao thiệp với nước ngoài, kể cả với Trung Quốc, cho Pháp, người Nam là "những kẻ bảo hộ" của Pháp, xáp nhập tỉnh Bình Thuận vào Nam Kỳ, Pháp có quyền đặt Trú sứ ở Huế và diện kiến Vua, Pháp có quyền đặt trú sứ ở Hà Nội, Hải Phòng và các tỉnh, quan của Nam Triều đặt dưới quyền kiểm soát của trú sứ Pháp, Triều đình Việt Nam chấp nhận những bổ nhiệm của Pháp về quan chức ở Bắc Kỳ, giao thương chính cho Pháp, chịu cho Pháp đồn binh ở bất cứ nơi nào Pháp thấy cần, nhận tiền tệ của Nam Kỳ là tiền tệ của Việt Nam, Pháp cung cấp huấn luyện viên, kỹ sư v.v... cho Việt Nam (điều 24). Sử gia Việt Nam gọi hoà ước này là "Hoà ước Năm Quí Mùi." Người Pháp gọi nó là "Hoà ước Harmand" vì đại diện Pháp ký hoà ước này là Jules Harmand. Theo hoà ước này Việt Nam mất đất, mất quốc tịch, mất chủ quyền về ngoại giao, nội vụ, quân sự, tài chính, tiền tệ.

Năm 1884: ngày 6 tháng 6, Việt Nam ký hoà ước mà điều chính là: Việt Nam "nhận và chịu nước Pháp bảo trợ, nước Pháp thay mặt nước Nam trong các việc giao thiệp với ngoại quốc và bảo trợ người nước Nam với các nước ngoài." Sử gia Việt Nam gọi hoà ước này là "Hoà ước năm Giáp Thân." Pháp gọi nó là "Hoà ước Patenôtre," theo tên đại diện của Pháp ký hoà ước đó, Jules Patenôtre. Hoà ước này làm rõ ràng cương vị bị bảo hộ của Việt Nam.

Về phía Pháp thì tầm quan trọng của hoà ước 6-6-1884 là ở chỗ nó làm rõ ràng quy chế bảo hộ quốc của Việt Nam, và nhất là nó chính thức chấm dứt mối quan hệ giữa Việt Nam và Trung Hoa. Thật ra, điều này lại nằm ở nơi khác: ngay sau khi ký hiệp ước, Pháp buộc Triều đình Việt Nam phải hủy cái ấn Nhà Thanh phong vương cho Vua Việt Nam, và, đặc biệt, là ở thoả hiệp Pháp-Trung ngày 11-5-1884, được xác nhận trong điều 2 của hòa ước Thiên Tân ngày 4-6-1885, theo đó Trung Quốc "quyết không làm gì có thể ngăn trở cuộc bình định của nước Pháp và chịu trọng nể — từ nay và về sau — các hòa ước, hiệp định, sự điều đình giữa nước Nam và nước Pháp." Nghĩa là: mối quan hệ Thượng quốc — Phiên quốc có từ nghìn năm giữa Trung Quốc và Việt Nam chấm dứt, Trung quốc công nhận bá quyền của Pháp trên Việt Nam, và từ đây không can thiệp vào Việt Nam nữa.

Hoà ước 6-6-1884 sẽ là bản văn quy định quan hệ giữa Việt Nam và Pháp đến năm 1945. Nó chỉ là khởi đầu của sự suy giảm rất nhanh chóng của uy quyền các Vua Triều Nguyễn, và sự gia tốc của tiến trình thuộc địa hoá của Việt Nam. Nhưng tiến trình xuống dốc này thật ra bắt nguồn từ thời Gia Long—Minh Mạng, và tiếp tục sau thời Tự Đức, cho đến thời Khải Định. Để có một ý niệm đầy đủ về tiến trình ta phải đề cập đến một số sự kiện xảy ra trước và sau thời Tự Đức.

Một quyết định, mà tầm quan trọng chỉ có thể ước lượng được đúng mức ngày nay, là quyết định của Chúa Nguyễn Phước Ánh lấy Khổng giáo làm căn bản cho quốc gia được xây dựng sau khi ông thắng Tây Sơn. Năm 1788 ông lấy lại toàn đất Gia Định, và từ đó trở đi, ông tổ chức lại vùng đất này, biến nó thành căn cứ để tấn công ra Bắc. Năm 1794 ông tấn công Diên Khánh, và tin chắc rằng ông sẽ thanh toán được Tây Sơn và thu phục được giang sơn. Một vấn đề lớn được đặt ra là: sau khi thắng Tây Sơn, thu phục được quyền hành

trên toàn cõi đất của Nhà Nguyễn, ông sẽ xây dựng một quốc gia trên căn bản nào? Một số quyết định của ông, lúc đó đang còn là Chúa Nguyễn Phước Ánh, cho thấy con đường mà ông lựa chọn.

Trước hết là về giáo dục của Đông cung thái tử Cảnh. Ông này đã được giao cho Giám Mục Pigneau de Béhaine — mang tên Việt Nam là Bá Đa Lộc — từ năm 1784, lúc ông ta bốn tuổi. Giám mục đã mang ông ta đi Pháp cầu viện, và hầu như là người phụ trách giáo dục ông ta. Vì vậy, đình thần của Chúa Nguyễn Phước Ánh rất lo sợ rằng ông ta sẽ theo đạo Gia tô sau khi ông tuyên bố sẽ chỉ lấy một vợ, không chịu lạy tổ tiên, và buổi tối đọc kinh trước khi đi ngủ. Nhưng đó là năm 1788, lúc ông đi Pháp về, mới có tám tuổi. Sau khi ông được chính thức chọn làm Đông cung, năm 1793, đình thần kiến nghị xin Chúa giao ông cho các quan giáo dục ông theo Nho giáo cổ truyền. Và Chúa Nguyễn Phước Ánh đã chấp thuận đề nghị này. Hậu quả là mấy năm sau Hoàng tử Cảnh đã có ba vợ, và có một số hành vi khác chứng tỏ là ông ta đã theo đúng đạo Nho.

Những biến chuyển trên tất nhiên làm cho Giám mục Bá Đa Lộc và các giáo sĩ khác thất vọng. Họ hằng mong rằng nắm được Hoàng tử Cảnh, và thắng lợi của Chúa Nguyễn sẽ đưa đến sự cải giáo cả Việt Nam. Nhưng nay hy vọng đó tiêu tan. Hơn nữa, chính Chúa Nguyễn Phước Ánh, khi biết chắc mình sẽ thắng, không còn cần sự trợ giúp của Giám mục và đồng giáo như xưa, nên tỏ ra ít dễ dãi hơn với đạo hơn mấy năm trước. Chúa cho xây Khổng Miếu, tổ chức thi cử theo lối truyền thống Nho học. Sau này, khi thắng Tây Sơn rồi và lên ngôi đế, Chúa Nguyễn Phước Ánh, trong cương vị Việt Nam Hoàng Đế, sẽ chính thức lấy Khổng giáo làm quốc giáo. Đây là một định hướng mang hậu quả hệ trọng cho tương lai nước Việt Nam, vì văn hoá Khổng giáo sẽ đào tạo ra những quan chức và Nho sĩ thủ cựu cực đoan, chỉ lo trau dồi kinh sử, văn thơ, trong khi nước Việt Nam phải đối đầu với nhiều vấn đề mới, do sự tiếp xúc với văn minh Tây phương và cần có một văn hoá mới, với những giá trị mới.

Về đối ngoại thì trong thời gian Vua Gia Long trị vì, các Chính phủ Pháp bận rộn với cách mạng 1789 và chiến tranh liên miên với các nước Âu Châu, nên không có qua lại. Mãi đến năm 1817, mới có một thuyền Pháp ghé Đà Nẵng. Thuyền trưởng de Kergariou xin đến Huế dâng phẩm vật của Vua Louis XVIII, và đề nghị ký thương ước với Việt Nam, nhưng Vua Gia Long không cho, viện lẽ là không có quốc thư. Trước đó, năm 1803, có sứ Anh Robert sang xin phép lập phố buôn bán, nhưng Vua không cho. Năm 1919, lúc bệnh nặng, sắp băng, Vua cho gọi Hoàng thái tử (Vua Minh Mạng sau này) vào dặn "chỉ có một việc là ngày sau phải cẩn thận, chớ nên gây hấn ngoài biên."

Lời trối trên đây không khác gì lời trối trứ danh về tránh "entanglement" của Tổng Thống Hoa Kỳ Washington! Nhưng ý nguyện của Vua Gia Long không được thực hiện, vì tình hình thế giới từ Triều Minh Mạng trở đi có nhiều chuyển biến lớn. Đặc biệt là các cường quốc Âu Châu chú ý đến Á Đông nhiều hơn, và ở trong nước xảy ra những biến động khiến Vua Minh Mạng áp dụng biện pháp gắt gao đối với giáo sỹ Công giáo dẫn đến sự can thiệp quân sự của Pháp.

Từ thế kỷ XVI cho đến đầu thế kỷ XIX, các quốc gia Âu Châu tiếp xúc với Á Đông với mục đích thám hiểm, và buôn bán. Từ giữa thế kỷ XIX, kỹ thuật, đặc biệt là kỹ thuật giao thông hàng hải, của họ tiến bộ nhiều; đồng thời, khoa học kỹ nghệ phát triển làm cho kinh tế của họ tăng trưởng mạnh. Những biến chuyển trên đây dẫn đến cạnh tranh và xung đột để dành thị trường, đặc biệt là ở hải ngoại. Tình trạng này thúc đẩy các cường quốc Âu Châu tìm căn cứ cho hải quân, và thị trường cho kinh tế của họ. Á Châu là một trong vùng rất được các nước Âu Châu chiếu cố. Và từ Triều Louis Philippe, Việt Nam là nước được Pháp chú ý đến. Vua Minh Mạng là Vua đầu tiên bị đặt trước vấn đề phải đối phó với ý định chiếm căn cứ quân sự và thị trường của Tây phương, đặc biệt là của Pháp. Cụ thể, vấn đề là làm sao đương đầu với sự xâm lấn quân sự, và xâm nhập văn hoá, của Pháp.

Hai vấn đề trên đây liên quan mật thiết với nhau. Vua Minh Mạng phải đương đầu với sự xâm nhập của Đạo Gia Tô, được coi như mối đe dọa đối với văn hoá cổ truyền Khổng Nho, vừa là một đe dọa về an ninh của Triều đình. Vua Minh Mạng là một người rất sùng Nho và văn minh Trung Quốc. Vì lý do đó, Ông chú ý đến vấn đề giáo hoá dân theo Đạo Nho. Ông đã ban 10 điều dụ trong đó điều 1, "Đôn nhân luân," dạy dân "trọng tam cương, ngũ thường," giáo lý căn bản của Khổng giáo; điều 5, "Hậu phong tục," dạy dân "giữ phong tục cho thuần hậu," nghĩa là giữ vững những giá trị truyền thống; điều 7, "Sùng chính học" dạy dân "trọng đạo chính," "chính"

đây là Nho giáo, đối với "tà," là Đạo Gia tô. Mà đã "tà" tất nó không được truyền bá, không được theo. Đây là nguyên tắc căn bản dẫn đến cấm đạo.

Nhưng trong thời gian Lê Văn Duyệt còn sống Vua Minh Mạng chưa ra tay được, vì ông Duyệt là một công thần, và ông ta là người che chở Công giáo và được dân Miền Nam mến chuộng. Lê Văn Duyệt mất năm 1832. Sau khi mất ông bị làm án nặng. Việc này gây bất mãn ở Miền Nam. Tiếp theo đó, Lê Văn Khôi, một người được ông ta che chở bị ngược đãi, nổi loạn chống Triều Đình, chiếm thành Gia Định, buộc Triều đình mất ba năm mới dẹp yên. Trong số người bị bắt trong thành Gia Định có một số Công giáo và một giáo sĩ Pháp, cố Marchand, cho nên Vua kết luận rằng Công giáo đã tiếp tay Lê Văn Khôi chống lại Triều đình. Vấn đề Công giáo trở nên một vấn đề chính trị.

Những người bị bắt bị xử tử; cố Marchand bị đưa về Huế và bị tra tấn đến chết. Đồng thời có một giáo sĩ khác, giáo sĩ Gagelin, cũng bị xử giảo ở Huế. Năm 1833 Vua Minh Mạng xuống dụ cấm đạo.

Trước đó, năm 1825, nhân dịp có một giáo sĩ Pháp, giáo sĩ Rogerot, theo tàu Pháp vào Đà Nẵng đi giảng đạo khắp nơi, Vua đã có dụ cấm đạo. Nhưng lần nay, lệnh cấm đạo gắt gao hơn trước nhiều: buộc giáo dân phải bỏ đạo, phá hủy nhà thờ, nhà giáo sĩ; giáo đồ bị bắt bớ, giết hại khắp nơi. Năm 1836 Vua Minh Mạng lại ra dụ cấm đạo nữa. Lần này các biện pháp lại còn gay gắt hơn trước: các giáo sĩ bị bắt ở trên tàu hoặc trong nước đều bị giết. Trong những năm 1834-1838 có bảy giáo sĩ bị giết, và năm 1838 các giáo sĩ, giáo đồ bị giết nhiều hơn cả. Những sự việc trên đánh dấu sự khởi động một phong trào cấm đạo, giết đạo kéo dài cho đến khi Pháp áp đặt chế độ thuộc địa lên Việt Nam.

Sự cấm đạo, giết đạo gắt gao trên đây có một hậu quả cực kỳ quan trọng: các giáo sĩ Pháp bị ngược đãi gắt gao bèn khuấy động dư luận Âu Châu, và kêu gọi Chính phủ Pháp bảo vệ họ. Người hăng hái nhất trong sự vận động này là Giám mục Pellerin. Triều đình Vua Louis-Philippe, lúc đó chưa có ý đồ xâm chiếm Việt Nam, nhưng thấy phải biểu lộ sự xúc động bất mãn bằng cách từ chối tiếp sứ bộ của Vua Minh Mạng lúc sứ bộ này đến Pháp năm 1839. Ta không biết Vua Minh Mạng sẽ rút tỉa kinh nghiệm gì về sự kiện này — mình không tiếp sứ người ta thì người ta không tiếp sứ của mình — vì Vua băng năm 1840, trước khi sứ bộ về đến, và để lại vấn đề cho người kế vị, là Vua Thiệu Trị.

Thời Vua Thiệu Trị không có việc cấm đạo gắt gao, nhưng do một sự hiểu lầm, lại xẩy ra cuộc va chạm quân sự đầu tiên mở đầu cho những cuộc hành binh của Pháp uy hiếp Việt Nam cho đến khi Việt Nam bị chế ngự hoàn toàn.

Nguyên do là năm 1845 một giáo sĩ Pháp, Giám mục Lefèbvre vào Việt Nam giảng đạo, bị án tử hình, Vua tha cho tội chết, trục xuất đi Singagpore. Năm sau ông lại lén vào Gia Định đi giảng đạo, lại bị án tử hình, nhưng Vua lại ân xá, và cho đưa đi Singapore. Nhưng năm 1847, viên thuyền trưởng chiến thuyền Victoria, là Trung tá Rigault de Genouilly, đến Đà Nẵng, không biết, lại xin Vua thả Giám mục ra. Trong lúc đang điều đình thì de Genouilly thấy phía Việt Nam có động quân, ông nghi là để tấn công hạm đội ông nên ông ra tay trước và bắn chìm hết hạm đội của ta ở Trà Sơn, trong đó có năm tàu bọc đồng. Vua Thiệu trị giận lắm, và xuống dụ cấm giáo sĩ giảng đạo và làm tội những người trong nước theo đạo. Đây là lần đầu tiên quân Pháp tấn công quân sự Việt Nam, mở đầu cho một giai đoạn gây hấn leo thang, mà người phải đối phó, và đối phó không được, là Vua Tự Đức.

Sự thất bại của Việt Nam dưới triều Vua Tự Đức, thể hiện qua các hoà ước 1862, 1874, 1883 kể trên, mang lại hậu quả là Pháp sẽ lấn ép lần lần các Triều kế tiếp. Dưới triều Vua Hàm Nghi, sau khi cuộc đột kích Pháp ở Huế của ông Tôn Thất Thuyết đêm 4-5 tháng 7 năm 1884 thất bại, quân Pháp chiếm đóng Kinh thành Huế. Từ đó Pháp làm mưa làm gió, tước dần quyền hành của Vua và Triều đình Việt Nam. Tình trạng này được cụ thể hoá trong sự truất phế các Vua Hàm Nghi, Thành Thái, Duy Tân, và đày các ông đi khỏi Việt Nam (Vua Hàm Nghi đi Algérie, các Vua Thành Thái và Duy Tân đi Réunion), sự buộc Vua Hàm Nghi và các Vua kế tiếp phải nhận tấn phong của Pháp, sự Vua Việt Nam (từ Đồng Khánh) do Pháp lựa chọn, và các cơ quan đầu não của Việt Nam (Cơ Mật Viện, Tôn Nhơn Phủ) do viên Khâm sứ Pháp chủ tọa. Cuối cùng, năm 1925, dưới Triều Khải Định, hiệp ước ngày 6 tháng 11 thâu góp hết quyền của Vua vào tay Khâm sứ Pháp, chỉ để lại cho Vua quyền cúng tế tổ tiên và phong thần phong tước.

Những chuyển biến trên đây dàn ra từ năm 1847, nhưng thực sự là từ năm 1802, năm Chúa

Nguyễn Phước Ánh lên ngôi Đế, lập lên Triều Nguyễn, cho đến năm 1945, năm mà Hoàng Đế Bảo Đại tuyên bố bãi bỏ tất cả hiệp ước ký với Pháp, nhưng đồng thời lại thoái vị, chấm dứt Triều Nguyễn. Trong thời gian này, những biến chuyển lớn, có tính cách quyết định, xảy ra dưới Triều Tự Đức. Do đó, các sử gia thường chú tâm vào Vua này, coi ông là người mang trách nhiệm về sự bại vong của nước Việt Nam. Nhưng nay, dưới ánh sáng của xét lại, sự thực không phải vậy. Những công trình của ba học giả nêu trên làm sáng tỏ rằng trách nhiệm về bại vong của Việt Nam không phải chỉ ở Vua Tự Đức và Triều đình ông, mà ở nhiều người khác, đặc biệt là ở giới Văn Thân. Cho nên, để có một ý niệm rõ ràng về vấn đề này, chúng ta cần cứu xét kỹ vai trò của giới Văn Thân.

II

Giáo sư Tsuboi đã để rất nhiều công nghiên cứu đặc biệt giới Văn Thân, và trong sự nghiên cứu này, ông đã làm sáng tỏ một khía cạnh rất đặc biệt của chế độ quân chủ thời các Vua Nhà Nguyễn, và đặc biệt là thời Vua Tự Đức, mà các nhà nghiên cứu về Việt Nam khác không chú ý đến, tuy rằng nó rất cần thiết để hiểu rõ những gì xảy ra trong thời gian này.

Chế độ quân chủ Việt Nam thời các vua Nhà Nguyễn được các nhà chính trị học và các nhà luật học xếp vào loại "chuyên chế" thuộc hệ thống Khổng giáo, trong đó Vua nắm quyền hành tối thượng tuyệt đối. Quanh Vua là những viên chức có quyền nhất, những vị đại thần thuộc Cơ Mật Viện. Vua và những vị đại thần này là "Triều đình." Kế đến là các đình thần cao cấp, rồi các quan trong bộ máy hành chánh. Trong chế độ này, uy quyền đi từ trên xuống, trên ra lệnh, dưới thi hành. Nhưng, trong thực tế, nó không phải vậy.

Trong tư tưởng chính trị Nhà Nguyễn, khởi đầu với Triều Gia Long, quyền hành của Vua dựa trên khái niệm "thuận Thiên, ứng dân." Đây là khái niệm mà Chúa Nguyễn Phước Ánh viện dẫn khi các đình thần tôn ông lên ngôi Vua năm 1802. Theo quan niệm chính trị thời đó, Vua là "Thiên tử," con Trời, người được Trời lựa chọn để trị dân. Làm vua là theo ý Trời, do "Thiên mệnh," nhưng "Thiên mệnh" này thể hiện qua "dân ý" —lòng dân. Được lòng dân mới chiếm và giữ được Vương vị. Điều này rất rõ trong trường hợp Chúa Nguyễn Phước Ánh. Nhờ có dân bảo vệ mà ông ta thoát được sự truy nã của Tây Sơn trên khắp Miền Nam trong hơn 20 năm trời, gây dựng lại được lực lượng, và cuối cùng đánh bại được Tây Sơn.

Phần khác, có được lòng dân, Vua mới làm tròn sứ mạng của mình được. Đây là một điều mà Vua Tự Đức ý thức rất rõ. Về những quyết định lớn, Vua không độc đoán, mà nương theo dư luận, qua phương thức "đình nghị." Điều này giải thích tại sao, trong sự đương đầu với những tấn công của Pháp, Vua Tự Đức không theo đuổi được một số chính sách cần thiết để tránh cho xứ sở những đổ vỡ mà ta biết.

Giáo sư Tsuboi viết:

"Thật vậy, dù rằng những quyết định tối hậu về chính sách đối phó với Pháp thuộc về thẩm quyền của Vua và Cơ Mật Viện, Việt Nam thời đó có một loại 'công luận.' Dư luận của đa số, thật ra, là dư luận của những giới quan lại cấp thấp và các nho sĩ, và "công luận" này luôn luôn chống văn minh Tây phương." (Tsuboi, tr. 170)

Nhận xét trên đây cũng là nhận xét của một học giả Pháp thời đó rất thiện cảm với dân Việt Nam và hiểu rõ tâm lý, phong tục người Việt, Ông Paul Philastre, từng làm Trú sứ Pháp ở Huế. Ông nói:

"Ngay trước khi nói đến những cận thần của nhà Vua, chính những giới trung lưu gồm những quan chức nhỏ, những thơ lại, những nhà có tài sản lớn, những người thể hiện ý muốn của dân, lại là những chướng ngại xem ra có vẻ không đáng kể, nhưng thực sự lại là những chướng ngại mạnh nhất ngăn cản bất cứ sáng kiến hay thử nghiệm thay đổi nào." (Tsuboi, tr,243)

Theo Giáo sư Tsuboi, "không gian xã hội" Việt Nam thời đó bị các quan chức, Nho sĩ — giới Văn Thân — và thân hào choáng. Đây là "nhóm xã hội có uy thế nhất." Nhóm này là trung gian giữa Triều đình và dân chúng. Nó đóng vai trò "quảng đại dư luận" (Tsuboi. tr.VII), và Triều đình cần có sự đồng thuận và hợp tác của nhóm này để thực hiện những chính sách mình muốn.

Giáo sư Tsuboi đã phân tách rất tỷ mỷ các thành phần xã hội, và đặc biệt là các phần gồm giới "Văn Thân" của xã hội Việt Nam hồi đó.

Theo Giáo sư Tsuboi "Văn Thân" là một "phạm trù xã hội" (catégorie sociale); nó gồm những Nho sĩ (người biết chữ), thân hào, thơ lại, công chức hưu trí. Họ có những địa vị khác nhau, nhưng đều hấp thụ một giáo dục về xã hội-văn hoá căn bản như nhau: họ là những người đọc được chữ Hán, và với tư thế đó, họ là những người chuyển những công bố của Triều đình đến dân. Họ đóng một

vai trò hết sức quan trọng, vai trò trung gian giữa Triều đình và dân không những vào những dịp quan trọng, mà ngay cả trong đời sống hàng ngày. Riêng về "tập đoàn nho sĩ," nó có thể gồm từ Vua đến các quan, đến các thơ lại, các giáo viên, thân hào, những người chuẩn bị đi thi, cũng như những người đã thi đỗ. Điểm chung của tất cả những người này là họ biết chữ Hán. Họ là những người phổ biến Khổng giáo, và thấy có nhiệm vụ phải bảo vệ đạo lý Khổng giáo.

Riêng về những hào mục, họ là những người chuyển những lệnh của Triều đình đến người dân (không đọc được chữ Hán), và có một số nhiệm vụ đối với Triều đình

(thâu thuế, điểm đinh, cấp lính, sưu dịch.)

Một điều rất đáng để ý nữa liên quan đến những Nho sĩ chuẩn bị thi cử. Họ là những thành phần tạo dư luận và quảng bá dư luận hiệu nghiệm hơn cả. Nhân các kỳ thi, hàng ngàn thí sinh từ khắp các tỉnh trong xứ tụ hội đông đảo tại các trung tâm thi như Huế, Nam Định (trên 5000 tại Huế và cùng số đó tại Nam Định nhân kỳ thi năm 1864), và nhân dịp đó được biết về tin tức đất nước và trao đổi quan điểm. Tất nhiên là khi về lại tỉnh nhà, họ là những người quảng bá và bình luận về tin tức, tạo ra dư luận, vì là Nho sĩ, họ được dân kính nể. Những dịp thi này có thể ví như đại hội toàn quốc của các đảng chính trị lớn.

Những giới Văn Thân chống sự du nhập của Công giáo vì những người theo đạo này — "giáo dân" — sống một lối sống khác lối sống thường của người dân thường — "lương dân" —, họ tụ tập riêng lại với nhau sống ngoài lề cộng đồng, và nhất là họ từ chối một số nghi lễ liên hệ đến một tục lệ mà người Việt coi là tối trọng, việc thờ cúng ông bà, tổ tiên. Họ từ bỏ tục lệ này vì một quyết định của Giáo Hoàng Benoit XIV năm 1742 cho đó là một "mê tín Tàu." Vì tư tưởng, văn hoá Khổng giáo đặt nặng vấn đề "chính thống," "chính-tà" và không chấp nhận sự khác biệt ý kiến, nên giới Văn Thân coi Công giáo như là "Tả đạo."

Ngoài các yếu tố đạo lý và tư tưởng, còn một yếu tố nữa: yếu tố kinh tế. Điều này rất sáng tỏ sau vụ Pháp chiếm Bắc Kỳ, sa thải quan chức do Triều đình bổ nhiệm, và thay thế họ với những viên chức theo Công giáo, không thuộc giới khoa bảng. Như vậy là giới Nho sĩ thấy địa vị của mình bị đe dọa, nhất là những người chưa đỗ đạt, thấy mình không có tương lai nữa, vì dầu có đỗ đạt cũng không còn được trọng dụng và quý nể. Họ cảm thấy là địa vị ưu đãi của họ bị đe doạ.

Một lý do khác, có lẽ quan trọng hơn cả, là giới Văn Thân coi người Công giáo như là những người dọn đường cho quân xâm lăng Pháp. Quan điểm này căn cứ trên sự kiện là trong các cuộc tấn công của người Pháp thường có sự hợp tác của một số người Công giáo, và trong những âm mưu đảo chánh, những kẻ chủ mưu Việt Nam thường tìm sự ủng hộ của Công giáo. Điều này cũng dễ hiểu: bị cấm đoán, ngược đãi và chém giết, để tự tồn, người Công giáo tất nhiên phải đi tìm một lực lượng bảo vệ mình và một chính quyền dung dưỡng nâng đỡ họ. Lực lượng đó là lực lượng Pháp, và chính quyền đó là một chính quyền Công giáo. Vô tình, giới Văn Thân đã đẩy người Công giáo vào thế phải đi với Pháp và chống Triều đình.

Đối với Pháp, thái độ của giới Văn Thân gồm hai phần: truyền thống chống xâm lăng và sự hấp thụ sâu đậm văn hoá Khổng giáo của dân tộc Việt Nam. Phản ứng chống sự xâm lăng của Pháp đối với Việt Nam không có gì làm cho ta ngạc nhiên vì dân Việt Nam có truyền thống chống xâm lăng của ngoại quốc rất lâu dài. Cho nên sự kiện giới Văn Thân chống hoà với Pháp và nhất quyết chủ trương chiến là điều đương nhiên. Nhưng do đó, Pháp có cớ để gây chiến. Phần khác, giới Văn Thân chủ chiến trong khi Việt Nam ở một thế hết sức yếu đối với lực lượng Pháp. Điểm này sẽ được xét với chi tiết ở đoạn dưới.

Trong vấn đề chống Pháp có một khía cạnh ít được nói đến là khía cạnh văn hoá. Thái độ của Triều đình, và đặc biệt, của giới Văn Thân, là hậu quả tai hại không tránh được của sự hấp thụ sâu đậm, có thể nói là mù quáng tôn sùng, văn hoá Khổng giáo mô hình Trung Hoa. Cho đến cuối thế kỷ XIX, giới Nho sĩ — trí thức — Việt Nam chỉ biết có văn minh Trung Hoa và coi văn minh đó là tuyệt mỹ tuyệt đối, không có văn minh nào có thể hơn được. Dùng ngôn ngữ ngày nay, họ cho văn minh đó là đỉnh cao của trí tuệ. Nó là khuôn mẫu cho mọi người bắt chước. Tất cả những biểu hiện khác với văn minh đó đều là man di, thấp kém, không đáng học hỏi, bắt chước. Đây là thái độ của Nho sĩ Việt Nam đối với người Tây phương, nói chung, và người Pháp, nói riêng, khi người Pháp xuất hiện và xin giao dịch với Việt Nam. Thái độ này dẫn đến sự gạt bỏ tất cả các đề nghị canh tân, hiện đại hoá kiểu Tây phương, trong khi canh tân và một hiện đại hoá sâu rộng và gấp rút lại là điều kiện căn bản để đạt phú,

cường, và đương đầu với ý đồ bành trướng của Pháp.

Quan điểm và thái độ của giới Văn Thân được trình bày rất rõ ràng trong Hịch Văn Thân ngày 19-3-1874. Hịch này kêu gọi "kẻ nho gia" ném bút cầm vũ khí để chống "Tây tặc" và "Dương di." Mà chống Pháp trước hết là chống Công giáo, "lông cánh" của quân Pháp xâm lăng. Diệt hết Công giáo thì "Tây tặc không cửa bước vào; mà Dương di không chỗ nào tới được." Khẩu hiệu được tung ra là "Sát Tả, Bình Tây." Đạo Gia Tô đột nhập Việt Nam là một đạo giáo "vô phụ vô quân như loại chó dê... bỏ phải trái nói điều mạnh yếu," về thói tục thì "cha heo mẹ chó làm dơ danh giáo"... học thuyết thì "Chúa lị-kỷ-xu khiến bẩn thỉnh văn." Hịch kêu gọi "hoặc là quan tước chốn triều đình, sống nơi thong thả; hoặc hàng trung nhân, khoa mục, chữ nghĩa đã từng; hoặc từ viên ấm tử, đã được chút giai ân; hoặc là thí sinh khoá sinh, cũng dự phần thánh trạch; cho đến phú gia vật lực, đều đem của cải giúp vua." Hịch nói: "Kẻ kia hoành hành thế ấy, Ta há lãnh đạm ngồi yên..." (1)

Ta có thể đặt câu hỏi: tại sao Vua Tự Đức không sử dụng uy quyền tối thượng của mình? Ông không thể làm như thế được, về nguyên tắc cũng như về thực tế.

Về nguyên tắc thì, như Giáo sư Tsuboi nhận xét ở trên, Triều đình — Vua, các đại thần, và các quan cao cấp —, cũng nằm trong "tập đoàn nho sĩ," nên quan điểm căn bản của họ về người Tây phương và Công giáo cũng không khác gì quan điểm của các Nho sĩ trong nước hồi đó. Thời Minh Mạng đã phân biệt rõ Nho đạo là Chính đạo và Công giáo là "Tả đạo." Dụ cấm đạo đầu tiên, năm 1825 nói: "Đạo Tây phương là tả đạo, làm mê hoặc lòng người và hủy hoại phong tục cho nên phải nghiêm cấm để khiến người ta phải theo chính đạo." Nhưng, như Ông Trần Trọng Kim nhấn mạnh: "Lúc bấy giờ không phải là một mình vua Thánh Tổ ghét đạo mà thôi, phần nhiều những quan lại cũng đều một ý cả..."(2) Sau vụ dấy loạn của Lê Văn Khôi trong những năm 1830-1833, vấn đề Công giáo lại thành một vấn đề chính trị. Người Công giáo được coi như những phần tử chống đối Triều đình, và sự cấm đạo được giới Nho sĩ ủng hộ mạnh.

Đến triều Thiệu Trị, vấn đề Công giáo lại thêm một khía cạnh an ninh quốc gia. Tuy Vua Thiệu Trị không nặng tay với Công giáo, người Tây phương vẫn bị coi là "cuồng di", và sau vụ Pháp bắn chìm tàu của Việt Nam năm 1847, việc cấm đạo lại càng gắt gao hơn nữa, vì Công giáo được đồng hoá với Tây phương.

Nhưng dưới Triều Tự đức sự cấm đạo gay gắt hơn cả, sau vụ Pháp tấn công Đà Nẵng lần thứ hai, tháng 4 năm 1959. Giữa năm 1858 và năm 1862 có đến 15 Dụ cấm đạo. Việc cấm đạo gay gắt này là cớ mà Pháp viện dẫn để áp dụng biện pháp quân sự xâm chiếm Việt Nam, và sự bất đồng trong cách đối phó với sự kiện này sẽ làm rạn nứt mối quan hệ giữa Triều đình và giới Văn Thân. Đây là điều mà chính Chúa Nguyễn Phước Ánh đã viện dẫn để giải thích cho Giám Mục Bá Đá Lộc hiểu tại sao ông ta không thể nhân nhượng được về vấn đề chấp nhận Công giáo.

Giáo sư Tạ Chí Đại Trường đã tường thuật những đối thoại rất lý thú giữa Chúa Nguyễn Phước Ánh và Giám Mục Bá Đa Lộc về vấn đề "châm chước" trong việc thờ cúng ông bà, tổ tiên. Chúa, cũng như Giám Mục, đều muốn có một sự "châm chước": về phía Công giáo, thì Giám Mục cho phép giáo đồ được lạy ông bà, tổ tiên, về phía Chúa thì cho người Công giáo vẫn được hưởng ân huệ như các viên chức khác. Vấn đề bế tắc, vì Giáo Hoàng không chấp nhận quan niệm thờ cúng ông bà tổ tiên vốn chỉ là một sự chứng tỏ lòng tri ơn của con cháu đối với cha mẹ, tổ tiên, và về phía Chúa, thì không thể bỏ đạo thờ cúng ông bà, tổ tiên vì "đó là một trong những căn bản giáo dục" Việt Nam; tục thờ ông cúng bà, tổ tiên liên quan đến trật tự xã hội, uy quyền của Chúa, và Chúa không bỏ được vì bỏ sẽ gây loạn.(3) Có thể nói là đây là một sự rủi ro cho Việt Nam vì, nếu vấn đề giải quyết theo chiều hướng của cả Chúa lẫn Giám Mục thì có thể Việt Nam sẽ tránh được tai họa của nửa thế kỷ sau đó. Tiếc thay! Đến năm 1939, Giáo Hoàng Pie XII mới bỏ lệnh cấm thờ cúng ông bà.

(Còn tiếp)

Chú thích

* Bài này đồng thời cũng được đăng trên *Đặc San Nguyễn Phước Tộc 2005.*

1) Nguyên văn Hịch này được dịch và đăng trong bài "Tôn Thất Thuyết và phong trào Văn Thân" của Nguyên Hương, Thế Kỷ 21 *số 188, tháng 12 năm 2004.*

2). Trần Trọng Kim, Việt Nam Sử Lược, *quyển II, 1971, Saigon, tr. 227. Nhà xuất bản Đại Nam in lại Glendale, CA, năm ?*

3). Tạ Chí Đại Trường, Lịch sử Nội chiến ở Việt Nam từ 1771 đến 1802, *Sài Gòn, Văn Sử Học, 1973. Xin xem Tiết 17, "Giao động ý thức hệ ở Gia Định."*

Chén Rượu Bên Mồ

XUÂN ĐỖ

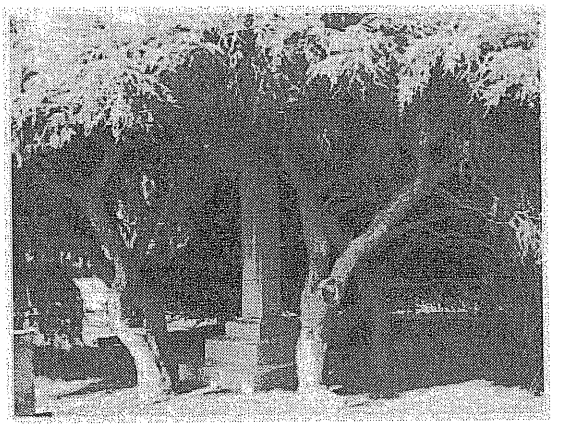

1

Phượng sắp đồ cúng lên trên nấm mồ, cố bật que diêm thắp mấy cây nến, nhưng những cơn gió mạnh thổi tắt những que diêm vừa bùng cháy. Anh làm mướn còn đứng xa xa, tránh nắng bên lùm cây, chạy đến giúp Phượng thắp được hai cây nến và những cây hương, cắm lên nền đất khô cằn. Phượng quỳ bên mồ, khấn vái:

- Anh ơi, ...

Phượng khóc nức nở, ruột đau quặn thắt. Hơn hai mươi năm, trở về quê hương tất cả đều đổi thay. Phượng có cảm tưởng như mình là người ngoại quốc trên chính quê hương mình mà Phượng nhớ từng gốc cây, ngọn cỏ, con đường. Bây giờ, quì bên nấm mộ của chồng, vừa do người tìm mướn, tìm được trong đám cây cỏ rậm rạp, trong đổ nát tan thương, trong lén lút thăm viếng.

Gió càng thổi mạnh và có tiếng sấm chớp nổ ở đâu xa xa. Anh làm mướn chạy lại, nói:

- Thưa chị, trời sắp mưa to, chị cúng nhanh và chạy về nhà, không trời mưa ướt cả.

Mấy cây nến đã tắt từ lâu, mấy cây nhang còn cháy, những sợi khói yếu ớt bay tan vào gió lộng. Những giọt mưa đã bắt đầu rơi lộp độp trên tóc, trên áo chị. Chị vội vã mở bình rượu, chúc bình, rót rượu xuống chung quanh nấm mộ. Mưa đổ xuống rào rào, Phượng chạy lại núp bên tàn cây khá lớn, mưa ít tạt đến.

Anh làm mướn tìm đâu ra tấm ni lông, vội vã mang ra đưa cho Phượng, nói:

- Chị che tạm tấm áo mưa này cho đỡ ướt, mời chị về nhà tôi nói chuyện.

Phượng đi theo anh ta, bước vào chiếc nhà tranh nho nhỏ, ngồi vào chiếc ghế gỗ. Anh người làm đứng dựa vào cây cột nhà, nói:

- Trước 75 tôi cũng từng là lính Cộng Hòa, sau 75 tôi cũng đã từng chịu đói khổ, tù đày. Nhà tôi ở gần nghĩa trang Quân Đội Biên Hòa này, nên tôi đã chứng kiến sự tàn phá của họ trên các mồ mã những người đã nằm xuống, một cách không xót thương. Các mồ mã bị đập nát, không cho thân nhân vào thăm viếng. Chỉ trong vòng vài ba năm, cỏ cây mọc lên như một khu rừng vô chủ. Bây giờ tình hình có vẻ dễ thở hơn nhiều, nên tôi đã giúp nhiều thân nhân của những nấm mộ hoang tàn trong nghĩa trang, hoặc làm sạch cỏ, sửa sang lại bia mộ và gần đây, có thể chạy chọt, chỗ này, chỗ kia, để di chuyển hài cốt về quê quán, hoặc gần gia đình, dễ dàng sự săn sóc, cúng giỗ. Cho nên nếu chị muốn cải táng cho anh, tôi có thể tìm cách chạy chọt vài nơi giúp chị.

Phượng cảm thấy sự mỏi mệt như lan tràn trong người. Chị không thể hiểu được những con người có đầu óc trả thù ngay với người đã chết một cách khủng khiếp như vậy. Chị thở dài:

- Cảm ơn anh. Thực sự về đây tôi như người trên cung trăng rớt xuống đất. May nhờ anh tìm được mộ chồng tôi, cảm ơn anh hết sức. Chắc tôi phải nhờ anh thêm trong việc bốc mộ, cải táng cho chồng tôi về gần với gia đình, cha mẹ, ông bà ở ngoài Trung, quê tôi. Xin anh giúp cho chúng tôi.

- Dạ, tôi sẽ lo hoàn tất mọi việc cho chị như tôi làm cho các gia đình ở nước ngoài về. Về phí tổn, chị cho xin hai ngàn đô la, để tôi chạy chọt các nơi cho dễ dàng trong việc làm, chỉ xin chị lo cho việc liên hệ với nhà cung cấp dịch vụ cải táng ở dưới Sài Gòn, hiện có đầy đủ. Ngay cả việc bốc mộ, tôi cũng mang về tấm mộ bia, ghi ngày sinh, ngày tử của anh như một bằng chứng, cũng như để chị đem về nơi an nghỉ mới của anh. Thưa chị nghĩ sao?

- Cảm ơn anh. Anh cho tôi bàn với vợ chồng cô em họ của tôi và trở lại gặp anh ngày mai, để

xúc tiến mọi việc vì thời gian tôi về đây cũng không rộng rãi lắm.

- Dạ xin chị quyết định gấp cho, vì nếu ngày mai chị không trở lại, tôi sẽ nhận làm mối khác cho những người đến nhờ tôi.

- Dạ, tôi sẽ lên đây gặp lại anh sáng ngày mai.

Cô em khi thấy Phượng về, mặt buồn rười rượi, hỏi dồn dập:

- Sao chị, tìm thấy mộ anh không?

Phượng gật đầu, thở dài:

- Tìm được, nhưng đau lòng quá, chị không ngờ, chị không ngờ... Trời ơi! Tất cả đều bị tàn phá, thật hết tình người. Trời ơi! Con người có thể đến mức tận cùng như vậy được sao? Người chết vẫn còn bị trả thù đến như vậy!

Phượng khóc nức nở trên vai cô em. Khá lâu, cô em nói:

- Thôi quên đi chị ạ. Bây giờ, chị tính sao?

- May chị gặp cái anh làm mướn trông hiền lành lắm, tìm được ngôi mộ của anh trong đám cây cối, gạch đá ngổn ngang, và sẵn sàng lo việc bốc hài cốt. Anh ta bảo giá mình phải trả là hai ngàn đô la. Mình lo việc xe cộ tống táng đưa về quê và phải trả lời sáng ngày mai, nếu không, anh ta làm cho đám khác. Tiền nong không thành vấn đề với chị, miễn sao công việc xong xuôi hoàn hảo, để anh có nơi an nghỉ.

Phượng lại khóc nức nở. Cô em an ủi chị:

- Thật sự em cũng không biết khuyên chị quyết định ra sao. Cái xã hội này, cái xứ sở này dạy em không còn tin tưởng vào ai, vào cái gì nữa. Thật đau lòng chị ạ. Thôi thì mình trông vào sự hiển linh của anh, gặp kẻ hiền lành, lương thiện. Ngày mai vợ chồng em ở nhà, đi với chị lo mọi việc, cũng như đi Biên Hòa gặp người làm mướn đó, để công việc cải táng anh được chu đáo.

2

Đi học về, Quế Phượng mở cặp vở, lấy lá thư Bảo gởi qua đứa bạn, đọc vội vã.

"*Quế Phượng,*

Nhận được thư anh, em đừng ngạc nhiên nhé em. Mới gặp nhau chủ nhật tuần rồi, nói với em đủ chuyện trên trời, dưới biển nhưng anh chưa dám nói một chuyện quan trọng mà anh nghĩ, em sẽ không vừa ý, anh vừa nhận được giấy gọi nhập học của trường Võ Bị Đà Lạt. Chỉ còn ba tuần lễ nữa anh sẽ bước vào một ngã rẽ mới của cuộc đời, chọn binh nghiệp, thay vì nhẩn nha trên ghế nhà trường đại học khoa học..."

Phượng nghe tim mình như đập lạc đi vài nhịp. Bảo bỏ ghế nhà trường đi lính sao? Hình ảnh cái chết của người anh họ của Phượng và vợ anh thất thểu trong áo tang, bên hai đứa con nhỏ dại còn ám ảnh Phượng chưa nguôi.

Sinh ra và lớn lên trong một gia đình mà cha mẹ là những nhà giáo, suốt đời vui thú với đám trẻ con, nên Phượng vẫn không hiểu sao, đất nước Việt Nam, dân tộc Việt Nam, lịch sử Việt Nam lại luôn luôn chìm đắm trong chiến tranh. Yêu Bảo, Phượng không nghĩ có ngày xa Bảo. Bây giờ chỉ còn mấy tuần lễ nữa Bảo ra đi, xa cách nhau biền biệt. Bao nhiêu câu hỏi lẩn quẩn mãi trong đầu Phượng. Tại sao Bảo lại chọn binh nghiệp? Bảo muốn làm anh hùng? Bảo thích chiến tranh, thích đánh nhau?

Có một lần trong giờ Việt Sử, Phượng e ấp, giữ cho không run rẩy trước bạn học, nhất là đám nam sinh, đứng lên hỏi cô giáo dạy sử:

- Thưa cô, em không hiểu được, tại sao dân tộc Việt Nam vốn rất hiền lành mà đất nước ta từ thuở xa xưa cho đến bây giờ, lúc nào cũng đã luôn luôn đánh nhau, chiến tranh triền miên?

Đám nam sinh, đứa thì vỗ tay liên hồi, đứa thì đánh thùng thình trên bàn học, nhao nhao lên nói *"Trời ơi! Con gái gì mà nhát như cáy. Con người, nhất là con trai, đàn ông mà không biết đánh nhau thì cuộc đời còn gì là hứng thú nữa, làm gì cho hết thời trai trẻ?.* Cô giáo có vẻ bực mình vì sự ồn ào, làm mất trật tự trong lớp học của đám nam học sinh, gõ thước lên bàn, xẵng giọng:

- Xin các em giữ yên lặng. Cô sẽ cho điểm số không em nào ồn ào trong lớp. Em nào có ý kiến phát biểu, giơ tay lên, cô chỉ định từng em phát biểu.

Có ba bốn tên đưa tay lên. Cô giáo chỉ một tên ngồi bàn trên, một tên học giỏi trong lớp, đứng lên, nói:

- Thưa cô, nhìn lại lịch sử dân tộc Việt Nam từ thời thượng cổ, tổ tiên ta là sắc dân Lạc Việt, sinh sống bên bờ sông Dương tử, Trung Hoa, luôn luôn bị giống dân Hán tộc, nhiều hơn, mạnh hơn chèn ép. Người Lạc Việt chống cự lại và để sinh tồn, đã phải lui mãi về phương Nam, cuối cùng định cư bện cạnh sông Hồng, lập lên nước Việt Nam ngày nay. Người Hán tộc vẫn không để cho nước ta yên ổn, họ vẫn luôn luôn nuôi mộng xâm chiếm và sát nhập làm một tỉnh, quận của nước Tàu, đã đô hộ Việt Nam trong ba thời kỳ, gần một ngàn năm. Tuy chịu sự đô hộ trong một thời gian lâu dài như vậy, dân tộc Việt Nam vẫn giữ gìn bản sắc bất khuất của dân tộc, vẫn đứng lên đánh

đuổi quân xâm lăng ra khỏi bờ cõi, dành lại nền độc lập, tự chủ cho đất nước. Cho nên chúng ta, hậu duệ của một giòng giống oai hùng, phải lấy chiến tranh như một phương cách giữ nước. Chiến tranh để tự vệ, tự tồn.

Vẫn còn nhiều cánh tay đưa lên. Một tên ở bàn dưới, không chờ được cô giáo chỉ, nói oang oang:

- Xin lỗi, vì tự vệ mà có chiến tranh, chỉ đúng một phần thôi. Nhiều khi đất nước đã độc lập, đã lớn mạnh, chiến tranh vẫn có như thường, để xâm chiếm nước láng giềng yếu hơn, như trường hợp ta chiếm đất Chiêm Thành và suýt chiếm luôn Cao Miên, nếu lịch sử không xoay vần. Hoặc nhiều khi các triều đại tranh nhau quyền hành, tranh nhau ngôi vua như dưới triều Lê, triều Mạc, triều Tây Sơn, triều Nguyễn. Tóm lại nước ta, dân Việt Nam là giống dân oai hùng, thiện chiến, hiếu chiến, lâu lâu không đánh nhau, cảm thấy tay chân ngứa ngáy.

Đám nam sinh các dãy cuối lớp lại vỗ tay ầm ĩ, vỗ bàn thùng thình, cười vang dội qua đến các lớp bên cạnh. Cô giáo la hét một hồi mới yên. Một tên khác, đứng lên nói:

- Thực sự ra, trong lịch sử nước ta và lịch sử thế giới, chiến tranh không phải chỉ do phái nam chủ trương, mà có những vị nữ anh hùng, cũng đánh đấm dữ dội, làm kẻ địch, kẻ xâm lăng hồn bay, khiếp vía như Hai Bà Trưng, Bà Triệu hoặc những nữ hoàng của các xứ Pháp, Đức, Nga, Anh, Ai Cập, Ba Tư. Lịch sử nhân loại là lịch sử của các cuộc chiến tranh. Nói chung, con người luôn luôn thích làm khổ người khác, thích bạo lực, thích chiến tranh. Con người chính là nạn nhân của con người. Thế thôi.

Tiếng chuông hết giờ học reo vang. Cả lớp nhốn nháo chạy ra khỏi lớp. Quế Phượng và đám bạn gái còn ngẩn ngơ, vẫn không hiểu được con người, tại sao trong khi đi tìm kiếm hạnh phúc, lại phải đánh nhau triền miên?

Suốt tuần lễ không gặp Bảo, Phượng thấy thì giờ dài ra lê thê, chán nản cùng cực. Cuối tuần gặp Bảo, Phượng cắn môi cho nước mắt khỏi tuôn trào. Bảo cầm tay Phượng nói như năn nỉ:

- Phượng, em hiểu cho anh. Làm trai trong thời loạn ly, anh không thể ngồi trên ghế nhà trường mãi được. Em biết anh không chấp nhận chế độ độc tài. Anh muốn làm một con người tự do.

Phượng bặm môi, nói lên điều bực tức:

- Chứ khơng phải anh muốn làm người hùng à?

Bảo bật cười, nói khỏa lấp:

- Em quên rằng, *Nước thanh bình ba trăm năm cũ. Áo nhung trao quan vũ từ đây.* .Bà Đoàn Thị Điểm trong Chinh Phụ Ngâm Khúc đã viết như vậy. Thôi em vui lên, để anh mang theo một hình ảnh đẹp của người yêu khuyến khích anh làm tròn bổn phận người trai trước đất nước đang bị lâm nguy.

3

Làm vợ của một người lính chiến, xông pha ngoài mặt trận, trước hòn tên, mũi đạn, Phượng luôn luôn sống trong phập phồng lo sợ. Lo sợ trong những đêm dài cô quạnh, ra vào một mình. Lo sợ khi nghe tin chiến sự bùng nổ nơi anh đang đưa quân đến truy lùng địch. Lo sợ khi có chiếc xe jeep nhà binh sịch đổ trước cổng nhà. Người lái xe bước xuống, không phải anh, không phải người đưa tin dữ, Phượng thở ra nhẹ nhõm. Những lần anh bị thương, Phượng ra vào bệnh viện Cộng Hòa, bệnh viện Duy Tân Đà Nẵng, Phượng đã chứng kiến biết bao cảnh thương tâm, những bà vợ thất thểu, tay bồng con nhỏ dại, tay dắt đứa bé khác, khóc sướt mướt, chạy qua, chạy lại, dáo dác tìm chồng. Trong mười năm xông pha trận mạc, anh cũng đã bị thương đến bốn lần. Ba lần tương đối nhẹ, bạn bè anh cười đùa, như gai cào sướt da. Anh thuộc loại mình đồng, da sắt, súng đạn không làm thủng da thịt anh. Phượng nghe những lời đùa cợt đó mà rùng mình. Lần bị thương thứ tư, không còn nhẹ như gai cào sướt da nữa mà sau ba lần giải phẫu cấp tốc, anh sống sót như một phép lạ.

Ngày anh xuất viện trên cây nạng gỗ, làn da rám nắng, sương gió chiến trường, đổi qua màu xanh xao. Bạn bè đến thăm, mừng anh còn sống, vẫn cười đùa trong chén rượu ngất ngưởng. Ông đại tá Lữ Đoàn Trưởng ôm anh trong vòng tay rắn chắc, tiếng nói oang oang:

- Bảo, mừng chú em sống sót. Chú em đúng là một thiên thần. Uống cạn với ta chén rượu tái ngộ hi hữu này.

Bảo đứng lên cụng ly với Đại Bàng, người anh cả trong Lữ Đoàn:

- Chính chai rượu Đại bàng cho thả xuống trên nóc hầm của tôi, báo cho tôi biết, giờ phút sống hay chết trên chiến địa sắp đến. Tôi phải đưa "con cái" vào dứt điểm, rồi bỏ chạy vì biển lửa sắp đổ xuống trên đầu. Ba chục mạng của tiểu đoàn còn lại sau mấy ngày quần thảo với địch, chia nhau mỗi tên một ngụm rượu tử biệt, rồi xông vào lửa đạn. Tôi cũng không hiểu sao,

tôi và hai tên nữa chạy về đến cuối chân đồi, mỗi tên lãnh trên sáu, bảy viên đạn trong người, rồi ngã quị. Trước khi hôn mê, nhìn trở lên đồi, bom lửa đã biến ngọn núi thành lò lửa đốt cháy địa ngục trần gian.

Ông Đại tá đứng lên, cầm ly rượu, cụng ly với bạn bè, nói:

- Xin bạn bè cạn ly rượu tiễn đưa các bạn bè chúng ta đã nằm xuống và mừng Bảo còn ở lại với chúng ta.

Bảo cụng ly với ông đại tá và bạn bè, nói:

- Xin cám ơn đại bàng. Đây là những chén rượu sống chết của tình đồng đội huynh đệ. Sau này nếu tôi không còn may mắn sống sót trong cuộc chiến tranh ác liệt này, xin bạn bè đến bên mộ tôi nâng chén rượu tiễn biệt, Xin cho tôi một chén, đổ bên mộ tôi, để tôi cùng vui trong lúc chia tay.

Đại bàng lại nói oang oang:

- Sau cú chết hụt này, chú em có còn sức lực để ra trận chiến nữa không? Xin chờ thời gian sẽ trả lời sau. Thôi chúng ta cùng cạn chén mừng Bảo, vui ngày nào hay ngày ấy. "Cổ lai chinh chiến kỹ nhân hồi." Khi nào tàn cuộc chiến rồi mới biết, ai còn, ai mất.

Phượng ngầm vui trong yên lặng, hy vọng anh sau cơn chết hụt, anh sẽ nằm lại hậu cứ hay hơn nữa được giải ngũ về lại cuộc sống dân sự. Chỉ bốn, năm tháng sau, khi sức khỏe của Bảo bình phục nhanh chóng hơn mọi người dự tưởng, anh như con hổ bị giam trong chiếc lồng thương yêu của vợ. Bảo đi ra, đi vào trong buồn bực, thấp thỏm theo từng tin chiến sự trên các mặt trận, nhất là khi binh chủng của anh đụng trận.

Ngày ra Hội Đồng Y Khoa tái khám, Phượng thầm van vái cho anh được rời khỏi quân ngũ, trở về trong vòng tay yên bình của vợ. Trái lại, khi một bác sĩ hỏi anh như có vẻ khiêu khích lòng tự ái người chiến binh xem cái chết nhẹ như trò đùa:

- Trên phương diện chuyên môn của một y sĩ, tôi thấy sức khỏe của thiếu tá tốt lắm. Tuy nhiên nếu thiếu tá cảm thấy tinh thần mỏi mệt sau bốn lần thương tích ngoài chiến trường, Hội Đồng Y Khoa có thể chứng nhận cho thiếu tá được về hậu cứ, để chờ giải ngũ. Thiếu tá nghĩ thế nào?

Anh cương quyết:

- Cám ơn các bác sĩ và Hội Đồng Y Khoa. Tôi không thể bỏ đồng đội trong lúc chiến tranh đến hồi quyết liệt, khi tôi còn khỏe mạnh và còn có thể cầm cây súng bảo vệ nền tự do này. Nếu tôi chưa tàn phế, cho tôi trở lại chiến trường.

Anh đến trường đón vợ sau giờ tan trường, học sinh ra về. Anh ôm vai vợ. Phượng ngập ngừng hỏi:

- Sao anh? Hội đồng Y khoa quyết định thế nào?

- Anh xin lỗi em. Sức khỏe anh tốt, anh vui lòng trở lại chiến trường với đồng đội.

Phượng thấy như có luồng gió lạnh thổi vào sống lưng chị. Chị không dám thở dài, nhưng anh hiểu qua sự yên lặng của vợ. Anh nói như phân trần:

- Anh xin lỗi em, nhưng anh mong rằng em yêu anh và hiểu anh. Em biết anh không thể nào bỏ anh em đồng đội trong lúc này.

4

Anh làm mướn nói:

- Thưa chị, mọi việc đã hoàn tất.

Anh làm mướn ngập ngừng một chốc, rồi nói tiếp:

- Khi bốc mộ, mọi việc bình thường, nhưng... nhưng... có một việc nho nhỏ tôi thấy lạ, tôi xin nói để chị rõ.

Phượng yên lặng chờ anh ta nói. Anh làm mướn kể:

- Tôi có thấy, thấy... một chai rượu còn y

LÊ ĐÌNH NHẤT LANG

Trời Đêm Sau Cơn Mưa

Tôi ngẩng đầu lên:
Sông Ngân lấp lánh.
Tôi cúi đầu xuống:
Trên dải đất bi ai này,

Trên những vũng bông đùa cạn cợt,
Trên những hố sâu
Thành tích trò đời mìn bẫy,

Những tấm gương trong
Lóng lánh sao.

nguyên nằm bên các đốt xương bàn tay mặt. Mức rượu trong chai vơi đi khoảng một phần ba chai, mặc dù nắp chai còn đóng kín. Có lẽ khi khâm liệm anh, gia đình lúc đó, để chai rượu bên anh.

Phượng ngạc nhiên đến há hốc miệng. Như có tiếng sấm nổ dữ dội bên tai. Tai chị như nghe tiếng u u của các con ve sầu trong mùa hè...

Tháng tám năm 1972, Phượng đang nghỉ hè. Chỉ còn vài tuần nữa đến ngày khai giảng niên khóa mới. Phượng muốn trở lại bảng đen, lớp học, bận rộn trong dạy học, để quên đi bớt nỗi lo lắng về anh. Chiến trường lại nổ lên sôi động khắp các nơi. Tiểu đoàn anh vừa về hậu cứ nghỉ ngơi và bổ sung quân số chưa được mấy tuần lễ, lại được bốc bằng trực thăng đi ngay vào chiến trận mới.

Sau ngày khai giảng niên khóa mới, Phượng vui trong việc giảng dạy học sinh. Chị giao bài đã soạn sẵn cho trưởng lớp, chép lên bảng. Chị thẫn thờ đi lại cửa sổ lớp học nhìn ra sân trường. Các cây phượng vẫn còn hoa đỏ thắm, lưa thưa trên nền lá xanh. Chị thở dài, nỗi cô đơn như lúc nào cũng vây quanh chị.

Có tiếng mở cửa, ông giám thị bước vào lớp, đi lại phía Phượng đứng bên cửa sổ. Ông ngập ngừng:

- Thưa cô giáo, có mấy sĩ quan hậu cứ đến xin gặp cô, có tin quan trọng.

Phượng như muốn té quị xuống đất, tấm màng đen như buông xuống trước mặt chị. Đi lên văn phòng nhà trường như một tử tội đi vào pháp trường. Viên trung úy sĩ quan hậu cứ đứng lên chào chị theo lối nhà binh, nói:

- Chúng tôi vừa nhận được công điện từ bộ tư lệnh, báo thiếu tá Bảo tử thương, sau hai ngày đụng độ với địch. Ngày mai thi hài của thiếu tá sẽ được đưa về hậu cứ. Chúng tôi xin chia buồn với bà về sự mất mát lớn lao này.

Phượng ngồi xuống chiếc ghế bên cạnh như cái xác không hồn. Nỗi lo sợ tích đọng bao lâu nay như lan tràn khắp châu thân Phượng làm chị như tê điếng, không còn cảm giác nữa.

Những ngày kế tiếp, các sĩ quan trong lữ đoàn và chính ông lữ đoàn trưởng đích thân lo lắng việc tẩm liệm và cử hành đám tang cho anh.

Bây giờ hơn hai mươi năm sau, nghe anh người làm mướn nói đến chai rượu nằm bên anh trong huyệt mộ, Phượng mới biết. Phượng nghĩ, chắc ông đại tá và những bạn bè đồng đội, chiến hữu của anh, đã gởi theo anh chai rượu để bầu bạn với anh, nhớ một thời sống chết bên nhau.

Anh làm mướn hỏi:

- Thưa chị, xin chị cho biết, bây giờ tôi vẫn để chai rượu bên cạnh anh như cũ?

Phượng gật đầu:

- Vâng, xin anh vẫn để chai rượu nguyên vị trí cũ. Cám ơn anh.

Những người bạn anh bây giờ ở đâu, Phượng không biết rõ, nhưng ông đại tá đàn anh đã tự kết liễu đời mình trong những ngày cuối cuộc chiến. Không biết thân xác ông có được một nấm mộ để vợ con thăm viếng hay không? Chắc chắn trong những ngày định mệnh tháng tư năm 75 đó, không còn bạn bè nào tẩm liệm theo xác thân ông một chai rượu như ông đã dành cho Bảo.

Tất cả như gió bụi đã trở về hư không.

*

Lễ cải táng diễn ra trong thầm lặng với sự tham dự của anh chị em trong gia đình. Mộ anh nằm bên cạnh mộ ông bà, cha mẹ, như đứa cháu, đứa con lưu lạc lâu ngày trở về sum họp trong đại gia đình.

Khu nghĩa địa nằm trên mảnh đất thoai thoải trên sườn đồi, cỏ cây xanh mơn mởn trong mùa xuân ấm áp. Bên dưới con sông nhỏ không tên, dòng nước trong veo lững lờ chảy. Tiếng chim hót líu lo hòa với tiếng gió rì rào trên những cành cây chung quanh. Vài ba con chim sẻ nhảy nhót trên các tấm mộ bia.

Phượng sắp các đĩa hoa quả, bánh trái bên mộ, thắp hương đèn, khấn vái:

- Anh ơi! Hơn hai mươi năm xa cách, lúc nào em cũng mong có ngày về nhìn lại nấm mộ anh. Nay mong ước đó em đã mãn nguyện. Anh về nằm cạnh ông bà, cha mẹ, nơi anh sinh ra đời, lớn lên và vui chơi trong một thời thơ ấu. Một ngày nào đó khi em nằm xuống, em cũng mong được về nằm cạnh anh, trong một khung cảnh an bình, thanh thản nơi quê hương.

Những cây hương đã cháy gần tàn. Hai cây đèn cầy cháy nghiêng một bên, do những làn gió thổi đến. Phượng cầm chai rượu rót vào các chén nho nhỏ, đi một vòng mời các anh chị em tham dự buổi lễ, cùng chia chén rượu với anh, với Phượng. Phượng rót thêm hai chén, nói thầm thì, chén này cho anh, chén này, em lần đầu tiên trong đời uống rượu với anh. Phượng đổ rượu mời anh chung quanh mộ. Chất cay của rượu, chất nồng của men làm Phượng ngất ngây. Hình như một vài con chim bay từ trên cành cây, sà xuống mộ bia, cất tiếng hót líu lo trong khoảng không gian yên tĩnh.

(Cuối đông Giáp Thân 2005)

NHỮNG NGỘ NHẬN VỀ HỌC THUYẾT MARX

NGUYỄN HOÀI VÂN

Người ta đã nhân danh Marx sát hại trên dưới 100 triệu người. Thừa đủ để học thuyết Marx bị đưa vào thùng rác của lịch sử. Nhưng, hãy nghĩ lại: người ta đã nhân danh Thiên Chúa để giết hại không dưới 80 triệu thổ dân Mỹ Châu, chưa kể bao người vô tội tại các lục địa khác. Có cần đưa Thiên Chúa và Ky Tô Giáo vào thùng rác của lịch sử hay không?

Học thuyết Marx đã được tôn sùng thái quá bởi những guồng máy tuyên truyền tại các quốc gia toàn trị, và bởi đội ngũ trí thức ngự trị trên trường tư tưởng tại các nước tự do. Người ta còn nhớ câu nói của Sartre: «những kẻ chống Cộng là đồ chó!» Ngày nay, đội ngũ trí thức quay lưng lại Marx, mặc dù chưa nhất quyết phải chạy theo cái gì. Trong sự trống vắng đó, dân chủ nghị trường cùng với kinh tế tự do mặc nhiên trở thành «điểm đến của Lịch Sử.» Như thể tất cả sẽ dừng lại ở đó: ở một hình thái dân chủ, và ở thị trường tự do. Điều quan trọng phải tự hỏi là: những vấn đề trọng đại của nhân loại có hy vọng được giải quyết bởi các phương thuốc này hay không? Vấn đề môi sinh ô nhiễm, vấn đề chênh lệch giàu nghèo, vấn đề tài nguyên khánh kiệt... Địa cầu chỉ còn khoảng hơn 40 năm dự trữ dầu hoả, 70 năm khí đốt, 55 năm Uranium. Thêm vào đó, số lượng xe hơi và mức tiêu thụ năng lượng sẽ nhân đôi trong hai thập niên tới (1). Giả sử người ta thành công trong việc nâng cao mức sống của đại đa số dân trên thế giới hiện đang nghèo đói, đến mức ngang hàng với người dân Hoa Kỳ, thì tài nguyên của trái đất sẽ khánh kiệt trong vòng 10 năm, chưa kể đến vấn đề ô nhiễm. Thử tưởng tượng mọi người Trung Hoa đều có xe hơi, khói xe của họ sẽ làm ngộp thở toàn địa cầu! Dân chủ đại nghị, kinh tế duy lợi, có ngăn cản được người Trung Hoa mua xe hơi hay không? Có bắt nổi người Hoa Kỳ, vô địch trong lãnh vực lãng phí tài nguyên và gây ô nhiễm, phải bớt tiêu thụ, bớt hao phí tài nguyên, bớt gây ô nhiễm, hay không? Có bắt nổi người dân các nước giàu mạnh, phải giảm mức sống của mình để chia sẻ với nhân dân các nước nghèo đói hay không?

Marx cũng đã từng đứng trước một «điểm đến của Lịch Sử» ở thời ông. Xã hội thời Marx mang dấu ấn của cuộc cách mạng Pháp 1789. Với cuộc cách mạng ấy, người tư sản đã đoạt quyền kiểm soát xã hội, đã xây dựng một xã hội tư sản, rồi ngừng lại ở đó. Xã hội tư sản không có mục tiêu nào khác hơn là sự trường tồn của nó. Triết học của giai đoạn đó, triết học Hegel, đồng hóa Thiên Chúa với toàn thể sự Hiện Hữu. Sự vật là Thiên Chúa trong không gian, và Lịch Sử là Thiên Chúa trong thời gian. Người ta có thể phối trí và xây dựng sự vật một cách thuần lý, để đạt đến một Lý Tưởng, đến Thiên Chúa, và con đường đưa đến trạng thái Lý Tưởng ấy, là Lịch Sử. Ở cuối cuộc hành trình của Ý Niệm, là điểm đến của Lịch Sử. Ở đó, Lịch Sử sẽ vĩnh viễn ngừng lại. Theo Hegel, xã hội tư sản vào thế kỷ 19 chính là cái kết cuộc này của Lịch Sử. Marx đã trưởng thành trong bối cảnh tư tưởng ấy. Ông đã từng quan sát «điểm đến của Lịch Sử» thời ông, như chúng ta đang nhìn «điểm đến của Lịch Sử» ở thời chúng ta. Tất cả tư tưởng của ông không ngoài mục đích làm xoay chuyển trở lại cái bánh xe Lịch Sử đã bị coi như dừng lại ấy. Vì thế, tìm hiểu Marx, một cách chân thành, ngoài mọi thiên kiến, có thể là một nhu cầu tự nhiên ở vào thời đại của chúng ta.

Mặt khác, cũng có thể nói tìm hiểu Marx, ở thời chúng ta, bắt đầu bằng việc nhìn ra những ngộ nhận về Marx. Các guồng máy tuyên truyền, Cộng Sản cũng như chống Cộng, đã đưa vào đầu óc chúng ta quá nhiều xác quyết về Marx. Những xác quyết sai lầm. Xin nêu lên ở đây vài ngộ nhận nền tảng, để cùng bạn đọc suy xét.

MARX VÀ THUYẾT ĐỊNH MỆNH (Déterminisme)

Quan điểm của Marx cho rằng ý thức của con người bị điều kiện hóa bởi môi trường sống, thường bị hiểu như «định mệnh chủ nghĩa.» Ngộ nhận này đưa đến những tuyên bố dao to búa lớn vạch ra cái gọi là «đường đi tất yếu của Lịch Sử,» trong đó con người chỉ hiện diện như một bộ phận trong guồng máy. Theo lý thuyết này, ý thức của con người bị điều kiện hóa bởi cuộc sống, mà cuộc sống chuyển hóa trong thời gian, lại chính là Lịch Sử, nên, trong dòng Lịch Sử, con người bị nắm cổ lôi đi, mất hẳn tính cách tác nhân, chủ động. Thuyết định mệnh chính là quan niệm tương lai chẳng là gì khác hơn là hiện tại được nối dài, được «suy diễn» từ những quy luật, từ sự vận hành một cách máy móc, của những «dữ kiện,» bao gồm không những các dữ kiện vật chất, mà cả ý thức, suy tư và hành động của con người. Với quan điểm này, cách mạng không còn chỗ đứng. Cách mạng đòi hỏi đoạn tuyệt với một hiện trạng, không thể là sự nối dài của hiện trạng cho dù với bất cứ «quy luật tất yếu» nào.

Khi Marx trình luận án tiến sĩ, vào năm 1841, lúc ông vừa 23 tuổi, với đề tài «Khác biệt giữa triết học thiên nhiên của Démocrite và của Epicure,» Marx đã đứng về phía Epicure, chống lại quan điểm «định mệnh» của Démocrite. Thêm vào đó, ông vạch ra tương quan biện chứng giữa tự do sáng tạo và sự quy định của những điều kiện thực tế. Nhiều năm sau, người ta đọc ông trong *Tư Bản Luận*: «Lịch Sử loài người khác với Lịch Sử thiên nhiên ở chỗ con người làm nên Lịch Sử của mình, chứ không phải thiên nhiên.» Đó là khía cạnh "Tự Do" trong sáng tạo. Nhưng ông cũng nói trong "Le 18 Brumaire de Louis Bonaparte": "Con người làm nên lịch sử của mình, nhưng con người không thể làm lịch sử một cách độc đoán, theo những điều kiện mà mình chọn lựa, mà ngược lại, phải chiều theo những điều kiện trực tiếp kế thừa từ quá khứ." Đó là khía cạnh «bị quy định» bởi thực tại. Chỉ nói đến khía cạnh «quy định» trong học thuyết Marx là phản bội Marx. Tinh hoa của tư tưởng của Marx là tổng hợp và vạch ra tương quan giữa hai yếu tố «tự do» và « quy định,» trong tiến trình «sáng tạo Lịch Sử» của con người. Marx cho rằng sự khác biệt giữa nhà kiến trúc sư kém cỏi nhất và con ong tài ba nhất, là người kiến trúc sư xây dựng công trình của mình trong trí óc, trước khi thực hiện nó trong thực tế. Kết quả việc làm của nhà kiến trúc đã hiện hữu trong trí tưởng tượng của ông trước khi ông bắt tay vào việc (2). Hành động của con người thể hiện mục tiêu mà người ấy đã định trước trong ý thức của mình. Lịch Sử con người phát sinh từ ý thức ấy, ý thức dự phóng, ý thức mục đích. Tia sáng của cái «trí tuệ biết dự phóng» nơi con người chiếu rọi vào thời gian trước mặt, để cho thấy, không phải là một tương lai khả hữu duy nhất, mà nhiều tương lai khả hữu. Con người có khả năng chọn lựa giữa những tương lai khả hữu ấy. Không thấy đâu là «con đường tất yếu của Lịch Sử» cả! Xã Hội Chủ Nghĩa hoàn toàn không có tính tất yếu! Xã Hội Chủ Nghĩa chỉ là một tương lai khả hữu. Tư Bản Chủ Nghĩa, sau khi đã cho hết những ưu điểm của nó, có thể đưa đến Xã Hội Chủ Nghĩa hay một cái gì khác.

Lồng trong thuyết định mệnh, quan điểm «kinh tế quy định tất cả,» cũng thường được gán cho Marx. Engels nói: «Chính Marx và tôi, phần nào phải lãnh trách nhiệm trong việc một số người trẻ nhiều khi gán cho khía cạnh kinh tế một tầm quan trọng quá đáng. Trước sự phủ nhận vai trò của kinh tế nơi những đối thủ của chúng tôi, chúng tôi đã phải nhấn mạnh đến khía cạnh ấy, và không phải lúc nào chúng tôi cũng tìm ra được thời giờ, nơi chốn, và dịp thuận tiện để nêu lên chỗ đứng của những yếu tố khác (ngoài kinh tế), cùng tham gia vào tác động hỗ tương.» (3)

Vấn đề «thượng tầng cấu trúc» cũng là một ngộ nhận thông thường đối với học thuyết Marx. Trong «Idéologie Allemande,» Marx cho rằng: « ... vì thế, luân lý, tôn giáo, siêu hình học (...) và những hình thái ý thức liên hệ, mất đi bề ngoài độc lập, tự hữu.» Người ta hiểu rằng chúng hoàn toàn bị quy định, như «đời sống quy định ý thức, không phải ý thức quy định đời sống.» (4) Tuy nhiên Marx cũng nói: «Điều khó hiểu, không phải là nhận biết rằng nghệ thuật (Cổ) Hy Lạp (...) gắn liền với những hình thái phát triển của xã hội thời ấy. Khó khăn nằm ở chỗ nghệ thuật Hy Lạp vẫn đem lại cho chúng ta, ngày nay, những cảm hứng mỹ thuật và vẫn còn (...) giá trị tiêu chuẩn, mô thức, không gì sánh được» (Contribution à la critique de l'économie politique). Nghệ thuật cũng thuộc ị thượng tầng cấu trúc, và ở đây đã được Marx khẳng định tính độc lập, trái với những gì người ta thường hiểu. Engels cũng đã điều chỉnh câu nói của Marx, rằng: «(thượng tầng cấu trúc) mất bề ngoài độc lập» (4), khi ông khẳng định tính «độc lập tương đối» của thượng tầng cấu trúc (3).

MARX VÀ CHỦ NGHĨA GIÁO ĐIỀU (DOGMATISME)

Không gì xa lìa học thuyết Marx hơn là chủ nghĩa giáo điều. Từ thiếu thời, Marx đã phá bỏ hai hình thái giáo điều chủ nghĩa, đó là: giáo điều chủ nghĩa duy tâm của Hegel, và giáo điều chủ nghĩa duy vật của Feuerbach. Feuerbach đảo ngược triết lý giáo điều duy tâm của Hegel, cho rằng trong triết học Hegel, con người đã phóng cái Lý Tưởng trong tâm thức mình ra bên ngoài mình, để làm nên Thiên Chúa, rồi tôn thờ, chạy theo cái lý tưởng gọi là Thiên Chúa ấy. Đó là một hiện tượng «vong thân.» Ông cho rằng thay vì đi tìm Thiên Chúa, phải tìm lại con người, để chữa lành căn bệnh vong thân kia. Ông đảo ngược triết lý của Hegel, nhưng vẫn giữ cái khung giáo điều của triết lý ấy, thay thế Thần Học bằng một «thần học» khác, một «thần học» duy vật. «Con người» mà Feuerbach muốn tìm lại, là một con người trừu tượng, không thật, lơ lửng trên cái không trung của một hệ thống triết học. Marx đem con người ấy vào xã hội, và gắn nó vào hiện thực bằng hành động. Vì con người hành động, nên con người tham dự vào cuộc sống, và với xã hội tính, con người có khả năng hành động tập thể. Con người hiện hữu bằng hành động, tác động trên hiện thực, nhưng cũng bị quy định bởi hiện thực. Gắn liền với hiện thực, bởi tương quan biện chứng, là chối bỏ «giáo điều chủ nghĩa.»

Thật vậy, khi đề ra một lý thuyết, Marx luôn xác định phạm vi áp dụng của lý thuyết ấy, tức cái «hiện thực» trong đó lý thuyết này đúng, và những biến đổi cho ra cái «hiện thực» khác sẽ phủ định nó. Thí dụ khi nói về «quy luật giá trị» (loi de la valeur), cho rằng lao động là yếu tố duy nhất tạo ra giá trị của hàng hóa, Marx giả định một môi trường trong đó cung và cầu đều vô hạn, và yếu tố máy móc chỉ truyền lại chứ không can thiệp vào việc tạo ra giá trị. Trong bối cảnh máy móc chạy bằng hơi nước ở thời ông, Marx đã ý thức rằng quy luật giá trị sẽ trở thành sai, khi khoa học tiến bộ hơn và can thiệp trực tiếp vào khả năng sản xuất. Ông viết: «Cùng lúc với sự phát

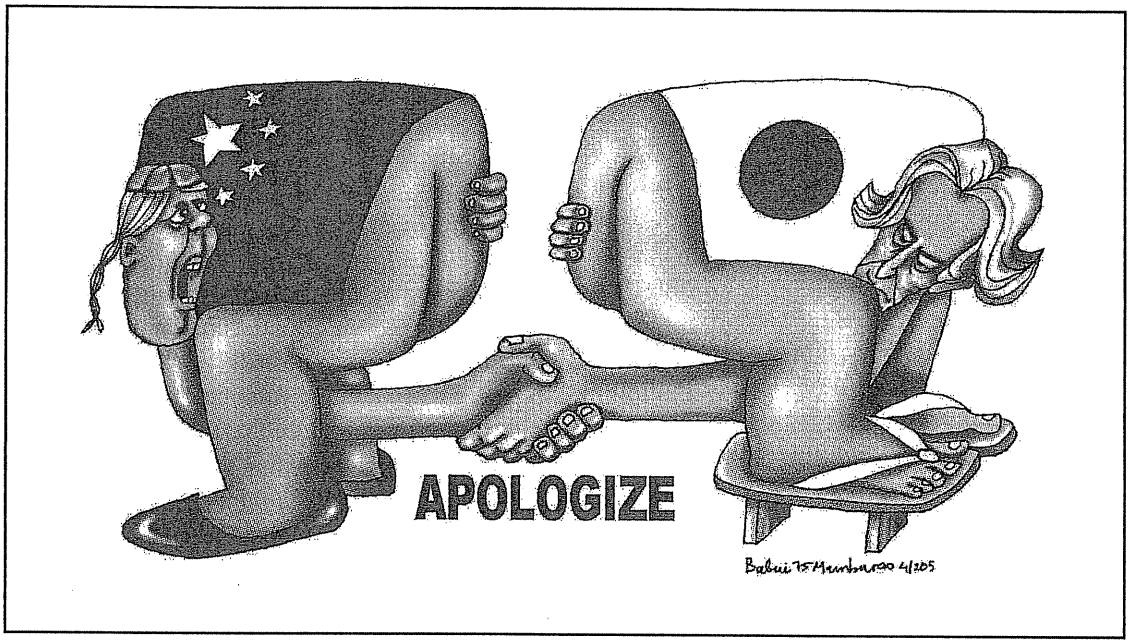

triển của đại kỹ nghệ, việc làm ra của cải càng ngày càng bớt lệ thuộc vào số lượng thời gian làm việc, và càng ngày càng lệ thuộc nhiều hơn vào hiệu năng của yếu tố cơ khí (...). Sản xuất sẽ lệ thuộc vào trình độ tiến triển của khoa học và kỹ thuật (...). Khi mà lao động, dưới dạng trực tiếp, không còn là nguồn gốc chính của phú hữu, thì thời gian làm việc cũng không còn là thước đo của sự phú hữu ấy...» (Fondements de la critique de l'économie politique, t. II). Ở một đoạn sau, Marx thêm vào yếu tố «tổ chức sản xuất» khi viết: «mặc dù không thể thiếu được, (lao động trực tiếp) bị thâu hẹp vào một vai trò khiêm nhượng đối với tác động của khoa học (...) và năng lực sản xuất đến từ mô hình tổ chức xã hội của toàn thể lực lượng sản xuất.» Quy luật giá trị trở thành sai, dự đoán «lợi nhuận (của tư bản) luôn có khuynh hướng giảm sút» cũng sai. Tư

Bản sẽ không nhất thiết kẹt vào mâu thuẫn «càng tăng sản xuất càng kém lợi nhuận, và càng kém lợi nhuận càng tăng sản xuất.» Thêm vào đó, Tư Bản còn có thể tạo ra những thị trường mới tùy khả năng sản xuất của mình, hay có thể nhận được từ chính quyền những giúp đỡ, trực tiếp hay gián tiếp, v.v... Những tuyên bố cường điệu kiểu như «Tư Bản Chủ Nghĩa đang dãy chết» trở thành vô nghĩa.

Sang một vấn đề khác. Người ta thường nói đến năm giai đoạn Lịch Sử được Marx nêu ra: cộng sản nguyên thủy, nô lệ, phong kiến, tư bản, và cộng sản văn minh. Trong thư trả lời Michailovski năm 1877, Marx chống lại những người đã «biến hóa sơ đồ mà tôi (Marx) đã vẽ lên để mô tả sự hình thành của Tư Bản Chủ Nghĩa tại Tây Âu, và biến sơ đồ ấy thành một lý thuyết lịch sử và triết học có tính phổ quát, áp dụng một cách tất yếu cho toàn thể mọi dân tộc, bất chấp những điều kiện lịch sử của các dân tộc ấy...» Trong Lời Cuối của *Tư Bản Luận* ấn bản thứ hai, năm 1873, Marx trích dẫn một tạp chí Nga (Le Messager Européen), như sau: «... người ta nói rằng các quy luật của đời sống kinh tế luôn nhất quán, luôn bất biến: chúng áp dụng cho hiện tại cũng như cho quá khứ. Đây chính là điểm mà Marx chống lại: theo ông, các quy luật trừu tượng không có thật... Ngược lại, mỗi giai đoạn lịch sử có những quy luật riêng của giai đoạn ấy.»

LÝ THUYẾT NHÀ NƯỚC CỦA MARX

Trong «Critique de la Philosophie de l'Etat de Hegel» (1843) Marx đã vạch ra thực chất của cái Nhà Nước Đức Phổ mà Hegel coi như cao điểm của Lý Trí. Hegel cho rằng Nhà Nước là nguồn gốc của xã hội công dân (hay dân sự), do ở tính tiêu chuẩn, nền tảng, tượng trưng cho Lý Trí, của nó. Marx, ngược lại, khẳng định xã hội công dân cho ra Nhà Nước. Xã hội công dân (hay dân sự), là sự tập hợp của những quyền lợi kinh tế và xã hội. Nó cho ra Nhà Nước. Vậy Nhà Nước đến từ những quyền lợi kinh tế xã hội. Nhà Nước không đại diện cho một Lý Tưởng trừu tượng, mà đại diện cho quyền lợi kinh tế xã hội của thành phần ưu thắng. Theo phương pháp luận của Feuerbach, thì việc người dân cho ra xã hội công dân, cho ra Nhà Nước, đặt nó lên đầu mình, rồi phục vụ nó, bị nó cai trị, chỉ huy, là một hiện tượng vong thân (một lý luận tương tự như với khái niệm Thiên Chúa). Giải pháp được Marx đề ra là một nền dân chủ thực thụ (tức "tìm lại người dân", như "tìm lại con người" nói ở trên), phá bỏ tư tưởng mù quáng cho rằng Nhà Nước là hiện thân của một Lý Tưởng, là "đỉnh cao của Trí Tuệ"...

Một Nhà Nước toàn trị, tập trung, càng ngày càng can thiệp vào mọi lãnh vực của đời sống, là một quan điểm hoàn toàn trái ngược với học thuyết Marx. Mặc dù vậy, người ta vẫn thường hay đồng hóa mô hình Nhà Nước cồng kềnh, chỉ huy kinh tế, với Cộng Sản, với học thuyết Marx. Trong "Chỉ trích các chương trình Gotha và Erfurt," Marx và Engels (đồng tác giả), viết rằng: "Với sự hình thành của xã hội Xã Hội Chủ Nghĩa, Nhà Nước sẽ tự nó tan rã và biến mất."

Thay thế bằng cái gì ? Ở thời ông, Marx chỉ có một thí dụ bộc phát trước mắt, đó là Công Xã Paris. Marx và Engels rút tỉa ra từ thí dụ ấy, những ưu điểm mà người ta có thể tóm lược như sau: một chế độ tự quản, một hình thái Dân Chủ trực tiếp, và một sự tản quyền rộng rãi có thể đưa đến chế độ liên bang nếu Công Xã Paris thành công trong việc lan ra trên toàn nước Pháp.

VAI TRÒ CỦA ĐẢNG LÃNH ĐẠO

"Đảng lãnh đạo" là một khẳng định phản lại học thuyết Marx. Đối với Marx, Đảng là môi trường của ý thức chứ không phải là nơi tập trung quyền lãnh đạo. Nếu không thì Đảng cũng sẽ rơi vào một trường hợp vong thân. Người lao động phóng ước vọng của mình ra ngoài mình, thành ra Đảng lãnh đạo, rồi cắm cúi phục vụ nó, chính là vong thân, là để cho một thành phần của tâm trí mình, mà mình đã đánh mất, quay lại chỉ huy, đàn áp mình, như đã nói ở trên với Thiên Chúa và Nhà Nước. Marx viết : "Chúng ta không thể (...) đi cùng đường với những kẻ tuyên bố rõ ràng rằng người lao động không đủ kiến thức để có thể tự giải phóng mình và cần được giải phóng từ bên trên" (thư gửi Brake, 17 tháng 9 năm 1879).

Marx cũng chống lại sự độc tôn của Xã Hội Chủ Nghĩa trong giai cấp cần lao. Ông viết: "Vai trò của (đệ nhất) Quốc Tế (Cộng Sản) là tổ chức, phổ biến, điều hành, những cao trào tự phát của giai cấp thợ thuyền, chứ không phải là chỉ huy hay áp đặt bất cứ hệ thống tư tưởng nào."

MARX VÀ THUYẾT "KHÔNG TƯỞNG" (UTOPIE)

Người ta thường nói học thuyết Marx là Xã Hội Chủ Nghĩa "khoa học," đối nghịch lại với những Fourier, Saint Simon v.v... là Xã Hội Chủ Nghĩa "hoang tưởng." Như đối với nhiều triết gia

đi trước ông: Hegel, Feuerbach, Fitche, Moses v.v... và cả Epicure, Marx không giấu giếm ảnh hưởng của các nhà xã hội tiền phong trên tư tưởng của ông, mặc dù trên một số khía cạnh, ông chỉ trích họ. Engels nói: "Chúng ta, những người Xã Hội Đức, hãnh diện vì nguồn gốc của chúng ta không những đến từ Saint Simon, Fourier và Owen, mà từ cả Kant, Fichte, và Hegel."

Thật ra "hoang tưởng" không hoàn toàn đối nghịch lại với học thuyết Marx. Như đã nói ở trên, Lịch Sử không dẫn đến một tương lai tất yếu. Tức là có nhiều tương lai khả hữu. Con người với ý thức mục tiêu trong hành động của mình, có thể hình dung một trong những tương lai khả hữu ấy như mục tiêu của hành động của mình. Tương lai được hình dung và được chọn làm mục đích ấy, có thể sẽ không xảy ra. Sự hình dung nọ trở thành hoang tưởng. Mặc dù vậy, nó không nhất thiết đối nghịch lại với học thuyết Marx. Sự hoang tưởng chỉ đối nghịch lại với học thuyết Marx khi nào nó hoàn toàn bị bứng rễ khỏi thực tại, khi nó phủ nhận tương quan biện chứng giữa tự do sáng tạo và ảnh hưởng của thực tại, khi nó trở thành hoàn toàn trừu tượng, sản phẩm của Lý Tưởng, của Ý Niệm thuần túy.

MARX VÀ CÁC TRIẾT HỌC DUY TÂM, DUY VẬT

Bị gọi là "duy tâm duy ý chí" là một sỉ nhục đối với người Cộng Sản. Thật ra, duy tâm và duy vật liên hệ với nhau bằng một tương quan biện chứng. Như đã nói ở trên, giữa những tương lai khả hữu, con người hướng đến một tương lai được coi như "tốt," như "lý tưởng." Đó là một quan điểm duy tâm. Marx không chống lại thái độ ấy, mà đem nó vào thực tại, qua trung gian của hành động. Hành động là ảnh hưởng trên những yếu tố cụ thể của thực tại. Qua hành động con người bắt buộc phải chịu «quy luật» của thực tại. Sáng tạo của «con người hành động» không thể không bị ảnh hưởng bởi những điều kiện cụ thể. Điểm then chốt của học thuyết Marx là Hành Động. Một thái độ Lý Tưởng duy tâm có thể là một khởi điểm cho Hành Động, và như thế, nó trở về với thực tại, để thể hiện tương quan nền tảng của học thuyết Marx giữa một bên là sáng tạo tự do, bên kia là thực tế quy định. Cần nhớ là Marx không chỉ đơn thuần định nghĩa Xã Hội Chủ Nghĩa qua những phương tiện của nó, kiểu như những hình thái sản xuất này nọ (tức những điều chỉ có giá trị ở một thời và một chỗ), mà ông cũng định nghĩa Xã Hội Chủ Nghĩa qua cứu cánh của nó, qua mục đích đem lại cho con người sự nảy nở toàn diện, để «một em bé mang tài năng của Mozart hoặc của Raphael, có thể thực sự trở thành Raphael hoặc Mozart.» (4) Đó là một lý tưởng, là duy tâm, và lý tưởng ấy là khởi điểm của triết học Hành Động của Marx...

Hegel là hiện thân của triết học Duy Tâm. Thế mà Marx nói về Hegel như sau: «Liên hệ giữa tôi và Hegel rất đơn giản. Tôi là một đệ tử của Hegel, và những điều bá láp của những tên hậu sinh nghĩ rằng đã đến lúc có thể đem chôn nhà tư tưởng vĩ đại này, đối với tôi, hoàn toàn khôi hài.» (2) Engels nói, trong lời mở đầu ấn bản 1874 của sách «la Guerre des Paysans.» rằng: «nếu trước đó không có triết học (duy tâm) Đức Quốc, nhất là triết học Hegel, thì Xã Hội Chủ Nghĩa khoa học đã không thể nào hiện hữu được.»

Mặt khác, Marx không phải là một nhà Duy Vật giáo điều, mặc dù ông đã tiếp nhận di sản của các nhà Duy Vật trước ông, đặc biệt là Feuerbach. Trong thư gửi Feuerbach ngày 11 tháng 8 năm 1844, Marx viết: «Ông đã đem lại cho Xã Hội Chủ Nghĩa (...) nền tảng triết học.» Engels thì nói: «Tất cả chúng tôi, một thời, đều đã từng theo Feuerbach.» (3)

Duy vật giáo điều cho rằng cái thực tại mà ta cảm nhận thấy có một sự hiện hữu tự thân. Thực tại trở thành «sự thật tuyệt đối,» thành tiêu chuẩn, thay thế cái Lý tưởng, hay Ý Niệm của trường phái Duy Tâm. Thực ra, thực tại mà ta nhận biết chỉ là một sự thật tương đối, được tâm trí chúng ta tạo thành qua sự hiểu biết, qua kinh nghiệm, qua tâm lý, qua những phương tiện quan sát và thực nghiệm mà khoa học kỹ thuật ở thời đại chúng ta cho phép. Con người tìm biết thực tại bằng giả thuyết và thực nghiệm. Bước đường tìm biết thực tại như thế, là vô cùng tận. Ở mỗi chặng đường, con người vẽ lên một bức tranh tạm thời hình dung thực tại, và đề ra những giả thuyết, những dự phóng về thực tại, cần được kiểm chứng qua hành động, qua thực nghiệm. Duy vật giáo điều quan niệm sự vận động của sự vật hiện hữu một cách tự thân, «tuyệt đối,» quy định Lịch Sử và cho ra một tương lai tất yếu. Lịch Sử đã được viết sẵn. Học thuyết Marx, ngược lại, quan niệm nhiều giả thuyết về thực tại, và nhiều tương lai khả hữu. Sang trường phái Duy Tâm thì chính sự vận động của Ý Niệm trên con đường vạch ra bởi biện chứng pháp, mang vai trò quy định Lịch Sử. Tuy nhiên, con người không tiếp cận với sự vật tự nhiên cũng

như với những phạm trù ý niệm một cách trực tiếp, mà phải qua trung gian của đời sống, đời sống cá nhân, gia đình, và xã hội. Vì thế, với Marx, sự vận động của vật chất cũng như sự vận động của ý niệm đều phải hội nhập vào đời sống, qua triết lý Hành Động, để trở thành sự vận động của Lịch Sử.

Vài tháng trước khi Trần Đức Thảo qua đời, tôi có viết cho ông một bức thư trong đó có đoạn như sau:

«Bác đã trích dẫn Lénine để cho rằng: 'không có trình độ thấp nhất của vậy chất,' tức vật chất không có cái gì được nhìn nhận là đầu tiên để mà quy định mọi bước tiến hóa khác. Bác cũng cho rằng thế giới là 'vật chất vô hạn đương vận động.' Tựu trung, ta có thể hiểu, như Lénine, rằng: 'Thiên Nhiên trong tất cả các bộ phận của nó không có gì đầu tiên và cũng không có gì kết thúc.' Cái 'vật chất' không có hạn chế và cũng không biết từ đâu ra như thế có còn là vật chất hay không? Chấp nhận sự hiện hữu của vật chất như vậy có còn thực sự là 'duy vật biện chứng' nữa hay không? Vì đến một lúc nào đó, ở chỗ vô hạn, hay ở chỗ khởi thủy không hiện hữu, sẽ không còn cái điểm tựa vật chất để mà biện chứng nữa, và sẽ chỉ còn là vận động khái niệm thuần túy, tức là duy tâm.»

Trả lời vấn nạn này rất đơn giản. Lénine, cũng như Marx, không lý luận như những nhà duy vật giáo điều, tức không bàn đến giới hạn hay khởi điểm của vật chất tự thân, mà của vật chất được nhận biết được bởi con người. Sự tìm hiểu vật chất, Thiên Nhiên, cũng như Thế Giới, Vũ Trụ, là vô cùng tận, khám phá ra cái này nó lại lòi ra cái khác, mỗi giả thuyết khi áp dụng vào thực nghiệm lại đặt ra một số vấn đề, một số trục trặc, thúc đẩy người ta tìm ra những giả thuyết, những phát minh mới... «Vật chất được nhận biết bởi con người» được coi là vô hạn, vì con đường tìm biết môi trường vật chất là một con đường vô hạn.

MARX VÀ TÔN GIÁO

Người ta thường thu tóm quan điểm của Marx về tôn giáo trong câu: «tôn giáo là thuốc phiện của quần chúng.» Marx viết câu ấy vào năm 1843, lúc ông 25 tuổi, trong tác phẩm «Critique de la Philosophie du Droit de Hegel.» Trong cùng một đoạn văn, ông cũng nói: «Tôn giáo một mặt phản ảnh sự cùng khổ của con người, mặt khác là sự đối kháng chống lại sự cùng khổ ấy.» Tức là tôn giáo cũng có thể là mầm mống của cách mạng...

Như đã bàn đến nhiều lần ở trên, mọi quan điểm của Marx đều phải được đặt trong bối cảnh Lịch Sử trong đó quan điểm ấy có thể áp dụng được. Marx chống lại tôn giáo ở thời ông, vì tôn giáo, vào lúc đó, đóng vai trò thành trì của các lực lượng bảo thủ, chống lại mọi sự thay đổi trong một xã hội đầy dẫy áp bức, bất công. Trên mặt triết lý, tôn giáo, theo mô hình mà Marx chứng kiến, là một hiện tượng vong thân. Con người phóng ra ngoài mình những ước vọng, sợ sệt, lý tưởng, rồi hệ thống hóa thành Thiên Chúa, để chạy theo thờ phượng (vong thân là đánh mất những gì của mình và bị những thứ ấy thống trị ngược lại). Không những thế, với Hegel, người ta còn quan niệm Lịch Sử như một con đường dẫn đến Thiên Chúa, thông qua nhà nước Đức Phổ và xã hội tư sản. Tôn giáo trở thành «nút chặn» đối với sự vận hành của Lịch Sử. Nếu chúng ta là những người Ky Tô Hữu sống ở thời Marx, rất có thể chúng ta cũng chia sẻ một số nhận định của Marx về tôn giáo?

Ở một giai đoạn Lịch Sử khác, Marx và Engels không ngần ngại đề cao vai trò của tôn giáo trong công cuộc đấu tranh chống bất công xã hội. Trong «Contribution à l'Histoire du Christianisme Primitif,» Engels gọi các cộng đồng Ky Tô Giáo nguyên thủy là là những tổ chức Xã Hội Chủ Nghĩa đầu tiên. Ông cũng nhấn mạnh đến vai trò khai phóng của Ky Tô Giáo trong xã hội Cổ La Mã đang trên đà rữa nát, mặc dù ước vọng về một sự đổi mới, trên nguyên tắc, sẽ chỉ thành sự thật sau sự sụp đổ của cái thế giới cùng khổ này, ở một «đời sau» tốt đẹp và hạnh phúc. Đến thế kỷ 16, nhà thần học Thomas Munzer quan niệm lời Chúa, Ý Chúa, không phải tìm ở bên ngoài, mà ở trong chính nội tâm con người. Vấn đề «vong thân» trong điều kiện đó không đặt ra nữa, và Engels gọi Munzer là «đấng Tiên Tri của Cách Mạng.» Vì Ánh Sáng của Thiên Chúa soi chiếu nội tâm của mỗi người, giàu cũng như nghèo, quý phái cũng như cùng đinh, nên Thần Học của Munzer đưa đến bình đẳng, chống áp bức, bất công. Khi tham gia một cuộc nổi dậy của nông dân, ông viết trên lá cờ hiệu hàng chữ sau: «Lạy Chúa, xin hãy ủng hộ Công Lý của Ngài.» Engels cho rằng «Nước Chúa, đối với Munzer, là một xã hội không có giai cấp, không có tư hữu, và không có Nhà Nước.» Thử hỏi có bao nhiêu người Công Giáo thành thực nghĩ rằng Nước Chúa là một xã hội giai cấp, tư hữu, cai trị bởi một guồng máy Nhà Nước?

Marx và Engels cũng thừa nhận ảnh hưởng của Joachim de Flore, một tu sĩ sống ở thế kỷ 12, trên Xã Hội Chủ Nghĩa. Lý thuyết của ông này dựa trên sách «Apocalypse,» tức quyển sách cuối cùng của Thánh Kinh Tân Ước. Joachim de Flore cho rằng giai đoạn một ngàn năm được nói đến trong Apocalypse, trong đó Đức Ky Tô sẽ trở lại ngự trị trên thế giới, chính là một sứ điệp hy vọng, một Tin Mừng theo nghĩa gốc của chữ Evangile (evagellion tiếng Hy Lạp là tin mừng). Đó cũng là một thôi thúc đấu tranh, liền trong hiện tại, cho sự hình thành của Nước Chúa, với Tình Yêu ngự trị trên mọi tương quan xã hội. Tư tưởng này đem tương lai vào hiện tại, và, như học thuyết Marx, nó có khả năng làm quay lại bánh xe Lịch Sử bị bế tắc. Thần học của người tu sĩ Joachim de Flore đã ảnh hưởng trên những nhà cách mạng sau đó, từ Jan Hus, qua Thomas Munzer, đến Marx và Engels.

Trước tính áp bức bất công của Nhà Nước Đức Phổ, gắn liền với Ky Tô Giáo ở thời ông, Marx nói trong «la Question Juive»: «Nhà Nước tự nhận là Ky Tô Giáo thật ra chỉ là sự phủ nhận Ky Tô Giáo của Nhà Nước ấy, và hoàn toàn không phải là sự thể hiện của Ky Tô Giáo trong chính trị.» Ông chủ trương đạt đến một xã hội trong đó «nền móng không phải là Ky Tô Giáo, mà là nền tảng nhân bản của Ky Tô Giáo.» (5)

Ngày nay, tôn giáo, đặc biệt là Ky Tô Giáo, trong đại đa số trường hợp, không còn là công cụ của áp bức nữa, mà ngược lại, thường đứng về phía kẻ bị áp bức. Những chính quyền đàn áp tôn giáo đều là những chính quyền bảo thủ và ở nhiều nơi trên thế giới, tôn giáo chính là niềm hy vọng chủ yếu, nếu không phải là duy nhất, trong việc chuyển đổi những thể chế tệ hại, tham nhũng, bất công, bóc lột...

Đức Gioan Phao Lồ đệ nhị nói, năm 1995: «Tư Bản phải phục vụ cho lao động, không phải lao động phục vụ cho Tư Bản» (5), tóm lược những ý tưởng đã được Ngài đề ra trong Sứ Điệp Centesimus Annus (1991), đưa đến nhận xét khôi hài của Benoist Duquesne: «Đức Gioan Phao Lồ đệ nhị là người Marxiste cuối cùng!» (6)

CHỜ ĐỢI GÌ NƠI HỌC THUYẾT MARX?

Vào tháng 10 năm 2002, trang nhà của tự điển bách khoa danh tiếng Encyclopedia Britanica đăng một tài liệu của Peter Hudis về Marx (Marx trong toàn cầu hóa - Marx in the mirror of globalisation), gọi Marx là «vị tiên tri của Toàn Cầu Hóa.» Hudis trích dẫn John Micklethwait và Adrian Wooldridge, hai nhà biên tập của tạp chí «The Economist.» phát biểu trong tác phẩm «A future perfect: the challenge and hidden promise of globalisation,» cho rằng quan điểm của Marx về «liên hệ toàn cầu giữa các quốc gia» đã mô tả những vấn đề đặt ra bởi toàn cầu hóa, từ cách đây 150 năm! John Cassidy trong một bài báo năm 1977 "The Return of Karl Marx" (New Yorker) gọi Marx là «Nhà tư tưởng vĩ đại của tương lai» (the next big thinker), và trích dẫn một nhà tài phiệt cao cấp của Wall Street, như sau: «Càng kinh doanh lâu năm ở Wall Street, tôi càng vững tin rằng Marx có lý.» Francis Wheen, trong "Karl Marx, a life", phát biểu rằng: «Càng nghiên cứu Marx, tôi càng nhận ra tính chất hợp thời một cách không thể tưởng tượng được của ông. Những chuyên gia hay nhà chính trị thời nay thường tự hào là những nhà tư tưởng tiền phong khi không bỏ lỡ cơ hội nào để bàn đến vấn đề thời trang 'toàn cầu hóa,' mà không biết rằng Marx đã phân tích đề tài này từ năm 1848.»

Thật ra, có lẽ không nên nhìn những phân tích của Marx từ năm 1848, mà nên nhìn phương pháp phân tích của ông. Áp dụng học thuyết Marx, ở thế kỷ 21, không thể là sao chép những gì Marx đã đề ra vào cuối thế kỷ 19. Áp dụng học thuyết Marx, ở thế kỷ 21, là nối tiếp công trình nghiên cứu của Marx, là ứng dụng linh động phương pháp phân tích thực tại của ông, và từ đó đề ra những dự kiến vượt lên thực tại, để, qua Hành Động, làm chuyển vận trở lại bánh xe biện chứng bị ngưng trệ, ngõ hầu tham gia một cách ý thức và sáng tạo vào Lịch Sử.

Bạn có thể tự hỏi: «Tại sao tôi lại bỏ công phu tìm tòi biện hộ cho Marx?» Tôi cũng tự hỏi như vậy. Và, một buổi sáng nọ, tôi đã tìm ra câu trả lời, đó là: ở một trình độ rất khiêm nhượng, tôi có một cái gì chung với ông. Thật vậy, cũng như Marx, tôi không phải là người Marxiste! (7)

7/4/2004

(1) www.decroissance.org
(2) Tư Bản Luận
(3) Marx et Engels — Etudes Philosiophiques —*Ed Sociales*
(4) Idéologie Allemande — *Ed Sociales*
(5) La Question Juive
(6) Benoit Duquesne - La France en Direct - *Antenne 2:15/1/1996*
(7) Marx nói với Lafargue: «Tôi, Karl Marx, không phải là người Marxiste» — Thư Engels gửi Berstein - 3/11/1882

Chữ nặng

LÊ MINH HÀ

Người khuân RỪNG XƯA XANH LÁ từ Hải Phòng về cho bạn tôi gửi sang đây là Dương Tường. Ông không biết tôi. Dĩ nhiên. Còn tôi với ông, biết chứ. *Chiều se sẽ hương - Vườn se sẽ sương - Đường se sẽ quạnh - Trời se sẽ lạnh - Người se sẽ buồn...* Đấy, Dương Tường. *Một thoáng rợn tên là heo may - Một hương cây tên là kỉ niệm - Một góc phố tên là hò hẹn - Một nỗi nhớ tên là không tên...* Dương Tường. *Mea Culpa - Dương Tường.* Một cái danh, gắn với bao nhiêu tên sách, gắn với dịch thuật, hội họa, với tôi, trước hết là thơ. Dương Tường thơ.

Không có bạn ông, Bùi Ngọc Tấn, thế hệ chúng tôi sẽ không biết thơ ông sống bằng gì. Sự không biết ấy, vô tình, đến một lúc nào đó phải coi là tội lỗi.

Tôi không chuộng giai thoại văn học và rất ác cảm cái lối ăn đong theo đời nghệ sĩ của một vài cây bút mãi chẳng thể nào nhớ nổi tên. Nhưng RỪNG XƯA XANH LÁ không phải là giai thoại, VIẾT VỀ BÈ BẠN không phải là giai thoại. Cũng không phải là cuốn sách về chuyện đời chuyện nghề chứa ẩn những khái quát phát hiện về tác giả, tác phẩm, thi pháp, và. Bùi Ngọc Tấn không hì hục với kĩ thuật, vật vã với trào lưu. Với một số tác giả, việc đặt được thêm một bước trên tiến trình hiện đại hóa văn chương là toàn bộ ý nghĩa của sáng tác khiến bạn đọc vui mừng. Với Bùi Ngọc Tấn, ý nghĩa của sự trở lại với chữ là nghĩa đời.

Nặng lắm. Bởi vì ông là nghệ sĩ, là người chịu cái kiếp phải bấm chân xuống đáy đời này mà bước. Nặng, vì ông là nghệ sĩ Việt Nam.

Trong nghĩa đó, viết với Bùi Ngọc Tấn là chuyện viết lại, sống lại. VIẾT VỀ BÈ BẠN là chuyện sống, và viết, một thời.

Nhem nhuốc. Nhọc nhằn. Thì phận viết thuê ở xứ nào, miền khí hậu nào, thể chế khỉ gió nào mà chẳng nhọc nhằn, nhem nhuốc. Không thế, khối kẻ tin là chữ sẽ khô, sẽ rỗng, lâm tử.

Thì viết, nhưng viết chỉ để được viết, viết chỉ để nhận chút nhuận bút tư nhân còm, làm sinh phần chữ cho những ai ai đã quyền, đã tiền, còn muốn cái tên mình để lại được một vết cào trên mặt đất thì đau đớn. Liệu thời ấy trên thế giới này còn có một đất nước nào nữa sinh ra được một thế hệ viết văn chui như nước Việt Nam mình?

Thì viết. Viết để nuôi hơi thở tàn cho mình, cho bố mẹ, cho vợ, cho con, cho bè bạn. Để nhìn nhau mà sống tiếp. Nghệ sĩ nuôi chữ bằng hai lá phổi rỗng hay một cái đầu điên thế giới này khối. Nhưng tôi chưa đọc thấy ở đâu trên thế giới này thời hiện đại chuyện nghệ sĩ bán máu, nghĩa đen. Bằng máu, họ nuôi gia đình, nuôi tình bạn, nuôi thân, nuôi những con chữ, nuôi tiếng cười, phụng dưỡng khao khát về cái Đẹp.

Hôm nay tao uống máu thằng Tường. Câu đùa xanh rờn của một người bạn của các ông có lẽ làm cho ai đọc tới cũng phải rùng mình. Tôi ứa nước mắt.

Vì khi ấy, chúng tôi bao lần dậm chân tại chỗ dậm tập nghi thức đội ở vườn hoa đối diện quán bia Cổ Tân nơi họ thường ngồi. Bao chiều, nơi ấy chúng tôi hát ve ve ve hè về vui vui vui hè về, và những bậc thang của Nhà Hát Lớn ngay bên cạnh gần như là con đường dẫn tới đỉnh cao mơ ước về cái đẹp của nghệ thuật chưa hề có trong ý thức của chúng tôi.

Trong CHUYỆN KỂ NĂM HAI NGÀN, Bùi Ngọc Tấn đã làm tôi bủn rủn vì tập hợp từ tù nhân ngoại trú, chụp bắt chính xác sắc diện những người chưa trải cảnh tù đày như ông. Hình ảnh phóng chiếu qua tập hợp từ đó thật khủng khiếp. Nó trở lại cùng VIẾT VỀ BÈ BẠN. Phải, bè bạn của ông, dù tù án cao su như ông hay vẫn lầm lũi đi về với phố với làng những ngày đó rút lại cũng là tù nhân ngoại trú, của đời sống cơ cực một thời. Cơ cực, giá chỉ vì chiến tranh, hay bao cấp! Cơ cực, vì họ là nghệ sĩ. Mà lại ở nước mình. Mà lại ở cái thời ấy.

Một thời tin tưởng
Một thời bay bổng
Một thời hạnh phúc
Và cả một thời nhảm nhí của chúng tôi nữa.

(trang 303 -Viết về bè bạn - Nhà xuất bản

Hải Phòng- 2003)

Chúng tôi sinh ra, phương trưởng chính vào những năm tháng ấy, mà thật ra chẳng biết gì về thời của các ông, nếu không có những cuốn sách như thế này. Tôi biết bóng lá khoảng phố nơi Dương Tường sống, nhưng tôi không biết ông đi về trên đó, vóc dáng cò rù, đảo chính thơ bằng những con âm. Tôi sống ở phố Lò Đúc một thời Hứa Văn Định, nhưng tôi không biết gì về ông ngoài một đôi bài báo độc đáo, và đã tưởng ông là một người viết trẻ độc sáng đôi sớm đôi chiều, không hề biết ông cũng viết lại, sống lại. Các ông cười được rồi về cái thời các ông có thể coi là nhảm nhí. Nhưng với ai ai, bên niềm tự hào vì đã sống chính trong thời ấy, lớn lên và đi qua thời ấy, rồi sẽ phải ngậm ngùi bởi cái thời mình cho là đẹp nhất đó có bao điều đáng xấu hổ. Vì trong đó, nghệ sĩ, lương tâm của thời đại nông nỗi thế vì những đày ải, vò xéo. Vì đọc họ mà không biết họ cưu mang đỡ mình và những cuộc đời khác đau khổ, khát khao. Vì họ, như lá, như nắng nhỏ, lầm lũi sống, song hành với cái đẹp và làm ra cái đẹp. Chẳng biết để làm gì. Nhưng thiếu thì cuộc đời này không đáng sống.

Bùi Ngọc Tấn viết về bè bạn mình. Tất cả là nghệ sĩ. Nhưng đằng sau cuộc đời họ, qua hồi ức của ông, qua lối viết hồn hậu bình thản của ông, ta thấy một thời, đời người.

Cảm như tiếng gào của những âm thanh im lặng khi đọc VIẾT VỀ BÈ BẠN. Đọc, không phải vì muốn có những thông tin rọi chiếu thêm vào tác giả và tác phẩm. Đọc, không phải vì tò mò chuyện bếp núc nghệ sĩ. Đọc, không phải để luyện nghề. Đây không phải là một cuốn sách làm ta dám đọc lại ngay vì những mục đích cụ thể xyz.

Đọc, để thấy mình dẫu tuổi tác rồi, dẫu lên bờ xuống ruộng bao phen rồi vẫn còn biết xấu hổ và đau đớn. Đọc, để được kinh ngạc, cảm động, và thán phục, và tin. Vào chữ, vào người.

2. 2. 2005

LÊ THỊ KIM

Cùng Tôi Đi Dạo

Người cùng tôi đi dạo
Cả vòm trời nghiêng nghiêng
Chân người hay chân sáo
Tình yêu làm vốn riêng

Hòa điệu cùng tự nhiên
Thiên hạ đi từng cặp
Nhịp chân nào cô độc
Hãy gõ điều tôi mong

Trái tim như cầu vồng
Qua hai bờ sướng khổ
Tôi xin làm đường phố
Để u buồn bay đi

Vầng mặt trời trên kia
Dấu chân nào chai sạn
Ai để quên ngoài đường
Phải bước chân bè bạn

Cửa sổ nào phấp phỏng
Như nét mi cong dài
Ai còn trong vỏ ốc
Xin dạo phố cùng tôi

Những nấm meo con người
Phấn son nào để mốc
Bóng đêm làm tối mắt
Hãy ra cùng trời xanh

Ở đấy còn bụi bặm
Ở đấy lắm tiếng cười
Ở đấy toàn bè bạn
Tha hồ mà song đôi

Ở đấy là đường phố
Tình yêu làm cỏ may
Đi qua còn mắc nợ
Gở ra xong lại đầy.

KHU VƯỜN RIÊNG CỦA MỖI NGƯỜI

LÊ TẤT ĐIỀU

Các bạn 6B4 - 54 Nguyễn Trãi thương mến,

Có chút việc nhờ các bạn đây. Việc nhỏ, dễ thôi.

Câu chuyện đưa tới vụ nhờ vả này hơi dài dòng, lỉnh kỉnh, tạm coi như bắt đầu ở buổi sáng ngày 23 tháng 3 năm 2005.

Sáng hôm ấy, chúng ta tiễn đưa Hồ Hải Trân, người bạn hiền thương quí suốt 51 năm của chúng ta, về lại với đất trời. Nghĩa trang khá xa nhà quàn. Thành phố San Jose lại mưa gió sụt sùi khiến ba ông cảnh sát lo mở đường, bảo vệ đám tang, làm việc khá vất vả. Hai người chạy kèm hai bên, khi lùi lại để bảo vệ những chiếc xe sau cùng, khi phóng lên trước để chặn dòng xe ở ngã tư, ở mấy ngả dẫn vào xa lộ. Quân phục uy nghi, đèn xe công lực chớp loang loáng, họ bảo vệ chúng tôi tận tình như những vệ sĩ đang thi hành nhiệm vụ bảo vệ yếu nhân. Và suốt đoạn đường cuối cùng trên cõi trần, bạn Trân của chúng ta đã ung dung vượt năm bảy cái đèn đỏ, tiến bước hiên ngang như đường xá, xa lộ buổi sáng hôm nay là của riêng chàng.

Cái nghi thức thành phố San Jose dành cho người qua đời khiến đám tang trang trọng, uy nghiêm, xoá bớt cho chúng tôi vẻ u buồn, ảm đạm của đoàn người đi lặng lẽ trong mưa. Và nó đã giúp tôi tìm lại được một chút niềm tin.

Hai năm qua, tôi buồn và thất vọng vì cung cách chính phủ Mỹ xử sự với thế giới và nhất là với dân tộc Iraq. Ba người cảnh sát bảo vệ lộ trình cuối cùng của bạn Trân hôm đó đã nhắc tôi nhớ ra rằng, ngoài bản Hiến pháp, trong những luật lệ của các thành phố, tiểu bang, liên bang, dân tộc này đã tìm ra biết bao nghi thức, cung cách tốt đẹp, giúp người ở với người trong tinh thần nhân bản, văn minh.

Đã lại thấy hơi tin tưởng, yêu đời.

Nhưng chút lửa lạc quan, yêu đời tìm được hôm đó, chỉ mười ngày sau đã tắt ngóm.

Mười ngày sau, khoảng 8 giờ tối ngày 4 tháng tư, sau khi sục sạo một hồi không tìm ra cái máy rút tiền ở phi trường Ciampino - thành phố Rome - tôi chặn một thanh niên Ý, khoảng 30 tuổi, có vẻ là nhân viên làm việc ở phi trường, tính hỏi thăm. Anh ta nhìn tôi, ánh mắt tươi vui, cởi mở, hỏi tôi từ đâu tới. Nhưng tôi vừa mở miệng trả lời, mặt anh bỗng sa sầm, rồi xua tay, lạnh lùng:

"No English!"

Sau vài giây sững sờ, tôi nhớ ra ngay là hồi đầu tháng ba, binh sĩ Mỹ ở Iraq đã bắn chết một vị anh hùng của dân tộc Ý. Thanh niên này chắc đã dự lễ quốc táng dành cho Nicola Calipari, và nỗi tiếc thương ông ta, cũng như lòng căm thù Mỹ trong anh vẫn còn đang nóng hổi.

Điệp viên ngành mật vụ Nicola Calipari có trọng trách giải cứu những công dân Ý bị quân phiến loạn ở Iraq bắt cóc. Tháng chín năm ngoái, ông đã cứu được hai cô Simona Toretta và Simona Pari. Trong công tác cuối cùng: giải cứu ký giả Giuliana Sgrena, bị bắt cóc ngày 4 tháng 2, ông cũng hoàn toàn thành công. Nhưng trên đường đưa bà này ra phi trường trở về Ý, hôm 4 tháng 3, ông bị lính Mỹ gác đường chặn lại, bắn vào xe. Ký giả Giuliana Sgrena bị thương. Nicola Calipari lấy thân mình che chở cho bà, lãnh một viên đạn vào đầu, chết tức khắc.

Tôi không trách binh sĩ Mỹ ở Iraq hay bắn giết bừa bãi. Những người lính trẻ ấy đang bị chính phủ Mỹ đẩy vào tử địa, để bảo toàn tính mạng, họ thường phải quyết định chớp nhoáng, thi hành những công tác cực kỳ khó khăn, nguy hiểm, hiếm thấy trong quân sử Hoa Kỳ.

Dù ông Tổng thống Mỹ có suốt ngày gân cổ ca tụng họ là những chiến sĩ giải phóng anh hùng, bắt thế giới tin rằng ông đang anh minh lãnh đạo họ đi tìm dân chủ cho Iraq, Trung Đông, rồi... khắp thế giới luôn, cho đến nay, đa số nhân loại ngoài nước Mỹ vẫn chỉ thấy họ rất giống chân dung những đạo quân đi xâm lăng chiếm đóng của Thực dân, Đế quốc trong thế kỷ trước.

Để tô đậm những nét giống nhau xấu xa ấy, chính phủ Mỹ đã hành xử vụng về, độc ác y hệt bọn Thực dân, Đế quốc xưa kia. Họ cử một anh Mỹ gốc nhà buôn (chính anh này thú nhận với tờ Newsweek) qua làm Vua nước Iraq. Đại sứ Mỹ Bremer chiếm ngụ một lâu đài đẹp nhất, lớn nhất của Iraq, tương đương với tòa Bạch Ốc của Mỹ, để đóng đô. Có tới hai ngàn nhân viên trong tòa đại sứ giúp anh ta cai trị Iraq. Anh ta lập ra một Hội Đồng Lãnh Đạo gồm 25 ông Iraq, cho mỗi ông làm Tổng thống nhiệm kỳ một... tháng. Anh ta lố bịch hóa họ, biến họ thành một lũ hề, một lũ bù nhìn không thể nào còn bù nhìn hơn được nữa. Một công ty đang phát lương cho đương kim Phó Tổng thống Mỹ thì lại khỏi đấu thầu vẫn được độc quyền khai thác tài nguyên Iraq và tha hồ làm giầu, hưởng những lợi nhuận do chiến tranh và cuộc chiếm đóng đem lại.

Giả thử, ông Bush có thiên tài về khoa ăn nói, là nhà đại hùng biện, sau khi làm tất cả những trò kỳ cục, khả nghi ấy, ông vẫn có thể thuyết phục được thế giới phải chấp nhận rằng lính Mỹ là đoàn quân giải phóng oai hùng thứ thiệt, thì binh sĩ Mỹ cũng chưa thoát được tình thế nguy hiểm, ngặt nghèo. Bởi vì liệu dân tộc Iraq có chịu "nhất trí" với thế giới không? Hay vẫn còn những người dân Iraq hận thù lính Mỹ như các dân tộc bị trị ở Đông Dương trước đây thù lính của thực dân Pháp.

Hay như chính người dân Mỹ, trước ngày lập quốc, đã hận thù đoàn quân chiếm đóng của đế quốc Anh.

Bị tách ra thành từng nhóm nhỏ, phải chiến đấu giữa lòng địch, binh sĩ Mỹ thường chỉ có tối đa vài chục giây để nhận diện kẻ thù. Trước khi nổ súng vào họ, quân phiến loạn trông cũng giống những người dân Iraq bình thường. Chiếc xe chở đầy bom dung nhan không khác gì những chiếc xe "vô tội". Từ lúc nhận ra những dấu hiệu khả nghi cho đến lúc quyết định lên án tử, bóp cò súng hành quyết những sinh vật ở trước mặt, người lính Mỹ chỉ có vài chục giây để làm tất cả công việc của: thám tử điều tra, tìm chứng cớ tội ác, công tố viên buộc tội, luật sư bênh vực, bào chữa cho nghi can, rồi bồi thẩm đoàn tranh luận chuyện có tội, vô tội, rồi quan toà định bản án. Rồi sau đó còn chống án mịt mù nếu là án tử hình v.v... Ngần ấy tiến trình của ngành tư pháp, đòi hỏi sự chung sức làm việc của ngần ấy nhân sự, những giới chức chuyên nghiệp, cần một thời gian dài có khi hàng năm... để hoàn thành một bản án tử. Thế mà vẫn còn sai, vẫn còn vô số người bị Công lý giết oan.

Người lính Mỹ chỉ có mấy chục giây, phải nhận định, phán đoán trong lúc tinh thần căng thẳng. Đã thế, nếu phán quyết chậm, không kịp phản ứng, hoặc kết án sai, tha lầm, là lập tức sẽ từ chết tới bị thương. Đòi hỏi họ không được hoảng loạn, không vội vàng, lầm lẫn, là phi lý.

Cái chết của điệp viên Calipari có thể coi là một tai nạn đáng tiếc, đáng buồn.

Nhưng những chuyện xảy ra sau đó thì tệ hại hơn, nó phơi bày một cung cách xử sự không trưởng thành, thiếu văn minh, rất đáng tởm của triều đình ông Bush.

Sau đó, những người lính vô tình giết chết một sĩ quan tình báo đồng minh chỉ lên tiếng bào chữa yếu ớt rằng: Chiếc xe chở Calipari chạy quá nhanh, họ dùng tay, dùng đèn ra hiệu ngừng vẫn không chịu ngừng, nên họ phải xả súng bắn chặn vào đầu máy xe, cho nó hết chạy.

Nhưng các ông lớn trong quân lực Mỹ thì đổ lỗi cho nạn nhân rất hung hãn. Ngoài cái tội ngồi trong chiếc xe chạy quá nhanh, không tuân lệnh lính Mỹ, Calipari và cơ quan tình báo, mật vụ của nước Ý còn có một tội to hơn: không chịu thông báo chiến dịch cứu con tin cho giới chức quân sự Mỹ. Còn Tổng thống Bush thì điện đàm với Thủ tướng Ý không quá năm phút, hứa sẽ cho điều tra nhanh chóng nội vụ.

Trong khi Tướng tá Mỹ ở Iraq lải nhải đổ lỗi cho nạn nhân thì dân tộc Ý sửa soạn lễ quốc táng cho Nicola Calipari với những nghi thức cao quí, trọng thể chỉ dành cho một vị đại anh hùng.

Quan tài ông ta về tới Rome được Tổng thống và Thủ Tướng Ý đích thân đón đợi. Tổng thống Ý Azeglio Ciampi, đặt tay lên chiếc quan tài phủ quốc kỳ, đứng lặng người hai phút, rồi nói rằng hành động hy sinh quả cảm của con người này xứng đáng với một huy chương vàng cao quí nhất nước. Đức Giáo Hoàng gửi lời chia buồn và cũng tặng Nicola Calipari tước hiệu "anh hùng". Trong tất cả các cầu trường khắp nước Ý, cầu thủ lập tức ngừng chơi, khán giả lập tức ngưng reo hò... những âm thanh ồn ào nhất nước Ý ấy đồng loạt biến mất để dành cho phút mạc niệm đem sự tĩnh lặng thiêng liêng trải khắp quê hương của người vừa nằm xuống.

Trong khi cả nước Ý chịu tang một công dân anh hùng của họ thì chính phủ Mỹ làm gì để an ủi, chia buồn với gia đình nạn nhân? với chính quyền và nhân dân Ý?

Tôi tò mò tìm đọc khá nhiều bài tường thuật

đám tang, không thấy nói đến sự hiện diện của một giới chức cao cấp Mỹ nào trong chính phủ, ngành ngoại giao hay quân sự. Văn thư xin lỗi, chia buồn cũng chẳng thấy.

Chỉ thấy Tổng thống Ý khoe có nhận được thư của TT Bush, tái xác nhận lời hứa là Mỹ sẽ... điều tra nội vụ nhanh chóng!

Tôi chịu thua, không hiểu nổi. Quanh Tổng thống Mỹ có nhiều cố vấn, chuyên gia. Các chính trị gia lão thành đang lãnh đạo Đảng Cộng hoà cũng nhiều. Cụ Bush bố lại là một cựu Tổng thống khôn khéo, giầu kinh nghiệm. Chẳng lẽ không ai đủ hiểu biết và sáng suốt để chỉ cho ông Bush một cung cách cư xử văn minh, tử tế, hợp đạo nghĩa ở đời hơn, trong một hoàn cảnh như thế.

"Hứa sẽ tiếp tục điều tra! Còn điều tra, điều mẹ cái khỉ khô gì nữa. Ông Bush hy vọng kết quả cuộc điều tra sẽ cho thấy cả bà ký giả và ông sĩ quan tình báo Ý đều hoá thành tè- rô- rít để lính Mỹ được trắng án hay sao?

Ngay cả trong trường hợp chiếc xe chở họ chạy quá nhanh, không tuân hiệu lệnh lính Mỹ kịp thời, thì lính Mỹ cũng chỉ bắn chặn vào khối sắt đầu máy thôi, như chính họ báo cáo. Bắn đầu máy mà lại trúng vai, trúng màng tang người ngồi trong xe! Nếu có điều tra là điều tra nội bộ, xem thằng nào ham bắn bậy, thằng nào cần ra xạ trường tập bắn thêm, coi lại hệ thống truyền tin liên lạc giữa những toán lính tuần tiễu, giữa họ và trung tâm chỉ huy, xem có gì thiếu sót không... Còn đối với nạn nhân, gia đình và đất nước ông ta, thì chỉ có tạ lỗi, chia buồn và lo bồi thường xứng đáng thôi.

Nhất là khi nạn nhân lại là sĩ quan ưu tú của một quốc gia đồng minh, có ông Thủ tướng trái ý 70 phần trăm dân chúng để gửi 3000 quân qua Iraq chia sẻ gánh nặng chiến tranh với mình.

Nhưng dân Ý chỉ thấy Tướng tá Mỹ ở Iraq lải nhải đổ lỗi cho nạn nhân, và câu nói tử tế nhất từ miệng ông Tổng thống Mỹ vẫn quẩn quanh là "sẽ điều tra nhanh chóng."

Lời tạ lỗi cần thiết cho một cung cách cư xử trưởng thành, văn minh, nhân bản ấy... phải một

CHU VƯƠNG MIỆN

lá hoa

cuộc thành bại hầu cần mái tóc
ôn như hầu

nơi chính trường dở khóc lại thôi
cũng là thủ lợn mâm xôi
cúc cung đầu gật muôn đời giống nhau
ta từ thủa để râu uống rượu
nghe tiếng chim tiếng khiếu đều quen
sáng giăng nha nhá sáng đèn
thuyền quyên thuyền thúng thuyền buồm thuyền ma
ta từ lúc liếc qua sách vở
từ khổngkhâu lở dở lãotrang
hợp tung rồi lại liên hoành
báchgiachưtử tan hoang cửa nhà
thôi đôngchâu tà ta dấy loạn
100 nước còm hoạn nạn đánh chơi
nước ngu xóa sạch mất rồi
chuyển qua chiến quốc tơi bời lá hoa
gần cũng chết mà xa cũng chết
ôi cái thời thất quốc tranh phong
hàn triệu ngụy /sở tề yên
tấn tàn /tần nổi bốn miền nát tan
một nghìn năm điêu tàn thế sự
kẻ sơ sinh đến cụ sãi chùa
ngục tù đến cả đức vua
thì thôi im miệng mà mua chữ thời
trong cung cấm im hơi mà khóc
phận làm quan ngậm thóc mà câm
kiếp người có mấy mươi năm
mà sao một bể trầm luân hả giời

tháng sau, ngày 6 tháng 4, ông Bush mới chịu ban ra, khi ông đến Rome dự tang lễ đức Giáo Hoàng.

Tổng thống, chính phủ Mỹ ăn ở, xử sự với nước Ý đã vụng về, tối tăm đến độ quái gở, mà tờ báo *The Wall Street Journal* còn dã man, tục tĩu hơn nhiều.

(Bạn nào theo dõi thường xuyên tờ báo này chắc đã biết. Những bài trong trang bình luận của WSJ ảnh hưởng rất lớn vào chính sách của triều đình ông Bush. Các bình luận gia của tờ báo chuyên lo chuyện bán buôn, tài chính này đang lãnh đạo ông Bush cả trên phương diện kinh tế, chính trị, và... quân sự! Vụ đánh vào thành phố Fallujah lần thứ hai là do các ông ấy xúi. Đánh lần thứ nhất, Mỹ dội bom nhiều quá, dân Fallujah phải dùng hai sân đá banh mới đủ chỗ chôn xác nhau. Thủy quân lục chiến Mỹ cũng chết bộn. Quân Mỹ ngừng, chỉ vây thành phố. WSJ viết bài bình luận bảo ngưng là sai, phải tấn công tiêu diệt quân phiến loạn, chiếm đóng thành phố để ngày bầu cử, cư dân Fallujah, đa số thuộc bộ tộc Sunni, được tự do đi bầu, không bị đứa nào đe dọa ngăn cản. Thế là ông Bush cho uýnh nữa. Và ngày bầu cử, thành phố Fallujah tan hoang. Cư dân tìm về chỉ thấy ngổn ngang những đống gạch vụn. Chỗ ở còn không có, tìm đâu ra thùng phiếu mà thi hành quyền dân chủ vừa được Tổng thống Mỹ ban cho!

Những người Sunni, trước đây đã mất quyền làm ăn, sinh sống vì quan toàn quyền Bremer giải tán quân đội, cảnh sát và nhiều công chức Iraq. Bây giờ họ mất luôn quyền công dân trong chế độ mới. Một cuộc bầu cử dân chủ mà có tới 20 phần trăm dân Iraq không được tham dự thì chỉ đủ làm cho chính quyền ông Bush và những người ủng hộ ông vui mừng, phấn khởi thôi. Tôi không dám lạc quan tí nào khi thấy hơn năm triệu người Iraq đang bị đoàn quân chiếm đóng nghi kỵ, chèn ép, rồi săn đuổi, đẩy vào đường cùng.)

Trong số báo ngày 9 tháng 3, WSJ có bài bình luận phỉ báng chính phủ Ý và điệp viên Nicola Calipari, lên án họ đã hành xử bậy bạ trong vụ giải cứu ký giả Sgrena. Ở phần kết luận, WSJ đi xa hơn, thẳng cánh chửi dân Ý đã cố ý, tiếp tay nuôi dưỡng quân khủng bố!

Bài báo có những đoạn như sau:

"Dân tộc Mỹ đang cùng dân tộc Ý đau buồn, thương tiếc vì cái chết của Nicola Calipari, sĩ quan ngành mật vụ Ý. Tang lễ đã được cử hành ngày Thứ Hai ở Rome. Thứ sáu tuần trước, điệp viên Calipari đã chết cái chết của một vị anh hùng. Theo lời tường thuật thì ông đã dùng thân mình che đạn cho ký giả Guliana Sgrena, một con tin vừa được giải thoát. Họ bị bắn khi xe tiến đến gần một toán lính Mỹ (đóng chốt kiểm soát) gần phi trường Baghdad. Vậy thì có lẽ cô Sgrena cũng cần nhỏ một giọt lệ khóc thương cho những người Mỹ, người Iraq sẽ bị chết vì số tiền chuộc tự do cho cô.

Cho tới nay, cơn phẫn nộ của thế giới đổ dồn cả vào sự khẳng định là lính Mỹ hành động ẩu tả, vô ý thức...

... Nhưng cũng có thể lập luận rằng quyết định của nước Ý (trả tiền chuộc - được báo cáo là sáu triệu đô hoặc nhiều hơn - để giải thoát Sgrena,) còn ẩu tả, vô trách nhiệm, vô ý thức hơn nhiều.

... Việc trả tiền chuộc không những khuyến khích, làm tăng thêm những vụ bắt cóc - đặc biệt nhắm vào người Ý - mà còn đưa tiền bạc vào tay kẻ thù, trong một xứ sở mà cứ 40 đô mua được một súng trường tự động, 200 đô thuê được một vụ tấn công quân lực Mỹ. Nổ súng vào chiếc xe phóng quá nhanh ở một trạm kiểm soát trên vùng đất đang có chiến tranh là thảm kịch chẳng ai cố ý gây ra , nhưng trả tiền chuộc để cứu con tin thì dẫn tới một chính sách cố tình phụ lực, tiếp tay cho bọn khủng bố."

(Americans join Italians in mourning the death of Italian secret service officer Nicola Calipari, whose funeral was held in Rome on Monday. Agent Calipari died a hero last Friday, reportedly using his body to shield freed journalist/ hostage Giuliana Sgrena from gunfire as their car approached American troops near Baghdad Airport. So perhaps Ms. Sgrena will also shed a tear for the Americans and Iraqis who will die because of the ransom that was paid for her release.

So far, all the world's moral anger has focused on the claim that U.S. soldiers were reckless(...)

Arguably far more reckless was Italy's decision to pay ransom - reportedly of $6 million or more - to secure her release.(...)Not only does paying ransom encourage more kidnapping - of Italians especially - it also puts money in the hands of the enemy in a country where $40 buys an automatic rifle and $200 an attack on U.S. forces. The shooting of a speeding car at a military checkpoint in a war zone is an unintentional tragedy, but the paying of ransom amounts to a policy of deliberately aiding terrorists.)

Bài báo thể hiện một kiến thức nghèo nàn, nông cạn về việc, về người ở Iraq của tờ *Wall Street Journal*, làm dựng tóc gáy một đứa nhát gan như tôi. Nghe cứ như một em bé lớp mẫu giáo đang bập bẹ, nhưng rất hùng hổ, dậy dỗ các bô lão về cách hành xử ở đời.

WSJ bảo nước Ý nộp tiền chuộc cứu con tin là khuyến khích quân phiến loạn bắt cóc thêm. Thế Mỹ lâu nay không nộp tiền chuộc, mặc cho kẻ thù chặt đầu, bắn bỏ con tin, thì bọn khủng bố có... mỏi tay quá, nản chí, bớt bắt cóc dân Mỹ ở Iraq được tí nào chăng?

Và nói chuyện "khuyến khích"... còn hành động nào khuyến khích kẻ thù bắt cóc, chặt đầu, tấn công mình, hay hơn là hành động xâm lăng, chiếm đóng, đè đầu cưỡi cổ cả một dân tộc.

Còn cách khuyến khích nào mạnh hơn được cái cách coi những người Iraq bị giam cầm như con trâu, con chó, hành hạ tra tấn họ bằng những trò sa đích, bệnh hoạn rồi chụp hình cho cả thế giới coi.

Fallujah là một trong ba thành phố lớn ở Iraq có dân số Sunni đông đảo, là nguồn phiếu lớn nhất của các ứng cử viên Sunni. Triều đình ông Bush tuân theo lời chỉ dậy của các chiến lược gia *Wall Street Journal*, tấn công, đánh phá tan hoang. Ứng cử viên Sunni tự nhiên mất hết nguồn phiếu, tất phải tẩy chay cuộc bầu. Hàng triệu người Sunni, cả cử tri lẫn ứng cử viên, có muốn can trường coi thường súng đạn khủng bố mà liều chết tham dự trò chơi dân chủ, cũng chả còn mảnh đất nào để đặt thùng phiếu! WSJ xúi dại TT Mỹ làm một chuyện nhảm như thế thì đã khuyến khích, đốt thêm lửa căm hờn trong lòng người Sunni, và tiếp tế cho quân khủng bố thêm biết bao nhiêu chiến sĩ quyết tử! Ăn ở, xử sự như vậy thì còn ai có thể khuyến khích, nâng đỡ tinh thần quân khủng bố hơn được mà lo.

WSJ lại sợ kẻ thù dùng tiền chuộc con tin để mua vũ khí. Chả biết các bình luận gia của WSJ có chịu... đọc báo không! Đoàn quân Mỹ đi giải phóng Iraq, sau khi biến thành đoàn quân chiếm đóng thì được các chiến lược gia Mỹ sai đi thay thế cảnh sát, quân đội Iraq vừa bị các Xếp giải tán. Họ phải canh gác bệnh viện nhi đồng, trạm xăng, viện bảo tàng, rồi đi tuần tiễu đuổi nhà, bắt ổ điếm v.v... bận rộn hết sức. Thế là có hàng triệu tấn đạn dược, vũ khí nằm đầy trong hàng trăm hầm chứa rải rác khắp Iraq không được ai canh giữ. Quân phiến loạn cứ việc lượm về xài thoải mái, xài cho tới ngày TT Bush về hưu cũng không hết. Đâu phải tốn tiền mua!

Sau màn dậy dỗ, sỉ vả chính phủ Ý hành động ẩu tả, vô ý thức là đến màn lên án. WSJ dõng dạc tố cáo nước Ý đang tiến tới một chính sách CỐ TÌNH tiếp tay, phụ lực kẻ thù.

Nước Ý bị báo Mỹ cáo giác là quân phản bội, ngay trong lúc đang bối rối đau buồn vì một sĩ quan ưu tú của mình bị lính Mỹ hạ sát!

Thấy đồng minh Mỹ đối xử với dân tộc mình tục tĩu, man rợ như vậy, Chính phủ Ý không giữ im lặng được nữa. Bộ Trưởng ngoại giao Ý Gianfranco Fini tuyên bố không hề có vụ trả tiền chuộc. Thủ tướng Ý ra trước Quốc hội nói rõ từng chi tiết: Chiếc xe chở điệp viên Nicola Calipari và ký giả Giuliana Sgrena hôm đó đã chạy chậm và ngừng tức khắc khi thấy lính Mỹ chớp đèn. Vụ cứu Sgrena cũng được thông báo cho giới chức quân sự Mỹ đàng hoàng. Ông Silvio Berlusconi cho biết: lúc đó, một sĩ quan liên lạc Ý và một sĩ quan Mỹ đang đứng chờ Calipari và Sgrena ở phi trường Baghdad.

Sau đó, Thủ Tướng Ý nói chuyện rút quân.

Các bạn thân quí,

Tất cả những chuyện ấy đã xảy ra trước khi tôi dại dột vác cái mặt quên đeo mo đến phi trường Ciampino. Khi đó những lời man trá đổ tội cho nạn nhân của Tướng tá Mỹ đã bị lật tẩy. Khi đó, bài báo nhục mạ dân tộc Ý của WSJ đã được in ra. Khi đó, TT Bush chưa đến Rome nói lời tạ lỗi.

Thế là, buổi tối ngày 4 tháng 4, tôi hiện ra trước mặt người thanh niên Ý trong dung nhan một anh già Mỹ gốc Á Châu, trên trán in hằn dấu ấn tội ngộ sát một vị anh hùng của nước Ý, bản án có ghi thêm cái tội hèn hạ, gian manh, đã bắn giết bậy bạ còn già mồm đổ lỗi cho nạn nhân bằng những lời man trá. Trước ngực thì dán đầy hình ảnh, tin tức những vụ bỏ bom lộn, bắn giết lầm thường dân Iraq. Sau lưng còn cõng thêm cả đống hình ảnh tra tấn, hành hạ tù binh ở Abu Ghraib.

Và cổ thì đeo toòng teng bài báo của mấy anh tài phiệt *Wall Street Journal*, nhục mạ dân tộc Ý là hành xử ẩu tả vô ý thức, cố tình phụ lực tiếp tay cho quân khủng bố!

Anh ta không nhổ vào mặt tôi, mà chỉ "No English", chẳng thèm nói chuyện, thì đã là người hiền hoà, từ bi, lịch sự lắm rồi.

Sau đó tôi có thoáng nghĩ đến việc từ giờ, ra khỏi nước Mỹ, sẽ xưng mình quốc tịch Lèo, Cam

Bốt, Hmong... cho nó yên thân. Nhưng thấy làm thế hèn quá và bất công với dân tộc Mỹ. Trước đây, dân Mỹ chọn được những nhà lãnh đạo lỗi lạc như Reagan, Clinton (tôi không sáng suốt bằng họ, đã không bỏ phiếu cho ông Clinton nhiệm kỳ đầu), tôi đã chung hưởng phúc lợi và niềm hãnh diện. Bây giờ Mỹ có ông Tổng thống xui xẻo, nước Mỹ bị khủng bố tấn công, triều đình thì hầu hết là những anh chị bất tài, đầu óc tối tăm, nước Mỹ rơi xuống một vũng lầy, khiến mặt mũi toàn dân Mỹ bị lấm lem, xấu xí... mình lại trốn thì coi sao được. Đành chỉ cầu mong suốt chuyến đi không bị ai hỏi nữa. Nếu bị hỏi thì vẫn phải hiên ngang nhận quốc tịch Mỹ, rồi gồng mình chịu trận với toàn dân.

Nhưng tôi không ngờ. Các bạn cũng không thể tưởng tượng được đâu.

Các bạn nghĩ dung nhan tôi bị chính phủ ông Bush trang điểm cho đến thế là xấu xí quá rồi, không thể nào còn xấu xí hơn được nữa chứ gì. Tôi cũng nghĩ thế. Vậy mà chưa đầy 24 giờ sau, tôi, vâng, chính tôi, lại làm cho nó xấu xí thêm.

Khoảng 9 giờ sáng ngày 5 tháng 4 tôi gia nhập dòng người, đông cỡ nửa triệu, tiến về đền thánh Peter để viếng linh cữu Đức Giáo Hoàng. Bầu trời trong xanh, sáng choang. Thời tiết tuyệt hảo. Có những cơn gió lạnh thỉnh thoảng ào qua khiến mình lại thấy rất dễ chịu với sự ấm áp của đám đông. Đến giữa trưa mà nắng không làm cháy da, chỉ bắt ta cởi bớt áo choàng.

Xế trưa, chúng tôi tiến tới một đoạn đường cong, bên phải là những ngôi nhà cổ kính, bên trái là bức tường thành cao vút, khiến tôi hơi bâng khuâng, xúc động, như mình vừa rơi xuống một không gian xa xưa, trong cổ thành La Mã. Đúng lúc ấy, nhân viên Toà thánh đến, phân phát những chai nước cho khách thập phương.

Tôi giơ tay lãnh được một chai. Đưa cho nhà tôi trước, theo đúng phép lịch sự, bà lắc đầu từ chối, tôi vừa mở nắp, định uống, thì tai họa bắt đầu.

Một bà người Ý, đứng sau lưng, vỗ vai tôi. Tưởng bà cần chai nước, tôi vội xin lỗi và trao cho bà. Nhưng bà lắc đầu, chỉ vào nhà tôi và nói một tràng tiếng Ý. Tôi hiểu ngay: bà nhắc tôi phải ăn ở với vợ cho phải đạo. *Bà ấy không nhìn thấy cái cảnh tôi đã mời, và nhà tôi đã lắc đầu.*

Tôi giải thích, bà ấy không hiểu, lại tuôn ra một tràng nữa. Người đàn bà tốt bụng, nhỏ tuổi hơn cô em út của tôi, cố gắng chen vào bài mo ran của bà mấy chữ tiếng Anh. Hai lần tôi nghe được bà nói "lady first".

Tôi lúng túng, khổ sở. Ngôn ngữ bất đồng kịch liệt đến thế này thì làm sao minh oan, làm sao giải thích cho bà rằng nhà tôi không cần chai nước ấy.

Trong túi áo choàng, và tất cả những cái túi to, nhỏ trên y phục nhà tôi đều có một gói lương thực đủ loại, đủ cỡ. Và trong cái ba-lô nhà tôi đeo trên lưng hôm nay, ít nhất cũng có ba chai nước lọc thượng hảo hạng.

Thói quen biến mình thành kho lương thực di động, nhà tôi đã có mấy chục năm nay, khi các cháu còn nhỏ. Ra khỏi nhà vài ba giờ thôi là thế nào cũng có một cô cậu thình lình kêu đói khát giữa đường. Khi các cháu lớn, tôi tưởng Các Uỷ Ban cứu đói nằm rải rác trong xắc tay, túi áo nhà tôi sẽ dẹp tiệm, biến luôn. Nhưng rồi chúng tái xuất hiện, hoạt động hung hãn hơn, vì bây giờ thì đến phiên những cô cậu học trò nhỏ của bà ở trường Casillas rất cần cô giáo ban thưởng kẹo, "cúc- ki", mỗi khi chịu ngoan ngoãn học hành!

Rồi thừa thắng xông lên, các Uỷ ban cứu đói mở rộng tầm hoạt động, xâm lăng chiếm đóng luôn cả những chuyến du lịch của gia đình. Mới đây, nhân viên an ninh phi trường Heathrow - Luân Đôn đã hết hồn khi thấy hình quang tuyến túi xách của nhà tôi hiện ra bốn cái gói dung nhan rất bí hiểm, khả nghi. Moi ra khám lại thì được một gói kẹo gummy Bear và ba gói đậu phọng rang.

Gặp dịp phải chuẩn bị cho một ngày dài xếp hàng, di chuyển chậm chạp giữa một rừng người như thế này thì nhà tôi trúng mối lớn. Nếu bây giờ ta khám bà ấy kỹ lưỡng, giống như bà cảnh sát ở phi trường, thì chắc chắn sẽ truy tầm được một số lượng lương thực hùng hậu đủ cho cả gia đình vượt sa mạc Sahara.

Nhưng ngôn ngữ, chữ nghĩa đâu mà giảng giải ngần ấy chuyện cho cô em người Ý, để cô ấy hiểu việc đưa chai nước cho nhà tôi là chở củi về rừng.

Nếu tôi lanh lợi, tháo vát như bạn Lạc, bạn Toàn, bạn Thiện, hay thông minh, sáng suốt như bạn Cơ, bạn Thạch, thì tôi đã thấy ra một giải pháp vô cùng giản dị. Chỉ cần lễ phép xin nhà tôi phát tâm Bồ Đề cho tôi được thọc tay vào túi áo choàng, hoặc mở cái túi xách, cái ba lô, lục lọi, tóm cổ cho được một chai nước lọc. Rồi cầm chai nước thẳng cánh giơ lên thật cao giữa trời La Mã, cho cô em tốt bụng và tất cả những hội Bảo Vệ Nữ Quyền khắp nước Ý đều nhìn thấy, là xong

ngay, ổn ngay chứ gì.

Nhưng hôm đó đầu óc u mê, ám chướng làm sao! Tôi lại bày đặt ra một giải pháp cầu kỳ, rắc rối, đòi hỏi khả năng diễn xuất cao và tinh thần hợp tác tuyệt đối của nhà tôi. Tôi nói nhỏ với nhà tôi thế này:

"Bà người Ý đứng sau anh đang sỉ vả anh dữ lắm về cái tội không thương vợ con, tác phong kém lịch sự với đàn bà, vì bà ấy không thấy anh đưa chai nước mời em trước. Vậy mình phải tái diễn cảnh đó. Anh lại đưa chai nước, nhưng lần này em phải biểu diễn màn "Em chả! Em chả!" phải "say no to... nước" thật hung hãn, ồn ào như học sinh "say no to drug" để cứu vãn danh dự cho anh.

Có hai giả thuyết: Hoặc lúc đó nhà tôi, bị chia trí vì những bài thánh ca, những lời kinh cầu đang vang vang phủ xuống đoàn người, không nghe rõ, không thấu triệt kế sách của tôi.

Hoặc nghe rõ, hiểu hết, nhưng thấy tự nhiên có người sỉ vả ông chồng giùm về tội không thương vợ con thì bà... chịu quá. Lâu nay bà ấy vẫn ngứa tai vì cái tật ăn nói huênh hoang, phét lác của ông xã, và rất hầm cái vụ tôi lười biếng, không chịu chăm chỉ làm ăn, khiến gia đình ở Mỹ ba thập niên rồi mà vẫn sống đạm bạc, nghèo nàn, chỉ khá hơn thời ở Việt Nam một tí. Và bà ấy cố tình bỏ mặc tôi đắm chìm trong bể khổ, ở sau lưng, cho bõ ghét.

Giả thuyết nào đúng thì cũng dẫn tới việc nhà tôi không hợp tác, và bà đã diễn xuất màn "say no" dở ẹc, yếu xìu.

Tôi đưa chai nước, bà chỉ gạt nhẹ ra, không nói không rằng. Khán giả và các phê bình gia điện ảnh thấy rõ đây là một sự từ chối vô cùng giả tạo, hoặc bớt khe khắt hơn, đây là màn từ chối của một người đang... dỗi.

LƯU VĂN VỊNH

LÀN KHÓI

Lơ lửng nhân gian
làn sương
lóng lánh.
Lưng ong làm cầu
đôi bờ mộng
liễu xanh chuyện gió lao xao
Nhánh đào
mọc sa mạc
bức họa vội vàng
nghịch ngợm Hóa công
vẽ giai nhân muôn bản
ném bụi trần
mù mịt phù vân
ta vẫn tìm em thiên nhiên bản chính
một kiếp sao óng ả giữa tờ xuân .

MỒI VÀ BÓNG

Em là mồi
hay bóng?
tôi thả
hay tôi bắt
hình em?
bóng tôi thả câu
em là cá
lượn lờ nông sâu!
chẳng buông mồi
toan bắt bóng
em là mồi là bóng
chơi đùa lưỡi tôi câu!
giữ mồi bắt bóng
cả bóng lẫn mồi
vùng vẫy
lưỡi câu mồi bóng
bọt vỡ hình trôi!

MỸ THUẬT

Mỹ thuật là khoảng cách đều
mắt này sang mắt kia
khoảng cách rút ngắn
tay ta đến tim người.

Tất nhiên, bà người Ý không bị thuyết phục, và tiếp tục giảng mo-ran. Giọng không gay gắt như trước, nhưng dai dẳng vô cùng.

Lâm vào mạt lộ, tôi đành mặt trơ trán bóng, đạp lên dư luận mà đi. Trước mấy chục cặp mắt vây quanh, đàn bà thì trách móc, đàn ông thì khó chịu, tôi ngửa cổ giữa trời La Mã, ừng ực tu chai nước lọc trong tủi nhục, ê chề.

Lại phải làm bộ hơi nhăn nhó, khổ sở, không dám lộ ra trên mặt một nét hả hê bần tiện nào.

Anh già Mỹ gốc Á châu, mặt mũi đã xấu xa, bẩn thỉu, gớm ghiếc vì tài trang điểm của chính quyền ông Bush, giờ lại tự đắp thêm lên mặt mình một đống bùn đen.

Khoảng một giờ sau, dòng người xô đẩy đưa bà người Ý và những người quanh tôi lúc đó thụt lại phía sau, mất hút. Họ sẽ mang theo, có khi suốt đời, hình ảnh một anh già thô tục, tham lam, tranh phần ăn uống của vợ con.

May thay, khoảng hơn bốn giờ chiều, khi chúng tôi vượt qua cửa toà thánh thì những chuyện đáng buồn tôi vừa kể thình lình rớt hết xuống, nằm lại sau lưng, giống như những giầy dép chúng ta thường bỏ lại bên thềm, trước khi đặt chân vào một chốn tôn nghiêm. Lòng tôi thanh thản, vui vui. Tôi nhìn quanh, luôn gặp những nụ cười thân ái.

Khi đến chỗ đứng đợi cuối cùng, thấp thoáng thấy Đức Giáo Hoàng, tôi bỗng bồi hồi cảm thấy yêu mến và biết ơn dân tộc Ý.

Gần nửa thế kỷ trước, một nhà văn Ý đã cho tôi thế giới trẻ thơ của một chú bé thật dễ thương, đã dạy tôi những cách ăn ở, đối xử vô cùng đẹp đẽ. Hôm nay tôi lại được dự lễ tiễn biệt một vĩ nhân mà dân tộc Ý đã tặng cho loài người.

Các bạn cũng nhớ mà. Thời Trung học, chúng ta đã truyền tay nhau, say mê đọc "Tâm hồn Cao Thượng" của Hà Mai Anh, dịch từ bản tiếng Pháp "Grand Coeur" (nguyên bản tiếng Ý là "Cuore" thì phải?). Cùng những cô cậu bé con nước Ý, chúng ta được nhà văn Edmondo De Amicis giảng những bài học về tình bè bạn, gia đình, tình yêu tổ quốc, kể cho nghe những chuyện thật hấp dẫn, thật đẹp đẽ, chan chứa tình người.

Làm sao quên được những năm đó, những năm thơ ấu thần tiên nhưng cũng lạ lùng, đầy biến cố của chúng ta.

1954, Việt Nam bị chia đôi, Việt cộng chiếm miền Bắc. Theo cha mẹ lánh nạn vào Nam, chúng ta tụ hội dưới mái trường Nguyễn Trãi, trong lớp 6B4. Chúng ta chưa đủ tuổi đi bầu vị Tổng thống đầu tiên của Việt Nam cộng hoà. Chúng ta ý thức mơ hồ về sự tồi tệ của chế độ Cộng sản. Cũng lơ mơ không biết là mình đã thật may mắn khi ông Ngô Đình Diệm chọn cho miền Nam chế độ dân chủ, tự do. Ở miền Bắc, trẻ em đồng tuổi bị dúi vào tay những bài hát, những cuốn sách ca ngợi lãnh tụ như thần thánh. Ở miền Nam, chúng ta được tự do tìm đọc những tác phẩm văn chương làm đẹp tâm hồn.

Rồi lớn hơn, khôn hơn, thế hệ chúng ta, các bạn bè lớp 6B4 thân yêu của chúng ta bắt đầu dự phần vào việc xây dựng và bảo vệ đất nước. Năm 1975, không ngăn nổi đoàn quân xâm lăng của Cộng sản, chúng ta bại trận, nước mất nhà tan. Trần Đại, Khải Tóc Xoăn hy sinh. Tôi và một số bạn thoát ra nước ngoài. Hơn nửa lớp 6B4 bị giam cầm.

Sau đó nhiều năm, tôi không bao giờ dám nghĩ là Cộng sản sẽ xập tiệm. Chúng nó ăn gian nói dối chuyên nghiệp, dư sức lừa bịp dài dài một thế giới ngây thơ. Chúng chinh phục người bằng cái gian, cai trị người bằng cái ác. Lọt vào tay chúng rồi là hết ngo ngoe, cục cựa. Chuyện người dân trong chế độ Cộng sản vùng lên phá vỡ gông xiềng là phép lạ tôi không tin thế hệ mình sẽ được thấy.

Thế mà, sau khi dân Mỹ bầu lên một vị Tổng thống lỗi lạc, các nhà lãnh đạo Vatican phá bỏ truyền thống hơn bốn trăm năm, đưa một nhà tu người Ba Lan lên ngôi Giáo Hoàng, phép lạ đã xảy ra.

Khi chọn đức Giáo Hoàng John Paul II, toà thánh đã tặng cho thế giới một vị lãnh đạo tinh thần có đầy đủ kinh nghiệm sống của người dân trong hai loại chế độ sắt máu tàn bạo nhất: Độc tài Phát xít và độc tài Cộng sản. Ngài nhìn thấu ruột gan, tâm địa chúng nó. Ngài biết rõ những trò gian xảo của bọn Trùm Đỏ. Và quan trọng nhất, ngài đã sống, đã biết tường tận nỗi khốn khổ của người dân bị tước đoạt quyền làm người, suốt đời đeo nặng cùm gông.

Biết rõ nội lực, đởm lược, của bọn lãnh tụ gian ác, nhìn thấy ngọn lửa phấn đấu còn cháy âm ỉ trong tim những người dân bị trị, Ngài trở lại Ba Lan, chống cây Thiền Trượng trên đất quê hương, và nói với triệu triệu những con người đang bị giam trong ngục đỏ: "Các con đừng sợ!"

Dân tộc Ba Lan hết sợ. Rồi các dân tộc ở Đông Âu cũng hết sợ.

Ngày ngài lên ngôi Giáo Hoàng, Cộng sản còn trói chặt một nửa thế giới trong xiềng xích, gông cùm, còn đang rất mạnh mẽ, hung hăng. Ngày ngài từ giã cõi trần, hầu hết cùm gông đã bị đập tan, chủ nghĩa Cộng sản đang ngắc ngoải. Tàn dư của nó chỉ còn vài ba con chó cụt đuôi đang dùng danh xưng rữa nát ấy làm dây buộc ngai vàng.

Từ chỗ đứng đợi sau cùng, chúng tôi được nhân viên Toà Thánh mở sợi dây chắn, cho từng nhóm nhỏ tiến vào. Hết xếp hàng, chen vai thích cánh, chật chội khổ sở, tôi được quyền thong thả đến gần linh cữu Đức Giáo Hoàng. Nhưng không dám rề rà quanh quẩn, vì sau lưng tôi có cả triệu người đang chờ. Chỗ đứng quí giá này cần trả lại gấp cho những tín đồ. Tôi là người ngoại đạo.

Hai chữ "ngoại đạo" lại bật ra trong trí, khi tôi vái lậy tiễn biệt ngài. Thoạt đầu, tôi tưởng nó tai quái nhắc nhở là tôi đang làm một chuyện sai trật, không đúng lề lối thông thường của thế gian. Nhưng không phải, nó chẳng chê trách gì, mà chỉ lẳng lặng hướng dẫn, giúp tôi đột nhiên, trong khoảnh khắc ấy, nhìn thấy rõ hơn một món quà quí giá của Tạo Hoá.

Tạo hoá cho con người một trần gian để sống, lại cho mỗi chúng ta một khu vườn tâm tưởng đặc biệt riêng tư để làm nơi trú ẩn khi cần.

Vườn nuôi dưỡng, cất giữ giùm ta những bóng dáng, hình ảnh ta gặp trên đời. Trong khu vườn riêng, ta hoàn toàn tự do xếp đặt, chọn lựa. Những yêu thương, hờn giận, được tôn trọng tuyệt đối. Vườn lại vô cùng bí mật, chỉ mình ta thấy nó. Nếu ta quyết tâm giữ kín, không kể lể, tâm sự vung vít, sẽ không ai biết gì về cỏ cây, hoa lá trong vườn. Và có ai biết, cũng là do ta mô tả lại thôi. Từng lá cây, ngọn cỏ trong vườn chỉ hiện hữu cho một mình ta ngắm nghía.

Nó là chỗ trốn tuyệt vời cho những người suy nghĩ độc lập, không chịu hùa theo xu hướng của nhân gian. Trong những nước độc tài, một người có thể suốt ngày ca tụng bốc thơm lãnh tụ để được yên thân, nhưng trong khu vườn riêng của anh ta, lãnh tụ bị nằm ở một chỗ dơ dáy, bên cạnh những thùng rác hôi hám.

Giống như mọi loại vườn tược có thực, khu vườn trong tâm ta cũng nhận chịu rác rưởi do những trận gió đời bất ngờ thổi đến, những cỏ dại đột ngột mọc lên. Vườn đẹp xấu tùy theo số phận và lộ trình trên thế gian của mỗi người. Tuy nhiên, chủ nhân có toàn quyền đi tìm cho khu vườn riêng những cỏ cây, những pho tượng mình ưa thích.

Đạo Phật thì thờ Phật. Đạo Chúa thì thờ Chúa. Không nên phá rào lộn xộn. Tôi đã nghe, đã biết chứ. Nhưng sau khi Tổng thống Reagan đập đổ bức tường Bá Linh, Đức Giáo Hoàng đánh tan đám mây Sợ Hãi phủ kín bầu trời Đông Âu, rồi Phép Lạ - tôi tưởng đời mình không thể thấy - xảy ra, tôi quên béng chuyện đạo này, đạo nọ, và đã từ lâu tôi lẳng lặng rước hai vị về khu vườn, để trong cái góc dành riêng cho những vị thánh, và những bậc anh hùng.

Nói ra các bạn đừng cười: góc đặc biệt đó vô tổ chức, lộn xộn lắm. Bên cạnh Đức Giáo Hoàng, Tổng thống Reagan, tôi để tượng của rất nhiều vị anh hùng trong sử sách Việt, sử sách thế giới. Và xa xa lại có những ông Superman, Batman, Tarzan, Zorro, và cả chú bé xứ Lom Bác Đi, chú bé Đánh Trống thổi kèn người Xạc- Đê, trong truyện Tâm hồn Cao Thượng v.v... Họ được cậu học trò lớp 6B4 xếp vào góc vườn cao quí tự thủa nào.

Còn một góc vườn tôi giấu kỹ lâu nay, nhân dịp này, cũng thành thật khai báo với các bạn luôn.

Đó là góc vườn tôi để chân dung của dân tộc Pháp.

Sau 9/11, Pháp ủng hộ ta đánh Taliban ở A phú hãn, nhưng rồi lại không đồng ý vụ ta tấn công, chiếm đóng Iraq. Thế là cả nước Mỹ nổi lên chống Pháp tưng bừng. Tôi sợ bạn bè, đồng nghiệp, và xóm giềng, chê là "không yêu nước," cũng hùa theo chống dữ lắm. Không hung hăng đến mức đổ rượu Tây xuống cống, vì hơi tiếc của, nhưng đêm nào cũng nức lòng ngồi chờ nghe Jay Leno kể tiếu lâm giễu lính Tây hèn. Tôi cũng nhanh nhẹn tiếp tay phổ biến truyện giễu Tây trên Internet. Nhưng trong góc vườn bí mật, tôi vẫn giữ một chân dung thật đẹp của những nhà báo Pháp đã chia buồn với nước Mỹ bằng một câu thật văn chương, mà cũng thật chí tình: "Hôm nay, tất cả chúng ta đều là người Mỹ." Và ông Tổng thống Pháp, trong góc vườn đẹp đẽ bí mật của tôi, vẫn là một nhà lãnh đạo già dặn, nhân hậu, đáng kính, đã khôn ngoan nhìn thấy từ lâu những tai hoạ mà chính quyền ông Bush đang đem lại cho dân tộc Iraq và đoàn quân chiếm đóng.

Buổi chiều hôm ấy, khi nhìn rõ khu vườn riêng của mình, tôi thoáng thắc mắc, tò mò: khu vườn của Đức Giáo Hoàng thì sao? Có những kỳ hoa,

dị thảo gì trong đó?

Và tôi ngờ rằng khu vườn của ngài có thể vô cùng phong phú, nhưng không vui tươi, tưng bừng như vườn của chúng ta đâu.

Một tháng trước khi qua đời, ngài còn được Định mệnh dẫn tới gần, thật gần một nạn nhân tí hon của chiến tranh Iraq. Cuối tháng hai, bị khó thở, Đức Giáo Hoàng được đưa vào bệnh viện Gemelli - Rome. Một bé gái Iraq 4 tuổi cũng đang nằm trong đó, chờ chữa phần thân thể bị tê liệt vì bom.

Năm ngoái, ở thành phố Nasiriya - Iraq, trong cuộc giao tranh giữa binh sĩ Ý và quân phiến loạn, một trái bom nổ tung phòng ngủ của Diar Hussein. Mảnh bom trúng xương sống, em bé tê liệt một chân.

Nghe nói có Đức Giáo Hoàng cũng nằm ở nhà thương này, em bé cầu nguyện luôn cho ngài: "Cầu xin Thượng Đế cứu cả hai ông cháu."

Em bé Iraq Diar Hussein đã tình cờ được dịp cầu nguyện lại cho một người mà trong mấy năm nay, có lẽ ngày nào cũng nguyện cầu cho những tang thương của dân tộc em sớm chấm dứt.

Các vĩ nhân như ngài, lo cái lo của thiên hạ, đau cái đau của thiên hạ, không có chỗ nào cho nguồn vui, hạnh phúc riêng tư. Tâm trí ngài hướng cả về những vùng đất tang thương đau khổ trên khắp mặt địa cầu. Khu vườn của ngài chắc đã biến dần thành trại tị nạn, đón nhận những con người, những tâm hồn, những dân tộc, đang cần giúp đỡ, che chở.

Chắc chắn có cả em bé Diar Hussein và gia đình, dân tộc của em.

*

Đầu đuôi câu chuyện đã kể rõ, giờ đến phần nhờ vả các bạn hiền đây:

Chắc còn lâu lắm, có thể chẳng bao giờ, tôi dám trở lại thành phố Rome. Những vụ chen chúc lên xe buýt, xe điện, nhớ lại còn hãi hùng. Vì những hôm đó, thành phố có thêm mấy triệu người về dự lễ nên mới khủng khiếp thế, tôi biết. Nhưng chắc trong một thành phố lớn, ngày thường cũng chỉ khá hơn tí ti thôi. Luân Đôn không lễ lạc gì, mà nhảy lên xe buýt trúng giờ đi làm hay tan sở, là vỡ mặt. Vả lại, vì quí trọng Đức Giáo Hoàng, mình chen lấn, chiếm chỗ đứng quí giá của một tín đồ Thiên Chúa giáo, chẳng ai phiền trách. Nhưng về hưu rồi mà còn làm chật thêm xe cộ của những người đang vất vả mưu sinh, thấy hơi áy náy. Không giúp ích cho đời thì cũng nên cố gắng tránh làm phiền nhân loại.

Nhưng lý do chính là, như đã kể, ngày 5 tháng tư, tôi lỡ để lại ở Quảng Trường trước toà Thánh một dung nhan thật xấu xí, bẩn thỉu, nghĩ lại mắc cỡ quá. Chắc phải tránh mặt dân tộc Ý một thời gian dài.

Vậy bạn nào có dịp đến nước Ý, làm ơn giúp tôi hai việc:

Trước hết, tìm gặp Thủ Tướng Silvio Berlusconi. Bạn cho tôi gửi lời chia buồn với ông về vụ binh sĩ Mỹ vô tình hạ sát một sĩ quan ưu tú, một vị anh hùng của Ý. Chia buồn với ông và với cả dân tộc Ý.

Riêng về bài báo ném vào đám tang Nicola Calipari những lời nhục mạ chính phủ và nước Ý của tờ *Wall Street Journal* thì bạn thưa lại giùm rằng bọn Mỹ WSJ không giống chút nào với một dân tộc Mỹ mà tôi được biết.

Suốt ba mươi năm sống trên xứ này, tôi đã may mắn gặp gỡ và làm việc với nhiều người Mỹ, từ người thợ đóng tầu ít học đến vị giáo sư kiến thức uyên thâm của những trường Đại học danh tiếng, tôi chưa thấy ai ăn ở, xử sự mọi rợ, thô bỉ đến như thế.

Xin ông Thủ tướng hiểu cho rằng bọn Mỹ WSJ không là dung nhan dân tộc Mỹ, báo chí Mỹ. Cũng như trước đây ông đã rộng lượng hiểu cho là bọn lính hành hạ tù binh ở Abu Ghraib không thể hiện tác phong của toàn thể quân lực Hoa Kỳ.

Sau khi nói chuyện với ông Thủ Tướng, bạn chịu khó tìm gặp cô em Út người Ý. Cô em tốt bụng đã quyết liệt chiến đấu với tôi để bảo vệ quyền lợi cho một bà chị hoàn toàn xa lạ. Bạn trình bày với cô tất cả sự thật, giải oan cho tôi. Chẳng phải vì tôi muốn mặt mũi mình sạch sẽ hơn, mà chỉ vì muốn khu vườn riêng của cô em bớt được một đống rác, một vùng cỏ dại khô cằn, xấu xí, mà tôi đã oan uổng và vô tình để lại.

Đứng bên Đức Giáo Hoàng hôm đó, vì vội vã, tôi quên mất, chẳng cầu xin, khấn nguyện một điều gì. Chỉ khi chợt thấy khu vườn riêng trời cho mỗi chúng ta, thì nảy ra một ước mơ.

Ước mơ rằng chúng ta, nếu không được là hoa thơm, trái ngọt, thì ít nhất cũng là một vùng cỏ mướt xanh trong khu vườn tâm tưởng của tất cả những ai ta có cơ duyên gặp gỡ trong đời.

Tháng 4- 2005

Vượt qua, vượt qua bờ kia

LÊ ANH DŨNG

(Nỗi mừng vui khi bắt đầu có đối thoại hai chiều ôn hòa về cuộc chiến vừa qua)

Lúc Việt Nam Cộng Hòa sụp đổ, tôi còn là một thiếu niên. Tôi rời Việt Nam năm 1981 bằng thuyền. Sau đó có dịp học tập và làm việc tại Pháp, Ả Rập, Mỹ, đôi khi làm việc với 12 người quốc tịch khác nhau trong cùng một nhóm, đôi khi công việc làm có đối tượng là 57 quốc gia ở cả năm châu lục. Tôi cũng có dịp được thăm viếng trên 30 quốc gia ở bốn lục địa, trừ Úc Châu. Tôi xin phép kể rành rọt chỉ để nói cho có cơ sở. Chuyện thấy nhiều cái khác nhau, giao tiếp với nhiều sắc dân khác nhau, cũng tương đối hóa nhiều chuyện, vì đúng ở đây có thể là sai ở chỗ khác. Và những cái gọi là chân lý nhiều khi chỉ là phấn son, ngôn từ, qui ước, những nhồi sọ được nhập tâm. Còn kể về công việc làm với nhiều người ngoại quốc, để nêu lên là do làm việc chung dài ngày, đối diện với những căng thẳng, đụng chạm thường nhật, rồi có dịp thắc mắc, hỏi han trao đổi, nên nhận xét của tôi có phần khác nhận xét của một khách du lịch cỡi ngựa xem hoa.

Đi thăm các quốc gia từ Thái Lan qua Ấn Độ, qua bán đảo Ả Rập, lên những quốc gia Bắc Phi như Algeria, Marocco, rồi vòng qua những quốc gia lân cận Pháp ở châu Âu, rồi lên những nước Bắc Âu như Na Uy, Đan Mạch, Thụy Điển... điều làm tôi ngạc nhiên, cảm động là Việt Nam Cộng Hòa, nơi tôi đã sinh ra và lớn khôn, thật không tệ lắm so với những nước tôi đã thăm. Chiến tranh thảm khốc, dân quê chạy loạn tan tác ra tỉnh, cả xã hội bị đảo điên, đạo đức suy đồi, người chết, nhà tan, cửa nát... nhưng phải nói Việt Nam Cộng Hòa trong thời gian hiện hữu ngắn ngủi chỉ có 20 năm, so với tất cả tai ương phải gánh chịu, đã là một xã hội có nền móng khá tốt đẹp. Việt Nam Cộng Hòa có một hiến pháp đàng hoàng, do cấu trúc chính trị dựa trên tam quyền phân lập, báo chí có một tự do tương đối, một xã hội dân sự hiện diện với sự hoạt động độc lập của các tôn giáo, hội đoàn, hiệp hội. Văn sĩ viết văn, thi sĩ làm thơ theo ý mình. Nhạc sĩ công khai phản chiến như Trịnh Công Sơn được yêu thích công khai, bài hát của anh lưu hành tự do, một đồn vắng cũng vang lên lời ca của anh, một anh lính rằn ri, trông thật ngầu cũng huýt sáo nhạc Trịnh Công Sơn trên môi. Những văn, nghệ sĩ thân cộng như Vũ Hạnh, Sơn Nam, Miên Đức Thắng... được chính quyền đối xử khoan dung. Chân Tín, Nguyễn Ngọc Lan, Phan Khắc Từ, Ngô Bá Thành... chống đối chính quyền tối đa. Tự do tư tưởng có bị hạn chế nhưng ngẫm lại thật quá quá ít... Chính do nền tảng khá lành mạnh đó, nên bên cạnh một số lãnh đạo bất xứng, những tệ đoan, thì những người đàng hoàng, tư cách có thể nói lên những điều mình suy nghĩ và tin tưởng. Những chỉ trích dõng dạc về những bê bối của chính quyền được phát biểu công khai, việc phản đối sự can thiệp của người Mỹ cũng được cất lên, vang tới tai quần chúng dù tài nguyên đất nước không khai thác được do chiến tranh, và cả miền Nam sống nhờ viện trợ Mỹ.

Miền Nam trước 1975 ngoài nền tảng căn bản khá đàng hoàng, tốt đẹp nêu trên, đã đứng được là nhờ máu xương của những người lính, những hạ sĩ quan, sĩ quan từ cấp úy tới cấp tướng. Quân đội Cộng Hòa không phải là câu lạc bộ của những ông thánh, nó được cấu thành bởi những con người bình thường nên có người tốt, kẻ xấu, có những chuyện chèn ép bất công, thối nát, những tệ nạn như bất kỳ một tập thể lớn nào, nhất là trong thời chiến, với người lính, sống chết là cái được thua, và thua một lần là mãi mãi. Trên chiến trường, máu của người nghèo, của người cùng khổ cũng luôn đổ nhiều hơn máu người giàu. Nhưng tôi vô cùng tri ân tất cả những cá nhân đã làm nên tập thể Quân lực Việt Nam Cộng Hòa, tập thể mà nhờ nó, tôi, gia đình tôi và hàng triệu gia đình khác được sống trong một đất nước, mà hàng chục năm sau, khi có dịp thăm trên 30 quốc gia, tôi

thấy không tệ. Guồng máy công quyền của nó hiệu quả hơn Ấn Độ, nó thoải mái hơn hầu hết các quốc gia Ả Rập, nó đàng hoàng hơn Italy là một nước đang nằm trong nhóm G7, đại biểu quốc hội của nó không đánh nhau thường trực bằng chân tay như ở Đài Loan, Đại Hàn bây giờ, tham nhũng hạng gộc của nó ít hơn rất nhiều, có liêm sỉ hơn so với những nước khác, cụ thể là những lân bang như Phi Luật Tân, Indonesia... Thành thật mà nói, tôi không sống ở những vùng xôi đậu, một cổ hai tròng để có một nhận định tương đối hoàn chỉnh từ nhiều góc nhìn.

Sau hiệp định Paris, nhất là sau Watergate, sự tồn tại của Việt Nam Cộng Hòa chỉ còn là vấn đề thời gian, khi nước Mỹ từ chính quyền tới quốc hội đều muốn phủi tay, khi quyết tâm chiếm đóng đất nước, bắt mọi người phải theo ý mình của một nhóm lãnh đạo miền Bắc vẫn không lay chuyển, khi viện trợ vô giới hạn của khối cộng sản vẫn tiếp tục được đổ đều vào miền Bắc. Cái thế đó khiến cho lãnh đạo Việt Nam Cộng Hòa phải lấy những quyết định gây thảm họa, sụp đổ dây chuyền.

Sau năm 1975, gia đình chúng tôi được gặp lại cô, chú, bác, dì ruột sau hơn 20 năm xa cách. Tôi cũng có những bạn là bộ đội phục viên trở về trường học.

Rồi: Hàng trăm ngàn người bị tập trung khổ sai cải tạo. Cải tạo công, thương nghiệp. Văn, nghệ sĩ, sư, cha, kéo nhau vào tù. Sinh hoạt tâm linh, tu hành bị hạn chế, cấm đoán. Trong lý lịch ở trường học, gần như mọi học sinh đều tự giác khai là "không tôn giáo," nếu không kỳ thị thì tại sao lại bắt khai về tôn giáo? Các hoạt động giáo dục, y tế, xã hội, từ thiện cũng bị tước ra khỏi bàn tay của tư nhân, hiệp hội tôn giáo. Có lẽ chỉ có việc săn sóc những người phung cùi là nhà nước không hăng lắm để kéo vào vòng quản lý của mình, ở đó những tu sĩ vẫn được để yên làm việc. Nên việc bố tôi, một thương phế binh Việt Nam Cộng Hòa với cấp độ tàn phế 90%, chân tay, bụng, mắt bị rách bươm, phải đi "cải tạo" sáu năm rưỡi chỉ là một chuyện bình thường so với bao dâu bể đang xảy ra chung quanh.

NGUYỄN ĐỨC HÒA

Vinh Zui

Trúc tơ thổi lại thời xưa
Thám hoa, tiến sĩ giấc vừa thiu thiu
Nam kha mộng nở bao nhiêu
Trạng nguyên bái tổ ngựa chiều chùng cương.
Quân đưa rợp cả bên đường
Nhạc rung theo bóng cờ trương nhịp nhàng.
Tơ liễu rủ xuống nắng vàng
Cây đa tỏa rễ, cổng làng chênh vênh.
Phu nhân thắt giải lưng xanh
Mỉm cười trên võng, long lanh mắt tình.
Vườn chè trăng giãi thanh thanh
Bao nhiêu mơ ước thành hình đêm nay.
Mũ cánh chuồn, hốt trên tay
Giấc mơ phú quý những ngày bút nghiên.
Ngự bào thánh thượng vừa ban
Trên lưng bạch mã bon bon bước lần
Vinh hoa nghiêng cả gió trăng
Trăm năm bia miệng, ngàn năm bia đền.

Vàng son thời của Trạng nguyên
Trôi vào dĩ vãng lãng quên lâu rồi.
Chỉ còn bia đá mà thôi
Và còn danh tiếng nức mùi thời gian.

Thế rồi hàng triệu người đổ ra biển, bất chấp hãm hiếp, bất chấp cái chết, khi đất nước đã qui về một mối, khi không còn gót giày ngoại bang.

Sóng người chỉ bắt đầu chấm dứt khi thế giới không thể nào tiếp tục mở cửa đón nhận.

Một buổi sáng cuối tháng 9, nắng nhẹ, tôi đứng bên trong cửa sổ của phòng Đức Đạt Lai Lạt Ma ở điện Potala, Lhasa nhìn ra ngoài. Trời xanh cao trong veo, sự ấm áp hiền hòa, sự hiện diện của Đạt Lai Lạt Ma vẫn tràn đầy căn phòng mà ông đã sống từ bé thơ, đã rời xa trên 40 năm. Năm xưa, cũng từ khung cửa sổ nhỏ này, chỗ tôi đứng này, cậu bé nghịch ngợm Tenzin Gyatso mơ mộng nhìn ra ngoài, từ bờ thành cao của Hồng Cung, cậu đã nhìn xuống chân đồi, đã chiêm nghiệm về sinh tử, khi thấy dân chúng dẫn những gia súc đi sát sanh (quí vị nhìn hình Potala có hai phần: Hồng Cung đỏ sậm và Bạch Cung trắng, một dành cho sinh hoạt tôn giáo, tâm linh, một dành cho công việc hành chánh, thế sự, vì Đạt Lai Lạt Ma ngoài địa vị tôn giáo, còn đứng đầu Tây Tạng). Đất nước Tây Tạng bị Trung Quốc xâm chiếm, chùa chiền, tự viện bị tàn phá, tăng sĩ bị giết hại, thiếu niên Đạt Lai Lạt Ma phải rời đất nước. Rồi từ đó sự tranh đấu ôn hòa bền bỉ, lòng từ bi, trí tuệ là cuộc đời của Tenzin Gyatso, và là tấm gương, là cảm hứng cho triệu, triệu người khắp quả đất. Cái nhìn của Đức Đạt Lai Lạt Ma là một cái nhìn quán chiếu, toàn diện, trước sau, nhân quả. Quan hệ giữa Trung Quốc và Tây Tạng, cũng như của loài người, là một chuỗi xâm chiếm và bị xâm chiếm lẫn nhau. Đức Đạt Lai Lạt Ma cũng nhắc, nhớ tới hành động vũ dũng của tổ tiên ông khi uy hiếp Trung Quốc, chiếm đóng Thanh Hải, Tứ Xuyên... Nhà Đường hàng năm phải triều cống "Thổ phiên," thậm chí năm 735, vì Trung Quốc thiếu phẩm vật, Tây Tạng đem quân bao vây Trường An. Tổ tiên của Đạt Lai Lạt Ma nếu không ngon lành, không đánh cho Trung Quốc te tua, thì công chúa Văn Thành làm gì phải lên chốn sơn cùng, thủy tận lấy vua Tây Tạng. Cũng chính vị công chúa này đã mang đạo Phật từ Trung Quốc tới với vua Tây Tạng, song song với đường khác từ Ấn Độ. Dòng sống miên viễn, có qua, có lại, nhân quả không cùng, từ chiến tranh mà một nàng công chúa phải lấy chồng trên núi thẳm, vạn dặm xa quê hương, để rồi hạt giống từ bi, hiểu biết theo nàng được gieo từ trên xuống dưới ở Tây Tạng. Tôi được chiêm ngưỡng bức tượng Phật mà công chúa Văn Thành đã đem vào Tây Tạng năm xưa.

Khi các cụ tổ của chúng ta còn là những cụ khỉ, làm gì có phân biệt khỉ Việt Nam, khỉ Trung Quốc, khỉ tư bản, khỉ cộng sản, khỉ Al Qaeda... Mọi sự liên tục thay đổi, biến chuyển. Những giá trị, những biểu tượng dù là thiêng liêng cũng cần phải liên tục nhìn lại. Việt Nam Cộng Hòa là đất nước cho tôi cuộc đời, cho tôi một căn bản vững chãi mà tôi không hề có mặc cảm khi đứng trước bất cứ ai ở bất cứ góc nào của quả đất, chỉ còn là một khoảnh khắc của lịch sử, như muôn vàn khoảnh khắc khác. Tại thời điểm này, công việc của chúng ta là làm sao đưa đất nước ra khỏi nền độc tài toàn trị một cách bình an, trong tinh thần "thương nhau chín bỏ làm mười." Con người gây đau khổ cho nhau và cũng con người biết nhận lỗi và tha thứ cho nhau. Sẽ không có ai giúp chúng ta cả, chính chúng ta như những người biết trưởng thành từ những mất mát, đổ vỡ, phải tự bước ra khỏi sự xâu xé, đấu đá, làm khổ nhau, ra khỏi sự chậm tiến hổ nhục. Đây là chuyện thực tế có ảnh hưởng trực tiếp tới chúng ta, con cháu chúng ta trong chính đời này, bây giờ.

Chúng ta nhắc nhở lại chuyện cũ để rút những bài học, để đi tới chứ không phải để là tù nhân của quá khứ. Những nỗi giận dữ, thù hận nhau dù không phải là không chính đáng, nhưng không có quyền làm chủ lấy tâm tưởng, hướng dẫn hành động của chúng ta. Trong mỗi người, phần tích cực luôn luôn tồn tại bên cạnh phần tiêu cực, cuộc đời là tấm gương, cười với nó, nó cười với mình. Chúng ta có thể cùng nhau xây dựng đất nước tốt đẹp như chúng ta muốn không, khi chúng ta không nói chuyện với nhau được? Mọi chuyện to lớn đều được kết thành bằng nhiều cố gắng nho nhỏ, đều đặn hàng ngày.

Thương nhau chín bỏ làm mười không chỉ là một tình cảm quảng đại, đây là một yêu cầu kỹ thuật. Chuyện không dễ chút nào, tâm hồn, thể xác của nhiều thế hệ Việt Nam còn đầy thương tích. Không dễ nhưng cũng không khó lắm, chúng ta không cần đợi nhà cầm quyền bắt nhịp cho chúng ta, chúng ta không cần đợi ông Võ Văn Kiệt nói lời xác đáng để mà gật gù, phấn khởi, hồ hởi. Chính chúng ta nói lời xác đáng để khai sáng, để dẫn đường, "Lời phải sẽ làm lệch quả đất," chúng ta xây dựng xã hội dân sự một cách thoải mái, giản dị bằng việc bình thường hoá đối thoại, bằng cách lắng nghe.

Hãy cùng nhau vượt qua, vượt qua bờ kia.

Viết Nov/2004, sửa May/2005

Quê Mẹ

TÔN NỮ THU NGA

Trong bữa ăn tối tại nhà Hoành, cậu Ngô nhậu mấy lon bia, mặt đỏ như Quan Công, Ngô cầm đũa khều khều mấy cục xí quách trong cái tô bự chị Liên vừa đặt xuống trước mặt còn nghi ngút khói. Ngô vểnh môi cười hề hề, hàm râu cá chốt lưa thưa rung động.

- Chuyến này mà chị về Quảng Ngãi là phải ghé thăm dì Diên, dì Bé. Hai dì ấy sẽ rất mừng khi gặp chị.

Tôi nhìn cái mặt ông kẹ của nó:

- Thôi, tao không có thì giờ thăm ai cả, mấy bả có biết tao là ai đâu mà biểu tao ghé?

- Sao không biết, mấy dì ấy thương má mình lắm, hồi đó tụi em đi buôn hoặc đi thủy lợi cứ ghé thăm và ở lại nhà hoài.

Tôi buồn man mác trong dạ mỗi khi các em kể chuyện đi buôn, đi thủy lợi, đi vượt biên... Tôi rời Việt Nam đã lâu năm, lúc nào cũng mang cái mặc cảm tội lỗi với anh em và bè bạn vì tự nghĩ rằng mình không chia sẻ gì với họ các nỗi thống khổ ấy. Lòng tôi day dứt khi có tin những người bạn gục ngã trong rừng sâu vì mang bệnh sốt rét, người mang bệnh suyễn không có thuốc uống, người có đôi mắt sắp mù... Dù bao nhiêu tiền bạc, thuốc men gửi về quê hương cho gia đình, cho bạn bè cũng không làm cho tôi vơi được cái cảm giác của người trốn chạy! Giọng nói Ngô lè nhè:

- Hồi đó, nhà dì Diên có cả mấy ngàn cây dừa tại Phú Thọ, nhà giàu lắm, buổi sáng ở xứ ấy họ làm don, kéo lưới lên kêu rột rột... Nếu chị tới, hỏi bà Diên là ai cũng biết.

Tôi lơ đãng nghe Ngô nói, tiếng được tiếng mất, chen lẫn trong tiếng bọn trẻ con gấu ó, tiếng mấy bà em dâu chuyện vãn trong một góc phòng khách và tiếng hát của cô Như Quỳnh vọng ra từ cuốn băng Thúy Nga trên máy truyền hình. Chiều chủ nhật nào, Hoành và Liên cũng nấu ăn và mời các cậu em đến nhậu nhẹt. Vợ chồng tôi lâu lâu mới đến một lần, hôm nay tôi đến giao chìa khóa nhà và nhờ các em đến coi chừng giùm trong lúc hai vợ chồng đi xa.

Tuần tới tôi và Tuấn về Việt Nam nghỉ hè, hai vợ chồng tôi muốn đi từ Bắc vô Nam để ngoạn cảnh và thăm bà con, bạn bè. Tôi cũng có thêm mục đích nữa là ghé Quảng Ngãi thăm quê mẹ. Từ ngày mẹ tôi mất đến nay, cái ý định ấy cứ lẩn quẩn trong trí tôi, hình như những thứ gì có liên hệ đến mẹ bỗng trở nên quan trọng hơn xưa, tôi khao khát đi tìm hình ảnh mẹ, tôi mong mỏi nghe chuyện của mẹ. Dường như tôi cứ vẩn vơ nghĩ rằng: những vết tích ấy, nếu tôi khơi dậy được, thì tâm hồn tôi sẽ thoải mái và thanh thản hơn... Ngày xưa khi tôi còn bé, ba tôi thường kể:

- Hồi đó trong thời chiến tranh, ba mẹ ở vùng quê, không có bác sĩ, nhà thương gì cả. Trong làng chỉ có các bà mụ, ai cần sanh đẻ thì gọi họ tới...

Tôi thường ngồi trên đùi ba, nhìn làn khói thuốc lào bay ẻo lả trên không gian, nghe giọng ba trầm trầm:

- Mẹ sanh ra con bên bụi tre đầu cầu Trà Khúc, nhỏ chút xíu mà không có sữa cho con bú nên phải nấu nước gạo cho bú thay sữa...

Bao năm trường tôi hình dung mãi cái bụi tre xanh ấy cùng đứa bé gái tí xíu, như một hình ảnh tội nghiệp nghèo nàn của một đời người bất hạnh nào đó, chứ không phải là hình ảnh của chính mình. Tuy nhiên, những câu chuyện ba kể cho tôi mỗi ngày có lẽ cũng giống như những dòng chữ ba viết trên trang giấy trắng trong đầu tôi, bằng cái ngòi viết lá tre, sắc sảo và ngay hàng thẳng lối, như những dòng thơ ba viết bằng mực tím. Tôi nhớ rằng ba tôi hay dạy cho tôi vẽ những cành tre, thân thẳng băng nhưng các lá tre thì cong mềm thon thon, rải rác lưa thưa che ngang một vành trăng tròn. Bên cụm tre ấy là mái nhà tranh nho nhỏ, hiên nhà có những cọng tranh thưa thớt như đám tóc trên trán mình. Thế là cái nhà tranh ấy nằm tận trong trái tim tôi trong một miền nào thơ mộng lắm, có ba mẹ , có bà vú già, có con chó mực và dường như có niềm vui nào tồn

tại vĩnh cửu. Tuy nhiên chuyến đi sắp tới tôi cũng không chắc rằng mình sẽ đạt được tất cả các mục tiêu vẽ sẵn trong chương trình. Tuấn lúc nào cũng than phiền:

- Sao em tham lam và ôm đồm quá vậy? Thời gian nghỉ hè mình chỉ có giới hạn vậy mà em muốn làm đủ thứ chuyện!

Tánh tôi như vậy đó, thích làm đủ thứ chuyện và lắm khi tôi làm chồng mình điên cái đầu. Dù vậy Tuấn cũng hay chiều chuộng vợ, lỡ rồi, chiều chuộng gần ba mươi năm, đâu còn bao nhiêu năm nữa để mà thay đổi?

*

Chuyến đi của hai vợ chồng thật là vui, sau mười ngày rong chơi miền Bắc, từ Lào Cai, Sapa, Bắc Hà, Yên Thế , Đoan Hùng. Tôi và Tuấn trở về Hà Nội vài ngày trước khi lên máy bay đi Huế. Ngày vui qua mau thật, rời Huế, lòng day dứt buồn nhưng cũng pha trộn một chút xôn xao khi nghĩ tới đoạn đường miền Trung mình sẽ du hành. Tuấn cũng nao nức lắm vì anh sẽ được nhìn lại những thị trấn ngày xưa anh đã sống với cha mẹ trong thời thơ ấu. Anh huyên thiên vui vẻ chỉ cho tôi những địa danh anh đã thăm viếng, những bãi biển anh từng cắm trại, những kỷ niệm vui buồn anh trải qua từ bé, lúc đi học, thời sinh viên và thời làm lính biển. Anh dẫn tôi vào bãi biển Lăng Cô, hai vợ chồng ngồi uống nước dừa nhìn ra biển sáng. Anh chỉ bãi cát anh thường tắm và xuýt xoa tiếc những bãi dương liễu mênh mang nay không còn nữa. Trên đường xuyên Trung, có chỗ đường đang sửa sang bụi bay mù mịt, có chỗ đường nhựa rất tốt. Khung cảnh cũng mường tượng như ngày xưa tôi đi du lịch cùng cha mẹ. Dọc đường, thóc phơi đầy dọc theo xa lộ, các người đàn bà bịt mặt làm việc trên đường. Có người bưng thúng thóc đổ nhè nhẹ trong gió cho những cọng rơm bay đi. Có người cầm cây chổi quét các ô lúa cho ngay ngắn, có người xúc lúa vào bao, chao ôi là bao nhiêu công việc khó nhọc cho chúng ta ăn được hạt cơm trắng. Trong các vùng trồng dừa, bên đường là những cái nia lớn, phơi toàn cơm dừa trắng xóa, đứng xa xa cứ tưởng là những tấm bánh tráng khổng lồ. Có vùng chuyên bán mắm nổi tiếng, nguyên cả dặm dường, nhiều tiệm san sát bên nhau, trước tiệm là một cái bàn dài sắp cả trăm hũ mắm màu tươi thắm ngon lành. Tưởng tượng đến nồi cơm trắng bốc khói ăn với mắm mà chảy nước miếng. Tôi muốn mua thử nhưng Tuấn phản đối kịch liệt và ngăn cản vì sợ đau bụng nên phải thôi.

Xe chạy qua những ruộng muối lênh láng nước vì miền Trung vừa mới lụt xong. Hai bên đường, các đống muối hột đắp thật cao, che kỹ lưỡng bằng rơm, màu rơm nâu đen cũ kỹ như đẫm nước. Ngày xưa còn bé đi ngang qua đây, tôi thường thấy các người làm muối cầm cây cào thật dài cào những hạt muối trắng dưới ánh nắng nồng cháy của mùa hạ. Bây giờ trời đã vào thu, tuy khí hậu vẫn còn nóng nhưng ruộng muối chỉ còn nước và ruộng lúa mùa gặt cũng vừa qua. Tại những vùng quê, sau mấy mươi năm sự thay đổi cũng không nhiều lắm.

Đến Quảng Ngãi mới một giờ trưa, vào khách sạn Mỹ Trà bên sông Trà Khúc. Tôi mở cửa sổ nhìn ra sông. Bên tay phải, cầu Trà Khúc nhộn nhịp xe cộ, dưới cầu dòng nước cạn chảy lừ đừ. Lòng sông rất nhiều cát bồi thành bãi, có lẽ mực nước lúc nào cũng thấp hơn các cồn cát bồi ấy nên cỏ mọc rậm ri. Nhiều chiếc thuyền nan khẩm cát chèo từ từ xuôi dòng đi bán cho các công nghiệp xây dựng. Bên kia sông, nhiều khách sạn lớn, tương đối mới nằm kề bên nhau. Một dãy những cây dù che nắng nghiêng nghiêng trên các bộ bàn ghế dọc theo bờ sông rất thơ mộng. Tôi bâng khuâng nhìn dòng sông, ráng hình dung cảnh tượng của gần nửa thế kỷ trước, bỗng rưng rưng nước mắt nhớ ba mẹ mình, hai người trẻ tuổi và nghèo nàn ấy đã vất vả biết bao nhiêu trong thời chiến với đứa con thơ dại và đạn bom lan tràn. Tôi nhìn mấy bụi tre xanh tươi bên bờ sông, lá tre rung động lăn tăn trong cơn gió nhiệt đới, một chiếc thuyền nhỏ nằm gác mũi bên bờ trông thật cô liêu. Bây giờ ba mẹ tôi không còn nữa, làm sao tôi huyên thiên kể lại cho các ngài về những điều mình thấy và nghe trên dặm trường thiên lý? Làm sao mẹ tôi biết được một ngày nào đó, đứa con mình sẽ tìm về vùng đất quê hương mà bà gọi là cái xứ chó ăn đá, gà ăn muối này?

Tôi và Tuấn yêu cầu anh tài xế chở đi chơi. Được biết Phú Thọ không xa thành phố lắm nên cùng nhau tìm đường về Phú Thọ. Tại những thành phố nhỏ miền Trung, đồng quê nhiều khi chỉ cách con đường phố chính một hoặc hai cây số. Vì thế, khi vừa tách ra khỏi tỉnh lộ, xe chạy ngay vào con đường làng nhỏ hẹp. Có khoảng đường nhà cửa san sát, có khoảng mênh mông ruộng lúa, các vườn cau vườn dừa nằm xa xa và các căn nhà nho nhỏ ẩn hiện rải rác thật là thơ mộng. Trên đường, thỉnh thoảng vài chiếc xe bò chở rơm đủng đỉnh lăn bánh lọc cọc. Qua một cái ao, tôi

thấy một anh chăn vịt cầm cái gậy tre dài, đuổi lùa đàn vịt cả mấy trăm con, tôi yêu cầu anh Cường ngừng xe cho tôi chụp ảnh. Anh chàng chăn vịt thấy có người chụp ảnh, thích quá muốn biểu dương tài lùa vịt nhưng lóng cóng thế nào mà hụt chân té ngay xuống ao làm lũ học trò nhỏ vừa tan học về bò lăn ra cười.

Xe chạy ra biển, vùng này nhà cửa san sát, phố xá trông rất phồn thịnh, ven vịnh là dãy phố, dọc theo bờ nước san sát các quán xép bán bia hơi, mì phở, nước dừa. Trong vịnh ghe thuyền đậu nhiều nhưng quang cảnh không sạch sẽ qui mô lắm vì rác rưởi và các tàu gỗ hư nát phế thải nằm rải rác trên bờ không được dọn dẹp. Thị trấn này khá lớn, trái hẳn sự diễn tả của Ngô, tôi ngẩn ngơ nhìn hai bên đường lộ, chẳng biết hỏi thăm ai cả. Cường đề nghị:

- Để em ngừng xe lại cho chị hỏi thăm.

Cường ngừng xe trước quán xép, vài bà cụ đang tựa bên cửa quán trò chuyện tò mò nhìn chúng tôi. Tôi mở cửa xe chào hỏi . Một bà cụ nhíu trán suy nghĩ:

- Bà Diên dzợ ông Ba Lê phải hông cô?

Tôi cũng ấm ớ:

- Dạ cháu không biết tên ông chồng của bả...

- Nếu đúng là bả, thì bả chết cách đây hai năm vì bịnh ung thư máu rồi cô à!

Tim Nga nhảy thêm mấy chục nhịp nhanh hơn trong lồng ngực, nàng nhớ đến mẹ mình vừa mới qua đời năm ngoái với cùng một chứng bệnh, có thể nào?? Chắc bà Diên này đúng là bà con của nàng rồi. Nga nhìn bà cụ:

- Bà Diên còn con cháu gì ở gần đây không bác?

- Bốn đứa con bả còn ở cuối con đường này đó cô, nhà hồi đó có mở tiệm cà phê nhưng bây giờ hết rồi, cô tới cuối đường mà hỏi, người ta chỉ cho liền, vùng này ai cũng biết nhà bả hết.

Theo sự chỉ dẫn của bà cụ, Cường lái xe lòng vòng qua mấy con đường đất nhỏ, ngừng lại hỏi thăm thêm một lần nữa chúng tôi mới tìm ra căn nhà mình muốn đến.

HOÀNG HUY KHÁNH

Tình Ca Du Tử

Bước chân du tử dừng non Ấn
Trà Khúc vòng quanh mấy nhịp cầu
Cô gái mười lăm thương chàng lắm
Nhưng buổi ra đi lỡ mộng đầu

Trở về phố Hội xuân hai bốn
Cô bé ngày nao đã lớn rồi
Áo mùa xuân thắm màu hoa cúc
Cũng đã xa theo những bến sầu

Bây giờ xuân đến bên trời cũ
Chàng chẳng mong chi một bến đời
Những người con gái bao xuân trước
Cũng đã trôi theo cuộc đổi dời

Hỡi người con gái trong vườn nguyệt
Hoa có tàn theo ánh nguyệt mờ
Mong chờ ai đến mùa xuân đến?
Chàng nắn cung đàn trên phím tơ

Hỡi người con gái trên lầu mộng
Có biết mùa xuân đến vội vàng?
Chim bằng mỏi cánh trời cao rộng
Chàng ước tình xuân đến với nàng.

Trong sân nhà, các chậu cây kiểng xanh tốt được chăm sóc cắt tỉa cẩn thận bày quanh rất mỹ thuật. Nhà mở cửa nhìn thấy toàn nội thất nhưng vắng hoe không thấy chủ. Tôi tần ngần đứng trước cửa chính, không biết kêu ai thì bỗng thấy có người đàn bà hấp tấp từ cổng đi vào, chị ta mở lớn đôi mắt nhìn tôi mỉm cười. Tôi chào chị, tự giới thiệu và kể nguồn gốc câu chuyện đi kiếm bà con của mình. Chị lật đật mời tôi và Tuấn vào nhà. Vừa lúc ấy, như có một nguồn liên lạc hoặc báo động nào đó mà tôi không để ý, các cô em và con cháu từ từ xuất hiện . Trà nóng bưng ra mời khách và chuyện trò nổ như bắp rang. Tuấn là một người rất bặt thiệp nhờ đó, các bà các cô rất thích nói chuyện với anh. Chị Bạch Yến mời tôi và Tuấn lên gác để thắp hương cho mẹ của chị, người mà chúng tôi chắc chắn là người chị họ của mẹ mình.

Tôi nhìn quanh nhà, căn nhà sạch sẽ và khang trang, bộ bàn ghế phòng khách làm bằng gỗ lim bóng nhoáng. Gió biển thổi mát rượi qua tiếng lao xao của lá dừa, ngoài tiếng chuyện trò, chỉ có tiếng gà gáy trưa hoặc tiếng chó sủa văng vẳng. Sau mấy tiếng đồng hồ chuyện vãn, tôi rủ các chị ra sân chụp ảnh kỷ niệm trước khi chia tay. Các chị vui vẻ sắp hàng bên tôi để chụp ảnh. Tôi lấy địa chỉ để liên lạc và gửi hình. Chị Bạch Yến mời tôi lần sau về nước nhớ đến chơi và ở lại nhà. Tôi và Tuấn rất cảm động vì sự ân cần của họ, những người bà con chưa bao giờ quen biết trước.

Rời Phú Thọ, tôi yêu cầu được tới bãi biển Mỹ Khê. Đứng trên cầu, tôi chụp ảnh những chiếc thuyền trở về bến, và đám học sinh trở về nhà trong hoàng hôn.

Đến Mỹ Lai thì trời chạng vạng tối, nghĩ đến lịch sử của địa danh này lòng tôi cảm thấy rờn rợn. Xe vừa ngừng trước cổng đài tưởng niệm, hai vợ chồng xách máy ảnh nhảy ra khỏi xe, tranh thủ với bóng tối. Tôi đi trên con đường nhỏ, hai bên là cây và tượng đài. Bóng chiều đã bao trùm khắp nơi, tóc gáy tôi như dựng đứng. Tiếng gió lao xao trên cành cây, cánh chim đêm vỗ cánh như chen lẫn với tiếng người gào rú than van trong trí tưởng của tôi. Tôi cố thu hết sự can đảm, đưa máy ảnh, chớp đèn, chụp ảnh các pho tượng. Tuấn kéo tay tôi, nói nho nhỏ "...thôi, đi ra, để tài xế đợi tội nghiệp." Không chờ anh nhắc lần thứ hai, tôi phóng ra xe làm anh phải chạy theo... như ma đuổi.

Tại thị trấn Quảng Ngãi, anh tài dẫn chúng tôi đi ăn tối. Ngoài thực đơn sẵn có của tiệm, Tuấn đòi ăn Mì Quảng, một món tiệm không có. Cô hầu bàn chìu khách, lấy xe gắn máy đi mua về cho anh ăn.

Sáng hôm sau, chúng tôi rời Quảng Ngãi. Xe từ từ rời thị trấn, bỏ lại phía sau con sông Trà Khúc, bỏ lại bụi tre xanh, con đò lẻ loi, củ khoai lang thơm ngọt, tô mì Quảng bốc khói . Quê mẹ của tôi, qua lần thăm viếng ngắn ngủi này, tôi vẫn thấy hiền khô, mộc mạc, ngọt ngào như chuối bà hương, như kẹo mạch nha, như đường mía lau, như hình ảnh mẹ và như chén nước chè hai mà anh Tuấn hay ước mơ mỗi khi thèm ngọt.

Tại nhà Hoành, tôi cho các cậu em mấy món quà thổ sản đem về từ Việt Nam. Cậu Ngô hôm nay được nhậu mực khô, mặt lại đỏ như ông Quan Công. Cậu Tùng thì ngồi chậm rãi nhậu gà xé phay, các cô em dâu chạy ra chạy vào tiếp tế món ăn cho bọn bợm nhậu. Lương và Hoành say sưa xem hình trong cuốn ảnh tôi vừa chụp chuyến đi Việt Nam. Cậu Ngô nhìn chị:

- À, chị về Quảng Ngãi có tìm được dì Diên không?

- Có, dì Diên chết hơn hai năm rồi nên chỉ gặp mấy đứa con của dì ấy thôi!

Ngô trợn mắt:

- Bậy, chết đâu mà chết, bả còn sống sờ sờ ngoài Quảng Ngãi mà sao nói chết?

Tôi gân cổ lên cãi:

- Chính tao về tận Phú Thọ thăm nhà bả mà!

Ngô vểnh râu cười:

- Bả dọn về tỉnh hơn mười năm rồi, ở ngay con phố chính, chị không chịu hỏi kỹ trước khi đi, về nhận bà con tầm bậy tầm bạ. ..

-Sh..!!!

- Ê, cấm văng tục, nhà có con nít..

Trong tiếng cười hô hố của mấy thằng em, tôi gục đầu xuống bàn ngao ngán.

- Sao mày kể là Dì Diên có nhà ở Phú Thọ, mày đi thủy lợi có ghé ở lại?

- Bà ơi, hồi đó là khoảng sau năm bảy mươi lăm, Việt Cộng chiếm mới bị đi thủy lợi, đến bây giờ là hơn hai mươi lăm năm rồi!!!

- Ai mà biết, tao tưởng bả còn ở chỗ cũ, hết chiến tranh rồi mà chạy đi đâu?

- Thì chạy từ quê lên tỉnh, thiếu gì người thay đổi chỗ ở, dân ngoài Bắc còn chạy vô Nam ào ào...

Mấy thằng em lại nhào vô trêu ghẹo, tôi nổi cáu, tức quá hét lên:

- Bây giờ tao có bà con mới chắc phải từ bỏ hết bọn bây, em út gì mà nham nhở quá, mấy cô kia thân thiện tử tế hơn bọn bây nhiều!

Tuấn vỗ vỗ vào vai vợ:

- Không sao, bốn biển là nhà, càng nhiều người quen càng tốt.

Tối hôm ấy, tôi về nhà, lấy mấy tấm hình các cô em họ hụt, bỏ vào phong bì gửi cho chị Bạch Yến, tôi viết một tờ thư ngắn cho chị và kết thúc: "...dù biết rằng chúng ta không phải bà con ruột thịt, tôi rất cảm động trước sự đón tiếp thân mật của các chị dành cho chúng tôi, với tình cảm quý giá ấy, tôi sẽ mang mãi trong lòng một kỷ niệm thật vui và chắc rằng tôi sẽ nhớ mãi một tình quê êm ái như tiếng sóng biển Phú Thọ, tiếng gió lao xao qua cành lá dừa, những nụ cười của các chị và cầu mong Dì Diên phù trợ cho chúng ta mãi mãi."

(Viết trong ngày giỗ mẹ 4/15/2005)

TỪ ĐIỂN VĂN HỌC

ĐẶNG TIẾN

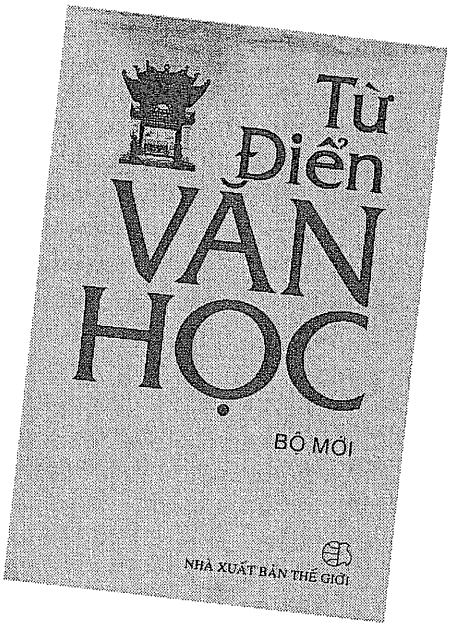

Từ Điển Văn Học Bộ Mới (1), gọi tắt là TĐVH, in đẹp trên giấy tốt, vừa được phát hành đầu năm 2005. Nói là tái bản của Từ Điển cùng tên, ra đời trước đây hai mươi năm, thì vừa đúng vừa không đúng.

Đúng vì cùng một số người chủ trương biên tập: Đỗ Đức Hiểu (đã qua đời), Nguyễn Huệ Chi, Phùng văn Tửu, Trần Hữu Tá, cùng những đề mục: tác gia, tác phẩm, thuật ngữ và đời sống văn học.

Nhưng không đúng vì *Bộ Mới* được biên khảo theo tinh thần *cách tân*. Dĩ nhiên phần thừa kế không thể tránh được, nhưng thành tựu chính là cái nhìn mới, tư duy mới, và cái mới nghiêm túc, thành khẩn, có khi còn ngất ngây xao xuyến. Các tác nhân, phần nhiều là học giả tên tuổi và đứng tuổi, bỗng cảm thấy nhiệt tình sôi nổi: niềm say sưa pha chút bùi ngùi, mà người đọc theo dõi thăng trầm của văn học Việt Nam vài ba mươi năm nay cảm nhận được. *TĐVH* nhìn dưới một góc độ nào đó, có thể mang thêm tiểu tựa: *đoạn trường tân thanh, bộ mới.*

*

Trong văn học, nghệ thuật mà dùng chữ tiến bộ có khi hồ đồ, tối nghĩa. Nhưng ở đây, chúng tôi đánh giá TĐVH là một tác phẩm tiến bộ, trong ba nghĩa:

- Tiến bộ so với tiền thân 1984 của nó, về lượng cũng như về phẩm: dồi dào hơn gấp bội, thêm nhiều đề mục, hiện đại và nhất là bổ sung những đề mục xưa kia bị gạt bỏ vì những lý do phi-văn-học. Từ đó, nội dung và lời lẽ của *TĐVH* cũng văn minh hơn trước. Như vậy là chuyển hóa về mặt tri thức, song hành với tiến bộ của thế giới khoa học, kỹ thuật, kinh tế, giáo dục. *TĐVH* nằm trong cao trào văn học thế giới.

- Tiến bộ theo nghĩa trí thức, như là một hệ luận: *TĐVH* đáp ứng lại với những đòi hỏi tinh thần cấp bức của thời đại, của dân tộc trong nhân loại, là tự do và dân chủ. Những người viết đã tự trọng, thận trọng, tôn trọng, trân trọng kẻ khác mình, cái khác ta. Thoải mái trong những quen thân mà không sủng ái, phấn khởi trong những mới lạ mà không sùng bái, chừng mực trong lý luận, thiết tha trong lời lẽ, *TĐVH* là một nỗ lực tập trung, đổi mới tư duy và tâm cảm cần được đánh giá cao.

- Tiến bộ về hình thức và cách trình bày: cuối sách có ba bảng tra cứu: các tác gia theo mẫu tự tiếng Việt, tiếng La tinh, tiếng Nga và tiếng Trung quốc; các tác phẩm cũng theo bốn lối chữ; và các thuật ngữ tiếng Việt. Điều chúng tôi chưa từng thấy ở các sách Việt Nam. Bộ Từ Điển Văn Học của nhà xuất bản Pháp Larousse cũng không có.

Sách có nhiều hình minh họa, màu và đen trắng.

Đặc sắc đầu tiên, có thể là quan trọng nhất, là cái nhìn phóng khoáng về chính trị, sau đó là khả năng tiếp nhận những tác gia, khái niệm mới, những nền văn hóa xa xôi hoặc nhỏ bé.

Những tác gia trước kia bị loại trừ, nay xuất hiện, như Hoàng Cao Khải, Lê Dư, Phạm Quỳnh, Phan Văn Hùm, v.v... Trần Trọng Kim được đề cao trong ba trang. Cũng có điểm chưa chính xác: «*1953 ông lại được Bảo Đại mời ra làm Chủ Tịch Hội Đồng Quốc gia thân Pháp ở Sài Gòn.*» Ngược lại, Hội Đồng này do Bảo Đại triệu tập để cưỡng lại áp lực của chính quyền Pháp, và đã ra một tuyên cáo theo hướng này. Thật sự, thời điểm này, Trần Trọng Kim không có danh vị gì; ông ngồi nhà vấn thuốc lá hút vặt và chép miệng «*sự đời chả cái đếch gì ra cái đếch gì!*» Nghiệm cũng chí lý.

Nguyễn Văn Vĩnh được đưa vào danh mục (trước kia nằm trong đề mục Đông Dương Tạp Chí) một cách ưu ái: «*nhà nghèo, lên tám tuổi phải đi làm thằng nhỏ kéo quạt ở trường Thông Ngôn của Pháp, mới mở ở đình Yên Phụ. Ngồi cuối lớp kéo quạt, nhưng ông vẫn chăm chú nghe giảng và nói, viết được tiếng Pháp*» ông được dự thi lúc 11 tuổi, trúng tuyển, được cấp học bổng học tiếp và năm 14 tuổi đỗ thủ khoa kỳ thi tốt nghiệp, đi làm thông ngôn tại tòa sứ Lao Cai (1895)... Những chi tiết này thường không có trong các từ điển văn học quốc tế cùng một kích thước; nhưng ở đây, nó đắc cách, hàm chứa nhiều ý nghĩa xã hội và chính trị, nó lại mua vui cho người đọc và chứng tỏ niềm ưu ái của người viết.

Về những tác gia được khôi phục phải kể Phan Khôi được giới thiệu đầy đủ, súc tích, ngay cả giai đoạn Nhân Văn Giai Phẩm: «*chủ nhiệm báo Nhân Văn, rồi các bài viết (...), vẫn với ngòi bút sắc sảo, rắn rỏi sẵn có nhưng ông đi ngược dòng đường lối văn nghệ của Đảng Lao Động Việt Nam lúc ấy, nên đã bị báo chí đương thời phê phán cùng với sự phê phán nhóm Nhân Văn Giai Phẩm nói chung.*» Người chấp bút danh mục này là Văn Tâm (1933-2004) cũng đã bị liên lụy trong vụ án Nhân Văn Giai Phẩm và bị treo bút trong nhiều năm.

Các tác gia dính líu đến vụ án này hầu hết đều có mặt, nhưng không có Thụy An, Phùng Cung; nói chung, là được giới thiệu ân cần, có khi là bao che; ví dụ như về Hoàng Công Khanh: «*1940-1945 bị chính quyền Pháp bắt giam ở nhà tù Sơn La do tham gia biểu tình chống chính sách thực dân.*» Câu này chỉ đúng một nửa trước; không lẽ chỉ vì biểu tình mà phải ở tù đến những năm năm?

Trong các tác gia được phục hồi, không có Nguyễn Bá Trác, tác giả bài thơ *Hồ Trường*, và nhiều trước tác khác, không lẽ *TĐVH* lại hẹp lòng hơn *Lược Truyện các Tác gia*, 1972?

Về mặt lý luận, *TĐVH* đánh giá chừng mực, khách quan hơn trước. Ví dụ về Tự Đức, thay vì «*Tự Đức đã đi đến cắt đất, đầu hàng, mở cửa cho thực dân Pháp*» thì Bộ Mới uyển chuyển hơn: «ông đã đi đến chỗ buộc phải cắt đất giảng hòa, mở cửa cho...», liền sau đó, soạn giả biện bạch: «*Tự Đức không phải là kẻ rắp tâm phản bội dân tộc (...) ông quan tâm đến việc học hành, đào tạo nhân tài, khuyên răn quan lại (...) ông tỏ ra có lòng thương dân (...) động viên người ra mặt trận, thương khóc tướng sĩ chết trận (...) bồn chồn trông đợi tin tức quân ta...*» Rõ là ân cần... Giữa tiết mục Nguyễn Hồng Nhậm (Tự Đức) và Nguyễn Hiển Dĩnh, nhà soạn tuồng, thì Bộ Mới đã thêm vào Nguyễn Hiệt Chi và nhất là Nguyễn Hiến Lê, hơn hai trang, gấp đôi phần Hồng Nhậm.

Tiện đây, cũng nhắc qua soạn giả: bài thơ nôm *Khóc thị Bằng* không phải của Tự Đức mà là của Nguyễn Gia Thiều. Ngô Tất Tố đã chứng minh điều này từ năm1941, trong cuốn *Thi Văn Bình Chú, Lê-Mạc-Tây Sơn* (2) mà *TĐVH* không biết, vì chỉ nhắc đến bộ «*Việt Nam Văn Học, mới hoàn thành hai tập đời Lý đời Trần, 1942.*» Những tuyển tập, toàn tập Ngô Tất Tố xuất bản gần đây cũng không nhắc gì đến *Thi Văn Bình Chú*. Ngoài ra, dường như Trần Danh Án (1754-1794) có dịch bài thơ nôm này ra chữ Hán.

Sở dĩ có sự gán ghép là vì (dường như) Tự Đức khi nhuận sắc có sửa hai chữ *mảnh gương* thành *cổ kính* và *manh áo* thành *tàn y*, nên Dương Quảng Hàm mới nhầm ra thơ Tự Đức và trong giáo trình văn học đã ghi là của Dực Tông, rồi người sau cứ truyền tụng như thế. Ngoài Ngô Tất Tố, các chuyên gia thơ cung đình triều Nguyễn, như Phan Văn Dật, Bửu Cầm đều nói không phải của vua, vì trong thư khố, không tìm thấy vết tích gì bài thơ này, và tên họ một bà phi nào tương tợ; hơn nữa giọng thơ trữ tình bay bướm này khó có thể là giọng Tự Đức. Sinh thời học giả Hoàng Xuân Hãn cũng nói vậy.

Một ví dụ khác đánh dấu cởi mở, là đề mục Vũ Hoàng Chương. *Bộ Mới* đã xóa bỏ câu này:

«*Tập thơ Hoa Đăng... phụ họa với bộ máy tâm lý chiến của Mỹ Ngụy. Từ chỗ sa dọa trong sinh*

hoạt, suy đồi trong nghệ thuật, Vũ Hoàng Chương rốt cuộc đã sa đọa cả trong chính trị,» cũng tập thơ ấy, ngày nay được cũng người viết ấy xem như là *«những bài bốc đồng, thiếu chín chắn về mặt chính trị của một người thực chất chỉ biết say, mộng và tràn ngập một trời sầu»* và soạn giả còn viết nhiều đoạn đề cao Vũ Hoàng Chương *«tài hoa, sang trọng... đã diễn tả thật thấm thía, nhức nhối tình cảnh và tâm trạng bơ vơ, lạc loài của những cái tôi không tìm thấy chỗ đứng và hướng đi..., »* soạn giả lại tìm được và trích một đoạn thơ dài ca ngợi cách mạng Tháng Tám, *chói lói sao vàng hoa vĩ đại...* Vũ Hoàng Chương thừa hưởng được một trang dài ngang phần với... Vũ Hạnh trấn ngay bên cạnh. Để đáp lại thịnh tình, tôi xin mách: Vũ Hoàng Chương không sinh năm 1916 như đã ghi theo lý lịch, mà sinh nhằm ngày 1 tháng tư năm Ất Mão, tức là 15 tháng 5 năm 1915. Năm 1969 ông có làm bài thơ đùa, mừng mình lên 55 tuổi (ta), vượt Khổng Minh một niên!

Nhân nhắc đến Vũ Hạnh, xin mạn phép nhận xét: soạn giả danh mục này quá ư chăm chút cho thành tích cách mạng của đương sự, nên không còn mấy quan tâm đến sự nghiệp văn học, không biết gì đến những tác phẩm có lẽ là khá nhất của Vũ Hạnh, là các tập truyện *Chất Ngọc* (1964), *Mùa Xuân trên đỉnh Non Cao* (1964), và *Bút Máu* (1971).

Nét thông thoáng quan trọng của *TĐVH* là ghi nhận nhiều tác gia miền Nam; ngoài những người trong Mặt Trận Giải Phóng, hoặc ít nhiều quan hệ, còn có những ngòi bút độc lập như Dương Nghiễm Mậu, Hồ Hữu Tường, Nguyễn Thị Vinh, Nguyễn Đức Quỳnh và nhiều người khác. Thông thoáng đến có lúc làm người đọc choáng ngợp, như đề mục Kim Định dài bốn trang, ngang với Nguyễn Du. Đã đành, lời tựa có nói *«số trang không phản ánh tầm quan trọng»* (tr. 6), nhưng người đọc là khách hàng, mua sách là có phần là mua trang, đòi hỏi tương quan giữa phẩm và lượng. Người đọc không chỉ là khách hàng, lại càng khe khắt hơn.

Một số tác gia ở hải ngoại cũng được đưa vào: Bình Nguyên Lộc hay Nhật Tiến không gây ngạc nhiên. Có Nguyên Sa, Cung Trầm Tưởng, nhưng vắng Võ Phiến, Mai Thảo, Thanh Tâm Tuyền, Vũ Khắc Khoan, vắng cả Nguyễn Văn Trung, tác gia có sách trước tác và xuất bản trong nước sau 1975.

Nhưng chúng tôi không chê trách gì ban chủ biên, vì chưa chắc gì họ đã làm chủ đường biên.

*

Thuật ngữ văn học là một mảng quan trọng. Trong hai mươi năm qua, nhiều thuật ngữ ở phương Tây đã nới rộng, thậm chí chuyển biến nội dung. Việt Nam muốn hội nhập vào tiến trình chung trên thế giới, phải noi theo. *TĐVH* đã quyết tâm theo đuổi những biến chuyển trong những khái niệm, và nhiều tiết mục đã được thay thế hoàn toàn — thay cả người chấp bút; những bài, rất nhiều, trước đây ký tên Phương Lựu được thay bằng bài của Lại Nguyên Ân, lấy ra từ sách có sẵn là *150 Thuật Ngữ Văn Học*, in năm 1999, mục nào không có trong số 150 này thì loại bỏ, như *«trào lưu văn học» «trường phái văn học»;* bỏ cả *Tư Tưởng Văn Nghệ Lê Nin; Tư tưởng Văn Nghệ Mac-Angghen* hai đề mục dài bốn trang rưỡi của Phương Lựu ngày xưa. Không hiểu đây là chọn lựa hay tranh chấp nội bộ, nên tôi không dám lạm bàn.

Chuyện lý thuyết văn học vốn vô cùng vô tận, khó thảo luận ở đây. Nhưng cũng xin góp ý: trữ tình không phải là một từ khó; người đọc hiểu trữ tình đơn giản như trữ gạo, trữ nước, cũng không đến nỗi sai. Từ Điển Tiếng Việt của Văn Tân 1977 định nghĩa ngắn gọn *«nghệ thuật nặng về tình cảm của con người.»* *TĐVH* giảng giải trong một trang dài, làm người đọc phát hoảng, ngay từ dòng đầu: *thuật ngữ chỉ một trong ba phương thức biểu đạt của văn học (bên cạnh tự sự và kịch).* Vậy toàn bộ sân khấu Cải Lương thì sao? Người Pháp gọi kịch hát (opéra) là sân khấu trữ tình (từ lyrique tiếng Pháp do cây đàn lyre mà ra); tác giả viện dẫn Hégel, nhưng Hégel có nói thế thật không, hay chỉ nói đơn giản hơn: trữ tình là diễn đạt tình cảm cá nhân, đối lập với anh hùng ca, và bi kịch (3). Tôi có thể đưa ra thêm vài ba ví dụ để bàn vui với các soạn giả, nhưng bài này không phải nơi và chưa phải lúc. Chỉ tóm tắt: từ điển văn học, nước nào cũng vậy, bao gồm những khái niệm văn học trình bày dưới dạng thuật ngữ, nhưng từ điển văn học tự thân nó, không phải là tự điển thuật ngữ.

*

Một số chi tiết cần được bổ khuyết hay điều chỉnh.

TĐVH thiếu thông tin, để trống nhiều chỗ. Tôi xin mách:

- Nhà văn Trọng Lang, tác giả *Hà Nội Lầm Than*, năm 1954 di cư vào Nam, có viết cuốn *Điên Thời Đại* (1964), qua đời tại TPHCM ngày 29-4-

1986.

- Nhà văn Đỗ Tốn tác giả *Hoa Vông Vang*, cũng vào Nam thời ấy, gia nhập quân đội, làm việc tại Nha Địa Dư Đà Lạt, qua đời ngày 22-10-1973 tại Sài Gòn vì đứt mạch máu não. Đỗ Tốn quê ở Vĩnh Yên chứ không phải Hà Nội.

- Nhà thơ Thái Can, bác sĩ, mở phòng mạch tại Đà Nẵng, rồi sang Hoa Kỳ, qua đời tại Florida ngày 22-4-1998.

Một số năm tháng cần tra cứu lại :

- Về Xuân Diệu, bản 1984 cũng như *Bộ Mới* ghi ngày sinh là 2-2-1916, khi các tư liệu khác ghi 1917; tác giả cho trồi lên một năm có lẽ vì biết Xuân Diệu tuổi Thìn, vậy 1916 hợp lý hơn; nhưng không may, ngày 2 tháng 2 lại rơi vào 29 tháng chạp (thiếu) năm trước, là Ất Mão! Hoàng Trung Thông nhớ rõ và nhắc lại là Xuân Diệu sinh ngày Thìn, tháng Thìn, năm Thìn (4) , nhưng vẫn ghi 1917. Nay thử so lại thì thấy: Xuân Diệu sinh ngày Nhâm Thìn, tháng Nhâm Thìn, nhằm ngày 23 tháng 3 năm Bính Thìn, tức ngày 25-4-1916.

Soạn giả đề mục này có vẻ là chuyên gia của Thơ Mới và văn chương tiền chiến; viết về *Thi Nhân Việt Nam* của Hoài Thanh, từ 1984, ông ghi là xuất bản tại Hà Nội, khi mọi người đều biết là tại Huế. Sai nhỏ thôi, nhưng nhỏ lớn gì, sai vẫn là sai. Cái điều lạ lùng là từ hai mươi năm nay độc giả hay các chuyên gia văn học không ai mách để ông sửa một lỗi sơ đẳng như vậy.

- Huy Cận sinh năm 1919 nhưng không phải ngày 31-5; ngày này là do ông cậu bịa đặt khi làm giấy khai sinh lúc Huy Cận vào trường huyện, đã lên tám tuổi. Chính Huy Cận đã nhiều lần công bố điều này.

- Tô Hoài không sinh ngày 7 tháng 9. Ông ấy không biết ngày sinh, được bà cụ kể là sinh đêm Trung Thu 16 tháng 8, suy ra dương lịch là ngày 27-9-1920, các thư tịch Hội Nhà Văn đều ghi đúng.

- Nhà văn Tam Lang mất tại TPHCM ngày 7-1-1986 chứ không phải 1983.

- Kịch tác gia Vi Huyền Đắc, sinh ngày 19 tháng 1 năm 1899, chứ không phải 18-12, tại Hải Phòng chứ không phải Trà Cổ, Quảng Ninh là chính quán, theo báo Văn, Sài Gòn, số 136, ngày 1-10-1969.

- Thế Lữ tên là Nguyễn Đình Lễ ; Khái Hưng tên là Trần Dư, vân vân...

Đây là những chi tiết nhỏ, nhưng ít ra cũng chứng tỏ là tôi đọc *TĐVH* cẩn thận, viết với tinh thần phê phán căn cơ. Với rất nhiều nhiệt tình và phấn khởi.

Chúng tôi chỉ nhận xét về những đề mục văn học hiện đại. Về văn học cổ điển, *TĐVH* cũng có chỗ bất cập, mà học giả Nguyễn Hữu Sơn đã vạch ra khá nhiều và minh bạch, trên báo *Văn Nghệ*, Hà Nội, ngày 9-4-2005. Xin bạn đọc vui lòng tham khảo thêm.

*

Mục tiêu của ngành nghề phê bình không phải là việc khen chê, cho dù phải đánh giá. Nói lên cái đúng, chưa đúng hay thiếu sót không phải là để khen chê, ít nhất là trên bình diện khoa học. Nhưng mọi nhận xét đều phải ngay thẳng và cụ thể, do đó bài này đã phải đưa ra nhiều dẫn chứng tiêu biểu cho chỗ yếu, chỗ mạnh, nhất là chỗ cách tân và canh tân của *TĐVH*.

TĐVH đã hóa thân theo hướng tiến bộ, nghĩa là đầy đủ, chính xác, phóng khoáng, uyển chuyển hơn trước, theo xu thế chung của văn minh thế giới. «Bước qua lời nguyền,» ban chủ biên và các đồng soạn giả đã tự giải phóng ra khỏi giáo điều, giải phóng văn học, đưa văn học vào những cố gắng của xã hội, từ những trăn trở, đang chuyển mình vươn tới tự do, dân chủ.

Có người sẽ cho rằng *TĐVH* là thành tựu của chính sách Đổi Mới. Nói vậy không phải là sai, nhưng lại rơi vào giáo điều. Thật ra *TĐVH* là thành quả những chuyển hóa tư duy ngấm ngầm và dài hạn của toàn bộ xã hội, mà ban chủ biên và các soạn giả đã linh cảm, liên cảm và đồng cảm sâu xa, rồi từ đó đúc kết, phát huy, tổng hợp, và cố công thể hiện khi hoàn cảnh cho phép.

Nhờ vậy, nó hy vọng sẽ làm tiền đề cho nhiều cách tân văn học trong tương lai.

Và chào mừng *Từ Điển Văn Học Bộ Mới* hôm nay, là kỳ vọng vào nền văn học, và xã hội Việt Nam, ngày mai.

Paris, ngày14/4/2005

Chú thích

(1) Từ Điển Văn Học Bộ Mới, *2182 trang, nxb Thế Giới, 2004, Hà Nội.*

Ấn bản trước gồm hai cuốn : tập I, 640 trang, 1983 – tập II, 480 trang, 1984, nxb Khoa Học Xã Hội, Hà Nội.

(2) Ngô Tất Tố, Thi Văn Bình Chú, Lê-Mạc-Tây Sơn, *tr. 91, in lần thứ ba. Nxb Thế Giới, Sài Gòn, 1957. Nxb Đỗ Xuân Mai in lần đầu 1941, Hà Nội.*

(3) Hegel, Esthétique, Mỹ Học, *ấn bản Bernard, cuốn 5, tr. 1. Trích đoạn, nxb P.U.F., tr. 133, 1959, Paris.*

(4) Tuyển Tập Xuân Diệu, *tr. 14, nxb Văn Học, 1986, Hà Nội.*

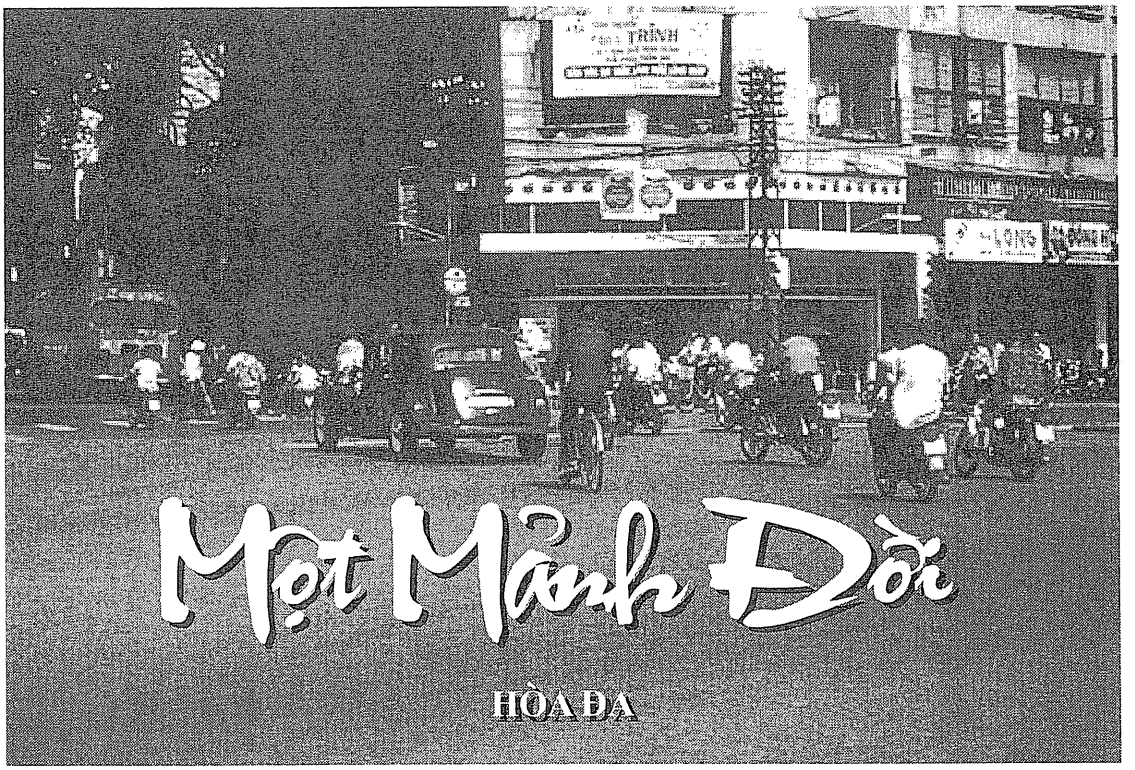

Một Mảnh Đời

HÒA ĐA

1

Ông Tùng ngồi bó gối trên chiếc ghế cạnh phích nước lọc, bên mâm cơm dọn riêng cho ông, nhìn đám sinh viên lao nhao chạy từ lầu hai xuống sau tiếng hô lớn "cơm nghen!" của cô hai An, vợ ông. Hai bàn ăn tròn, mỗi bàn tám chỗ ngồi, đã đầy thức ăn, đũa muỗng... hai chồng dĩa đặt cạnh hai nồi cơm lớn. Mỗi người tự xới phần cơm của mình vào dĩa và ngồi vào bàn, họ vừa ăn vừa nói chuyện vui vẻ. Cảnh này gần như quen thuộc vì ngày hai bữa được lập đi lập lại như thế từ hơn mười năm nay.

Cơ ngơi của ông là một phố lầu ngay tại mặt tiền, hơn sáu mét bề ngang, sâu gần hai mươi mét trên đường Trương Minh Giảng, Sài Gòn. Tầng dưới, phía trước là một tiệm may y phục phụ nữ nhỏ, phía trong là giang sơn của ông Tùng với ngổn ngang máy móc của một cửa hàng chuyên sửa radio, như bảng hiệu trước mặt tiền: "Nova Radio, chuyên sửa radio"; phần trong cùng, rộng nhất, là của cô hai An, cũng là nhà bếp, nhà tắm và trăm thứ linh tinh khác của một căn nhà.

2

Ông Tùng là một người trung niên có dáng của một người đàn ông thô kệch: chân khập khiểng, lưng khòm và mất hơi lé; những lệch lạc về cơ thể trên người ông là do việc làm trong nghề sửa radio của ông, trừ đôi chân cao thấp không bằng nhau là do dị tật bẩm sinh. Thời đó chưa có transitor, còn chạy bằng đèn điện tử, radio cái nào cũng to đùng, bề ngang năm bảy tấc, cao bốn năm tấc; và nặng trịch. Loại này mỗi lần mở lên, máy phải nóng, mắt thần xanh lè ở trước chập lại rồi mới có thể rà đài. Ông và một người thợ học việc, cũng là em vợ ông, làm ở đó, với một quạt trần và một quạt để bàn mở hết tốc lực cũng không xua hết được cái nóng do mấy bóng đèn điện tử tỏa ra trong căn phòng không thông gió.

Vóc dáng thô kệch, khắc khổ lạnh lùng, ông lại là người ít nói. Với giọng Quảng Trị, tuy không quá nặng như những người cùng quê vì ông vào Sài Gòn làm ăn từ lâu, nhưng đôi khi cũng chen những tiếng địa phương nghe không hiểu. Ông lại bị nói lắp nên gần như ông chỉ nói khi cần giao tiếp với khách hàng. Cũng không thấy ông cười thành tiếng, có gì vui lắm ông chỉ nhếch mép, mặt hơi có vẻ giãn ra một ít. Người ta cũng không mấy khi nghe ông to tiếng với ai, chỉ thỉnh thoảng với người em vợ phụ và học việc khi không làm đúng ý ông. Y phục của ông cũng có vẻ lạnh lùng như ông, quần kaki vàng, áo thun ba lỗ khi đang làm việc... có khách hay đi đâu ra ngoài, ông mặc

thêm chiếc sơ mi trắng ngắn tay, không thấy ông có những y phục cầu kỳ nào khác!

Nhưng ông Tùng lại là một chuyên gia rành nghề về radio, lại là người làm ăn thành thật, đúng hẹn và lương thiện trong việc tính tiền công và linh kiện thay ráp, lại có tinh thần trách nhiệm với công việc của mình nên khách hàng của ông luôn tin cậy; quanh năm, không lúc nào ông ngồi không vì thiếu việc. Ông học nghề hết năm năm từ lúc ông rời bỏ làng quê khô cằn vào Sài Gòn từ năm mười lăm tuổi. Bây giờ tuổi đã ngoài bốn mươi, có cơ ngơi, việc làm vững chắc, tiền bạc không thiếu, nhưng có lẽ đã quen với lối sống lúc còn ở làng quê nghèo khó, ông sống khắc khổ như một thầy tu. Bữa cơm không bao giờ quá hai món, trên hai dĩa nhỏ bằng nắm tay, một món mặn và một chút rau luộc; cơm không quá hai chén, buổi tối có thêm ly rượu thuốc nhỏ. Ông bảo "người ta ăn để sống, chớ không phải sống để ăn." Người ta không thấy ông đi xem hát, ăn nhậu la cà, cũng không thấy ông có những thú vui giải trí nào. Có lẽ hai nguồn vui đơn giản của ông là cà phê và thuốc lá, sáng một ly cà phê nhỏ không đường, cả ngày dùng cà phê đá để giải khát trong cái không khí tù túng nóng bức của căn phòng sửa radio, còn thuốc lá, ông hút Bastos đỏ, thứ rẻ tiền và nặng, mỗi lần ông mua cả cây, hết mua thêm, không bao giờ thiếu; thuốc thơm khách mời, ông để đó cho em vợ học việc với ông.

3

Ngược lại, cô hai An lại là người đàn bà thanh tú, có đủ hết cái quyến rũ, mặn mà và nẩy nở của một người đàn bà có chồng, tuổi mới ngoài ba mươi với nước da trắng hồng, giọng nói thanh, nhẹ và ướt rượt của Nam bộ. Người ta thường nói "người đẹp vì lụa," nhưng với cô hai, không quá đơn giản như ông chồng, cô mặc gì trông cũng đẹp, dù chỉ là bộ bà ba giản dị hàng ngày. Không son phấn gì nhiều, cô vẫn đẹp tự nhiên. Nhưng những lúc cô dự tiệc, hay đi đâu có việc quan trọng, với áo dài, dây chuyền vàng mặt cẩm thạch hợp với vòng tay xanh bóng với chút phấn hồng trên má, người ta không nhận ra được cô là con gái ruộng ở Gò Công Đông gần hai mươi năm về trước.

Cô là người đàn bà đảm đang, nấu cơm tháng cho học sinh, sinh viên và công tư chức, có người ăn ở đó, có người xách mang về. Trong nhà lúc nào cũng có hơn một tá người ở trọ, nam ở lầu trước, một phần nằm ngay phía trên phòng sửa radio của ông Tùng, nữ chiếm một gác nhỏ phía sau , sau một hành lang hẹp cũng là ranh giới của hai phái. Giang sơn của cô là phần nhà sau, mỗi sáng cô tính toán rồi đi chợ lo cơm nước cho non ba mươi người, vừa cho đám thợ may của cô út Túc, em cô Hai, ở phía trước, vừa cho số người ăn cơm tháng, vừa cho người trong gia đình; phụ giúp cho cô là người em dâu và một người đàn bà đứng tuổi. Lợi tức mang về do việc nấu cơm tháng và cho ở trọ không phải nhỏ, dù hầu hết người ở trọ là học sinh, sinh viên ở tỉnh về Sài Gòn học, nên giá cả cô tính không quá cao. Tính ra nguồn thu nhập này trang trải mọi chi phí hàng tháng trong nhà và cô vẫn còn dư chút đỉnh.

Cô là người bặt thiệp, niềm nở và khả ái với mọi người, nụ cười lúc nào cũng ở trên môi. Gần cô ai cũng mến và có cảm tình. Với đám sinh viên ăn ở trọ, cô xem như em cháu, có gì không phải, cô cũng rầy la khuyên giải như người thân, ngược lại, họ cũng coi cô như người cô, người chị của mình. Có người tới tháng chưa có tiền trả tiền nhà, tiền cơm vì gia đình chưa gửi vào kịp, nói với cô một tiếng, cô vui vẻ chấp nhận cho triển hạn, không một lời khó dễ. Nam sinh viên, cô còn dễ dãi chút ít, đi sớm về khuya không sao, với nữ, cô đặt điều kiện rõ ràng với người giới thiệu hay cha mẹ khi mới vào: không ăn cơm tối phải báo trước và không được về nhà trễ hơn mười giờ tối; không nhận hai điều kiện này, xin kiếm chỗ khác. Cô cũng không quá tham, khi không còn chỗ trống, cô không cố nhận thêm, dù chịu trả cao hơn. Nói vậy chớ chỗ cô cho ở trọ ít khi còn chỗ trống, dư chỗ là có người đến trám ngay.

Khác với lối sống khắc kỷ của chồng, cô cũng biết tiêu xài, dù không có gì quá hoang phí. Thú vui của cô, như bao người đàn bà trung lưu nam bộ khác là thích coi cải lương và mua sắm, thỉnh thoảng cũng gầy sòng tứ sắc với chị em, nhưng cũng với chừng mực, chơi một hai chến thì thôi, dù ăn hay thua. Hè đến, khi sinh viên ở trọ về quê nghỉ hè, cô cũng tự thưởng cho mình vài ngày vắng nhà, khi thì về Gò Công thăm bà con, khi cùng vài chị em bạn đi Vũng Tàu, Đà Lạt hay Nha Trang. Cũng có lúc cô mua sắm nữ trang, tuy không phải là loại hiếm quí nhưng cũng đủ chưng diện với chị em khi có tiệc tùng đình đám.

Lạ một điều hai vợ chồng khác nhau như nước với lửa, nhưng không ai thấy hai người to tiếng cãi lộn. Một phần, ông Tùng ít nói, phần khác do cô hai mềm mỏng. Có lẽ cũng do ông thương

người vợ trẻ hơn ông cả chục tuổi, lại đẹp người, đẹp nết nên dù không tham dự gì vào sinh hoạt của vợ, ông cũng không phản đối, gần như mặc nhiên nhận rằng, cô hai có quyền được thụ hưởng thành quả do công sức cô tạo ra. Ông không tham dự vì bản tính ông khắc khổ không thích ăn chơi. Ông Trời khéo ghép hai người có bản chất trái ngược vào nhau mà không biết có phải nhờ vậy mà người này bổ khuyết phần nào cái khiếm khuyết của người kia hay không.

Từ hai năm nay, ông Tùng đồng ý với vợ, cho cô út Túc và vợ chồng cậu tư Nhàn, em cô Hai, về ở chung. Cô út mở tiệm may nhỏ ở phía trước, và cho cậu tư học nghề sửa radio với ông, ông cũng nuôi hai đứa cháu kêu ông bằng chú vì ông và cô hai sống với nhau gần hai mươi năm mà không có mụn con nào.

Lương duyên của hai người không biết bắt đầu thế nào, nhưng xem chừng cô Hai vẫn một lòng lo cho ông Tùng, quần áo ông, do chính cô giặt, ủi xếp cẩn thận vào tủ, bữa ăn của ông do chính tay cô dọn, lúc đó công việc bếp núc cũng không còn gì nhiều, cô thường ngồi cạnh khi ông ăn cơm, nói chuyện linh tinh trong nhà, hay sai bảo ra lệnh gì đó cho nhà bếp, ông chỉ ngồi ăn, im lặng nghe, không bình luận hay góp ý nào hết. Có lẽ quá quen tánh chồng, nên cô nói, cười một mình, có khi với ông, có khi với người khác, không chờ đợi sự hưởng ứng hay ý kiến gì từ chồng... mà cũng không thấy cô phật ý hay bực bội gì, người ta có cảm tưởng cô coi việc đó như chuyện bình thường, cô làm tròn phận sự của người vợ một cách tự nhiên, cho đó là chuyện phải như vậy.

4

Ông Lâm đến xin trọ và ăn cơm tháng ở nhà cô hai được ba tháng nay. Ông là một tư chức làm kế toán cho hãng Dennis Frères trên đường Nguyễn Huệ. Sáng đi, chiều về, quần áo bỏ giặt ủi, hồ thẳng, sạch sẽ láng bóng. Tuy không chải chuốt, nhưng lúc nào cũng tươm tất, gọn gàng. Ông ăn nói bặt thiệp và nhanh chóng chiếm cảm tình của đám sinh viên cùng ở trọ, họ gọi ông là chú Mười Lâm, và xem ông như một huynh trưởng từng trải. Ông ăn riêng một phần, nhưng những lúc có ai ăn cùng giờ, ông cũng mang sang ngồi cùng ăn chung, trừ khi người đó là nữ, ông bảo:

- Ăn một mình, không nói chuyện, thường ăn một mạch cho xong, dễ đau bao tử lắm. Sống một mình cũng vậy, trúng gió chết không ai biết.

Người ta hiểu, với nghề nghiệp và tiền bạc kiếm được, ông dư sức sống một mình, nhưng ông không muốn.

Cũng ít thấy ông la cà ở trà đình tửu quán gì, ngày ngày đi làm bằng taxi, cuối tuần nghỉ đi xem xi nê, hay lang thang dọc phố Lê Lợi - Tự Do, ghé hết tiệm sách này đến tiệm khác, thỉnh thoảng cũng mua vài cuốn vừa ý mang về, cả tiếng Việt lẫn tiếng Pháp. Đọc xong, đem bán sách cũ. Qua lời kể, ông cho biết quê ở Phong Điền, Cần Thơ, nhà có ruộng, tương đối khá giả, mấy anh chị, ai cũng theo nghề nông, chỉ có mình ông là út được cho ăn học đến xong tú tài Pháp, làm cho Michelin một thời gian, sau đó học thêm về kế toán rồi làm cho Dennis Frères từ hơn mười năm nay. Có người hỏi ông về đường vợ con, ông chỉ cười khổ, đáp:

- Tôi có vợ chớ, nhưng nó bỏ tôi theo người khác từ lâu rồi, tôi cũng có một thằng con trai, tính ra năm nay cũng mười sáu tuổi, nhưng nó sống với má nó và cha ghẻ nó, má nó không cho biết tôi là cha ruột.

Ông Lâm sống như vậy đó, không quá mực thước, cũng không quá sa đà. Với ông, hình như chỉ có hiện tại là quan trọng, ông không kể lể về quá khứ nếu không ai hỏi, mà cũng không thấy ông nói về những dự tính trong tương lai.

*

Hôm đó, ông về trễ hơn thường lệ. Hơn chín giờ rồi, đám sinh viên đang chúi đầu vào bài vở trên lầu, thợ may cũng về hết, chỉ còn cô út Túc ngồi đơm nút đàng trước, ông Tùng cũng lên lầu vào phòng riêng dành cho vợ chồng ông; bà ba phụ việc cũng về rồi, chỉ còn cô hai đang ngồi tính sổ chi thu ở nhà sau. Thấy ông bước vào, cô ngừng lại nói:

- Ông Lâm về đó hả, phần cơm của ông còn đây, để tôi hâm lại.

- Cám ơn cô hai! Chà, tôi về trễ làm phiền cô quá!

- Có gì đâu ông!

Ông Lâm cắm cúi ngồi ăn, cô hai ngồi bàn bên kia, tiếp tục ghi chép vào sổ chi thu, miệng lẩm bẩm mấy con số. Khi ông xong bữa thì công việc cô cũng xong.

- Cực quá hả cô hai?

- Cũng quen rồi, bây giờ cái gì cũng cao, tôi đang tính tăng tiền cơm tháng và ở trọ mỗi người ba chục mà sợ tụi nhỏ có đứa không kham nổi.

Hai người ngồi yên một lát, ông Lâm xoay

xoay trong tay ly trà đá chậm rãi nói:

- Hôm trước cô út có nói với tôi về dự tính sang tiệm may trên Lê Văn Duyệt, việc đó tới đâu rồi?

- Nó thấy người ta làm ăn được thì ham vậy, chớ tiền đâu mà sang, ba chục cây vàng chớ ít sao! Dạo này ông Tùng thưa khách vì ít người dùng ra-dô cũ, người ta mua ra-dô trăn-si-to vừa gọn nhẹ lại vừa rẻ. Vốn liếng tôi để dành được đâu có là bao.

Ông Lâm trầm ngâm không nói, một lúc sau lên tiếng:

- Cơ hội tốt ít khi gặp lại, mình không sang, người khác sang mất. Tôi có thể cho cô mượn chút ít. Cô út giỏi nghề, mai mốt trả lại tôi mấy hồi.

- Làm vậy coi sao được ông Lâm.

- Đâu có sao, tiền tôi để đó cũng chẳng sinh lợi gì, cái đó tự ý tôi nói ra mà. Ngặt một điều, tôi không để trên này, phải về Phong Điền lấy. Cô hai bàn thảo với ông Tùng và cô út đi, rồi cho tôi hay sau.

Ông Lâm lên lầu, cô hai vẫn còn ngồi đó trầm ngâm. Người chị em cùng quê, cũng là thợ may, mở tiệm trên đường Phan Đình Phùng chỉ mấy năm sau là phát, sang luôn hai căn phố liền nhau, bỏ thêm tiền sửa sang thêm, bây giờ thành tiệm lớn, thợ may, thợ học việc hơn chục người mà may không kịp. Tuần trước đi với út Túc coi chỗ trên Lê Văn Duyệt, thấy cũng được, ngặt họ đòi cao quá, suy tính lại hai chị em tính buông trôi. Của riêng tư hai chị em cộng lại chỉ được đâu hơn mười lăm cây, mà hỏi ông Tùng, cô không dám. Cho dù ông có gật đầu, cô biết cũng không đủ. Từ một năm nay, kỹ thuật radio transitor làm ông trở thành kẻ nhàn rỗi vì ông không biết chút gì về transitor. Lâu lâu mới có một người mang loại máy cũ đến để sửa, khách cứ thưa dần... Đã nhiều lần cô thấy ông ngồi thừ người, bất động trên ghế, hay nằm im nhìn trần nhà, không nói tiếng nào. Đã vậy, giá cả nhu yếu phẩm cứ ngày một tăng cao... Bây giờ lại có người muốn giúp, hiểm một nỗi, quan hệ giữa cô và ông Lâm chỉ là quan hệ chủ nhà và người ở trọ, chấp nhận lời đề nghị giúp đỡ của ông ta coi sao được.

Mấy ngày sau, út Túc gặp riêng cô, nhắc lại việc ông Lâm hứa cho mượn tiền, cố gắng thuyết phục cô:

- Chị không mượn, chị để em đứng tên mượn, mình làm giấy tờ cho ổng đàng hoàng, bỏ qua cơ hội này uổng lắm chị hai à.

- Anh hai hay được, ổng rầy chị chết.

- Rầy gì? em mượn làm ăn, chớ chị mượn hay sao mà ảnh rầy chị. Chị giúp giùm em đi chị hai!

Cuối cùng cô hai xiêu lòng, coi như cô góp sức cho út Túc làm ăn. Ông Tùng có biết chắc cũng không rầy la gì.

Cô gặp ông Lâm, nhắc lại lời đề nghị cũ của ông.

- Việc cô út muốn làm giấy tờ thì cũng được, ông Lâm nói, tôi nhận để đó cho cô và cô út khỏi áy náy. Thứ sáu này, tôi không ăn cơm, xin nghỉ buổi chiều về Phong Điền, trước thăm nhà, sau lấy tiền mang lên cho cô mượn.

- Í, không! Ông đừng mang lên đây, tôi không cho ông Tùng biết, việc này coi như tôi và em tôi mượn.

- Vậy tôi tính như vầy, thứ bảy, cô và cô út xuống Cần Thơ, tôi sẽ mang lên Cần Thơ gặp cô ở nhà hàng Tây Đô ngay tại bến Ninh Kiều. Chỗ này dễ tìm, xuống xe, cô kêu xe lôi đưa về đó, ai cũng biết. Chừng mười hai giờ tôi gặp hai cô ở đó.

5

Thứ bảy, cô hai phải đi một mình vì cô út phải về Gò Công gom thêm tiền để sẵn sàng sang tiệm khi mượn được tiền của ông Lâm. Kẹt bắc Mỹ Thuận, cô hai bỏ xe, qua bắc đón xe khác đi tiếp qua Cần Thơ cho kịp, vậy mà cũng hơn một giờ cô mới tìm tới được nhà hàng Tây Đô. Ông Lâm đã ngồi chờ sẵn ở đó.

- Xin lỗi ông Lâm, bị kẹt một lúc hai cái bắc, tôi đến hơi trễ

- Không sao đâu cô hai, tôi đến dây cũng chưa bao lâu. Cô gấp như vậy chắc chưa cơm nước gì, tôi mời cô dùng cơm trưa luôn rồi hãy về.

Không muốn mang tiếng bất nhã vì chỉ đến gặp mặt, nhận tiền rồi về, cô nhận lời. Bữa cơm diễn ra trong không khí vui vẻ. Ông Lâm biết cách nói chuyện và tế nhị không nói nhiều về việc ông giúp chị em cô, nhờ đó cô cũng thoải mái hơn khi tiếp chuyện với ông Lâm. Câu chuyện cũng chỉ trao đổi quanh cuộc sống hàng ngày, chuyện giá cả sinh hoạt, chuyện làm ăn...

Sau bữa cơm trưa ngon miệng, ông Lâm đẩy cái túi nhỏ về phía cô hai nói:

- Ở trỏng có cái hộp nhỏ, mười lăm cây vàng Kim Thành cô út muốn mượn trong đó. Cô mở ra xem đi. Cô có muốn đến tiệm vàng nào gần đây để cân đo lại hay không?

- Tôi tin ông, con út muốn mượn vàng mai mốt

trả lại vàng cho tiện, với lại gọn, dễ giữ... Sang tiệm, người ta cũng muốn nhận vàng, như vầy khỏi mất công.

- Dù vậy, việc tiền nong tôi muốn minh bạch, cũng nên cân, thử lại cho rõ ràng.

*

Mãi đến gần bốn giờ, ông Lâm và cô Hai mới ra đến được bến xe, chuyến chót rời bến lúc ba giờ rưỡi...

Ông Lâm bàn:

-Bây giờ qua bắc, đón xe đi Vĩnh Long rồi lên Mỹ Thuận, lòng vòng chưa chắc có xe đi ngay, không khéo cô bị kẹt lại dọc đường, dạo này lộn xộn, tôi không an tâm. Hay là mình trở lại Ninh Kiều, tôi mướn khách sạn cô hai nghỉ, mai về Sài Gòn sớm.

Cô hai lưỡng lự, phải chi không có gì, cô cứ đi xe chuyền, bất quá chín mười giờ đêm về đến Sài Gòn là được, ngặt vì mang trong mình mười mấy cây vàng, không lẽ lại yêu cầu ông Lâm theo hộ tống? Còn đang phân vân thì ông Lâm nói tiếp:

- Lo khách sạn cho cô xong, tôi về nhà người bà con gần đó nghỉ, sáng mai tôi đến đón cô ra bến xe.

Có lẽ cũng không còn giải pháp nào hay hơn, cô hai chấp nhận quay trở lại Ninh Kiều. Buổi cơm tối trong không khí mát dịu, hai người có nhiều thì giờ hơn để nói chuyện, gió từ bến sông xua bớt không khí oi nồng của buổi xế chiều... Cuối cùng ông Lâm bảo:

- Thôi để tôi đưa cô hai về khách sạn nghỉ.

Hai người đi dọc theo bến Ninh Kiều về khách sạn gần đó. Khung cảnh ít nhiều trữ tình khi màn đêm buông xuống, đó đây vài cặp nhân tình ngồi âu yếm bên nhau dọc theo công viên.

*

Cô hai gần như hoảng hốt khi ông Lâm bất ngờ quì xuống trước mặt cô:

- Tôi phải nói... Cô hai ơi, tôi không còn chịu đựng lâu hơn nữa, tôi phải nói: tôi thương cô, thương cô thật tình cô hai à.

- Ông Lâm, xin ông đừng làm vậy, tôi có chồng, ông biết mà!

- Tôi biết chớ, nhưng tôi thương cô thật lòng từ lâu rồi. Tôi cũng không muốn xen vào cuộc sống của gia đình cô, nhưng tôi phải tỏ thiệt, tôi thương cô từ khi đến ở trọ nhà cô, nhưng tôi không dám nói ra...

Ông Lâm nói nhiều lắm về tình cảm của ông dành cho cô khi thấy cô sống bên cạnh người chồng lạnh lùng khắc khổ... Ông nắm chặt hai bàn tay cô và van lơn...

- Cô hai đừng hiểu lầm tôi cố ý lợi dụng việc tôi cho mượn tiền để dàn xếp việc này. Tôi thấy hoàn cảnh cô và cô út như thế nên tôi có ý muốn giúp, còn tấm lòng tôi đối với cô thì trước sau cũng như một. Tôi gặp và cảm cô ngay từ hôm đám cưới cháu Nhân, tôi đi bên họ đàng trai còn cô bên đàng gái. Tôi đã hỏi thăm về hoàn cảnh của cô, rồi tôi tìm đến ở trọ nhà cô, hàng ngày ra vô gặp mặt, tôi càng thấy không có cách nào rứt cô ra khỏi tâm trí. Tôi đã nhốt mối tình thầm lặng và đơn phương của mình vào lòng vì dù sao những ràng buộc về đạo đức không cho phép tôi tỏ bày cùng cô. Nhưng càng đè nén, mối tình càng nung nấu. Bây giờ hoàn cảnh khiến xui tôi có dịp tỏ bày, không nói được bây giờ, có lẽ không bao giờ tôi nói được.

Ông Lâm choàng tay ôm vòng ngang lưng cô, gục đầu vào lòng cô tiếp tục kể lể:

- Tôi đã một lần gãy đổ trong cuộc sống gia đình, vợ tôi đã bỏ tôi đi theo một thầu khoán giàu có, mang theo thằng con trai mới một tuổi. Tôi đã sống trong cô độc gần mười lăm năm nay, thiếu vắng hoàn toàn không khí êm ấm của gia đình. Bây giờ gặp được cô hai, tôi nghĩ là tôi đã tìm được người tôi hằng mong đợi. Tôi không dám mơ ước chi nhiều, chỉ mong sao cô hiểu được cho nỗi lòng của tôi, thông cảm cho mối tình cảm đơn phương mà tôi đã dành cho cô từ bao lâu nay...

Cô hai chết điếng, chỉ có hai người trong phòng, những chống cự ban đầu dịu lần theo những vuốt ve và những lời nói van lơn của người đàn ông trước mặt... Một cảm giác nhẹ nhàng thoải mái tăng dần theo những mơn trớn và nỉ non của ông Lâm. Tay chân bủn rủn, không còn chút khả năng chống cự; miệng cô khô khốc không nói được câu gì, dù rất muốn yêu cầu ông Lâm ngừng lại; cơ thể cô như bốc lửa, chiều theo cảm giác đang mời gọi. Cho đến khi ông Lâm đẩy cô được lên giường thì cô hoàn toàn buông thả, hai người lao vào nhau như chưa bao giờ được hưởng. Cảm giác tuyệt đỉnh mà ông Lâm vừa cho cô làm cô choáng váng, tê dại, một cảm giác kỳ lạ chế ngự, cô nhận ra từ gần hai mươi năm nay cô không hề có cảm giác đó, họa hoằn trong những lúc gần gũi với chồng, cô chỉ làm tròn bổn phận của người vợ, ông Tùng chưa bao giờ cho cô những cảm giác sảng khoái đê mê như lúc này...

Hai người lại lao vào nhau, lần này cả hai cùng hưởng ứng và tận hưởng hoan lạc, không ai nói với ai lời nào.

6

Mấy ngày sau đó, cô hai sống trong nỗi bàng hoàng. Cảm giác tội lỗi làm cô biếng ăn, biếng nói, mặc dù sinh hoạt hàng ngày của cô vẫn đều đặn. Cô tránh mặt ông Lâm. Cô cũng ít cười hơn trước. Nhưng những lúc một mình cô không thể nào không nhớ đến những cảm giác mới mẻ và kỳ lạ mà ông Lâm đã cho cô. Quay lại với cuộc sống thường nhật, bên cạnh người chồng khô khan lạnh lùng, cô cảm thấy ít nhiều tủi thân. Tâm trạng cô bây giờ hoàn toàn mâu thuẫn nhau, một mặt nghĩa vợ chồng với ông Tùng gần hai mươi năm qua, không dễ gì một sớm một chiều xóa nhòa, mặt khác những cảm giác mới lạ cô vừa mới có lại làm cô rung động sâu sắc. Ông Tùng ngoài lối sống lạnh lùng khắc khổ, không có gì làm cô buồn lòng, ông lo liệu cho cô đầy đủ, bảo bọc cho cả hai đứa em của cô, ông cũng hề rầy la hay cấm đoán gì cô trong cuộc sống; những sinh hoạt của cô, ông cũng không ý kiến. Ngày xưa khi chấp nhận ông Tùng, cô chỉ nghĩ đến việc lấy chồng, làm tròn bổn phận mình với chồng, phận gái mười hai bến nước, trong nhờ đục chịu; có mất phần này thì được phần khác, đâu có ai vẹn toàn. Nghĩ như thế, cô an phận với cuộc sống của mình, cho đó là việc đương nhiên phải như thế, không có gì phải thắc mắc hay đắn đo. Bây giờ, bên cạnh đó, trong cô nảy sinh một tình cảm khác, dù cô cho đó là việc không phải, kém đạo đức. Lý trí cho đó là một hành động đáng xấu hổ, nhưng sao lòng cứ mãi vấn vương một cảm giác lâng lâng tuyệt vời. Con tim có những cảm nghĩ mà lý trí không sao hiểu nổi. Cô thầm giận mình đã không giữ được lòng trung trinh với chồng, thất thân với người khác chỉ vì những rung động nhất thời, những rung động xuất phát từ sự kềm chế lâu ngày bên người chồng khô khan lạnh lùng.

Ông Lâm sau đó ít lâu cũng đổi nhà trọ, ông tìm một chỗ trọ khác ngoài Chợ Cũ. Ngày ra đi. ông có gặp riêng cô trong vài phút ngắn ngủi:

- Tôi phải đi, cô hai à, ở đây ra vô gặp cô hoài, có ngày tôi điên mất, trong lòng tôi bây giờ chỉ có cô hai mà thôi! Đây là địa chỉ mới của tôi, có gì cô hai cứ đến gặp, lúc nào tôi cũng lo cho cô được. Tôi là người biết chịu trách nhiệm việc làm của mình.

Cô hai không nói gì, thầm nghĩ ông Lâm rời khỏi đây là hơn. Cũng nên chấm dứt tình trạng này, trả cô lại với cuộc sống cũ. Đạo đức xã hội, những luân lý tam tòng tứ đức mà ông bà cha mẹ cô hằng nhắc đến ngày xưa đã ràng buộc cô vào bổn phận làm vợ của mình, cô nghĩ cô phải theo những ràng buộc đó, không còn con đường nào khác. Không có ông Lâm bên cạnh, mặc cảm tội lỗi và bất trung với ông Tùng có lẽ cũng dần dần phôi pha ...

Nhưng cô lầm! Ông Lâm đi rồi, cô sống trong nỗi ray rứt như đánh mất vật gì. Cảm giác cô có được với ông Lâm trong lần gần gũi đó khiến cô

LƯU HY LẠC

LỤC BÁT THÁNG TƯ

Tôi ngồi, ngậm dưới bóng tôi
thấy bàn chân mười ngón trôi cơ cầu
tôi ngồi im, đợi bóng câu
hai bàn tay bứng cổ đầu tôi đi
ra ngồi mơn cỏ xanh rì.

Bóng tôi đổ; ngó, dị kỳ
phơi tám hướng- mỗi hướng tỳ vết rêu
tâm tôi cột cuối đuôi diều
hai con mắt, mỗi con điều riêng tây
về đứng vói miết đọt cây.

Đợi tôi chim tụ cả bầy
kêu ầm ĩ khắp trời mây tan tành
rớt ngợp một khoang chiếu manh
ảnh hình tôi giờ tợ thành quách xưa
ai hỏi, mày; đã đời chưa.

Vốc lên mặt bụm gió, mưa
một thân tôi bụi lấp vừa trước sau
xương cốt, rồi cũng như nhau.

không quên được, những lúc một mình, cô lại thở dài. Mặc dù thấy mình có lỗi với chồng, nhưng lại thấy không hối hận về việc đã xảy ra. Cứ một ngày một chút cô thấy mình nghĩ đến những tình cảm dịu nhẹ mà ông Lâm đã trao cho cô nhiều hơn, và thấy công việc từ trước đến giờ cô vẫn làm trở nên vô nghĩa và nhạt nhẽo. Có những lúc cô ngồi yên lặng rất lâu trong phòng. Cô giao việc nhiều hơn cho người em dâu và bà ba giúp việc. Ông Tùng vẫn sống lạnh lùng và cô độc như trước, không nhìn thấy những thay đổi ở cô hai. Văng vẳng tiếng hát phát ra từ radio: "Thân em như hạt mưa sa, hạt rơi xuống giếng hạt ra ngoài đồng" càng khiến cô cảm thấy tủi thân...

Cô hai bỗng thấy như mình đứng trước hai ngã đường phải chọn một. Quên đi việc vừa xảy ra, coi như đó là một ngẫu nhiên để trở lại với cuộc sống cũ nhạt nhẽo, bên cạnh người chồng lạnh lùng khắc khổ; hay quăng bỏ tất cả để theo tiếng gọi của hạnh phúc cô vừa được người khác giúp tìm thấy, bắt đầu tạo lại hạnh phúc cho chính mình mà đã bao lâu cô đã vì bổn phận mà quên mất... Cô đã thao thức nhiều đêm để tự hỏi lòng.

*

Cuối cùng cô đi đến quyết định!

Trong phòng chỉ có ông Tùng và cô hai. Ông Tùng ngồi trên chiếc ghế bên cạnh bàn ngủ, cô hai ngồi đối diện, bên mép giường. Cô kể hết với ông Tùng mọi việc đã xảy ra... Cuối cùng cô nói trong nước mắt:

- Tôi là gái có chồng mà lại thất thân với người đàn ông khác, bây giờ dù mình có tha thứ, tôi thấy tôi không thể nào tiếp tục sống với mình mà không thấy xấu hổ. Tôi có giấu chuyện này thì cũng không ai biết nhưng lương tâm tôi không giấu được. Mình có trách mắng tôi đành phải chịu. Ngày mai, tôi sẽ thông báo hết tháng này tôi không nhận ở trọ nữa...

Ông Tùng chết cứng trên ghế; ông không hề nghĩ đến tình cảnh này. Không biết từ bao giờ, cô hai đã như là một phần của đời ông. Dù trong cuộc sống hàng ngày, ông không để lộ tình cảm của mình, nhưng quả thật ông không bao giờ nghĩ đến việc có ngày cô hai rời bỏ ông. Khoảng thời gian gần đây, ông đã não nề thấy mình như kẻ sống thừa vì kỹ thuật mới khiến của ông trở thành lạc hậu. Cậu Tư Nhàn cũng xin phép ông thôi việc để theo học về transitor. Bây giờ, chuyện của cô hai làm ông như không còn sức lực. Ông cứ yên lặng trong tiếng khóc thúc thít của cô hai. Ông cũng muốn bày tỏ sự bực bội và nỗi đau đớn mà cô hai vừa mang đến, nhưng ông vẫn ngồi yên. Hai tay vẫn ôm vòng hai đầu gối như lối ngồi quen thuộc của ông. Mặt ông tái hẳn đi, cổ họng ông cuộn lên xuống liên tục như ông đang cố phải nuốt vào lòng một cái gì khó nuốt. Cuối cùng ông nói, giọng Quảng Trị thiểu não với cách nói lắp cố hữu của ông :

- Tôi... tôi đang ăn chén cơm, mà... mà thằng đó đến... đến giựt mất. Bà... bà nói với nó: nó... nó phải lo cho bà đàng hoàng; nếu không thì... thì nó coi... coi chừng tôi.

Ông chỉ nói vậy, rồi ra khỏi phòng.

7

Thời gian cứ trôi qua, cho đến một ngày...

Mây đen như úp chụp trên bầu trời Sài Gòn sũng nước...

Thằng Phú dựng chiếc xe đạp trước cửa tiệm may của út Túc trên đường Lê Văn Duyệt, chạy vội vào.

- Thím ba có nhà không cô út?

- Không, chỉ đi chợ rồi, có gì không Phú?

- Chú ba con gần chết rồi, Phú nói trong tiếng khóc. Tụi con đưa chú lên bệnh viện Bình Dân hôm kia, chú bất tỉnh luôn từ đó. Bác sĩ nói chú bị sưng phổi nặng lại quá yếu, sợ không qua nổi. Sáng nay chú tỉnh lại, nằng nặc đòi gặp thiếm, lúc đó chỉ có thằng Quý, em con ở đó, nó không dám bỏ đi, chừng con quay trở lại, chú nhắc lại, biểu con đi tìm thiếm, dặn con nói với thiếm chú muốn gặp mặt thiếm.

- Trời ơi! ảnh đau làm sao vậy? từ bao lâu rồi?- Út Túc hỏi một hơi.

- Dạ, cũng hơn tuần nay rồi. Ban đầu chỉ ho và nóng một chút, tụi con tưởng chú bị cảm thôi, nhưng cũng nói chú đi bác sĩ, chú không chịu, thuốc chú cũng không uống, chú nói ho sơ sơ vài hôm thì hết, nhưng chỉ mấy ngày sau, chú sút hẳn. Hôm kia, chú không thức dậy như mọi khi, con vào kêu thì thấy chú con đã mê tự lúc nào rồi, tụi con lập tức chở nhà thương, ai dè...

- Thôi bây giờ ngồi đây chờ cũng không ích gì, Phú về thăm chừng ảnh đi, khi nào chị hai về. cô Út nói lại. À, mà ảnh nằm ở phòng nào?

- Vẫn còn ở phòng cấp cứu... cô út nhớ nói lại với thím nghe.

*

Khi cô hai đến được bệnh viện thì ông Tùng đã mất, Phú và Quý đã đưa ông về nhà từ hơn

nửa giờ rồi. Cô theo về.

Căn nhà gỗ xiêu vẹo trong hẻm cuối đường Huỳnh Quang Tiên, gần bến Chương Dương ông mua để làm chỗ trú nắng mưa cho ba chú cháu. Từ ngày cô hai rời bỏ ông, út Túc cũng sang được tiệm ra làm ăn, sinh viên ở trọ tứ tán, căn nhà cũ trở thành thênh thang và lạnh lẽo. Ra vào chỉ còn ba chú cháu. Cửa hàng của ông ngày càng vắng khách, có khi cả ngày không có ai tới. Suốt buổi ông chỉ ngồi yên lặng bó gối nhìn ra ngoài. Ông trở thành lỗi thời trước những tiến bộ của khoa học kỹ thuật... Mấy tháng sau, ông bán căn phố lầu, mua căn nhà này. Từ đó, ông sống mà như đã chết, không còn thiết việc gì nữa. Cơm nước, ba chú cháu đặt cơm tháng, có gì ăn nấy. Mà thật ra ông cũng không còn thiết gì đến ăn. Thằng Phú nghỉ học, làm thợ sắp chữ cho một xưởng in gần đó, thằng Quý còn bị ông bắt buộc tiếp tục học. Suốt ngày ông chỉ ngồi bó gối lơ đãng nhìn ra ngoài. Có điều, ông hút thuốc và uống rượu nhiều hơn trước. Ông uống gần như liên miên suốt ngày mà không thấy ông say, càng uống mặt càng tái mét, trông càng lạnh lẽo. Có lần hai anh em Phú và Quý đã năn nỉ ông cố gượng sống, để ít nhất anh em nó còn có chỗ dựa, ông chỉ ậm ừ gì đó, không trả lời... Ông tự tàn phá cuộc đời mình như vậy, bệnh không đi bác sĩ, không uống thuốc, ăn uống chỉ qua loa, cho đến hơn một năm sau thì ông suy sụp hẳn. Lạ một điều, trong suốt khoảng thời gian đó, ông không hề nhắc tới cô hai, cũng không hề hỏi thăm cô đang sống thế nào, ở đâu. Đối với ông, dường như cô hai đã chết từ ngày đó.

*

Cô hai lặng lẽ ngồi xuống ghế, bên cạnh xác ông Tùng trên chiếc divan bằng gỗ tạp. Chỉ mới hơn một năm mà trông ông khác hẳn. Ông gầy và già đi nhiều, đôi mắt nhắm nghiền trên gương mặt rúm ró như nỗi đau khổ vẫn còn vương vấn, tâm sự chưa được giải tỏa. Cô quì xuống, nắm lấy bàn tay lạnh giá của ông đặt ngay ngắn trên ngực, nước mắt vòng quanh cô thầm nói lời xin lỗi và vĩnh biệt ông.

- Lỗi tại tôi mà mình ra thế này, mình hãy rộng lòng tha thứ cho tôi như ngày xưa mình đã bao dung để tôi lựa chọn con đường của tôi. Hơn năm nay, tôi đã ích kỷ sống với hạnh phúc của tôi, còn mình sống trong nỗi đau khổ cô đơn của mình. Bây giờ thì mình đã bình yên về nơi khác, xin mình tha thứ cho người đàn bà bất trung này mà yên nghỉ.

Lạ thay, gương mặt ông hình như giãn ra, bình yên hơn.

Cô hai đứng ra chu toàn mọi công việc tang ma cho ông. Hàng xóm có người xầm xì khi biết liên hệ của cô và ông Tùng ngày trước, cô mặc kệ lời đàm tiếu! Tang lễ của ông cũng đơn giản và có vẻ khắc khổ như con người ông. Đưa ông ra huyệt chỉ vài chục người quen biết cũ, kể cả số người từng ở trọ nhà ông ngày trước, cô Hai và ông Lâm.

Một tháng sau tang lễ, cô hai bất ngờ nhận được thư mời của thừa phát lại. Người ta đọc di chúc của người quá cố, buổi lễ chỉ có năm người, viên thừa phát lại, hai anh em Phú, Quý, cô Hai và người chứng.

Phần của cô hai theo di chúc để lại, lên đến năm mươi ba cây vàng. Số vàng này do ông Tùng bán căn phố lầu ở đường Trương Minh Giảng, nơi hai người đã chung sống với nhau gần hai mươi năm. Ông để lại phần nhỏ để sống trọn kiếp sống thừa của mình phần còn lại, ông gửi ngân khố, làm di chúc, chia đều cho hai cháu của ông và cô hai. Cô cảm thấy cay ở mắt, trong thâm tâm, cô cho là cô không xứng đáng với tấm lòng bao dung của con người lạnh lùng, khô khan và cô độc ấy.

Lúc đó cô hai đang có thai chừng bốn tháng, bào thai đầu tiên cô có trong quãng đời đàn bà ở tuổi gần bốn mươi của cô sau hơn một năm chung sống hạnh phúc với ông Lâm. Cô đã chọn con đường sống cho hạnh phúc của mình, một chọn lựa không dễ dàng trong bối cảnh của một xã hội còn mang nặng tính phong kiến cổ hủ về bổn phận và những trói buộc về luân lý dành cho người phụ nữ.

Houston, Tháng 1-2005

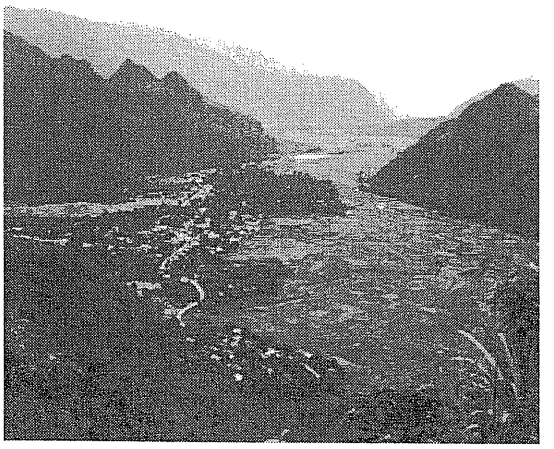

Mật mã gia đình

Truyện ngắn của JAN KRAUS
NGUYỄN ÁI NHÂN *dịch*

Có những lúc con người không thể nói thật những điều họ nghĩ.

Có những nước, khi những lúc như vậy kéo dài trong rất nhiều năm.

Và có những con người phải sống ở những nước đó cả đời người.

Mẹ tôi nghĩ ra mật mã gia đình đầu tiên trong thời gian Thế chiến lần thứ hai. Khi đó bố tôi bị giam trong các trại tập trung của Đức.

Lần đó, mẹ tôi gửi cho bố tôi quần và thắt lưng, bà nhét tiền vào trong ruột thắt lưng. Đồng thời bà gửi đi tin nhắn cho bố tôi: Ông Thắt Lưng đã đi rồi.

Khi nhận được tin nhắn của bố tôi là không được gặp ông Thắt Lưng, mẹ tôi hiểu ngay là ông đã không nhận được tiền. Sau đó, bố tôi lại tìm cách gửi được tin ra ngoài và thông báo rằng, ông Thắt Lưng có tới, nhưng chơi với người khác.

Mẹ tôi hiểu ngay là đã xảy ra chuyện gì và tiền đã lọt vào tay người khác.

Nhưng, sau đó, mẹ tôi yên tâm lại khi nhận được tin của bố tôi nhắn ra ngoài: Đã gặp ông Thắt Lưng. Mãi sau chiến tranh bố tôi mới có thể giải thích được chuyện gì đã xảy ra trong tù ngày đó. Một tù nhân đã ăn cắp quần gửi vào cho ông khi ông này trực. Khi biết chuyện, bố tôi đã thương lượng và đề nghị ông bạn tù có thể giữ lại quần, và xin ông ta trả lại thắt lưng cho ông vì đó là kỷ vật của gia đình.

Không ai trong gia đình đã nghĩ ra nhiều mật mã như mẹ tôi.

Sau tháng 2 năm 1948 khi rất nhiều họ hàng chúng tôi chạy sang các nước phương tây, mẹ tôi hoạt động gần như một trung tâm thông tin.

Khi họ hàng chúng tôi ở New York hỏi: "Hiện nay chú Joseph đang ở đâu?" Mẹ tôi viết thư trả lời: "Chú Joseph vẫn rất thích mật ong /MED-tiếng Séc/ giống như cô ELIN."

Họ hàng chúng tôi ở liền nghiên cứu bản đồ Nam Mỹ và cuối cùng cũng đoán ra là chú tôi đang ở Medelin.

Hàng loạt những mật mã như vậy rất nhiều. Chuyến ra đi của chú tôi Petr được mẹ tôi thông báo cho họ hàng bằng tin: "Chú Petr đã sửa xe / KOLO-tiếng Séc/ và vẫn rất quý chiếc xe đó /ma RADA-tiếng Séc/. Chỉ không lâu sau đó mọi người đều hiểu rõ ràng là chú Petr đã chạy được đến Colorado.

Và khi anh họ chúng tôi chạy sang Vantican và muốn trở thành linh mục, mẹ tôi viết thư thông báo: "VAN xe vẫn tốt, nhưng TÍ nữa bố mẹ cháu phải CAN vì hai bác cãi nhau."

Viết xong, mẹ tôi đưa cho bố tôi đọc để thăm dò xem bức thư có thể đọc và hiểu được không?

Bố tôi đọc và ngay lập tức rất ngạc nhiên là họ cãi nhau khi nào. Mẹ tôi phải giải thích là bà cần đưa chữ CAN vào trong nội dung nên phải viết vậy.

Sau đó mẹ tôi giải thích cho bố tôi nhiệm vụ của ông là phải đọc và thử tìm hiểu xem trong thư viết gì. Bố tôi đọc rất lâu và vẫn không hiểu. Sau một hồi nghiên cứu rất lâu, bố tôi lại hỏi rất ngạc nhiên tại sao mẹ tôi lại nói đến chuyện VAN XE trong thư làm gì.

Mẹ tôi vô cùng tức giận và nói cho bố tôi biết, rất may là ông không bỏ trốn. Vì nếu ông bỏ trốn thì bà sẽ không biết phải làm sao để có thể trao đổi và hai người hiểu nhau được.

Bố tôi không đồng ý và cãi lại rằng ngay cả khi hai người ở gần nhau như lúc đó ông cũng không thể hiểu được vợ và vì thế theo ông, việc bỏ trốn đi xa là không cần thiết.

Mẹ tôi bực tức và tuyên bố, không bao giờ có thể nói chuyện bình thường với ông được và cuộc sống với ông chẳng khác gì mật mã bí hiểm.

Bố tôi trả lời và giải thích, mẹ tôi có thể hiểu ông và sống rất dễ dàng nếu bà dùng đúng luồng mật mã nhất định.

Sau đó, mẹ tôi yêu cầu bố tôi không bao giờ nên nói về những họ hàng đã trốn sang phương Tây và bà giải thích rất lâu, rất kỹ cho ông cách phải trả lời những câu hỏi của công an ra sao.

"Bố làm ơn nhớ cho, cháu họ đang đi thực tập, Joseph đi nghỉ phép và Petr đang đi chữa bệnh," mẹ tôi nhắc đi nhắc lại.

Nhưng bố tôi nhầm lẫn thông tin thường xuyên và vì thế ông chọn cách tránh không nói bất kỳ điều gì về họ hàng cả.

Mọi chuyện trở nên phức tạp hơn 20 năm sau khi chúng tôi, tôi và ba anh chị em khác vượt biên. Mẹ tôi ngay lập tức nghĩ cho mỗi đứa một tên bí mật (bí danh) theo kinh nghiệm bà đã có từ hồi Thế Chiến Thứ Hai. Nhưng thật không may, chúng tôi lại không hề có chút kinh nghiệm về thời kỳ chiến tranh đó nên một thời gian vô cùng vất vả và khó khăn để đoán các bức thư của bố mẹ tôi đã diễn ra.

Một lần, tất cả chúng tôi đều rất lo lắng cho tình trạng sức khỏe của mẹ tôi khi nhận được thư: "Mẹ vừa gửi bưu ảnh chúc mừng cho Mickey Mouse nhân ngày sinh nhật." Hóa ra, sau đó chúng tôi mới biết Mickey Mouse là Michael. Người lúc đầu có bí danh là SINH VIÊN và bà đổi bí danh lúc nào không rõ.

Cũng trong bức thư đó, về sinh nhật của Mickey Mouse, bà kể thời tiết ở nhà rất mù mịt, nhiều sương mù. Cũng lúc đó, bố tôi viết thư và kể cho em trai tôi là thời tiết ở Praha rất đẹp, nắng ấm.

Mẹ tôi tóm được bức thư đó và bà giận dữ bảo bố tôi không thể viết những gì ông nghĩ vì bà vừa gửi đi một bức thư được mã hóa, khi mà sương mù ám chỉ tình hình chính trị trong nước.

Bố tôi rất tức giận và nói là mẹ chúng tôi đã cường điệu hóa và vì thế không thể viết và gửi một bức thư bình thường đi đâu cả.

Mẹ tôi lưu ý và nhắc lại cho bố tôi biết, trong thời gian chiến tranh bà thường xuyên nhận những tin mã hóa như vậy của bố tôi và đó là chuyện liên quan đến tính mạng.

Bố tôi chỉ còn biết thở dài: "Tình hình này sẽ không bao giờ kết thúc!"

"Rất tiếc là như vậy," mẹ tôi trả lời và ngồi vào bàn để viết tiếp bức thư mã hóa khác.

Thỉnh thoảng để gây khó khăn cho những kẻ theo dõi, mẹ tôi quyết định đổi tên bí danh và hoàn toàn không thông báo cho bất kỳ ai.

Những lúc đó xảy ra rất nhiều sự hiểu lầm trong đại gia đình chúng tôi.

"Mẹ đã gửi cho CARMEN từ điển tiếng Tây Ban Nha, tập 1 và 2.," trong một bức thư mà tất cả chúng tôi đã nhận được bà viết vậy. "Làm ơn thông báo cho tôi biết nếu đã nhận được nếu ai đi cùng CÁ SẤU đến Argentina," cũng trong bức thư đó bà biết.

Hóa ra, CÁ SẤU là bí danh mới cho chồng của Eliska.

"Ai là Carmen vậy?" Anh trai tôi hỏi từ Bắc Mỹ.

"Đó là Eliska từ nay cho đến mùa thu," Chúng tôi trả lời từ Pari.

Nhưng, người khốn khổ nhất là bố tôi.

Chẳng bao lâu sau đó, ông hoàn toàn không biết ai là ai cả.

Sau đó, khi công an bắt đầu quan tâm và để ý đến anh em chúng tôi thì mẹ tôi kiểm duyệt tất cả thư của bố tôi viết trước khi đem đi gửi.

Không lâu sau đó, bố tôi bắt đầu chỉ viết thư về chuyện con chó của nhà. Không hiểu, bố tôi đã sợ công an hơn hay sợ mẹ tôi hơn.

Những bức thư của ông bắt đầu giống như các bức thư ông viết từ trại tù của Đức Quốc Xã ngày xưa.

"Bố mẹ khỏe, mọi chuyện đều tốt đẹp," ông thường xuyên viết thư như vậy cho chúng tôi.

Ban đầu, chúng tôi lại nghĩ đó là một hình thức mã hóa mới nên ra sức nghiên cứu. Nhưng may sao, cậu em trai từ nhà viết thư sang và thông báo, bố mẹ khỏe và mọi chuyện bình thường thật. Chỉ khi đó chúng tôi mới yên tâm.

Một lần, bố tôi viết thư và kể chi tiết hơn về chuyến đi nghỉ của hai ông bà. Mẹ tôi lại giữ bức thư lại, không cho gửi đi và giải thích là có thể nguy hiểm.

"Tại sao vậy?" Bố tôi vô cùng ngạc nhiên.

"Mọi người có thể nghĩ đó lại là một kiểm mã hóa khác," mẹ tôi giải thích.

"Ai, công an?"

"Không, con của chúng ta."

Bố tôi đi đến kết luận là mẹ chúng tôi đã mất trí và lẫn lộn.

"Chuyện đó đã xảy ra rồi," mẹ tôi bình thản trả lời.

Cuối cũng qua những bức thư chúng tôi hiểu được rằng, CNXH sẽ không bao giờ kết thúc và điều đó đã thúc đẩy chúng tôi chịu khó hơn trong việc giải mã các bức thư của mẹ tôi. Sau những khó khăn ban đầu, chúng tôi đã trở nên hoàn hảo với các bức thư bí mật đến mức chúng tôi hoàn toàn không ý thức được là đã mất khả năng nói chuyện và trao đổi bình thường. Với chúng tôi, mọi lời nói, bức thư hay tin tức luôn được mã hóa bằng một cách nào đó.

Và vì thế thời gian tự do sau Cách Mạng Nhung đã gây sốc ít nhiều cho tất cả chúng tôi. Dù hiểu và ý thức được rằng chúng tôi đã có thể tự do nói thật về mọi chuyện nhưng Eliska cho đến tận bây giờ vẫn nghĩ mình là Carmen, chồng của cô nhiều lúc vẫn nhầm mình là Cá Sấu và Michael vẫn thường xuyên ký tên là Mickey Mouse như thời những ngày đen tối trước kia.

Tìm đọc

NHẤT LINH

Người Nghệ Sĩ, Người Chiến Sĩ

Được nhiều cơ quan truyền thông Việt ngữ trên thế giới đánh giá là "một công trình văn học hết sức giá trị từ hình thức đến nội dung" và là "sự kiện văn học quan trọng nhất trong năm 2004."

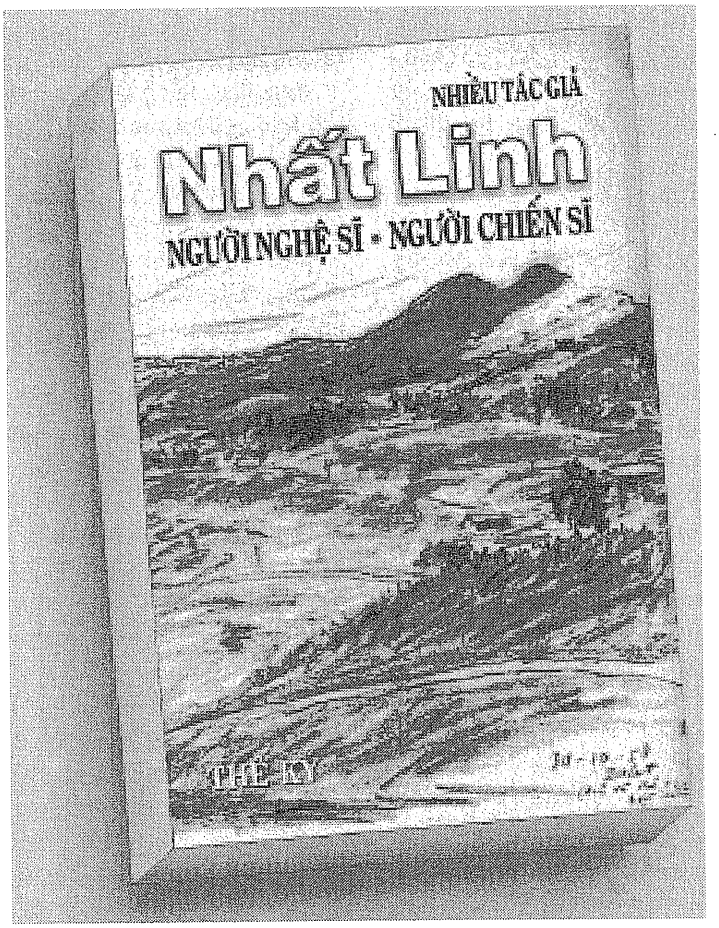

Giá US$30.00

Ở xa xin thêm $5.00 cước phí. Chi phiếu, bưu phí xin đề:

Thế Kỷ 21

14775 Moran Street

Westminster CA 92683 - USA

Trúc Lâm Thiền Viện.com

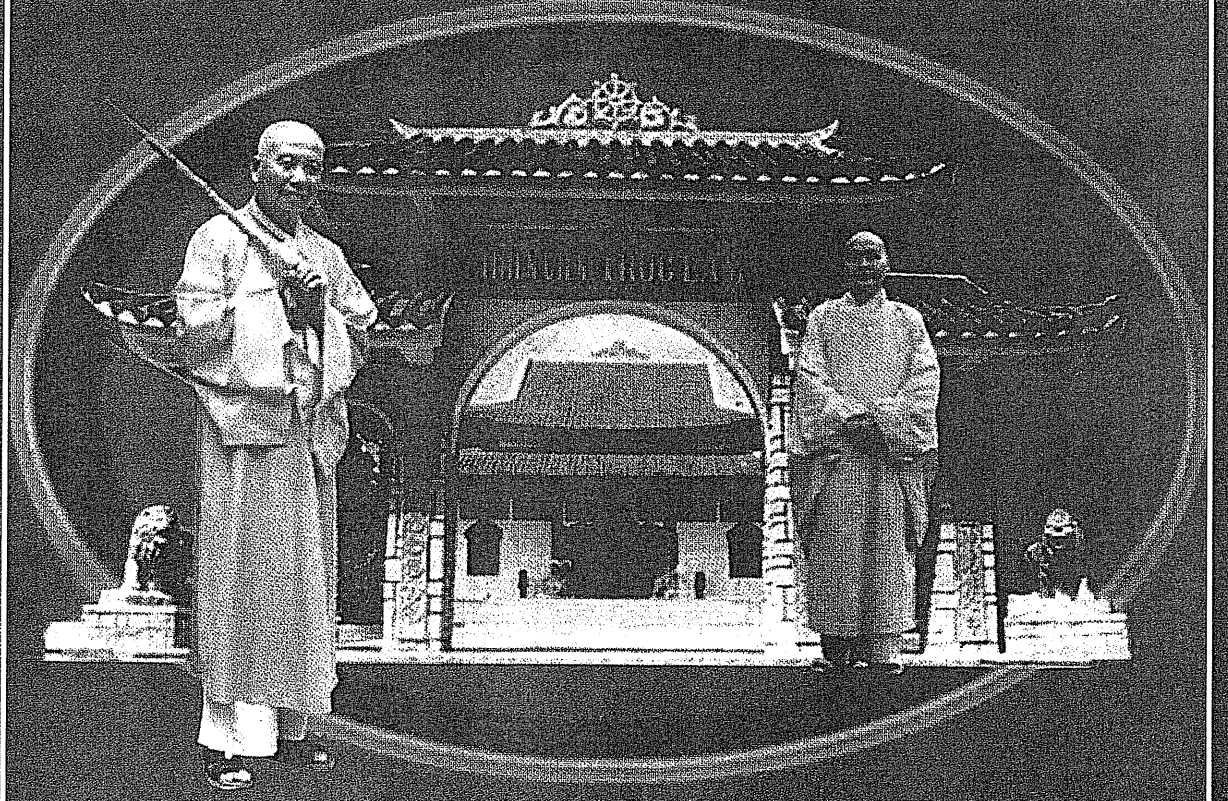

Thiền sư Thích Thanh Từ

Thiền Sư Thích Nhật Quang

Mắt biết thấy là Chân Tâm
Tai biết nghe là Chân Tâm
Thân biết xúc chạm là Chân Tâm

Chân Tâm là ông chủ thường biết rõ ràng trùm khắp sáu căn mà không có tướng mạo. Không có sinh diệt.
Là phát minh mới của Thiền Sư Thích Thanh Từ, Viện Chủ Thiền Viện Trúc Lâm Đà Lạt. Để hướng dẫn cho Tăng Ni & Phật Tử tu theo Thiền Tông Việt Nam hiện nay.
Chúng tôi có phát hành Video, Cassette, CD học Phật của Thiền Sư Thích Thanh Từ & Thích Nhật Quang

Xin vui lòng liên lạc Mãn Tâm An: (714) 891-6742
9455 Bolsa Ave. # E, Westminster, CA 92683. USA
hay www. Thientongvietnam.vinamall.com - truclamthienvien.com
Băng mới phát hành của Thiền Sư Thanh Từ: Khám phá được ông chủ - Thầy Nhật Quang: Chữ Tu

HÙNG SƠN
JEWELRY. INC.
SINCE 1950

ENGAGEMENT - WEDDING - LOOSE STONES
G.I.A. CERTIFICATION DIAMONDS

9200 BOLSA AVE. # 128 WESTMINSTER, CA 92683 TEL 714-897-6600
(INSIDE ASIAN GARDEN MALL - PHƯỚC LỘC THỌ)

Giá Bán 5 Mỹ Kim